

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Giai phẩm
XUÂN KỶ HỢI 2019

86

THÁNG 01.2019



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐD. Thích Huệ Cảnh**
Thư ký: **ĐD. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Đặng thị Quế Phượng**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file (từ MS. document / PDF) qua email:

baivochanhphap@gmail.com.
Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THÔNG BẠCH XUÂN KỶ HỢI 2019** (Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK)
- ♦ **THƯ CHÚC XUÂN của CHỦ NHIỆM** (HT. Thích Nguyên Trí)
- ♦ **THƯ CHÚC XUÂN KỶ HỢI 2019** (Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK)
- ♦ **TÂM THƯ VẬN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÂM CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí) 25
- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **MỪNG XUÂN MỚI ANH HƯƠNG CÙNG THI CA** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 4
- ♦ **NỘI DUNG KINH PHÁP HOA**, tt. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 8
- ♦ **CÁI NHÌN MÙA XUÂN** (Nguyễn Thế Đăng), trang 11
- ♦ **THỰC HÀNH LÀ KHÓ** (NS. Thích Nữ Trí Hải dịch), trang 13
- ♦ **HÒA THƯỢNG CHẤP TAY XIN LỖI CHỦ TIỂU** (Quảng Tánh), trang 14
- ♦ **THÔNG BÁO AN CƯ** (HT. Thích Nguyên Siêu & HT. Thích Minh Hối), trang 15
- ♦ **CHƯƠNG TRÌNH TẾT KỶ HỢI 2019** (Chùa Bát Nhã), tr. 17
- ♦ **TAM PHÁP ÁN** (Thích Nguyên Tạng), trang 18
- ♦ **ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI NỀN VĂN HỌC MỸ** (Huỳnh Kim Quang), tr. 21
- ♦ **NĂM HỢI NÓI CHUYỆN HEO** (Thích Nữ Giới Hương), trang 31
- ♦ **NĂNG LỰC CỦA THA THỨ** (Tuệ Uyển dịch), trang 33
- ♦ **TÌNH KHIẾT NHƯ HOA SEN** (TN. Hạnh Tâm), trang 38
- ♦ **HÌNH ẢNH LỄ THỌ TANG HT. THÍCH NGUYỄN TRỰC** (Chùa Bát Nhã), tr. 40
- ♦ **KHŨ LẠI NHƯ THỦY NGUYỆT** (Sakya Như Bảo), trang 42
- ♦ **BUI GIẢNG: CÁI ĐƯỢC THẤY LÀ KHÓ ĐỂ** (Nguyễn Giác), trang 46
- ♦ **KHAI LUẬN GIÁO NGHĨA TRUNG ĐẠO** (Phước Nguyên), trang 50
- ♦ **NẤU CHAY: BÚN CHAY HUẾ** (Hoàng thị Tố Hà), trang 56
- ♦ **THÔNG BẠCH SỐ 1 - KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BÁC MỸ LẦN 9** (HT. Thích Đồng Tuyên), tr. 58
- ♦ **LÝ XUÂN, SỰ XUÂN** (Thục Độ), trang 62
- ♦ **SỜ TRANG VƯƠNG ĐÃ TỪNG TRẦN TRỖI - Lá thư Đầu Tuần** (Nguyễn Đức Thương), trang 63
- ♦ **SANH TỬ - Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 64
- ♦ **CHỦ NI ĐOÀN KẾT** (TN Giới Châu), trang 66
- ♦ **ĐÓN TẾT** (Minh Đức Triều Tâm Ảnh), trang 70
- ♦ **BÀI THƠ NGỘ ĐẠO** (Thích Giác Nguyên), trang 77
- ♦ **BỒ ĐỀ NHÍ** (Mộc Nhiên), trang 83
- ♦ **STORY OF THERA TISSA THE IDLE ONE** (Daw Mya Tin), trang 85
- ♦ **TƯỜNG NIỆM AN SƯ - HT THÍCH NGUYỄN TRỰC** (TN Giới Định), tr. 88
- ♦ **LÝ HỌC VÀ PHẬT GIÁO**, t.t. (Nguyễn Lang), trang 91
- ♦ **KỶ ỨC MỘT THỜI** (Tiểu Lục Thần Phong) trang 96
- ♦ **CHÁNH NGŨ TRONG PHẬT GIÁO** (TM Ngô Tăng Giao), trang 98
- ♦ **MỘT CUỘC CHIẾN THẮNG VINH DỰ** (Quảng Huệ), trang 104
- ♦ **TRUYỆN NGÀN TRĂM LINH TÂM CHỦ** (Steven N.), trang 108
- ♦ **ĐƯỜNG VỚI SỨC KHOẺ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 109
- ♦ **CHUYỆN NGÀN ĐỜI DÀI** (Nguyễn Văn Sâm), trang 114
- ♦ **VÀ, MÙA XUÂN ĐÃ VỀ...** (Mãn Đường Hồng), trang 122
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 126
- ♦ **GÓC PHÓ XỬA** (TN. Diệu Phúc), trang 132
- ♦ **CÔNG HIẾN LỚN LAO CỦA FRIEDRICH NIETZSCHE** (Nguyễn Hoàng Quý), tr. 136
- ♦ **NIỆM PHẬT KÝ SỐ** (Tâm Lương Đào Mạnh Xuân), trang 139
- ♦ **BUI ĐƯỜNG - chương 10** (Vĩnh Hào), trang 145
- ♦ **CÙNG VỚI THƠ CỦA:** Thích Viên Thành, ĐNT Tín Nghĩa, Thục Độ, Phù Du, Trịnh Gia Mỹ, Nguyễn Thị Khánh Minh, Đồng Thiện, Quảng Tánh Trần Cẩm, TM Ngô Tăng Giao, Hồ Thanh Nhã, Mặc Phương Tử, Từ Tú Trinh, Tuệ Nha, Diệu Viên, Hạnh Chi, Chúc Hiền, Phan Anh, Đào Văn Bình, Lý Thừa Nghiệp, Tánh Thiện...

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

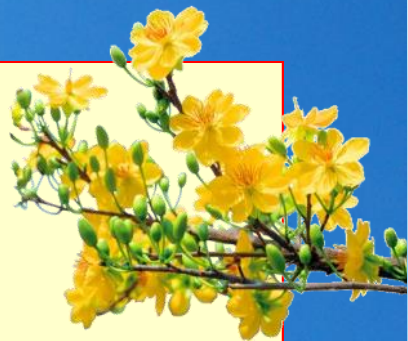
CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 86, tháng 01.2019, Xuân Kỷ Hợi, do Chùa Bát Nhã (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433



THÔNG BẠCH XUÂN KỶ HỢI - 2019
của Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK

Nam Mô Đường Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật

Kính bạch chư tôn Giáo Phẩm, Thiền Đức Tăng, Ni
Kính thưa quý Thiện nam Tín nữ, Cư Sĩ Phật tử và Đồng hương,

Ngày Tết Việt Nam rơi vào mùa Đông nơi Châu lục Bắc Mỹ. Cảnh Tết rộn ràng, tưng bừng nơi quê hương bao nhiêu thì nơi đây, Châu lục này thường là những ngày im lìm lạnh lẽo trong băng giá. Những tiểu bang có đông cư dân Việt còn có thấy bóng dáng Tết, ngược lại thì Tết cũng quanh quẩn trong từng gia đình lẻ loi mà thôi. Tết đối với Cộng đồng Phật giáo Việt trên Châu lục Bắc Mỹ là dịp để chúng ta suy gẫm và thực hiện những điều khả thi nơi vùng đất mới:

- 1) Mỗi tự viện phải tiêu biểu những nét văn hóa đặc thù của nòi giống. Chẳng hạn, chúng ta kêu gọi cha mẹ may áo dài cho các con em nhỏ của mình mặc vào ngày Tết; Lễ Mừng Tuổi ông bà, cha mẹ; Lễ Mừng Tuổi Phật, Mừng Tuổi Tăng Ni cầu phước đầu năm; ăn cơm chùa ngày Tết; xin Lộc Phật, viết thư pháp...
- 2) Một ngày nói tiếng Việt. Chúng ta khuyến khích con em mình ngày Tết chỉ nói tiếng Việt thôi. Nhờ đó, các em hiểu sâu được rằng nguồn gốc của các em đến từ đâu. Mỗi người di dân đến Châu lục này đều có nguồn gốc của họ. Họ bảo vệ và hãnh diện về một nguồn gốc ấy. Chính vì vậy mà Châu lục Bắc Mỹ đã tạo nên một vùng đất trù phú đa văn hóa của thế giới.
- 3) Mỗi gia đình là một ngôi chùa nhỏ thu gọn. Không phải ai cũng ở gần chùa và đi chùa được trong ngày Tết. Tết năm nay, rơi vào ngày giữa tuần ai cũng phải đi làm hết. Cho nên chúng ta trang trí trong nhà của mình sao cho ra vẻ "Tết," trong đó có bàn thờ Phật và Ông Bà. Chúng ta hạ tải (download) tiếng đại hồng chung trên mạng và mở ra trong đêm Giao Thừa chừng 3 phút. Tất cả thành viên trong gia đình làm lễ Tết đêm Ba Mươi trong đó có lễ Mừng Tuổi Phật, Ông Bà, Cha Mẹ.
- 4) Chư Tăng Ni trẻ đi đánh lễ, chúc Tết các bậc Tôn Túc ở cùng thành phố hay phụ cận trong dịp Đầu năm. Đây là nét văn hóa đẹp của Phật giáo Việt nam. Đánh lễ bậc tôn túc là gieo trồng phước duyên lớn lao trên con đường tu tập của chúng ta. Các bậc tôn túc sẽ chia sẻ cho chúng ta những kinh nghiệm tu tập và sự hành đạo nhiều thách đố nơi Châu lục này.
- 5) Chư Thiện Tín và Đồng hương hưởng ứng chương trình hành hương của các tự viện để gieo duyên lành đầu năm với Phật pháp. Con cháu chúng ta có dịp đến thăm viếng các chùa Việt, tiếp xúc Tăng Sĩ Việt Nam. Các chuyến hành hương nên có chương trình song ngữ Việt-Mỹ giải thích từng ngôi chùa được thăm viếng để các em sinh ra và lớn lên ở đây biết được công khó của một ngôi chùa Việt dựng lên nơi Châu lục này.

Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ xin nhất tâm Chúc Tết đến chư tôn Thiền Đức Tăng Ni cùng toàn thể quý Thiện Tín, Cư Sĩ, Phật tử, Đồng hương được nhiều thuận duyên và phước lạc. Xin chư Phật, chư Tổ, Hôn Thiêng Dân tộc độ trì cho chúng con làm rực sáng một Đạo Phật nơi quê hương mới.

Phật lịch 2562 - California ngày 01 tháng 01 năm 2019
TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thăng Hoan

Cung Chúc Tân Xuân



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
CHÙA BÁT NHÃ

Bat Nha Meditation Institute of America – Bat Nha Buddhist Temple
4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 571-0473



THƯ CHÚC TẾT

Nam Mô Đường Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật

Kính bạch Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,
Kính thưa Quý Đồng Hương Phật Tử,

Với dân tộc Việt Nam, Tết Nguyên Đán mang một ý nghĩa thiêng liêng cao cả, nhắc nhở cội nguồn huyết thống tâm linh. Riêng với Phật Giáo, Tết Nguyên Đán còn gắn liền với ý nghĩa Xuân Di Lạc. Ngày Tết biểu trưng sự tinh khôi, hiểu biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau trong đạo nghĩa, đạo tình, khoan dung độ lượng, từ bi hỷ xả để tổng cựu nghinh tân trong thanh bình, hạnh phúc an lạc. Một năm đã trôi qua, Chùa Bát Nhã hân hạnh được quý vị đồng hành mọi Phật sự của chùa. Năm 2019, kính mong quý vị tiếp tục hết lòng hộ trì Tam Bảo, tham gia tất cả thời khóa tu tập, sinh hoạt tại chùa.

Trước thềm năm mới Xuân Kỷ Hợi 2019, thay mặt Tăng Ni và Phật tử chùa Bát Nhã, tôi xin chấp tay nguyện cầu thế giới hòa bình, nhân loại an lạc, xã hội an ổn. Kính nguyện Chư Tôn Thiền Đức pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ, phước trí nhị nghiêm, huệ đăng thường chiếu, Phật sự viên thành. Kính chúc Quý Đồng Hương Phật Tử và gia quyến luôn luôn thân tâm an lạc, phúc thọ miên trường, đạo tâm kiên cố. Xin gửi đến tất cả quý vị lời cầu chúc an lành trong chánh pháp và hạnh thông trong cuộc đời.

Santa Ana ngày 8 tháng 12 năm 2018

HT Thích Nguyên Trí
Viện Chủ Chùa Bát Nhã



Cung Chúc Tân Xuân



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 571-0473



Phật Lịch 2562

HĐĐH/TCX/CT

THƯ CHÚC XUÂN KỶ HỢI - 2019

Kính gửi:

- Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
- Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn,
- Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia tại Hoa Kỳ,
- Quý đồng hương và Phật tử,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư Tôn Đức,
Kính thưa chư quý liệt vị,

Mùa xuân luôn là biểu tượng của sinh khí phát triển và thăng hoa của vũ trụ và vạn vật mà trong đó có cuộc sống con người.

Năm cũ với nhiều tai ương và khủng hoảng trên khắp toàn cầu sắp đi qua. Trước thềm năm mới, thay mặt GHPGVNTN HK, chúng tôi xin thành tâm kính chúc:

- ♦ Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni: pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ, Phật sự viên thành;
- ♦ Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn: thân tâm Khang kiện, đạo nghiệp viên mãn;
- ♦ Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia: bình an, khỏe mạnh để tiếp tục sự nghiệp phục vụ làm thăng tiến cộng đồng, góp phần vận động tự do, dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam;
- ♦ Quý đồng hương và Phật tử: thân tâm an lạc, sở cầu như nguyện, vạn sự thăng phước.



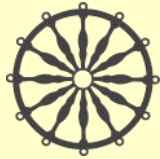
Santa Ana, ngày 01 tháng 01 năm 2019

TM. Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK

Chủ tịch,

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Cung Chúc Tân Xuân



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 548-4148 Tel: (714) 571-0473

TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST
4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bổn phận của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nổi dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tự tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phần nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trần trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lãi, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tác đất \$200 (để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế).

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gởi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyến thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gởi về:
Hòa Thượng Thích Nguyên Trí
Bát Nhã Buddhist Temple
4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703
Phone: 1 (714)548-4148 Tel:(714)571-0473
Bank Account #: 325063638819
Routing #: 026009593
BANK OF AMERICA





Thư Tòa Soạn

XUÂN NHƯ Ý

Hỏa hoạn qua đi, để lại vết tích hoang tàn của hàng trăm nghìn mẫu cây rừng, nhà cửa, cơ sở thương mại, và niềm đau mất mát của hàng nghìn gia đình ở miền tây. Trong khi đó, bão tuyết đã phủ trùm một vài tiểu bang miền đông, hàng trăm nghìn gia cư mất điện, hơn một nghìn chuyến bay bị hủy bỏ.

Thiên tai và nhân họa như luôn chờ chực để phá hủy, cướp đoạt những gì con người gây dựng bằng trí tuệ, tài sản, công sức và thời gian của họ. Sự thành tựu nơi đây có thể là hiểm họa ở nơi kia, và ngược lại.

Khi ngọn gió vô thường thổi qua, núi biếc nghìn năm cũng phủ màu rêu khối. Người và sông, không thể cùng là người và sông của giây phút trước (1). Không kỳ sĩ nào có thể ngồi mãi trên lưng ngựa; cũng không vô ngựa nào rong ruổi mãi trên đồng hoang.

Thế rồi, từ hoàn cảnh bất lực không thể hiểu, không thể giải đáp về sự bất công, đau khổ trong đời sống, người ta đi cầu cạnh kẻ trên; không được thì khẩn vái đến thần linh. Danh vọng chưa có, cầu cho có; đã có, cầu cho nổi thêm. Phú quý chưa có, cầu cho có; đã có, cầu cho ngày càng tăng hơn... Ai cũng mong được một thứ gì đó tốt đẹp hơn hiện trạng.

Rồi khi năm hết Tết đến, khi muôn hoa mãn khai, không khí phong quang của ngày xuân làm người ta náo nức, vui tươi, kỳ vọng một vận hội mới, người người chúc mừng nhau: *vận sự như ý*!

Vận sự như ý—nói cho văn vẻ cái ý “muốn chi được nấy”—là một giấc mơ không bao giờ trở thành hiện thực, nhưng người ta vẫn cứ chúc tụng nhau mỗi khi xuân về.

Làm thế nào mà mọi điều mong ước (vận sự) của một người có thể thành tựu trong năm mới, hay trong một đời!

Làm thế nào mà mọi điều mong cầu của nhân loại trên toàn cầu có thể thành

tựu trong một đời, thậm chí chỉ trong một năm mới đang đến!

Chỉ một vài ước vọng thôi, mong được như ý, đã là khó, huống chi “vạn sự” đều được thỏa đáng, vừa lòng! Mà nếu mười ngàn cái muốn của một người đều được đáp ứng, hẳn phải có mười ngàn người khác chịu thiệt thòi ít nhiều theo luật bù trừ.

Một gian thương chuyên lách thuế, lường gạt khách hàng mà muôn sự mong cầu đều được như ý thì sẽ làm khó, làm khổ cho bao nhiêu người khác!

Nhà lãnh đạo vô nhân, thất đức, những lạm của công, hối mại quyền thế, đã là một đại họa cho dân cho nước rồi, không lẽ còn cầu chúc “muốn chi được nấy” cho thỏa lòng tham của kẻ độc tài!

Cho nên, cảnh giới mà tất cả mọi người đều được vận sự như ý là cảnh giới hoang tưởng. Ước mơ mọi người đều được vận sự như ý là ước mơ không tưởng.

Bản chất của cuộc đời là vô thường, bất định, vì vậy, con người đứng trong trời đất, thường là sẽ bất như ý. Không thể tìm cầu sự như ý tuyệt đối.

Xét cho cùng, chỉ nên hiểu đơn giản: “*vận sự như ý*” là lời chúc tụng mọi việc đều hạnh thông tốt đẹp, vừa lòng mình mà chẳng tổn hại ai (rất khó!). Nhưng ước vọng mong cầu gì thì cũng tương đối, vừa phải, đừng cầu mong quá giới hạn tài năng và hoàn cảnh của mình. Khi lòng tham của một người vượt khỏi lẫn ranh nhu cầu, đời sống hài hòa của cá nhân và gia đình bắt đầu lung lay; khi lòng tham của ngàn người cùng lúc trào dâng, xã hội rối loạn; khi hàng triệu sự muốn của hàng vạn người đều tranh nhau được thỏa đáng, thế giới đảo điên. Và thế giới đã thực sự điên đảo kể từ thời kỳ cổ đại của lịch sử nhân loại, khi mà của cải vật chất trở thành yếu tố phân chia giai cấp xã hội, củng cố địa vị của các guồng máy thống trị vô nhân. Cái gốc của sự điên đảo chính là mong cầu những gì chưa có, và ham muốn được nhiều hơn những gì đã có.

Theo nhà Phật, sống ít muốn (thiểu dục) và biết đủ (tri túc) thì sẽ có hạnh phúc, an nhàn. Ít muốn là ít mong cầu, giảm tham muốn, tức là tự giới hạn mình với nhu cầu cần có thay vì mong cầu cái chưa có; và biết đủ là biết chấp nhận, hài lòng với hiện trạng tương đối của mình. Ít ham muốn thì sẽ bớt mưu tìm, biết đủ thì sẽ ít ham muốn. Thay vì dành hết thời gian, năng lực cho tham cầu danh tiếng và của cải, người ít muốn biết đủ có thêm nhiều thời giờ để vui sống với gia đình, giúp đỡ tha nhân, cứu tế xã hội, và hòa đồng với thiên nhiên.

Như ý, theo nghĩa ấy, chính là niềm hạnh phúc đơn giản có thể có được trong tầm tay mỗi người, dù ở trong hoàn cảnh nào. Bằng lòng với hiện tại, dừng lại những vọng cầu tương lai. Ít muốn, biết đủ không phải là chấp nhận cuộc sống bần cùng thiếu thốn, không chịu thăng tiến, mà là biết hài lòng với cuộc sống bình dị, vừa đủ, không đòi hỏi quá nhiều nhu cầu. Lòng tham, hề biết đủ thì đủ; không biết đủ thì sẽ chẳng bao giờ đủ (2). Hạnh phúc là biết sống nhàn hạ, vô ưu: không tham để tâm không lo lắng tâm toan; không sân để tâm không ưu phiền náo động; không si để tâm không ù lì ủ dột. Giữ cho đèn tâm vững chãi trước những ngọn gió chướng (3) thì vạn sự cũng thành vô sự; vì **vạn sự** có đến, lòng vẫn **như ý**, an vui, không lay động.

Và bây giờ, hãy nói về mùa xuân của chúng ta. Đầu đó nơi những miền đất giá lạnh, ngàn hoa đã bắt đầu trở nụ sau bão tuyết mùa đông; và nơi miền nắng ấm, dưới những tro tàn đổ nát từ hỏa hoạn để lại, cây cỏ cũng kiên trì vươn lên, trổ những nhánh lá đầu xuân. Lau dọn bàn thờ. Dâng trái chưng hoa. Trầm hương thoảng. Thiền phòng tịch mịch. Gió xuân sang rụng phấn hoa vàng. Lòng vô sự mở toang cửa sổ, đón chào xuân như ý.

- 1) Ý của Heraclitus, triết gia Hy Lạp thế kỷ thứ 5-6 trước Tây lịch: "*You could not step twice into the same river...*" (Bạn không thể bước qua hai lần trong cùng một dòng sông).
- 2) "*Trí túc tiên túc, đãi túc hà thời túc / Tri nhàn tiên nhàn, đãi nhàn hà thời nhàn.*" Nghĩa là, biết đủ là đủ, đợi đủ bao giờ mới đủ? / Biết nhàn là nhàn, đợi nhàn bao giờ mới nhàn? (Nguyễn Công Trứ, *Chữ Nhàn*).
- 3) Bát phong (tám ngọn gió): được/mất, nhục/vinh, khen/chê, và khổ/vui (lợi/suy, hủy/dự, xưng/cơ, và khổ/lạc)



MỪNG XUÂN MỚI ẢNH HƯỞNG CÙNG THI CA

Điều ngự tử Tín Nghĩa

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nói đến xuân là nói đến cái đẹp, cái tươi mát, trong lành, cái sinh lực của con người; cho nên rất phong phú trong văn chương Việt Nam dù là bình dân hay bác học. Vì, khi xuân đến là mọi người đều mong ước một vận hội mới, một sinh khí mới, nghĩa là hy vọng có sự đổi thay từ vạn vật đến tâm thức con người. Mỗi khi xuân về là nó thay đổi tất cả mà chúng ta đã thấy khắp đất trời cỏ cây, hoa lá đâm chồi nảy lộc bừng lên một sức sống mãnh liệt; không khí ấm áp và tươi mát hẳn lên so với ba mùa khác của xuân...

Xuân về ai cũng mừng Xuân, tuy thế mỗi người đón xuân, mừng xuân, chào xuân hay mong xuân đều có cách riêng của nó; tùy theo hoàn cảnh, tùy theo tuổi tác và nhất là tùy theo trình độ, đặc biệt là những mẫu người có tâm hồn nghệ sĩ, lãng mạn.

Từ độ tuổi năm mươi trở về trước, người dân sống trong một hoàn cảnh rất bi đát, chiến tranh triền miên trên quê hương cho cả hai miền Nam Bắc; rồi thì, tuy thống nhất đất nước nhưng cũng không mấy hân hoan. Gần 90 triệu đồng bào cả hai miền vui vẻ khi đã thấy xóa đi lần ranh Bến Hải, thấy được sự thống nhất của đất nước, nhưng chẳng vui gì khi hơn một triệu người con dân của mẹ Việt Nam vì hai chữ tự do lại phải tìm cái sống trong cái chết, đành lòng gạt lệ ra đi, bỏ lại sau lưng bao nhiêu là thân thương ruột thịt...

Vì thế, Xuân về cũng đã có những câu thơ tuy là biết xuân về hay sắp về mà nghe ra ai oán, não nề đứt ruột, đắng cay thế nào:

*Tôi có chờ đâu có đợi đâu,
Mang chi xuân đến gợi thêm sầu,*

*Với tôi tất cả đều vô nghĩa,
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau...*

Những câu thơ như thế đó đã cất lên đầy đau khổ, phiền lụy; cho nên đối với tác giả của bài thơ này thì Xuân về chẳng hay ho gì cho mấy...

Từ quân chủ qua dân chủ và đến bây giờ chắc cũng không khác nhau chi. Hầu hết dân Việt chúng ta sống theo cổ truyền, sống theo tục lệ, có nghĩa là "xưa bầy, nay bắt chước," "đất lề quê thói" và "phép vua thua lệ làng"... Người dân sống tùy theo niềm tin của mình và tùy theo địa phương, người đi chùa dâng lễ bái, hái lộc đầu năm, một lớp khác thì áo xanh, áo đỏ, nam thanh nữ tú đi chợ Tết hay đi xem hội làng tổ chức vui xuân như: Hát bài chòi, đánh đu, đấu vật, kéo dây...; số người sống theo ước lệ nhân gian thì đi lễ đền hái lộc, xin xăm, bói quẻ để biết hên xui của vận mạng ra sao trong năm mới... một số khác tìm đến cụ đồ già ngồi

ở gốc đa để xin câu đối theo ý muốn của chính mình hay của gia đình... do đó:

*"Mỗi năm hoa đào nở,
Lại thấy ông đồ già,
Bày mực tàu giấy đỏ,
Bên phố đông người qua..."*

(Vũ Đình Liên - Ông Đồ Già)

Hay vui vẻ như nhà thơ Bằng Bá Lân:

*"Tết về nhớ bánh chưng xanh,
Nhớ tranh pháo chuột, nhớ
tranh lợn gà.
Nhớ cành đào thắm, đầy hoa,
Nhớ giây phút đợi giao thừa
nghiêm trang.*

*Nhớ ngũ vị, nhớ chè lam,
Nhớ cây nêu, nhớ khánh vang
tiếng sênh.*

Nhớ cam cúc Tết, nhớ mình...

*Nhớ căn mứt lạc, nhớ khoanh
giò bì...*

Về xa xưa hơn nữa, Thiền sư



Mãn Giác (滿覺) (1052-1096), thuộc phái Vô Ngôn Thông đã dạy:

告疾示眾
春去百花落
春到百花开
事逐眼前過
老從頭上來
莫謂春殘花落盡
庭前昨夜一枝梅

Cáo tạt thị chúng

*Xuân khứ, bách hoa lạc,
Xuân đáo, bách hoa khai,
Sự trục, nhãn tiền quá,
Lão tòng, đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn, hoa lạc tận,
Đình tiền, tạc dạ, nhất chi mai.*
Dịch:

Có bệnh bảo mọi người:

*Xuân đi, trăm hoa rụng,
Xuân đến, trăm hoa cười,
Trước mắt, việc đi mãi,
Trên đầu, già đến rồi.
Chớ bảo: Xuân tàn, hoa rụng hết,
Đêm qua, sân trước, một cành mai.*

Ngài bảo đời là vô thường. Có đó rồi không đó. Tuy thế, trong cái vô thường vẫn có cái thường nên: "...*Đêm qua, sân trước, một cành mai*" là vậy. Ý ngài dạy, xuân vẫn về với vạn loại hữu tình cũng như vô tình. Do vậy mà việc cho dù hoa rụng hay hoa cười trong câu: "*Xuân đi trăm hoa rụng, xuân đến trăm hoa cười,*" thì cũng chỉ một hiện tượng thay đổi là Vô thường và Thường (*chơn tâm thường tại*) không có gì sai khác. Tức là ảo mộng nằm trong cái thực hữu và ngược lại cái thực hữu nằm trong cái ảo mộng.

Nói về xuân là bất tận, không bút mực nào tả hết. Vui có, buồn có, tùy theo tâm trạng của mỗi con người. Thật ra thì cảnh không đổi thay nhưng lòng người thay đổi; do vậy mà Nguyễn Du tiên sinh đã bảo:

... "*Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ*"...

Ngay như nhà thơ trào phúng khét tiếng của tiền bán thế kỷ thứ 19, nghĩ về cái Tết vừa đổi, vừa thơ rất trào phúng và tự mãn như sau của Trần Tế Xương:

*Nhập thế cục, bất khả vô văn tư?
Chẳng hay ho cũng nghĩ một vài bài...
Huống chi: Minh đã đỗ Tú tài,
Ngày Tết đến, cũng một vài câu đối.
Đối rằng:*

*Cục nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt
tình hoài,
Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí
cốt.*

Viết vào giấy, dán ngay lên cột,

*Hỏi mẹ mày: Rằng dốt hay hay?
Rằng hay: thì thật là hay,
Không hay, sao lại đỗ ngay tú tài?
Xưa nay, em vẫn chịu ngài!
(Trích từ thi tập của Tú Xương)*

Còn về thơ Tết của Cao Chu Thần (1809? - 1855), chúng ta chỉ biết đến bài thơ chữ Hán, rất nhiều tác giả thời nay dịch theo những thể loại Đường luật hoặc Lục bát sau đây, chúng tôi trích dịch ra đây để biết con người của Cao Bá Đạt đã từng nói: Trong thiên hạ có bốn bồ chữ, riêng ông hai bồ, anh ông là Cao Bá Đạt và Bạn ông là Nguyễn Văn Siêu một bồ, còn từ vua quan sĩ thứ một bồ chia cho nhau. Thơ họ Cao vừa khí phách nhưng cũng vừa trữ tình lãng mạn. Chúng ta thử tìm tòi ý của bài "Xuân dạ độc thư" (*Đêm xuân đọc sách*) sau đây :

春夜讀書

今人不見古時春,
惆悵今春對古人。
世事幾何今不古,
眼前莫認幻為真。
幾多名利終朝雨,
無數英雄一聚塵。
自笑俗拘拋未得,
邇來攜卷太諄諄。

Xuân dạ độc thư

*Kim nhân bất kiến cổ thời xuân,
Tru trưởng kim xuân đối cổ nhân.
Thế sự kỳ hà kim bất cổ?
Nhãn tiền mạc nhận huyễn vi chân.
Kỷ đa danh lợi chung triều vũ,
Vô số anh hùng nhất tụ trần.
Tự tiếu tục câu phao vị đắc,
Nhĩ lai huê quyền thái chuẩn chuẩn.*

Nhà thơ Trương Vĩnh Liệt dịch:

*Xuân trước người nay có thấy không,
Xuân nay người trước ngẩn ngơ lòng,
Chuyện đời mấy chốc kim thành cổ?
Thế sự đừng coi giả hóa chân.
Vô số anh hùng, làn bụi đỏ,
Muôn ngàn danh lợi, bóng mưa xuân.
Cười ta thói tục còn vương vịn,
Chưa bỏ đam mê quyền sách cầm.*

Lục bát:

*Người nay không thấy xuân xưa,
Xuân nay ngơ ngác người xưa đâu rồi?
Chuyện đời kim cổ đổi dời,
Chớ lầm hư thực thực rồi hóa hư.
Lợi danh như sáng mưa thu,
Anh hùng bao kẻ mịt mù trần ai.
Cười mình tật cũ khó phai,
Quơ nhằm quyền sách miệt mài đầu
canh...
(Do Đức dịch)*

Cho nên Xuân đến không hẳn ai cũng vui cả. Bởi thế nhà thơ Chế Lan Viên (*Chế Lan Viên tên thật là Phan Ngọc Hoan, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1920 nhằm ngày 12 tháng 9 năm Canh Thân, quê gốc ở Cam Lộ, Quảng Trị*), đã thương tiếc cho cái quốc phá gia vong của nước Chàm, mặc dầu nhà thơ là người Việt:

*"Huyền Trân ơi! Huyền Trân ơi Huyền Trân,
Mùa Xuân, mùa Xuân, mùa Xuân rồi,
Giờ đây tám vạn bông trời nở,
Riêng có lòng ta khép lại thôi."*

Khi đất nước còn điêu linh, còn tang tóc chiến tranh giữa hai miền. Những chàng trai thời loạn phải ra đi vì trách nhiệm đối với sự an nguy của đất nước, không thể cùng gia đình để chung hưởng một cái Tết trọn vẹn, đầm ấm có đầy đủ người thân; những chàng trai ấy phải đêm đêm ôm súng gác rừng cùng đồng đội, bởi thế nhạc sĩ Trịnh Lâm Ngân đã viết lên lời ca "Xuân này con không về" và ca nhạc sĩ Duy Khánh đã phải thổn thức:

*... "Con biết xuân này mẹ chờ em trông,
nhưng nếu con về bạn bạn bè thương mong,
bao lứa trai cùng chào xuân chiến trường,
không lẽ riêng mình êm ấm,
Mẹ ơi con xuân này vắng nhà."*

Nét xuân qua văn thơ, ca nhạc của các cụ xưa và nay thì rất nhiều, chúng tôi không thể trích ra đây để cống hiến cùng độc giả, kính xin được khép lại để có một vài ý nghĩ về xuân tha hương.

Riêng ở hải ngoại, con dân Việt tìm đất sống vùng tự do sau tháng tư đen 1975 không nhiều; tuy thế, qua hình thức đoàn tụ với gia đình, đi theo diện con lai, diện nhân đạo HO và vân vân, tính đến bây giờ riêng tại xứ cờ Hoa hơn một triệu rưỡi.

Hằng năm xuân về, tức ngày Tết âm lịch của Á đông mà đa số là Việt Nam và Trung quốc. Riêng Việt Nam thì rầm rộ hơn nhiều. Các Cộng Đồng Người Việt của các tiểu bang, tùy theo dân số (*người Việt sinh sống*) nhiều hay ít đều có tổ chức chung và thể thức vui xuân cũng như quê nhà, nhưng không đồng đều và vui nhộn như ở quê nhà. Không khí không mấy đậm đà lắm, vì một đôi khi Cộng Đồng tổ chức Tết mà cũng có những dị biệt thế này thế nọ, thậm chí có những lời lẽ không mấy hay ho, đã vậy, vui xuân trong ngày cuối tuần, có khi ra Tết đã gần hơn một tuần mới có Hội Xuân; chỉ có tôn giáo mới có lễ Giao thừa, đặc biệt là các chùa, hội Phật giáo...

Những áng thơ nói về xuân ở hải ngoại rất ít xuất hiện, có chăng thì ở trong các Tập san hay Đặc san của các tổ chức Tôn giáo hay Cộng đồng; do vậy, chúng tôi cũng chưa phối kiểm rờ ràng nên cũng chưa dám đưa vào bài viết này.

Nhơn đây, chúng tôi mượn lời thơ của cụ Vị Xuyên Trần Tế Xương (1870-1907), một nhà

thơ trào phúng, sống buổi giao thời, gặp nhiều bất bình. Ông đã bất bình trong cảnh nước mất nhà tan, bất bình trong chốn trường thi khoa cử, buổi giao thời giữa cổ kim, bất bình trước thực tại và lý tưởng... Ông ngao ngán cho thể cuộc quốc phá gia vong mà ngậm ngùi thốt lên:

*"Ta lại cùng nhau gặp gỡ xuân,
Xuân đi, xuân lại biết bao lần?
Xuân ơi có hiểu cho chăng nhĩ!
Giương mắt mà xem cuộc chuyển vần!"*
Để rồi ông khuyên:
*"Cũng như ai, ta chúc mấy lời,
Chúc cho hết thầy khắp trong ngoài,
Vua, quan, sĩ, thứ: người muôn nước,
Sao được cho ra 'Cái giống Người.'"*

Cuối cùng, nhà thơ Xuân Diệu đã nhận thức sự phũ phàng của nhân thế, con người đang quay cuồng trước làn sóng chủ nghĩa cá nhân về tiền bán thế kỷ 20 của Việt Nam chúng ta. Thiên đường không còn nữa, lẽ sống bấp bênh, tương lai thì mờ mịt, nên ông đã cất lên:

*Xuân đang đến, nghĩa là xuân đang qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Và xuân hết, thì đời tôi cũng mất.*

Kính chúc độc giả vui xuân theo ý nghĩa của chính mình và đầy an lạc.

Quý đông Mậu tuất, Jan. 01, 2019.



VUI XUÂN THEO LỄ ĐẠO

*Hoa vẫn nở rồi hoa cũng phải tàn
Người sống chết bình thường chuyện thế gian
Khi ta sống hết lòng lo phụng sự
Chuyện thị phi đừng tham dự luận bàn*

*Chuyện thị phi luôn vẫn thế muôn đời!
Của những người bất thiện nhân cư chơi
Hãy quán chiếu nội tâm điều chỉnh yếu
Tâm yên tịnh trí tuệ sẽ sáng ngời*

*Dùng chánh kiến cùng chánh định hành trì
Trí tuệ phát thể hiện đức từ bi
Cùng sẻ chia khổ vui trong cuộc sống
Đấy chính là con Phật chánh tư duy*

*Ngày Tết đến vui đón ý hòa chan
Tiếp truyền thống nghèo khổ cũng huy hoàng
Bánh mứt hoa chưng đầy nhà tiếp khách
Trao cho nhau những chúc tụng lời vàng*

*Người con Phật luôn nhớ lúc vui xuân
Mai phai tàn Phật tánh vẫn không dừng
Luôn hiện hữu mỗi chúng sanh đều có
Khi tâm an giới luật mãi khâm tuân.*

thơ

THÍCH
VIÊN
THÀNH



NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA)

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

25.- PHẨM QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN

Tiếp theo, đức Phật Thích Ca giới thiệu thêm một vị Bồ Tát rất thân cận với tất cả chúng sanh nơi cõi Ta Bà đã chứng đắc tri kiến của Phật mang pháp hiệu là Quán Thế Âm.

Quán Thế Âm là quán sát tiếng kêu thương đau khổ của chúng sanh trong cõi Ta Bà và Phổ Môn là thị hiện sức diệu dụng thần lực của Diệu Pháp khắp muôn nơi để hóa độ. Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn nghĩa là một vị Bồ Tát thường quán sát tiếng kêu cứu đau thương của muôn loài chúng sanh khắp chốn cùng nơi trong cõi Ta Bà để tùy duyên thị hiện hóa độ và do đó người đời gọi ngài là Bồ Tát Quán Thế Âm hay Bồ Tát Quán Thế Âm.

Các kinh luận thường đề cập đến Bồ Tát Quán Thế Âm rất nhiều như:

- Kinh Karanda-Vaṃśa thì xưng tụng công đức của Bồ Tát Quán Thế Âm.
- Kinh Địa Tạng quyển 12, đức Phật ca ngợi hạnh độ tha của Bồ Tát Quán Thế Âm.
- Kinh Lăng Nghiêm quyển 6, đức Phật nói hạnh tu Nhĩ Căn Viên Thông của Bồ Tát Quán Thế Âm.
- Kinh Đại Bi thì nói về oai lực của Bồ Tát Quán Thế Âm.
- Kinh Bát Nhã thì nói về phương pháp tu tập của Bồ Tát Quán Thế Âm.
- Kinh Bị Hoa thì nói về gia phả của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Riêng Phẩm 25 của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đức Phật giới thiệu hạnh nguyện thanh

tịnh rộng sâu như biển cả của Bồ Tát Quán Thế Âm tầm thỉnh cứu khổ không bỏ sót chúng sanh nào. Đức Phật nói: *"Vô lượng chúng sanh đang đau khổ nếu như nhứt tâm xưng niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm thì liền được giải thoát."*

Đại ý trong Phẩm Phổ Môn, người nào nếu như chuyên trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm

thì không bị tai nạn như: không bị lửa cháy, không bị nước cuốn trôi, không bị quỷ dữ làm hại, không bị đánh đập giết hại, không bị La Sát sát hại, không bị xiềng xích gông cùm, không bị nạn cướp.

Chúng sanh nào nhiều tham dục, sân hận, ngu si nếu như thường niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm thì được dứt sạch. Hơn nữa

người nào muốn cầu con trai hay cầu con gái thường lễ lạy cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm thì được như ý muốn v.v...

Về phương tiện độ sanh, Bồ Tát Quán Thế Âm tùy theo mong cầu của chúng sanh thị hiện 32 loại thân để hóa độ, như có khi hiện thân Phật để hóa độ, có khi hiện Đế Thích để hóa độ, có khi hiện thân Trưởng Giả để hóa độ v.v...

Người muốn cầu Bồ Tát Quán Thế Âm cứu khổ thì phải nhứt tâm niệm danh hiệu của Bồ Tát bằng những phương pháp sau đây sẽ được linh cảm:

a) Chơn Quán Niệm Quán Thế Âm: nghĩa là niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm bằng cách quán chiếu hình tướng chân thật của Bồ Tát hiện ra một cách cụ thể để trực tiếp cầu



nguyện. Hình tướng chân thật của Bồ Tát Quán Thế Âm không phải là hình tượng bằng vật liệu đang tôn thờ. Hình tướng chân thật là thần tướng chánh báo của Bồ Tát đã tu chứng với danh hiệu "Biến Xuất Nhất Thế Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai." Thân tướng này của Bồ Tát Quán Thế Âm gọi là báo thân (thân thể chánh báo) tu chứng và nó không phải là hóa thân của Bồ Tát thường biến hiện độ sanh. Hành giả quán tưởng đến khi nào thân tướng chánh báo chân thật nói trên của Bồ Tát hiện ra và lúc đó nhứt tâm cầu nguyện thì nhất định được linh cảm ngay lập tức, nên gọi là Chơn Quán Niệm Thế Âm. Hành giả muốn quán tưởng bằng cách này thì trước hết phải đóng nhãn căn lại (nhắm đôi mắt lại) đừng cho bất cứ hình ảnh nào bên ngoài ảnh hưởng vào trong lúc quán tưởng và sau đó mới quán thân tướng chánh báo của Bồ Tát Quán Thế Âm.

b) Thanh Tịnh Quán Niệm Quán Thế Âm:

nghĩa là hành giả phải dùng tâm thanh tịnh để quán tưởng đến hình tướng chân thật của Bồ Tát Quán Thế Âm. Hành giả dùng tâm thanh tịnh để quán tưởng nghĩa là chỉ mong cầu Bồ Tát Quán Thế Âm hiện thân cứu nạn cho mình và cho muôn loài chúng sanh sớm thoát khỏi tất cả phiền não khổ đau. Hành giả không nên dùng tâm không thanh tịnh để cầu nguyện, như mong cầu lợi lạc chỉ riêng cho mình, cho gia đình con cháu mình hoặc mong cầu mua may bán đắt, làm ăn phát tài, trúng số độc đắc v.v... đó là những thứ mong cầu không thanh tịnh. Hành giả muốn Bồ Tát Quán Thế Âm gia hộ phải nhớ giữ tâm mình luôn luôn ở trạng thái "buông tất cả thì được tất cả và bắt tất cả thì mất tất cả." Buông tất cả thì được tất cả nghĩa là hành giả quán tưởng làm sao giao cảm được Bồ Tát Quán Thế Âm thì tất cả mọi khổ đau của mình sẽ tự nhiên tiêu trừ và mọi thứ lợi lạc sẽ tự nhiên đạt đến mà không cần phải mong cầu. Bắt tất cả thì mất tất cả nghĩa là hành giả cầu nguyện Bồ Tát Quán Thế Âm đặt trên lòng tham vọng mong muốn đủ thứ thường tình của thế gian thì không bao giờ đạt được kết quả như ý.

c) Quảng Đại Trí Huệ Quán: nghĩa là quán tưởng Năng Lực Diệu Trí của Bồ Tát Quán Thế Âm (Quán Âm Diệu Trí Lực) và năng lực mẫu nhiệm của trí huệ này rộng lớn bao la không cùng tận nên gọi là Quảng Đại Trí Huệ. Hành giả trước hết phải nhứt tâm quán tưởng đến khi nào phát huy được "Năng lực Diệu Trí của Quán Âm" (Quán Âm Diệu Trí Lực) và nhờ năng lực này cứu nguy tất cả đau khổ của chúng sanh trong thế gian (Năng cứu thế gian khổ). Hành giả phát huy được năng lực trí huệ mẫu nhiệm rộng lớn này (Quảng Đại Trí Huệ Quán) thể hiện tức là thực sự nhứt tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm.

d) Bi Quán: nghĩa là niệm Quán Thế Âm bằng cách phát huy bi nguyện của mình giao cảm được tâm Đại Bi của Bồ Tát. Tâm Đại Bi của Bồ Tát Quán Thế Âm là tâm thương xót tất



cả chúng sanh đang chìm đắm trong bể sanh tử khổ đau, đang mê lầm và sa đọa trong biển ái dục trầm luân, đang hoạn nạn cuồng loạn trong bầu trời vô minh phiền não không lối thoát. Bồ Tát hiện đang vận dụng tâm đại bi tìm phương cứu khổ chúng sanh sớm được giải thoát an vui. Hành giả vận dụng tâm bi sẵn có của mình bằng cách quán tưởng giao cảm được tâm đại bi của Bồ Tát chính là niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm và được tất cả lợi ích an vui theo sở nguyện.

e) Từ Quán: nghĩa là niệm Quán Thế Âm bằng cách phát huy tâm từ của mình giao cảm được tâm Đại Từ của Bồ Tát. Tâm Đại Từ của Bồ Tát Quán Thế Âm là tâm thương tưởng bình đẳng đến tất cả mọi tầng lớp chúng sanh, không phân biệt kẻ oán người thân, không chọn lựa kẻ thông minh người ngu độn hoặc kẻ hiền người dữ, sẵn sàng cứu giúp khiến họ được các sự lợi ích an vui về đời sống đến tinh thần. Tâm Đại Từ có ba hạnh:

1* CHÚNG SANH DUYÊN TỪ: nghĩa là Bồ Tát vận chuyển tâm Đại Từ cứu độ tất cả chúng sanh, không bỏ sót một chúng sanh nào.

2* PHÁP DUYÊN TỪ: nghĩa là Bồ Tát vận chuyển tâm Đại Từ khiến cho tất cả chúng sanh giác ngộ được nguyên lý các pháp đều do nhân duyên hòa hợp sanh thành và không một pháp

nào có thể tánh chân thật cả.

3* VÔ DUYÊN TỬ: nghĩa là Bồ Tát vận dụng tâm Đại Từ mầu nhiệm không phân biệt năng sở để hóa độ chúng sanh một cách bình đẳng.

Hành giả vận dụng tâm từ sẵn có của mình bằng cách quán tưởng giao cảm được tâm Đại Từ của Bồ Tát Quán Thế Âm chính là niệm danh hiệu của Bồ Tát và được tất cả mọi lợi ích an vui theo sở nguyện.

Những phương pháp "Chơn Quán, Thanh Tịnh Quán, Quảng Đại Trí Huệ Quán, Bi Quán và Từ Quán" đã trình bày trên là những các tu tập thiền quán để niệm Bồ Tát Quán Thế Âm để được hữu hiệu. Hành giả nếu như không thể hành trì những phương pháp thiền quán để niệm Bồ Tát Quán Thế Âm nói trên thì có một phương pháp cuối cùng dễ dàng nhất và phổ thông nhất mà bất cứ hạng nào đều cũng có thể hành trì, đó là pháp môn "Thường niệm thường chiêm ngưỡng."

g) *Thường Niệm Thường Chiêm Ngưỡng:* nghĩa là đi đứng nằm ngồi luôn luôn niệm tưởng đến danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm và hai buổi sớm chiều phải thường xuyên chiêm ngưỡng lễ bái hình tượng Bồ Tát để cầu nguyện. Hành giả thường xuyên hành trì như thế đến khi nào giao cảm được Bồ Tát Quán Thế Âm là khi đó hạnh nguyện được viên thành. Phương pháp tu tập này dành cho những hạng sống trong những hoàn cảnh khó khăn ngang trái để gieo duyên với Bồ Tát Quán Thế Âm trong sự tín tâm kiên cố. Hành giả hành trì phương pháp này nếu như không có tín tâm kiên cố thì không thể thành quả dễ dàng trong sự cầu nguyện. Tín tâm kiên cố nghĩa là đặt trọn đức tin vào sự cầu người không có chút nghi ngờ trong đó thì sự giao cảm giữa những người cầu nguyện và tâm nơi Bồ Tát tiếp nhận một cách không ngăn ngại.

Đây là sáu phương pháp niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm để được linh cảm mà đức Phật Thích Ca đã giới thiệu trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn và trong sáu phương pháp này, phương pháp "Thường niệm thường chiêm ngưỡng" không thể đoán trước sự thành quả của những lời cầu nguyện; hành giả chỉ biết được khi nào những lời cầu nguyện đó đạt đến những điều linh nghiệm trong sự bất ngờ, còn năm phương pháp trên nếu như hành trì quán chiếu thì có thể dự trù được sự thành quả dung thông với Bồ Tát trong mọi lãnh vực giải thoát khổ nạn.

(còn tiếp)

NGHĨ VỀ XUÂN

*Xuân đi xuân đến để xuân sang,
Xuân rải hương hoa khắp muôn ngàn,
Xuân vẫn là xuân, xuân bất tận,
Thế thái nhân tình hợp rồi tan...*

*Xuân về trao tặng những niềm vui,
Lòng dạ riêng tôi vẫn bùi ngùi,
Cố quận xa vời, xa vời vời,
Thời gian nhẹ lướt bốn chục... trôi. (*)*

*Biết xuân nào về lại có hương,
Suy nghĩ ngày đêm luống đoạn trường,
Càng nghĩ, càng đau càng thấm thía...
Tuổi thơ trôi mất lệ trào tuôn.*

*Thôi thế, thôi thôi ta đón xuân,
Đón xuân đất khách cận bát tuần,
Còn gì để nói... và để chúc?
Xuân về tuy có cũng như không!*

ĐNT TÍN NGHĨA

Trọng xuân Kỷ hợi, Jan. 31st, 2019

(*) Bốn chục . . . trôi là bốn chục năm đã trôi qua.



CÁI NHÌN MÙA XUÂN

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Lời tuyên bố của đức Phật "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành" đã được xiển dương trong các kinh Bắc Tạng thành một công thức vĩnh hằng: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đó là cánh cửa mở vào đời sống Phật giáo. Khi nhìn người khác như một vị Phật sẽ thành, chúng ta sẽ không nói dối với người ấy, sẽ không trộm cắp của người ấy, không tà dâm với người ấy, không thể nào giết hại người ấy. Trái lại chúng ta sẽ vun bồi mọi đức hạnh trong cuộc sống chung (thân hòa đồng trú) với người ấy: tâm từ bi, nhẫn nhục, sự tôn trọng, bố thí cúng dường, sự phát tâm tự mình Bồ đề thành Phật để đưa mọi người thành Phật... Tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh, đó là tất cả giới luật của đại Thừa, sự mở đầu và kết thúc của con đường tự mình trở nên toàn vẹn và làm cho mọi người trở nên toàn vẹn. Tất cả mọi đức hạnh đều do đó mà có trong tương quan với tất cả mọi người: con đường tự giác, giác tha giác hạnh viên mãn. Nếu không có chân lý "Tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh," làm sao chúng ta có thể nhẫn nhục một cách rốt ráo, nhẫn nhục ba la mật? Làm sao Thường Bất Khinh Bồ Tát, một tiền thân của đức Phật, khi bị người khác giễu cợt, ném đá, mắng chửi, vẫn một mực chấp tay thưa rằng: tôi không dám khinh người các người, vì trước sau gì các người cũng thành Phật.

Tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh, đó là cội gốc của mọi đức tánh tốt lành nhờ đó mà chúng ta có thể xâm nhập mọi đức hạnh trên con đường đưa tới sự tròn vẹn. Trong kinh *Phạm Võng Bồ Tát Tâm địa*, đức Phật nói: "Ta đến cõi Diêm Phù đề, vì tất cả chúng sanh phàm phu ở cõi đất này, thuyết giới tâm địa của Phật Tỳ Lô Giá Na. Lúc mới phát tâm ta thường tụng một giới, đó là nguồn gốc của tất cả Phật, là hột giống Phật Tánh của tất cả Bồ Tát, đó là: Tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh. Tất cả mọi loài đều có ý thức, có sắc tâm, dầu tình dầu tâm, đều

vào trong Phật Tánh Giới, xưa nay thường có chánh nhân Phật tánh này, xưa nay thường trụ nơi Pháp thân Tỳ Lô Giá Na. Ta đây vì đại chúng đây, thuyết lại giới phẩm vô tận, đó là bốn nguyên tự tánh thanh tịnh, giới của tất cả chúng sanh:

*Lóng nghe ta chánh tụng
Giới tạng trong Phật Pháp
Ba la để mặc xoa
Đại chúng hãy nghe kỹ
Người là Phật sẽ thành
Ta là Phật đã thành
Thường tin chắc như thế
Giới phẩm đã thành đủ*

Nhìn thấy mọi người đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều là những hoa sen dầu cho còn nằm trong bùn đất, "Thường tin chắc như thế" "đầu đội vầng giữ giới ấy" (kinh Phạm Võng), đó là giới định Huệ và đại từ bi của đại thừa.

Thiền tông VN xưa nay cũng có cái thấy (Kiến) như vậy, tu hành (Hành) như vậy:

*Ai ai đạt giả đồng đồ (đường)
Mỗi người đều có minh châu trong nhà
Mùa xuân vạn thụ khai hoa
Cảnh cao cảnh thấp vậy hòa chúng nên.*

Chúng ta hẳn phải suy diễn ra trong một xã hội mà ai ai cũng nhìn nhau như là hoa sen, dầu đã nở dầu chưa nở thì xã hội ấy có đủ mọi điều tốt đẹp, có tất cả nhân đức, có tất cả giới định huệ, và xã hội đó biến thành một Tịnh độ nhân gian, một quốc độ thanh tịnh của Phật. Bởi vì một trong những mục tiêu cao cả của đại thừa là biến đất nước mình thành một quốc độ thanh tịnh của Phật, thực tịnh độ ngay ở nơi mình sống, như câu nói được lặp đi lặp lại trong kinh đại thừa "Tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh" (làm thanh tịnh và trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sanh bằng cách làm cho mỗi con người thanh tịnh và trang nghiêm).

Một trong những nguyên lý nền tảng của đạo Phật-mà về sau đã tạo ra tông Duy Thức-là: chúng ta như thế nào thì chúng ta thấy thế giới như thế đó. Và ngược lại chúng ta nhìn thấy



cái gì thì chính chúng ta là cái đó. Một khi nhìn thấy toàn bộ cuộc đời và tất cả chúng sanh là một hồ sen vô tận với vô lượng đóa sen là mỗi một chúng sanh, chúng ta đã tiến đến gần cái nhìn của Phật và đang bước vào thế giới hoa sen của Phật, thế giới Liên Hoa đài Tạng nói theo kinh Phạm Võng hay Pháp giới Hoa Tạng nói theo kinh Hoa Nghiêm. Khi nhìn thấy mỗi một người là một đóa hoa sen thì chính tự thân ta cũng là một đóa hoa sen đang nở:

Cái nhìn của Thiền Tông là:

Toàn thể vũ trụ trọn là một con mắt của Sa Môn

Toàn thể vũ trụ trọn là một điểm linh quang trong chính mình

Toàn thể vũ trụ trọn ở trong một điểm linh quang ở chính mình

Khi ấy, vẫn nói theo Thiền Tông, tất cả đều là sắc Phật, tất cả đều là thanh Phật, chim chóc cỏ cây đều là A Di Đà Phật tuyên lưu biến hóa làm nên. Đó là Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na, pháp giới Hoa Tạng.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 2, trong tập "Những vần thơ huyền bí của một Đạt Lai Lạt Ma," viết:

Kinh nghiệm của một hành giả thành tựu là như vậy:

Toàn thể vũ trụ là một mạn đà la linh thánh

Và mỗi chúng sanh là một Hoá thân Phật. Đó là cái nhìn thâm nhập pháp giới nói trong kinh Hoa Nghiêm:

*Nhấn đến Pháp Giới các chúng sanh
Không ai chẳng hiện trong thân Phật*

(Phẩm Nhập Pháp Giới)

*Trong mỗi cực vi các đầu lông
Xuất hiện cõi trang nghiêm ba thuở*

(Phổ Hiền Hạnh)

Đó là điểm của cái nhìn: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh" hay nói theo kinh Hoa Nghiêm "thân Phật không ngăn mé trụ khắp trong thân của tất cả chúng sanh" (phẩm Thăng đầu Suất thiên cung). Đó cũng là kết luận của kinh Hoa Nghiêm: "Tâm, Phật, Chúng Sanh, cả ba không sai khác."

Khi ấy, bốn môn và tích môn hợp nhất, sanh tử tức Niết Bàn, tất cả chỉ là một Hiện Tại vĩnh cửu, một mùa xuân vĩnh cửu của nước Phật, như vua Trần Nhân Tông, Tổ thứ nhất trong Trúc Lâm Tam Tổ, viết trong bài kệ thâm tóm cuộc đời mình:

Số đời một hơi lặng

Tình trần hai biển trong

Cung ma đâu còn nữa

Nước Phật, Xuân vô cùng.

(Nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

THỰC HÀNH LÀ KHÓ

THIỀN SƯ BANKEI

Ni Sư Thích Nữ Trí Hải dịch

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

THỰC HÀNH LÀ KHÓ

Ngay cả trong số những người chấp nhận lời tôi nói, có những người chỉ giảng dạy Bất sinh ngoài lỗ miệng. Họ không thường xuyên an trú Bất sinh, mà chỉ có một lý giải về Bất sinh trên bình diện tri thức. Hiểu Bất sinh bằng tri thức thì chỉ là tư duy trống rỗng, không thể nói người nào hiểu Bất sinh là đã thực chứng Bất sinh một cách triệt để. Nói đúng ra, loại hiểu biết ấy thực vô giá trị, dù có đem giảng dạy cho người khác họ cũng sẽ không nhận ra được Bất sinh. Và lý do họ không nhận ra, là vì trước hết, chính bạn đã không để cho Tâm Phật bất sinh chiếu sáng kỳ diệu vận hành liên tục trong bạn vào mọi thời, mọi việc. Bản thân bạn không thực hành, mà chỉ dạy những gì bạn biết bằng tri thức, thì không cách gì người khác sẽ nhận ra được Bất sinh. Nếu bạn không thực chứng lời dạy của tôi, không thực hành, không làm cho hiển lộ pháp ấy trong tâm bạn, mà chỉ giảng dạy cho người khác những gì bạn biết bằng tri thức, thì người nghe không thể nào hiểu được. Việc này cuối cùng chỉ đưa tới sự hủy báng Pháp. Bởi thế, mặc dù thỉnh thoảng có xuất hiện vài người "chứng" được chút đỉnh, nhưng chưa có ai hành theo chỗ chứng của mình trong mọi công việc, ngay tại đây và bây giờ. Hiểu là chuyện dễ, hành mới là khó.



THIỀN SƯ BANKEI (1622—1693)

QUA VÀ CÒNG CỌC

Bởi thế mà, với những môn sinh thường trú trong chùa tôi, khi họ chưa mở được con Mắt tuệ, chưa có được con mắt thấy suốt tâm người, thì tôi cấm họ không được giảng dạy. Giảng dạy như thế chỉ là bắt chước hay nhại lại lời tôi. Như tục ngữ nói, khi con quạ cố bắt chước con còng cọc, thì cái màu đen của nó có giống, nhưng lúc thả vào nước, quạ lại không lội được như còng cọc. Cũng hết như thế, những người học theo cách nói của tôi có thể nói về Tâm Phật bất sinh nơi lỗ miệng, nhưng vì con mắt Tuệ nơi họ chưa mở ra để thấy được

diệu dụng chiếu sáng của Tâm Phật, và do đó cũng không có con mắt thấy suốt tâm người, nên khi bị người ta đặt câu hỏi, họ tự thấy mình lú lờ, không thể trả lời trôi chảy được. Đây chẳng khác nào con quạ bị thả xuống nước không lội tung tăng được như còng cọc. Vì thế tôi tuyệt đối cấm các môn sinh giảng dạy. Vì chưa chứng được Bất sinh thì người ta chỉ đứng trên bình diện kiến văn giác tri (giới hạn trong cái biết của sáu giác quan. ND), đối Tâm Phật thành ra những khái niệm. Đây gọi là vọng tưởng.

(trích từ *Tâm Bất Sinh*)

HÒA THƯỢNG CHẤP TAY XIN LỖI CHÚ TIỂU

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Thời Minh Trị, Thiền sư Tông Diễn là vị quản trưởng hai ngôi chùa tổ Viên Giác (Engaku) và Kiến Tường (Kencho) ở Kamakura.

Thuở còn là một thiếu niên Tăng, sư tham học ở chùa Kiến Nhân, tại Kyoto. Một buổi trưa hè, Hòa thượng Tông Tuấn có việc phải đi xa, các học tăng tranh nhau tìm chỗ mát ngủ trưa. Chẳng may lúc ấy, Hòa thượng Tông Tuấn quên đồ nên trở lại chùa. Một học tăng lớn tuổi thấy thầy về đã kịp thời thông báo cho huynh đệ biết nên không ai bị rầy cả. Duy chỉ có tiểu tăng Tông Diễn nằm ngay hành lang trước phòng Hòa thượng cho đến khi ngài đứng một bên mà hoàn toàn không hay biết.

Hòa thượng Tông Tuấn thấy chú tiểu Tông Diễn ngủ say chẳng động dậy, nên ngài không nổi kêu dậy. Thế nhưng, hành lang hẹp quá nếu không gọi Tông Diễn dậy thì không thể đi qua được. Nghe tiếng động nhẹ, tiểu Tông Diễn hết hồn khi mở mắt ra đã thấy Hòa thượng đang đứng một bên chấp tay nói nhỏ: "Xin lỗi nhé!"

Sau này Thiền sư Tông Diễn thuật lại chuyện xưa, nói thêm rằng: "Lúc ấy tôi là một chú tiểu, xấu hổ vô cùng, mặt tôi đỏ gay. Đã trốn ngủ trưa là đáng bị mắng trăm phần, nhưng Hòa thượng không la mà còn chấp tay lại nói 'Xin lỗi nhé' nữa, thật là tội lỗi với một vị ân sư có lòng từ bi như thế."

Thiền sư Tông Diễn nói tiếp trong cảm động: "Vì biết 'chúng sanh sẽ thành Phật' cho nên Hòa thượng Tông Tuấn có thể chấp hai tay lại với tiểu tăng ngủ trộm như thế. Phải học phương pháp giáo dục theo quan điểm Phật

tánh của ân sư Tông Tuấn nhiều lắm!"

(Theo Thiền Lâm Tế Nhật Bản)

BÀI HỌC ĐẠO LÝ

Hình ảnh một vị đại sư đạo cao đức trọng chấp tay xin lỗi vì đã quấy rầy giấc ngủ trưa của chú tiểu thật là vĩ đại, cao cả như Thái sơn. Chỉ có bậc giác ngộ đại nhân đại đức mới có thể làm được việc vốn không dễ làm này. Với một bậc thầy đức độ như Hòa thượng Tông Tuấn thì chắc chắn sẽ trui rèn đệ tử sớm trưởng thành, lợi đạo ích đời.

Và có lẽ nhờ bài pháp chỉ có 3 chữ "Xin lỗi nhé" nặng về thân giáo ấy, đã tác động mạnh mẽ lên tâm hồn người đệ tử, khiến chú tiểu Tông Diễn (Soyen Shaku, 1859-1919) về sau trở thành vị Thiền sư trưởng thượng danh tiếng (Lão sư-Roshi) của Thiền phái Lâm Tế (Nhật Bản), và là một trong những bậc tiên phong truyền bá Chánh pháp đến Hoa Kỳ.

Người Trung Hoa xưa có câu "Hổ phụ sanh hổ tử" để hàm ý nói đến năng lực truyền thừa, giáo dưỡng của các bậc thầy. Một bậc thầy hội đủ các yếu tố của vị minh sư mới có thể đào luyện nên thế hệ kế thừa xứng đáng. Cũng giống như thời Thế Tôn còn tại thế, đệ tử của Ngài hầu hết là Bồ tát, La hán và Thánh tăng.

Những bậc thầy ngày nay cũng đang đào tạo thế hệ kế thừa nhưng xem ra kết quả chỉ trong chừng mực nhất định. Có lẽ các ngài quá kỳ vọng vào sự giáo dục của các học đường lớn nhỏ ở trong nước và thế giới mà quên đi "phương pháp giáo dục theo quan điểm Phật tánh của ân sư Tông Tuấn" (lời của Tông Diễn) chẳng?

Trong khi khai mở tuệ giác, hiển bày Phật tánh mới là trọng tâm, mục tiêu đích thực của nền giáo dục Phật giáo. Do đó, giáo dục theo phương pháp đánh thức sự giác ngộ của đệ tử biểu lộ qua thân giáo với từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha của các bậc thầy phải được chú trọng. Và những bậc thầy cần noi gương Đại sư Tông Tuấn, làm được những việc khó làm, thì mới có thể un đúc nên thế hệ kế thừa xứng đáng để xiển dương Phật pháp.

Cổng chính chùa Engaku.



TRỞ VỀ MỤC LỤC



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
GIÁO HỘI TĂNG GIÀ KHẮT SĨ THẾ GIỚI**

Đồng Tổ Chức An Cư Kiết Hạ

Từ ngày 16 tháng 6 đến 26 tháng 6 năm 2019

Tại Chùa Phật Đà và Như Lai Thiên Tự San Diego, California, Hoa Kỳ

---oOo---

THÔNG BÁO AN CƯ

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni,

An Cư Kiết Hạ là pháp môn được hành trì một cách miên mật kể từ thời Đức Phật cội tại thế. Sự hành trì miên mật ấy được biểu hiện qua các lãnh vực như là Chúng Tăng vân tập về một trú xứ, hành trì Giới Luật một cách tinh nghiêm, chia sẻ kinh nghiệm hiểu biết cho nhau cùng tu học, có lợi cùng chia trong sự quý kính và an vui sinh hoạt cùng một Đạo tràng... Đây chính là biểu tộ nếp sống cao quý, làm nơi nương tựa cho chính mình và cũng là nơi nương tựa vững chắc cho hàng nam nữ cư sĩ Phật tử trên tiến trình hộ pháp.

Năm nay, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ cùng Giáo Hội Tăng Già Khắt Sĩ Thế Giới đồng tổ chức Khóa An Cư Kiết Hạ theo thời gian và địa điểm đã nói trên.

1. Chùa Phật Đà tổ chức ngày họp Đại hội Thường Niên của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (Bắt đầu họp lúc 9:00am, chủ nhật 16/6/2019).
2. Như Lai Thiên Tự là địa điểm An Cư Kiết Hạ (Bắt đầu Họp Tăng để Cung an chức sự trường Hạ vào lúc: 7:00pm chủ nhật, ngày 16/6/2019).

Do vậy, Ban Tổ Chức Trường Hạ kính gởi Thông Báo này đến Chư Tôn Đức Tăng Ni để liễu tri và sắp xếp Phật sự tại địa phương mình mà đồng cầu hội về Tịnh Nghiệp Đạo Tràng Như Lai Thiên Tự để thúc liễm thân tâm, vun bồi giới đức, tiến tu đạo nghiệp.

Mọi chi tiết để liên lạc ghi danh:

- **Như Lai Thiên Tự:** 3340-3342 Central Ave, San Diego, CA 92105
Email: nhulaitientu@yahoo.com hoặc email: minhhoi99@yahoo.com
HT Thích Minh Hôi. Tel: (619) 563-5817
- **Chùa Phật Đà:** 4333 30th Street, San Diego, CA 92104
Email: chuaphatdasd@yahoo.com; HT Thích Nguyên Siêu. Tel: (619) 283-7655

Thành kính đánh lễ và kính chúc quý Ngài pháp thể khinh an, đạo nghiệp viên thành.

San Diego, ngày 28 tháng 11 năm 2018

Chùa Phật Đà
HT Thích Nguyên Siêu

Như Lai Thiên Tự
HT Thích Minh Hôi

SÁNG ĐẦU NĂM THẮP HƯƠNG LẠY PHẬT

Thành tâm ba nén hương này
Giới Định Tuệ thấm rức đầy mệnh mông
Chẳng chờ chẳng đợi chẳng mong
Không nhân không ngã giữa vòng tử sinh
Nơi an lành? chốn vô minh?
Trong từng hơi thở vô thường là đây.

VỊ TRÀ ĐẦU NĂM

Chẳng gặt đầu, chẳng nói, chẳng cười
Bên hiên vài cánh mai vừa nở
Tách trà cao nguyên thiếu vắng bạn hiền
Chỉ có tiếng chim sẻ thăm thì cùng ta.

NGHE ĐAU TỪ TRONG TA

Cúi xuống, đất thơm mùi mưa năm cũ
Còn sót lại trên bụi cỏ bên nhà
Đâu đó tiếng chuông chùa đưa lại
Theo gió đông tàn vương váu nợ trần ai.



SÔNG ĐÊM

Ta dừng chân bên đê hơi mùa xuân ngập nhè
Chạm sóng sông đêm mang nặng một chuyến đò
Mưa cuối năm chết ngất ôm theo trăng nghiêng ngã
Chim ăn khuya khua cánh gọi động cả sơn hà.

PHƯƠNG TRỜI MỘNG

Có một phương trời mộng,
Lãng đãng khói sương sớm trưa chiều,
Chứa đựng ba thời trong ba cõi,
Làm kiếp người chao đảo giữa thực hư.
Em thích phương trời mộng,
Mơ để thấy đời này vốn đẹp vô ngần,
Đến như đi, đi như đến,
Chi bằng cùng ta đứng lại bên đời.
Nắm tay nhau hóa làm người “mơ mộng,”
Yêu ngàn năm ngàn kiếp cũng chỉ một sát na.

thơ

THỰC ĐỘ



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
CHÙA BÁT NHÃ

Bat Nha Meditation Institute of America – Bat Nha Buddhist Temple
4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 571-0473



CHƯƠNG TRÌNH TẾT KỶ HỢI 2019

Ngày 26 tháng 1 năm 2019

11:00 AM: THỈNH TRO CỐT TỪ CHÙA CŨ VỀ CHÙA MỚI

Ngày 27 tháng 1 năm 2019

10:00 AM: LỄ LẠC THÀNH NIỆM ÂN ĐƯỜNG – AN VỊ LINH & LỄ TẮT NIÊN

Ngày 4 tháng 2 năm 2019 (30 tháng Chạp năm Mậu Tuất)

8:00 PM: KHÓA LỄ SÁM HỐI CUỐI NĂM

11:45 PM: LỄ ĐÓN GIAO THỪA - MỪNG NĂM MỚI KỶ HỢI

Ngày 5 tháng 2 năm 2019 (mùng Một Tết Kỷ Hợi)

11:00 AM: CÚNG NGỌ - CÚNG HƯƠNG LINH

Ngày 6 tháng 2 năm 2019 (mùng Hai Tết Kỷ Hợi)

7:00 PM: KHAI ĐÀN DƯỢC SƯ – TUYÊN SỞ CẦU AN ĐẦU NĂM

Ngày 7 đến ngày 17 tháng 2 năm 2019

7:00 PM: TỤNG KINH DƯỢC SƯ – TUYÊN SỞ CẦU AN

Ngày 9, 10 & 16 tháng 2 năm 2019 (mùng 5,6 & 12 tháng Giêng năm Kỷ Hợi)

7:00 AM: HÀNH HƯƠNG ĐẦU XUÂN

Ngày 18 tháng 2 năm 2019

7:00 PM: KHÓA LỄ SÁM HỐI ĐẦU NĂM

Ngày 19 tháng 2 năm 2019 (Rằm tháng Giêng năm Kỷ Hợi)

11:00 AM: MÃN ĐÀN DƯỢC SƯ – HÓA SỞ

GHI CHÚ:

- Chùa Bát Nhã đãi ăn miễn phí vào Tối Giao Thừa và Ngày mùng Một Tết.
- Chùa Bát Nhã tổ chức HÀNH HƯƠNG ĐẦU XUÂN cùng đường các Chùa, Tự Viện ở các vùng San Diego, Riverside, Long Beach và Los Angeles.
- Các Khóa Tu của Chùa sẽ bắt đầu lại vào ngày thứ Bảy 23 tháng 2 năm 2019.

Cung Chúc Tân Xuân

TAM PHÁP ẤN

(Three Characteristic Marks of the Buddha's Teachings)

Thích Nguyên Tạng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Niềm tin là đức tính cao quý, cần thiết và rất quan trọng trong đời sống của người Phật tử. Niềm tin đóng một vai trò quan trọng mà ai cũng có để giúp người ấy đến với Phật quả. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật từng dạy rằng: "Niềm tin là mẹ đẻ của công đức." Đạo Phật là đạo Giác Ngộ, muốn đạt được giác ngộ hành giả phải có niềm tin chân chính, mà niềm tin chân chánh ấy phải có cơ sở thực tế và trí tuệ đúng như thật.

Trên tinh thần đó, đối với hệ thống Kinh Điển do Đức Phật truyền dạy trong 49 năm, người học Phật phải có cơ sở để chứng tín rằng đó là lời Phật dạy, cơ sở đó chư Tổ Đức gọi là Pháp Ấn. Trong Phật Giáo có hai loại Pháp ấn: Nhất Pháp Ấn và Tam Pháp Ấn. NHẤT PHÁP ẤN là nói đến Kinh Điển liễu nghĩa của Bắc Truyền Phật Giáo. Nhất Pháp Ấn là Thật Tướng Ấn tức là lấy thật tướng của các pháp làm gốc, nên nói nghĩa lý thật tướng của các pháp là ấn tín của hệ thống tư tưởng Phật giáo Đại Thừa. Bất cứ giáo lý nào không dựng lập trên quan điểm này, thì Phật giáo Đại Thừa đều xem là tà thuyết.

TAM PHÁP ẤN là dành riêng cho Kinh Điển bất liễu nghĩa của Nam Truyền Phật Giáo. Bài viết này sẽ trình bày sơ lược về TAM PHÁP ẤN.

Ấn (印) có nghĩa là con dấu, hay con mộc, để chứng nhận chính thức cho một tổ chức, một đoàn thể nào đó, thứ hai, ấn là nói lên chủ trương, đường hướng được đưa ra trong tổ chức đó. Chữ **ấn** ở đây được dùng như một danh từ trừu tượng để làm tròn hai nhiệm vụ: chứng tín cho những Kinh điển hiện hành là lời Phật dạy, thứ hai là chỉ cho tư

tưởng chủ đạo của Kinh Điển Nam Truyền Phật Giáo. Tam Pháp Ấn đó là:

- **Chư Hành Vô Thường**
- **Chư Pháp Vô Ngã**
- **Niết Bàn Tịch Tĩnh**

Kinh điển của Tiểu Thừa Phật giáo được ấn định bởi ba Pháp Ấn trên, nếu không như thế thì chính là tà thuyết.

I/CHƯ HÀNH VÔ THƯỜNG:

Các hành vô thường (Phạn: Anitya sarvasamskarah, Pali: anicca, E: impermanence), còn gọi là Nhất thiết hành vô thường ấn, Nhất thiết hữu pháp vô thường ấn, gọi tắt là Vô Thường ấn): Tất cả các pháp hữu vi ở thế gian đều vô thường, dời đổi, biến chuyển, sinh diệt không ngừng. Chúng sinh không nhận biết điều này nên đối với vô thường mà lầm chấp là thường, nên triền miên thống khổ, vì thế Phật

nói vô thường để phá chấp thường của chúng sinh.

Vô thường là đặc tính chung của mọi sự sinh ra có điều kiện, tức là thành, trụ, hoại, không arises, dwells, passes away, emptiness). Từ tính vô thường ta có thể suy ra hai đặc tính kia là Khổ (dukkha) và Vô ngã (anatman). Vô thường là tính chất cơ bản của cuộc sống, không có vô thường thì không có sự tồn tại, vô thường cũng chính là khả năng dẫn đến giải thoát. Có tri kiến vô thường, hành giả mới bước vào Thánh đạo. Vì thế tri kiến vô thường được xem là tri kiến của bậc Dự lưu. (Impermanence is the basis of life, without which existence would not be possible; it is also the precondition for the possibility of attaining liberation. Without recognition of anitya there is no entry into the supramundane path, thus the insight leading to "stream entry").





*** Vô thường có hai loại:**

- Sát na vô thường, chỉ cho sự biến hóa trong từng sát na, có sinh, trụ, dị, diệt.
- Tương tục vô thường, chỉ trong một thời kỳ có 4 tướng sinh, trụ, dị, diệt nối tiếp nhau.

*** Có ba loại vô thường:**

- Niệm niệm hoại diệt vô thường: trong từng sát na nhỏ nhất đều ẩn chứa sự hoại diệt vô thường.
- Hòa hợp ly tán vô thường: mọi sự vật hiện tượng hòa hợp để rồi ly tán, tan rã, vô thường.
- Tất cánh như thị vô thường: chân lý về sự vô thường trong cuộc đời này là như thế. Sự vô thường luôn luôn có mặt.

Trong Kinh Niết Bàn (quyển 4) Phật nói về Vô thường như sau:

Chư hành vô thường

Thị sinh diệt pháp

Sinh diệt diệt dĩ

Tịch diệt vi lạc

Các hành vô thường

Là pháp sinh diệt

Sinh diệt hết rồi

Tịch diệt là vui.

Thiền Sư Vạn Hạnh đời nhà Lý (1010 - 1225) trước giờ thị tịch đã nhắc nhở chúng đệ tử về sự vận hành của vô thường qua bài kệ:

Thân như điện ảnh hữu hoàng vô,

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.

Nhậm vận tịnh suy vô bổ úy,

Thịnh suy như lộ thảo đầu phô".

HT. Mật Thể dịch:

Thân như bóng chớp chiều tà

Cỏ cây tươi tốt qua thu rụng rồi

Sá chi suy thịnh việc đời

Thạnh suy như hạt sương rơi đầu cành.

Kinh Kim Cang cũng nói:

Nhất thiết hữu vi pháp

Như mộng huyễn bào ảnh

Như lộ diệt như diễn

Ứng tác như thị quán.

(Tất cả pháp hữu vi, như chiêm bao, ảo thuật, bóng nước, ảnh tượng, sương mai, điện chớp, rất cần phải có cái nhìn như thế)

Các pháp thế gian thuộc hữu vi

Như đêm đông giấc mộng đông thù

Như đồ giả dối không bền chắc

Như bọt nước tan mất cấp kỳ.

Như bóng trong gương nào phải có

Như sương giọt nắng chẳng còn chi

Như luồng điện chớp làm gì có

Nhận xét như vậy mới thật tri.

Nhận thức được như thế để không khỏi đau khổ, lo âu, sợ hãi khi vô thường đến.

II/ CHƯ PHÁP VÔ NGÃ:

Các pháp vô ngã (Phạn: Niratmāṇasārva-dharmā), còn gọi là nhất thiết pháp vô ngã ấn, gọi tắt là Vô ngã ấn). Tất cả các pháp hữu vi ở thế gian nói chung đều là vô ngã, không có chủ thể nhất định, chúng sinh không rõ biết nên đối với tất cả pháp lầm chấp là có chủ thể, vì thế Phật nói Vô ngã để phá trừ chấp ngã của chúng sinh.

Vô ngã (Nonself- Anatman) là một giáo lý căn bản của Đạo Phật, cho rằng, không có một Ngã (atman), một cái gì trường tồn, bất biến, nhất quán, tồn tại độc lập nằm trong mọi sự vật. Theo Đạo Phật, cái ngã, "cái tôi" cũng chỉ là một tập hợp của "năm nhóm" (Ngũ uẩn - Five aggregates - Skandha), luôn luôn thay đổi, mất mát và vì vậy "tôi" chỉ là giả hợp, gắn liền với cái khổ đau, không có chủ thể nhất định. Ví dụ, con người được cấu tạo bằng một tổng thể ngũ uẩn: Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

- **Sắc uẩn:** chỉ cho phần vật chất, thân thể như mắt, tai, mũi, lưỡi, da, mình, tứ chi.

- **Thọ uẩn:** là chỉ cho toàn bộ cảm giác, không phân biệt chúng là dễ chịu hay khó chịu hay trung tánh.

- **Tưởng uẩn:** là nhận biết các cảm giác như âm thanh, màu sắc, mùi vị... kể cả nhận biết ý thức đang hiện diện.

- **Hành uẩn:** vận hành của tâm lý, chỉ sự hoạt động của tâm sau khi có tưởng, ví dụ như đánh giá, vui thích, ghét bỏ, quyết tâm, tỉnh giác..

- **Thức uẩn:** bao gồm sáu dạng ý thức liên hệ tới sáu giác quan: ý thức của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Qua sự phân tích chi tiết của năm uẩn trên ta không thấy cái uẩn nào là của ta, vậy mà lâu nay ta lầm tưởng uẩn này là thật có để rồi ta tự gây đau khổ cho mình và cho người.

III/ NIẾT BÀN TỊCH TĨNH:

Niết bàn tịch tĩnh (Phạn: Satam nirvanam, còn gọi là Niết bàn tịch diệt ấn, Tịch diệt niết-bàn ấn, còn gọi là Diệt, Diệt Tận, Diệt độ, Tịch diệt, Bất Sinh, Viên Tịch, Giải thoát, Vô vi, An lạc, từ phổ biến và gọi tắt là Niết bàn. Tất cả chúng sinh không rõ biết khổ đau sinh

tử cho nên tạo nghiệp, trôi lăn trong ba cõi, sáu đường, vì thế Phật nói Niết Bàn tịch diệt cho chúng sinh quy hướng.

Niết bàn là mục tiêu tối hậu phải đạt được của tất cả những đệ tử Phật, dù họ thuộc về tông phái nào, Nguyên Thủy hay Đại Thừa. Theo Phật Giáo Nguyên Thủy, Niết bàn được xem là đoạn tuyệt vòng luân hồi (Samsara) và đi vào một thể tồn tại khác (Nibbana is departure from the cycle of re-births and entry into an entirely different mode of existence). Đó là sự tận diệt gốc rễ của ba độc: tham, sân và si (desire, hatred & delusion). Đồng thời Niết Bàn có nghĩa là không còn chịu sự tác động của nghiệp (Karma/action), không còn chịu quy luật của nhân duyên, ở trạng thái vô vi, tức là đặc tính thiếu vắng sự sinh, trụ, di, diệt hoặc thành, trụ, hoại, không. Còn theo Phật giáo Đại Thừa, Niết Bàn được xem là sự thống nhất với cái Nhất thể tuyệt đối (sự bình đẳng của chúng sinh- Sattvasamata), sự thống nhất luân hồi với dạng "chuyển hóa" của nó. Niết bàn được xem như sự lưu trú trong tính tuyệt đối, sự an lạc khi thấy mình cùng một thể với tuyệt đối, khi thấy mình giải thoát khỏi mọi ảo giác, mọi biến tướng của tham ái.

Có hai loại Niết Bàn:

a) Hữu dư Niết bàn:

Tiếng phạn: Savupadisesa-Nibbana: Niết bàn còn tàn dư, Niết bàn trước khi tịch diệt. Niết bàn này là trạng thái của các thánh nhân đã loại bỏ phiền não, không còn tái sinh. Các vị này còn sống trên đời nên vẫn còn ngũ uẩn, còn có nhân trạng, nên gọi là "hữu dư."

b) Vô dư Niết bàn:

Tiếng phạn: Anupadisesa-nibbana: là Niết bàn không còn – ngũ uẩn, mười hai xứ, mười tám giới và các căn. Niết bàn Vô Dư đến với một vị A La Hán sau khi viên tịch, không còn tái sinh. Loại Niết Bàn này cũng được gọi là Niết Bàn toàn phần hay Bát Niết Bàn.

Bát Chánh Đạo - con đường đưa tới Niết bàn:

Kinh Tăng Nhất A Hàm (số 18), các vị Tỷ kheo hỏi Tôn giả Xá Lợi Phật về Niết Bàn: "Bach Đại Đức, làm thế nào để an trú trong Trung đạo, làm thế nào để tuệ nhãn sanh, làm thế nào để trí tuệ sinh và làm thế để đưa tới Niết bàn." Ngài Xá Lợi Phật trả lời: "Này chư Hiền giả, đó là con đường Bát Chánh Đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đó chính là con đường đưa hành giả vào trung đạo, làm

cho tuệ nhãn sinh, làm cho trí tuệ sinh và làm cho an trú vào Niết bàn."

Bát Chánh Đạo: con đường tám nhánh giải thoát khỏi khổ đau để đạt đến Niết bàn, là chân lý cuối trong Tứ Diệu Đế. Bát Chánh Đạo là một trong 37 Bồ Đề Phần.

Đó chính là: 1. Chánh kiến: gìn giữ một quan niệm xác đáng về giáo lý; 2. Chánh tư duy: suy nghĩa hay có một mục đích dẫn, suy xét về ý nghĩa của bốn chân lý một cách không sai lầm; 3. Chánh ngữ: không nói dối, không nói lời phù phiếm; 4. Chánh nghiệp: không phạm các giới luật; 5. Chánh mạng: tránh các nghề nghiệp giết hại như đồ tể, thợ săn, buôn bán vũ khí, thuốc phiện; 6. Chánh tinh tấn: siêng năng phát triển nghiệp tốt, loại bỏ nghiệp xấu; 7. Chính niệm: tỉnh giác và tu tập trên ba nghiệp: thân, khẩu và ý; 8. Chánh định: tập trung tâm ý để đạt bốn tầng thiền xuất thế gian. Bát Chánh Đạo không nên hiểu là những "con đường" riêng biệt mà chính là ba môn học mà hành giả phải thực hành triệt để xuyên qua Giới (gồm chánh ngữ, chánh nghiệp & chánh mạng), Định (gồm Chánh tinh tấn, chánh niệm & chánh định) và Tuệ (gồm Chánh kiến & chánh tư duy). Chánh kiến là điều kiện tiên quyết để đi vào Thánh Đạo và đạt đến Niết bàn.

Kết luận:

Trong Kinh Trung Bộ, Đức Phật dạy: "Này chư Tỷ kheo, từ xưa cho đến nay, ta chỉ nói lên hai vấn đề: Khổ và phương pháp diệt khổ." Khổ là các hành vô thường, các pháp vô ngã (pháp ấn thứ 1 và 2), và phương pháp diệt khổ chính là Niết bàn tịch tĩnh (pháp ấn thứ 3).

Cuộc sống hiện nay và ngày mai vô cùng náo động và cuồng nhiệt, con người luôn đánh mất mình trong mọi sát na của đời sống vật chất, phù du giả tạm này, để rồi cuối cùng phải chịu sự chi phối, hành hạ của vô thường, khổ đau, của sinh tử luân hồi. Tam pháp ấn là giáo lý căn bản của Phật giáo giúp cho chúng ta suy ngẫm và áp dụng vào trong đời sống của chính mình, để cho đời mình bớt khổ.

Thích Nguyên Tạng

Tham khảo từ các tài liệu: Phật Học Phổ Thông (HT Thiện Hoa); Từ Điển Phật Học (Chân Nguyên – Nguyễn Tường Bách); The Encyclopedia of Eastern Philosophy and Religion (Ed. Stephan Schumacher & Gert Woerner).

Ảnh hưởng của Phật Giáo đối với Nền Văn học Mỹ

HUỲNH KIM QUANG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ngày nay Phật Giáo đã đi vào sinh hoạt thường nhật của người dân Mỹ một cách sâu rộng, từ những giờ phút thực hành Thiền trong quân đội, sở cứu hỏa, ty cảnh sát, trường học và công tư sở đến phương thức trị liệu tâm lý trong y học.

Nhưng gần hai thế kỷ trước, Phật Giáo đã có ảnh hưởng lớn trong nền văn học Mỹ qua phong trào triết lý và văn học American Transcendentalism (Phong Trào Siêu Việt Mỹ), với các văn thi sĩ lừng danh như Ralph Waldo Emerson (1803-1882), Henry David Thoreau (1817-1862), Walt Whitman (1819-1892). Một thế kỷ sau đó, phong Trào Beat cũng chịu ảnh hưởng sâu đậm của Phật Giáo trong sáng tác và còn kéo dài cho đến nay.

Để thấy rõ hơn các phong trào văn học Mỹ chịu ảnh hưởng Phật Giáo như thế nào, thiết tưởng cũng nên nhìn qua các thời kỳ văn học của Xứ Cổ Hoa trải dài từ thời thuộc địa cho đến ngày nay.

Các Thời Kỳ Văn Học Mỹ

Giáo Sư Tiến Sĩ Adam Burgess, hiện dạy tại Đại Học College of Southern Nevada, và cũng là nhà phê bình văn học, trong bài viết "A Brief Overview of American Literary Periods," (1) được cập nhật vào ngày 28 tháng 4 năm 2018, đã tóm lược lịch sử văn học Mỹ trải qua 9 thời kỳ như sau:

1/ Thời Kỳ Thuộc Địa (The Colonial Period – 1607-1775): Bắt đầu từ khi thực dân Anh đặt nền cai trị tại Bắc Mỹ vào năm 1607 đến sau Chiến Tranh Cách Mạng hay Chiến Tranh Giành Độc Lập của người Mỹ. Văn học trong thời kỳ này mang tính lịch sử và tôn giáo. Một số nhà văn trong thời kỳ này gồm Phillis Wheatley, Cotton Mather, William Bradford, Anne Bradstreet, và John Winthrop. Các tác phẩm như "A Narrative of the Uncommon Sufferings," và "Surprising Deliverance" của nhà văn da đen đầu tiên Briton Hammon đã được xuất bản tại Boston vào năm 1760.

2/ Thời Kỳ Cách Mạng (Revolutionary War – 1765-1790): Bắt đầu một thập niên trước Cuộc Chiến Tranh Cách Mạng và chấm dứt vào

khoảng 25 năm sau đó, với các tác phẩm của Thomas Jefferson, Thomas Paine, James Madison, và Alexander Hamilton. Đây là thời kỳ cực thịnh của các tác phẩm chính trị, mà trong đó quan trọng nhất là "Bản Tuyên Ngôn Độc Lập," và các văn kiện lịch sử "The Federalist Papers" của nhiều tác giả, và thơ của Joel Barlow và Philip Freneau.

3/ Thời Kỳ Đầu Lập Quốc (The Early National Period – 1775-1828): Đây là thời kỳ Văn Học Mỹ độc lập với truyền thống văn học Anh Quốc với kịch bản đầu tiên của người Mỹ viết vào năm 1787 cho sân khấu có tựa đề "The Contrast" của kịch tác gia Mỹ Royall Tyler, và cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Mỹ "The Power of Sympathy" ra đời vào năm 1789 của nhà văn William Hill. Trong thời kỳ này còn có các văn sĩ như Washington Irving, James Fenimore Cooper, và Charles Brockden Brown với những tác phẩm văn chương mang đặc tính Mỹ, trong khi các thi sĩ Edgar Allan Poe và William Cullen Bryant sáng tác thơ không còn hơi hám của truyền thống văn chương Anh.

4/ Thời Kỳ Phục Hưng Mỹ (The American Renaissance – 1828-1865): Cũng được biết như là Thời Lãng Mạn của văn học Mỹ và Thời Kỳ Siêu Việt, thời kỳ này được mọi người thừa nhận như là vĩ đại nhất của Văn Học Mỹ. Các khuôn mặt lớn gồm có Walt Whitman, Ralph Waldo Emerson, Henry David Thoreau, Nathaniel Hawthorne, Edgar Allan Poe và Herman Melville. Emerson, Thoreau, và Margaret Fuller được xem như là tạo ra được sắc thái văn học và tư tưởng có sức ảnh hưởng lớn đến nhiều văn thi sĩ sau này. Thời kỳ này cũng đánh dấu sự khởi đầu của Chủ Nghĩa Phê Bình Văn Học Mỹ, mà dẫn đầu là Edgar Allan Poe, James Russell Lowell, và William Gilmore Simms.

5/ Thời Kỳ Hiện Thực (The Realistic Period – 1865-1900): Kết quả của Cuộc Nội Chiến Mỹ, phong trào Tái Cấu Trúc và thời kỳ Kỹ Nghệ Hóa, tư tưởng và sự tự giác của người Mỹ đã thay đổi trong nhiều phương cách sâu xa, và do đó, đã phản ảnh trong văn học Mỹ. Một số khái niệm lãng mạn của Thời Kỳ Phục Hưng Mỹ đã được thay thế bởi cách mô tả hiện thực

của cuộc sống người Mỹ, như được biểu hiện trong các tác phẩm của William Dean Howells, Henry James, và Mark Twain. Những thi sĩ tầm cỡ như Walt Whitman và Emily Dickinson cũng có mặt trong thời kỳ này.

6/ Thời Kỳ Thiên Nhiên (The Naturalist Period – 1900-1914): Thời kỳ này tương đối ngắn được xem như là sự nối tiếp đời sống sáng tạo về hiện thực cuộc sống mà các nhà văn học hiện thực đã làm mấy thập niên trước. Các tác giả của thời kỳ này gồm, Frank Norris, Theodore Dreiser, và Jack London, với nhiều tiểu thuyết được ghi đậm nét trong lịch sử văn học Mỹ. Các nhân vật trong những tiểu thuyết của thời kỳ này là các nạn nhân của bản năng và những điều kiện kinh tế và xã hội. Nữ văn sĩ Edith Wharton có nhiều tác phẩm văn chương cổ điển đáng yêu như "The Custom of the Country (1913)," "Ethan Frome (1911)," và "House of Mirth (1905)."

7/ Thời Kỳ Hiện Đại (The Modern Period – 1914-1939): Sau Thời Kỳ Phục Hưng, Thời Kỳ Hiện Đại là có ảnh hưởng và phong phú lớn thứ 2 trong văn học Mỹ. Những thi sĩ nổi bật trong thời kỳ này gồm, E.E. Cummings, Robert Frost, Ezra Pound, William Carlos Williams, Carl Sandburg, T.S. Eliot, Wallace Stevens và Edna St. Vincent Millay. Còn bên văn sĩ thì có Willa Cather, John Dos Passos, Edith Wharton, F. Scott Fitzgerald, John Steinbeck, Ernest Hemingway, William Faulkner, Gertrude Stein, Sinclair Lewis, Thomas Wolfe và Sherwood Anderson. Cùng xuất hiện trong thời kỳ này còn có các phong trào Jazz Age, the Harlem Renaissance, và the Lost Generation. Cuộc Đại Suy Thoái Kinh Tế đã ảnh hưởng rất lớn đến các sáng tác của những văn thi sĩ trong thời kỳ này, như các tác phẩm của Faulkner và Steinbeck, và các vở kịch của Eugene O'Neill.

8/ Thời Kỳ Thế Hệ Beat (The Beat Generation – 1944-1962): Các tác giả của phong trào Beat, như Jack Kerouac và Allen Ginsberg, đều chống lại nền văn học truyền thống, trong văn chương, và chống lại các thể chế chính trị. Thời kỳ này xuất hiện những tác phẩm thú vị và tình dục đưa đến các thách thức pháp lý và tranh luận về sự kiểm duyệt tại Mỹ. William S. Burroughs và Henry Miller là 2 tác giả có những tác phẩm đối diện với những thách thức kiểm duyệt. Nhiều tác giả của thời kỳ này đã tạo cảm hứng cho nhiều phong trào chống văn hóa khuôn thước trong 2 thập niên sau đó.

9/ Thời Kỳ đương Đại (The Contemporary Period – 1939-tới nay): Sau Thế Chiến II, văn học Mỹ đã lan rộng và đa dạng trong đề tài, kiểu cách, và mục tiêu. Thời kỳ từ 1939 tới nay có nhiều tác giả nổi tiếng, tiêu biểu như: Kurt Vonnegut, Amy Tan, John Updike, Eudora Welty, James Baldwin, Sylvia Plath, Arthur Miller, Toni Morrison, Ralph Ellison, Joan Didion, Thomas Pynchon, Elizabeth Bishop, Tennessee Williams, Sandra Cisneros, Richard Wright, Tony Kushner, Adrienne Rich, Bernard Malamud,

Saul Bellow, Joyce Carol Oates, Thornton Wilder, Alice Walker, Edward Albee, Norman Mailer, John Barth, Maya Angelou và Robert Penn Warren.

Ngoài ra, còn có Thời Kỳ Văn Thi Sĩ Người Mỹ Gốc Việt là sự kiện văn học khác tại Mỹ liên quan đến cộng đồng người Mỹ gốc Việt mà không thể không nói đến, đó là sự xuất hiện của các văn thi sĩ người Mỹ gốc Việt trong nền văn học Hoa Kỳ kể từ sau biến cố 30 tháng 4 năm 1975, khi làn sóng người Việt tị nạn đến Mỹ định cư ngày càng đông, đặc biệt đối với thế hệ một rưỡi và hai là những người Mỹ gốc Việt được trưởng thành hay sinh trưởng trong nền văn hóa và văn học Mỹ.

Trong bài viết "7 New Asian-American Writers You Should Be Paying Attention To" của tác giả Shashank Rao tại Đại Học University of Michigan đề cập đến 1 văn sĩ và 1 thi sĩ người Mỹ gốc Việt đã có nhiều tác phẩm được xuất bản tại Mỹ, trong đó nhà văn Nguyễn Thanh Việt nhận giải Pulitzer Prize for Fiction vào năm 2016 qua tác phẩm "The Sympathizer," và thi phẩm "Night Sky with Exit Wounds," của nhà thơ Ocean Vuong đã được đưa vào trong số các tập thơ hay nhất của báo The New Yorker trong năm 2016.(2)

Trong bài viết "Vietnamese and Vietnamese American Lit: A Primer from Viet Thanh Nguyen" đã đề cập đến nhiều tác giả người Mỹ gốc Việt và những tác phẩm của họ. Trong đó gồm có: Nguyễn Thanh Việt, Ocean Vuong, Quan Barry, Thi Bui, Lan Cao, Le Ly Hayslip, Thanhha Lai, Andrew Lam, Nguyen Qui Duc, Bao Phi, Le Thi Diem Thuy, GB Tran, Vu Tran, Monique Truong. Ngoài ra trong trang mạng www.goodreads.com đã đề cập đến nhiều tác phẩm của các văn thi sĩ người Mỹ gốc Việt mà trong đó gồm có: Kien Nguyen, Linh Dinh, Bich Minh Nguyen.(3)

Trong các thời kỳ văn học Mỹ nói trên, có 2 thời kỳ chịu ảnh hưởng Phật Giáo sâu đậm nhất, đó là Thời Kỳ Phục Hưng và Thời Kỳ Beat Generation, với 2 phong trào văn học nổi tiếng American Transcendentalism và Beat Generation.

Phong Trào American Transcendentalism (Siêu Việt Mỹ)

American Transcendentalism là phong trào triết học, xã hội và văn học khởi đầu vào giữa thập niên 1830s tại New England ở Hoa Kỳ. Người chủ đạo của phong trào này là thi hào Ralph Waldo Emerson. Phong trào là sự phản kháng đối với Thời Đại Lý Trí (Age of Reason) và phương cách thuần lý của nó trong tư duy. Những người khai sáng ra phong trào này tin rằng xã hội và các cơ chế có tổ chức như tôn giáo và chính trị đang làm sụp đổ tính thuần khiết của từng cá nhân con người. Phong trào được lập ra dựa vào các tư tưởng đa dạng của Ấn Độ Giáo, Phật Giáo và nhiều tôn giáo khác ở Á Châu. Thi hào Emerson có lần phát biểu rằng

niềm tin vào sự kỳ diệu được hình thành như "sự mở cửa vĩnh viễn của tâm thức con người để đón nhận sự lưu nhập của ánh sáng và quyền năng..." (4)

Các nhà văn học trong Phong Trào Siêu Việt cổ vũ ý tưởng về nhận thức riêng tư về Thượng Đế, tin rằng không cần trung gian cho sự liễu giải tâm linh. Họ theo chủ nghĩa duy tâm tập trung vào thiên nhiên và chống lại chủ nghĩa vật chất. Vì vậy những nhà văn học Siêu Việt nỗ lực tìm hiểu tôn giáo và triết lý Đông Phương mà trong đó có Ấn Độ Giáo, Phật Giáo, Bhagavad Gita, Lão Giáo, Khổng Giáo. Tư tưởng của những văn thi sĩ thuộc Phong Trào Siêu Việt bắt đầu đi vào văn học Mỹ, mà trong đó Phật Giáo đóng vai trò quan trọng.

Năm 1840 nhóm Siêu Việt cho ra báo The Dial (từ 1840 đến 1844), được gọi là "Tập Chí Của Tinh Thần Mới," với vị Chủ Bút đầu tiên là nhà văn Margaret Fuller (1810-1850). Thi hào Emerson nối tiếp Fuller để trở thành vị Chủ Bút thứ 2 của 2 năm sau cùng của tờ báo, chuyên khảo cứu về văn học và tôn giáo Á Đông. Bài viết đầu tiên của văn thi sĩ Henry David Thoreau cho tờ The Dial là về đời sống hoang dã tại Massachusetts.

Ralph Waldo Emerson (1803-1882)

Thi hào Ralph Waldo Emerson là con trai của Mục Sư William Emerson thuộc phái Unitarian, chủ bút nguyệt san The Monthly Anthology and Boston Review rất say mê văn học và triết học Đông Phương. Ralph mồ côi cha năm lên 7 tuổi và thừa hưởng gia tài duy nhất của người cha là một thư viện chứa đầy sách Đông Phương. Ralph trở thành con một sách từ nhỏ nên chỉ mới 14 tuổi ông được nhận vào trường Đại Học Harvard. Ông đặc biệt hứng thú với Ấn Độ Giáo và dần dần làm quen với Phật Giáo.

Ralph Waldo Emerson là nhà thơ, nhà bình luận, giáo sư nổi tiếng và nhà vận động cải cách xã hội. Ông là nhà tư tưởng dân chủ cấp tiến của thời đại ông, tin rằng qua tiến trình dân chủ thì tình trạng nô lệ sẽ được bãi bỏ. Năm 1820 ông cho xuất bản đặc san Journal. Năm 1822 sau khi tốt nghiệp, ông làm mục sư của phái Unitarian, nối bước người cha. Tuy nhiên, ông là một triết gia viết cách ngôn được xem như là triết gia Friedrich Nietzsche của Mỹ và có ảnh hưởng lớn đối với các văn thi sĩ như Walt Whitman, Henry David Thoreau, William James và nhiều người khác. Emerson thường được xem có đặc tính của một triết gia duy tâm và sáng tạo thuật ngữ triết học của chính ông, giải thích nó đơn giản như là sự thừa nhận rằng dự tính luôn luôn đi trước hành động. Đối với Emerson, tất cả mọi sự vật đều hiện hữu trong sự luân biến dịch không ngừng nghỉ, và "hiện hữu" là chủ đề của siêu hình học. Tư tưởng về sự biến dịch không ngừng của ông chính là tính vô thường mà Phật Giáo nói đến. Tự lực và độc lập tư duy là tư tưởng nền tảng của Emerson.

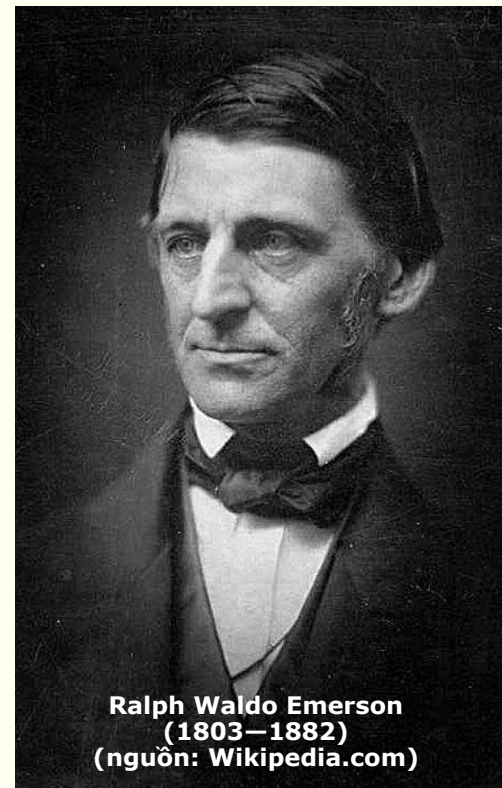
Quan điểm về "nhất thể" và "biến dịch" là tư tưởng quan trọng của Emerson và hoàn toàn không bao giờ tách triết lý của ông khỏi tư tưởng cơ bản đối với Phật Giáo: thực vậy, Emerson nói rằng "*Phật tử... là người siêu nghiệm.*" (5) Một trong những ảnh hưởng quan trọng nhất đối với lý tưởng siêu việt của Emerson là Phật Giáo. Mặc dù có bằng chứng cho thấy Emerson nghiên cứu về Phật Giáo Ấn Độ, nhiều triết thuyết của ông có vẻ

tương đồng với Thiền Phật Giáo. Mỗi bài viết của ông đều phản ánh một khía cạnh nào đó của lý tưởng siêu việt, nhưng có 4 điều quan trọng nhất khi nói đến các ảnh hưởng của Phật Giáo đối với ông: "Tự lực," "Tâm linh," "Luân hồi," và "nghiệp vận." 4 chủ đề này cho thấy sự tương đồng đáng kể giữa tư tưởng Emerson và Phật Giáo. "Tự lực" là một trong những chủ đề quan trọng hơn cả bởi vì nó giải thích phương cách tốt nhất để tiếp cận biện giải của ông về giác ngộ. Có rất nhiều tương đồng giữa triết lý của Emerson và Phật Giáo. Nhiều tư tưởng chủ đạo trong triết lý của Emerson chia sẻ cùng tư tưởng Phật Giáo. Khái niệm của Emerson về tâm tương tự với quan điểm của Phật Giáo về vô ngã, bởi vì cả hai đều nhấn mạnh đến sự vắng mặt của biên giới dùng để định nghĩa cá thể. Emerson chia sẻ cùng ý nghĩa về nghiệp, rằng việc thiện chỉ có thể được định nghĩa là thiện nếu chúng được thực hiện với chủ tâm và động cơ thiện.

Emerson có khoảng trên 20 tác phẩm và hàng chục bài tiểu luận và diễn thuyết, mà trong đó tác phẩm đầu tiên được ông sáng tác vào năm 1836 là cuốn "Nature" chứa đựng triết lý về Chủ Nghĩa Siêu Việt.

Trong đoạn cuối bài thơ The World-Soul, thi hào Ralph Waldo Emerson có cái nhìn lạc quan về thế giới không khác cái nhìn của một thiền sư:

*Spring still makes spring in the mind,
When sixty years are told;
Love wakes anew this throbbing heart,
And we are never old.
Over the winter glaciers,
I see the summer glow,
And through the wild-piled snowdrift*



Ralph Waldo Emerson
(1803-1882)
(nguồn: Wikipedia.com)

The warm rose buds below. (6)

Mùa xuân vẫn vươn lên trong tâm,
Cho dù đã ở tuổi sáu mươi;
Tình yêu đánh thức trái tim rộn ràng này,
Và chúng ta không bao giờ già.
Trên băng giá của mùa đông,
Ta vẫn thấy mùa hè sáng chói,
Dưới bao lớp tuyết phủ dày
Nụ hoa hồng ấm áp đang nẩy mầm.

Gần 800 năm trước đó vào thời Nhà Lý tại Việt Nam Thiền Sư Mãn Giác trong bài thơ Cáo Tật Thị Chúng [Cáo Bệnh Để Khai Thị Cho Đại Chúng] cũng có 2 câu cuối với ý nghĩa giống như 2 câu cuối trong bài thơ trên của Emerson.

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.
(HT Thích Thanh Từ dịch)

Nhưng phải đợi đến văn thi sĩ Henry David Thoreau thì ảnh hưởng của Phật Giáo mới bộc lộ hết sắc thái rực rỡ của nó trong văn học Mỹ.

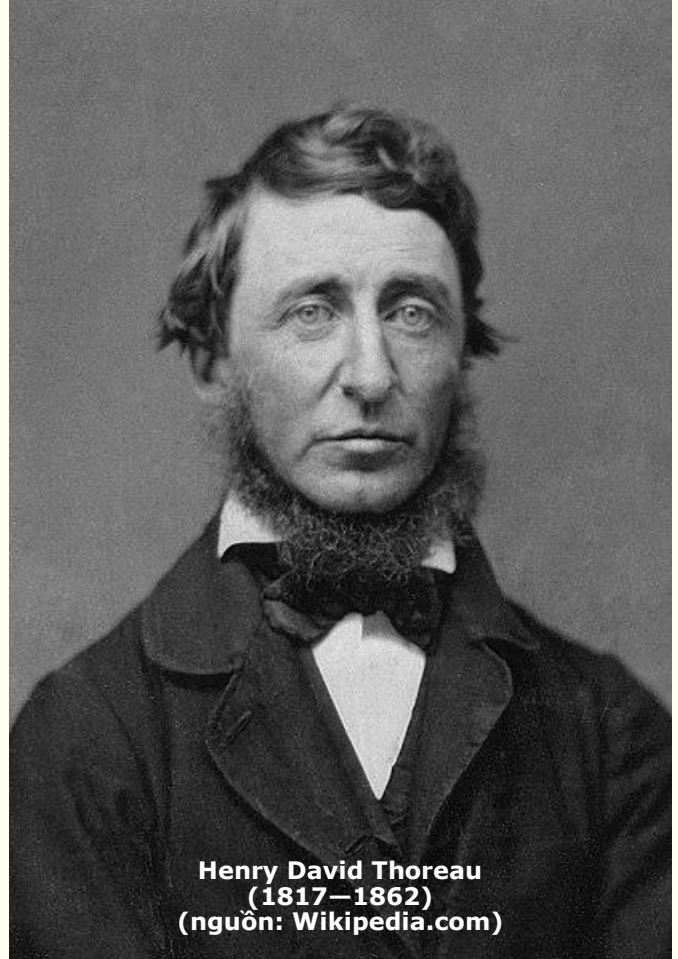
Henry David Thoreau (1817-1862)

Henry David Thoreau là nhà văn, nhà thơ, triết gia, và sử gia. Thoreau học tiếng La Tinh, Hy Lạp, Ý, Pháp, Đức, và Tây Ban Nha tại Đại Học Harvard, nơi mà lần đầu tiên ông biết đến thi hào Ralph Waldo Emerson qua bài diễn văn "The American Scholar" vào năm 1837.

Thoreau là nhà Siêu Việt hàng đầu nổi tiếng với tác phẩm "Walden," phản ánh cuộc sống đơn giản trong môi trường thiên nhiên, và tiểu luận "Civil Disobedience" [Bất Tuân Dân Sự], mà ban đầu có tựa đề là "Resistance to Civil Government" [Chống Lại Chính Quyền Dân Sự], là bài viết chống lại nhà nước bất công.

Thoreau có khoảng 20 tác phẩm gồm văn, thơ và tiểu luận. Những tác phẩm cuối đời của ông viết về lịch sử thiên nhiên và triết lý mà trong đó ông dự tri về các phương pháp và những khám phá về lịch sử sinh thái và môi trường, là 2 nguồn của chủ nghĩa môi sinh hiện đại. Thể loại văn học của ông xen kẽ sự quan sát sâu vào thiên nhiên, kinh nghiệm cá nhân, hùng biện sắc bén, ý nghĩa tượng trưng, và kiến thức lịch sử, trong khi biểu thị sự nhạy bén thi vị, sự chân phương triết học, và chú trọng đến chi tiết thực tế. Ông cũng có võ từ bỏ sự phung phí và ảo tưởng để khám phá những nhu cầu chính yếu thực sự của cuộc sống.

Năm 1844, Thoreau cho đăng bài khảo luận "The Preaching of the Buddha" [Lời Dạy của Đức Phật] trên báo Dial. Bài này được trích từ tác phẩm tiếng Pháp cuốn "L' Introduction à L' Histoire de Bouddhisme Indien" [Giới Thiệu Lịch Sử Phật Giáo Ấn Độ] của học giả người

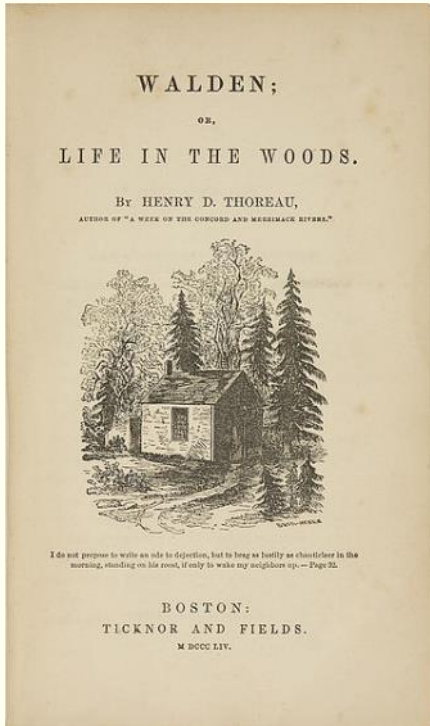


Henry David Thoreau
(1817–1862)
(nguồn: Wikipedia.com)

Pháp Eugène Burnouf (1801-1852). Tuy nhiên, Thoreau đã có phó bản của bản dịch tiếng Pháp của Burnouf về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa [Saddharmapundarika Sutra], mà ông đã dịch sang tiếng Anh với tựa đề "White Lotus of The Good Law" [Diệu Pháp Bạch Liên Hoa Kinh] vào năm 1837, là bản Kinh Phật được dịch đầu tiên tại Mỹ.(7)

Thoreau đã ảnh hưởng nhiều văn nghệ sĩ tên tuổi, gồm Edward Abbey, Willa Cather, Marcel Proust, William Butler Yeats, Sinclair Lewis, Ernest Hemingway, Upton Sinclair, E. B. White, Lewis Mumford, Frank Lloyd Wright, Alexander Posey, và Gustav Stickley. Đặc biệt, Thoreau cũng đã ảnh hưởng đến 2 nhân vật nổi tiếng thế giới sau ông là lãnh tụ Mohandas Gandhi và Mục Sư Martin Luther King, Jr.

Lãnh tụ Gandhi lần đầu tiên đọc cuốn "Walden" vào năm 1906 lúc ông là nhà hoạt động dân quyền tại Johannesburg, Nam Phi. Và lần đầu tiên lãnh tụ Gandhi đọc tác phẩm "Civil Disobedience" của văn thi sĩ Thoreau lúc đang ngồi tù tại Nam Phi vì tội biểu tình bất bạo động chống nạn kỳ thị người Ấn Độ tại Transvaal. Trong một bài viết, lãnh tụ Gandhi nói rằng Thoreau là "một trong những người đàn ông vĩ đại nhất mà nước Mỹ đã tạo ra, mà tư tưởng của ông [Thoreau] đã ảnh hưởng tôi rất lớn." Lãnh tụ Gandhi nói rằng ngài đã ứng dụng một số tư tưởng của Thoreau và đề nghị tất cả bạn bè, là những người giúp ngài vận động Độc Lập Ấn Độ, nghiên cứu về Thoreau. Lãnh tụ



Hình bìa tác phẩm *Walden* của Henry David Thoreau (nguồn: Wikipedia.com)

Gandhi cho biết đó là lý do tại sao ngài lấy tựa đề bài viết của Thoreau 'On the Duty of Civil Disobedience' [Trách Nhiệm Bất Tuân Dân Sự] được viết cách đó 80 năm, để đặt tên cho cuộc vận động của ngài.

Còn Mục Sư Martin Luther King, Jr. thì viết trong tự truyện rằng lần gặp gỡ đầu tiên của ông với tư tưởng đấu tranh bất bạo động là khi đọc "On Civil Disobedience" của Thoreau vào năm 1944 trong khi học tại Đại Học Morehouse College.(8)

Thoreau có bài thơ "Free Love" mà trong đó mô tả một thứ tình yêu tự do như cánh đại bàng

đang rộng, với đoạn đầu như sau:

*My love must be as free
As is the eagle's wing,
Hovering o'er land and sea
And every thing.* (9)

Tình yêu của tôi phải tự do
Như cánh chim đại bàng,
Bay lượn trên mặt đất và biển cả
Và trên tất cả mọi vật.

Phong Trào Siêu Việt đến thời của thi hào Walt Whitman thì hạ cánh từ cõi siêu việt xuống thế giới hiện thực.

Walt Whitman (1819-1892)

Thi hào Walt Whitman sinh tại Long Island, New York, ngày 31 tháng 5 năm 1819 và mất ngày 26 tháng 3 năm 1892. Ông là nhà thơ, nhà văn, và ký giả. Ông bỏ học từ năm 11 tuổi để đi làm kiếm tiền phụ giúp gia đình. Ông làm nhiều việc từ phụ tá văn phòng luật sư thành phố, nhà giáo, nhà in, tới nhà xuất bản sách. Ông là người chuyển tiếp giữa chủ nghĩa Siêu Việt và chủ nghĩa hiện thực, đã phối hợp cả hai quan điểm ấy trong các tác phẩm của ông. Whitman nằm trong số những thi sĩ có sức ảnh hưởng rất lớn trong nền văn học Mỹ. Ông thường được gọi là cha đẻ của thể thơ tự do. Sáng tác của ông gây nhiều tranh luận trong thời đại đó, đặc biệt tuyển tập thơ "Leaves of Grass" [Lá Cỏ] của ông, mô tả công khai chuyện tình dục.

Tác phẩm chính yếu của Whitman là cuốn "Leaves of Grass," được chính ông bỏ tiền túi

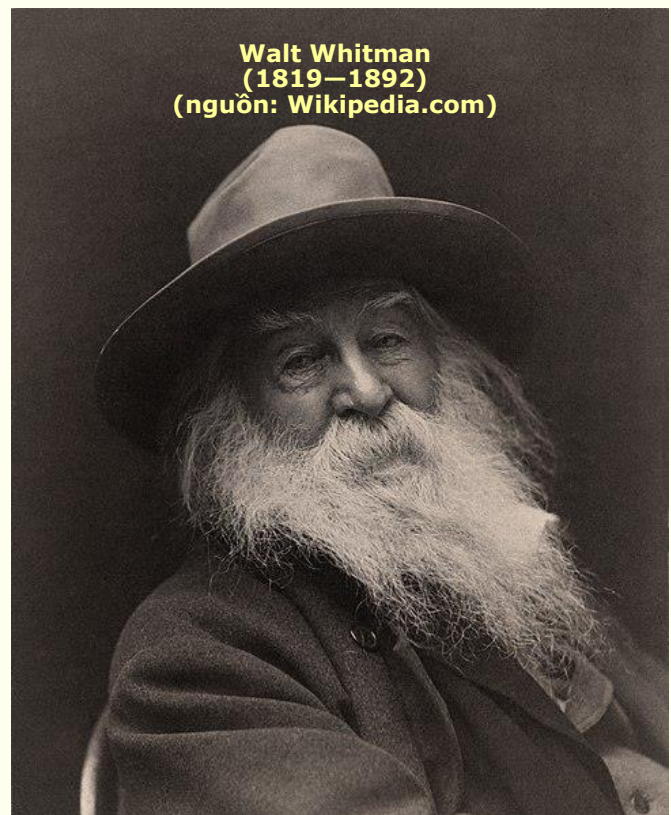
ra xuất bản vào năm 1855. Tác phẩm này là nỗ lực mang đến cho những con người bình thường anh hùng ca của Mỹ. Ông tiếp tục bổ sung và sửa đổi tác phẩm này cho đến khi qua đời vào năm 1892.

Lối sống lêu lổng của Whitman đã được khuôn rập bởi phong trào Beat và những người lãnh đạo phong trào này như Allen Ginsberg và Jack Kerouac vào thập niên 1950s và 1960s cũng như các nhà thơ phản chiến Adrienne Rich và Gary Snyder.

Thơ của Whitman đã được phổ nhạc bởi rất nhiều nhạc sĩ; thực tế cho thấy thơ của ông đã được phổ nhạc nhiều hơn bất cứ nhà thơ Mỹ nào khác trừ Emily Dickinson và Henry Wadsworth Longfellow.(10)

Theo học giả Shamsher Singh tại Đại Học Sunrise University, Alwar, Ấn Độ, trong bài viết "Walt Whitman: His Concept of Religion" [Quan Điểm Về Tôn Giáo Của Walt Whitman],(11) thì có rất nhiều tương đồng về tư tưởng Phật Giáo và Kỳ Na Giáo (Jainism) trong thơ của Whitman. Chẳng hạn, trong bài thơ "Song of Myself," [Bài Ca Chính Mình] Whitman tự cho là nhà thơ của thân và tâm: "I am, the poet of the Body and I am the poet of the soul" [Tôi là, nhà thơ của thân và tôi là nhà thơ của tâm].

Theo Singh, trong câu đầu này của bài thơ "Song of Myself," Whitman đánh giá thân và tâm bình đẳng. 'Thân' là Thần Nhân theo quan điểm Kỳ Na Giáo và 'Tâm' là 'Tâm Linh' theo Phật Giáo. Theo Kỳ Na Giáo, bậc hiền nhân thực hành theo chánh đạo cuối cùng được giải thoát khỏi vòng sinh tử. Trong cuộc đi tìm tâm linh, Whitman đã đạt tới mục đích cao nhất của



sự tự giác – là trạng thái gần với Niết Bàn [Nirvana] trong Phật Giáo, Tịnh Thức [Turiya] trong Áo Nghĩa Thư, và Toàn Trí [Kevala] hay Giải Thoát [Moksa] trong Kỳ Na Giáo.

Đoạn thơ sau đây trong bài thơ "Passage to India" [Hành Trình Tới Ấn Độ] của Whitman nói về sự vô thường biến dịch của thời gian, không gian và cái chết như dòng nước chảy về miền vô tận.

*"O soul, thou pleasest me—I thee;
Sailing these seas, or on the hills, or wak-
ing in the night,
Thoughts, silent thoughts, of Time, and
Space, and Death, like waters flowing,
Bear me, indeed, as through the regions
infinite,
Whose air I breathe, whose ripples hear—
lave me all over;
Bathe me, O God, in thee—mounting to
thee,
I and my soul to range in range of
thee."* (12)

Ồi tâm hồn, người làm vui lòng ta – Ta người;

Chèo thuyền qua những đại dương này, hay lên những ngọn đồi, hay thức giấc trong đêm,

Suy nghĩ, trầm tư, về Thời Gian, và Không Gian, và Cái Chết, như nước chảy,

Hãy mang theo ta, phải đó, qua miền vô tận,

Không khí ta hít thở, những tiếng sóng rì rào ta nghe – thấm nhuần ta cùng khắp;

Hãy tắm ta đi, ôi Thượng Đế, trong người – gắn liền với người,

Ta và tâm hồn ta nằm trong lãnh địa của người.

Thế Hệ Beat (Beat Generation)

Vào thập niên 1950s tại Mỹ không phải là thời gian có sự đa dạng về tôn giáo. Phong trào tiếp thu tâm linh mà chúng ta biết ngày nay, lúc đó chưa được thiết lập và kỷ nguyên Hậu Chiến được xác định bởi việc tuân thủ các giá trị gia đình và truyền thống, gồm sự thuần thành tôn giáo của các niềm tin Công Giáo-Tin Lành truyền thống.

Các nhà văn trong phong trào Beat nằm trong thiểu số những người tìm kiếm tâm linh tại Mỹ lúc đó là những người theo đuổi các hình thức tâm linh thay thế để bổ sung cho khát khao tôn tại mà họ đã gặp phải trong đời sống của chính mình.

Thế Hệ Beat chưa bao giờ là phong trào lớn trong phạm vi số lượng, nhưng trong ảnh hưởng và tình trạng văn hóa thì họ nổi bật hơn bất cứ phong trào nào khác.

Những năm ngay sau Thế Chiến Thứ Hai chứng kiến sự đánh giá lại toàn bộ các cấu trúc thông thường của xã hội. Cùng với sự bùng nổ kinh tế thời hậu chiến, sinh viên tại các đại học

đã bắt đầu nêu nghi vấn về chủ nghĩa vật chất lan tràn trong xã hội. Thế Hệ Beat là sản phẩm của sự tra vấn này. Họ chứng kiến chủ nghĩa tư bản quay lưng lại với sự phá hoại tâm linh con người và chống lại bình đẳng xã hội. Cộng thêm với sự bất mãn về văn hóa tiêu dùng, những nhà văn học Beat còn phản nản về kiểu cách đoan trang đến ngọt ngào của thế hệ cha mẹ. Những điều cấm kỵ không cho nói về tình dục được xem là không lành mạnh và có thể gây tổn hại tới tâm lý.

Trong thế giới văn học và nghệ thuật, những nhà văn Beat đứng đối nghịch với hình thức sạch, gần như sát trùng của những người theo chủ nghĩa hiện đại của thế kỷ 20. Họ [Beat] xây dựng kiểu cách văn học táo bạo, đơn giản và biểu cảm hơn bất cứ điều gì có trước đó. Các thể loại âm nhạc ngầm như jazz đặc biệt gợi hứng cho các nhà văn Beat. Phong trào hippie của thập niên 1960s cũng nợ các nhà văn học Beat rất nhiều.

Phật Giáo, dù cách xa dòng chính của Mỹ, đã cung ứng cho mỗi nhà văn một phương pháp để nối kết lại với cảm giác bị mất đường tổ tâm linh mà các truyền thống và văn hóa của họ đã không thể cung cấp. Mỗi nhà văn theo đuổi con đường riêng của mình trong triết lý Phật Giáo, và đến nơi khác nhau như là kết quả của sự khám phá của mỗi người.

Các nhà văn Beat đóng góp cho sự phát triển của nền Phật Giáo Mỹ qua các phương pháp thích đáng và nghiên cứu hình thành trong tác phẩm văn và thơ phản ánh các phương pháp mà trong đó các nhà văn dung hợp triết lý Phật Giáo trong cuộc sống cá nhân như là sự thực hành tâm linh và như là yếu tố phong cách dùng để nâng cao và truyền đạt việc sáng tác của họ.

Dù các nhà văn học Beat được gọi chung là một thực thể duy nhất bởi báo chí văn học buổi ban đầu, họ không được đặc trưng bởi tính đặc thù của tư tưởng; thay vì vậy họ đã phác thảo "tinh thần chiết trung" là bằng chứng trong các tác phẩm của họ. Sự giáo dục tôn giáo của Jack Kerouac trong Đạo Công Giáo và di sản Do Thái của Allen Ginsberg là các tiêu chuẩn trong cuộc sống của 2 tác giả mà sẽ biểu lộ trong tác phẩm của họ bên cạnh các hình thái tâm linh Đông Phương. Điều này dẫn tới sự kề cận của hình ảnh tôn giáo trong tác phẩm của họ và, cuối cùng, tới sự sáng tạo của một sự tổng hợp mới được nói đến như là "Đặc Tính Tâm Linh của Beat." Đặc Tính Tâm Linh của Beat này được tạo ra bởi các truyền thống Phật Giáo và Ấn Độ Giáo vì nó sẽ là nguồn cội tôn giáo của các nhà văn đã đóng góp cho nó. Đối với các nhà văn học Beat, Phật Giáo sẽ trở thành một giải pháp cho việc hóa giải sự hỗn loạn của cuộc sống trong đời sống riêng tư của họ và sự hoài nghi của họ về nền văn hóa thống trị.

Thập niên 1950s là thời gian khi mà Thiền Phật Giáo được xem như đã xây dựng gốc rễ trong nền văn hóa Mỹ. Thiền Sư người Nhật

D.T. Suzuki được sư phụ là Thiền Sư Soyen Shaku gửi sang Bắc Mỹ vào năm 1896. Sau khi sống tại New York một thời gian, ông được mời dạy tại Đại Học Columbia và có ảnh hưởng rất lớn đến nhiều người gồm các nhà nghệ sĩ, trí thức, và tâm lý. Rick Fields là một học giả về lịch sử tôn giáo Mỹ cho rằng Thiền Sư Suzuki và tác phẩm của ông đã đại chúng hóa Thiền, do đó làm cho nhiều người trong văn hóa Tây Phương biết đến rộng rãi. Đây là lần đầu tiên Phật Giáo được giảng dạy và thực hành trong bối cảnh ra xa khỏi tu viện. "Sư Bùng Nổ Thiền," như được nhiều học giả về lịch sử tôn giáo tại Mỹ nói đến, đã xảy ra trong thập niên này.

Sự thích thú gia tăng vào Thiền phù hợp và trong cách nào đó trực tiếp nuôi dưỡng sự hứng thú của các nhà văn học Beat đối với Phật Giáo.

Những người sáng lập của Thế Hệ Beat đã gặp nhau vào đầu thập niên 1940s tại Đại Học Columbia, New York. Giữa thập niên 1950s, những khuôn mặt gạo cội của Beat đã gặp nhau tại San Francisco nơi mà họ cũng gặp và làm quen những người bạn của các khuôn mặt có liên quan với phong trào Phục Hưng San Francisco (San Francisco Renaissance).

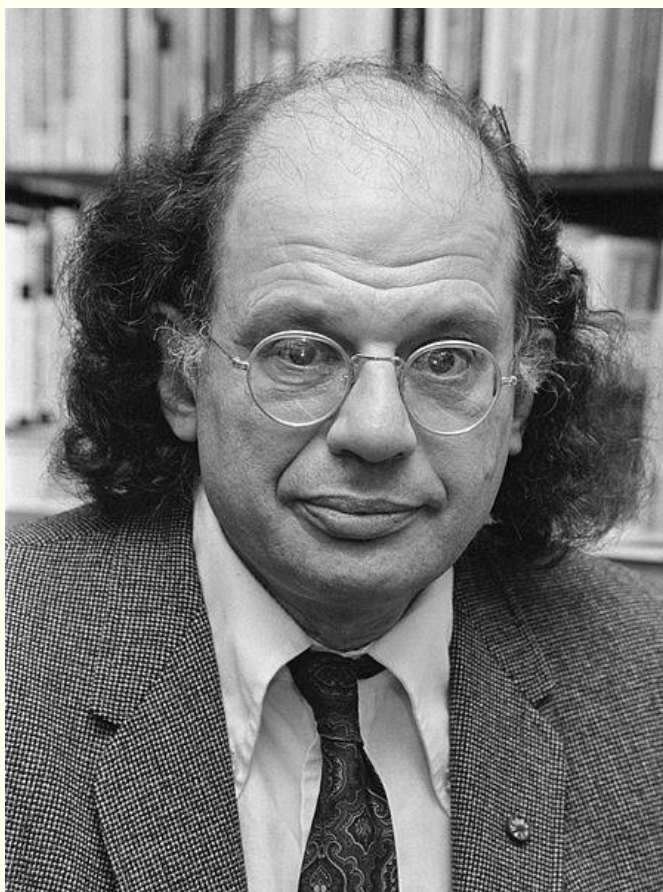
Vào thập niên 1960s, một số nhân vật của phong trào Beat mở rộng đã hoạt động trong các phong trào hippie và chống văn hóa lớn hơn. Tác phẩm của Ginsberg cũng trở thành yếu tố quan trọng của phong trào văn hóa hippie đầu thập niên 1960s.

Allen Ginsberg và Jack Kerouac là hai nhân vật cốt cán ban đầu của Beat, và họ đã ảnh hưởng đến những người đi sau trong thế hệ Beat nhiều năm sau này. Lucien Carr, John Clellon Holmes, và Neal Cassidy cũng là những thành viên đầu tiên của phong trào này, dù ảnh hưởng của họ ít hơn những người khác.

Allen Ginsberg (1926-1997)

Allen Ginsberg đến và biết Phật Giáo lần đầu qua Raymond Weaver, giáo sư tại Đại Học Columbia, là người đã giảng về công án, hay những khó hiểu của ngôn ngữ nghịch lý được sử dụng như là phương pháp giác ngộ trong các lớp học của ông. Weaver giới thiệu Phật Giáo với Allen, người sau đó đã viếng thăm Thiền Viện Đầu Tiên của Thành Phố New York vào năm 1953 nơi mà ông đã xem các bức tranh và sách về Thiền trong thư viện. Phản ứng đầu tiên của ông đối với Phật Giáo tại Thiền Viện này là có chút không hài lòng và ông đã so sánh bầu không khí ở đây với câu lạc bộ đại học và cảm thấy không được hoan nghênh.

Tuy nhiên, ông đã khám phá ra điều gì đó giá trị – một tuyển tập các tiểu luận của D.T. Suzuki là "*Buddhism in the Philosophical Library Series*," [Phật Giáo Trong Hàng Loạt Thư Viện Triết Học]. Trong tác phẩm này, Allen đã đọc thấy nhiều thông điệp về sự giác ngộ của



**Allen Ginsberg
(1926-1997)
(nguồn: Wikipedia.com)**

Thiền, hay kinh nghiệm giác ngộ, đã làm cho ông rất thích thú. Đó một phần là bởi vì một kiến giải mà ông có trong 5 năm trước đó khi ông trải qua quá trình tạo dựng sự thơ mộng tự phát trong một kinh nghiệm kiến giải liên quan đến nhà thơ William Blake đã gây cảm hứng và bối rối cho ông. Quan điểm về sự giác ngộ trong tác phẩm của Suzuki trùng hợp hoàn toàn với bản chất của kiến giải của ông về Blake và cung cấp một bối cảnh mới để theo đuổi những yêu cầu huyền bí của ông.

Khi xem tranh và đọc sách Phật trong thư viện của Thiền Viện First Zen Institute, Allen đã sáng tác bài thơ đầu tiên có hơi hám và hình tượng triết lý Đông Phương, "Sakyamuni Coming Out From the Mountain" [Thích Ca Mâu Ni Xuống Núi]. Tác phẩm đầu tay gặp gỡ với Phật Giáo đã tạo cảm hứng cho Ginsberg chia sẻ những khám phá của ông với các bằng hữu và ông đã kể cho Jack Kerouac về tác phẩm này và rồi gửi cuốn sách về các câu chuyện Thiền cho người bạn của ông là Neal Cassidy. Kerouac không tức thì hứng thú những gì Ginsberg kể nhưng đã từ từ trở thành một trong những thành viên nòng cốt nhất của Beat quảng bá giáo pháp và nghiên cứu về Phật Giáo. Allen thực hành Thiền Định Phật Giáo qua hình thức chánh niệm.

Mùa thu năm 1956, nhà xuất bản City Lights Books phát hành cuốn "Howl and Other

Poems” của Allen Ginsberg. Sau khi ra đời, tác phẩm đã bị thuế quan Hoa Kỳ và cảnh sát San Francisco tịch thu vì cho rằng trong đó có những bài thơ khiêu dâm. Đây là tuyển tập thơ có ảnh hưởng lớn nhất thời hậu Thế Chiến Thứ II với hơn một triệu ấn bản.

Năm 1970, Ginsberg gặp một vị Thầy Tây Tạng trên đường phố Manhattan, New York trong lúc đứng chờ xe bus, và vị này đã thay đổi cuộc đời ông. Vị Thầy Tây Tạng đó là Đại Sư Chogyam Trungpa, tốt nghiệp tại Đại Học Oxford, là giáo sư và học giả, đã trốn khỏi Tây Tạng và định cư tại Hoa Kỳ năm 1965. Năm 1972, Ginsberg Quy Y và phát nguyện thọ trì Bồ Tát Giới với vị đạo sư Tây Tạng này. Ông có Pháp Danh là Dharma Lion.(13)

Bài thơ “Sakyamuni Coming Out From the Mountain” có đoạn như sau:

*“Arhat
who sought Heaven
under a mountain of stone
sat thinking
till he realized
the land of blessedness exists
in the imagination -- the flash come:
empty mirror”*(14)

A La Hán
vị tìm thấy Niết bàn
dưới ngọn núi đá
ngồi thiền tư
đến khi giác ngộ
cõi an lạc hiện tiền
trong trí tưởng – tia sáng vụt đến
tâm gương rỗng không

Jack Kerouac (1922-1969)

Kerouac bắt đầu nghiên cứu Phật Giáo vào mùa đông năm 1953 và 1954 trong hoàn cảnh cô đơn và tuyệt vọng của cuộc đời ông. Một trong những tác phẩm Phật Giáo, bản dịch của tác phẩm *Phật Sở Hành Tán* [Xưng Tán Cuộc Đời Đức Phật] của ngài Ashvaghosa [Mã Minh], đặc biệt làm cho ông thích thú. Sau đó ông tiếp tục tìm đọc các cuốn sách khác về Phật Giáo, gồm cuốn *A Buddhist Bible* [Kinh Phật] của Dwight Goddard, là tuyển tập những trích dẫn lời các kinh Phật.

Tại San Jose, California, trong lúc đọc kinh sách Phật Giáo, Kerouac ghi chú về những đề tài ông đang nghiên cứu. Cuối cùng ông có cả trăm trang ghi chú và trích dẫn từ các bộ kinh và sách khác. Ông đã viết cho người bạn Allen Ginsberg và khuyến khích ông này nghiên cứu Phật Giáo. Ông đã cung cấp nhiều danh sách kinh sách mà ông đã đọc cho Allen. Kerouac vừa là người bạn vừa là thầy dạy về Phật Giáo cho Ginsberg trong lúc ông tiếp tục đọc kinh và ghi chú.

Kerouac kể cho bạn của ông rằng ông cần sắp xếp những ghi chú lại thành sách gọi là *“Some of the Dharma”* [Một Số Giáo Pháp], để làm tài liệu dạy Phật Giáo cho bất cứ ai muốn



Jack Kerouac (1922-1969)
nguồn: Wikipedia.com)

tìm hiểu về Đạo Phật.

Sau khi rời khỏi San Jose ông đã sáng tác hàng loạt bài thơ mà ông gọi là “San Francisco Blues,” gồm 2 nguồn trích thuật Phật Giáo đầu tiên được đưa vào tác phẩm của ông. Quyết định đưa Phật Giáo vào trong sáng tác của mình để thiết lập sự hiện hữu chuyên đề mà ông sẽ tiếp tục phát triển trong thập niên kế tiếp.

Kerouac cũng đã đọc tác phẩm *“Siddhartha”* của văn hào Đức Herman Hesse và *Kinh Lăng Nghiêm* (Surangama Sutra) dù ông cảm thấy không hiểu trọn vẹn.

Đầu năm 1954, Kerouac bắt đầu sa đà vào rượu và tình dục, và sau đó ông hồi phục để trở lại nghiên cứu Phật Giáo.

Ngoài việc thực hành thiền, Kerouac cũng đọc *Kinh Kim Cang* mỗi ngày trong tuần và cảm nhận được sự an lạc khi đọc Kinh này.

Thiệt hại nhiều nhất cho việc tu tập là việc ông bị đau chân khi ngồi thiền. Phần lớn bệnh này là do viêm tĩnh mạch, hay cục máu đông, do việc sử dụng thuốc ngủ. Dù bị đau dữ dội, Kerouac vẫn tiếp tục tu thiền và cảm thấy an lạc khi ngồi. Ông đã sáng tác bài thơ kể về kinh nghiệm thiền có tựa đề “How to Meditate” [Làm Sao Thiền]. Mùa xuân năm 1955 ông viết về lịch sử của Đức Phật lịch sử, Siddhartha Gautama, mà ông đặt tên là “Wake Up” [Thức Tỉnh].

Năm 1957, Kerouac bán tác phẩm *“On the Road”* cho nhà xuất bản Viking Press. Trong tiểu thuyết “On the Road,” — kể về chuyến đi giang hồ tới lui từ New York sang Denver, tới San Francisco và qua Mexico City của Kerouac, cuốn sách cũng đã được đóng thành phim và phổ biến vào tháng 12 năm 2012 — có một câu nói để đời của Kerouac: *“The best teacher is experience and not through someone’s distorted point of view”* [Vị thầy tốt nhất là kinh nghiệm và không qua quan điểm méo mó của người nào khác].

Năm 1958, ông viết cuốn tiểu thuyết "Dharma Bums." Sau đó, Kerouac du lịch sang Mexico City. Tại đây ông lấy cảm hứng để viết cuốn "Mexico City Blues" vào năm 1959, là tuyển tập những bài thơ nói về kinh nghiệm của ông với hình ảnh Phật Giáo. Trong tập thơ này ông đã lồng vào đó các trích đoạn ngắn của *Kinh Lăng Nghiêm* và *Kinh Lăng Già*. Thời gian ở Mexico City cũng tạo cảm hứng cho Kerouac viết cuốn "Tristessa," mô tả kinh nghiệm của ông với các cô gái làng chơi Mễ. Cuốn tiểu thuyết này được xem là một phần của tác phẩm bán hư cấu lấy cảm hứng từ Phật Giáo mà ông đã phát triển thành.

Điều đáng tiếc là sau khi thành công với tác phẩm "The Dharma Bums" Kerouac rơi vào thái độ tiêu cực. Ông trở nên thất vọng với các quan điểm mà ông mô tả vài năm trước đó và nói với Snyder về sự mâu thuẫn liên quan đến cuộc cách mạng Phật Giáo tại Mỹ. Sau khi bị báo chí chỉ trích nặng nề, Kerouac tuyên bố với Whalen tại San Francisco rằng ông đoạn tuyệt với Phật Giáo: "Tôi không còn là Phật Tử nữa, tôi không là gì nữa cả. Tôi không cần. Tôi chỉ quan tâm đến trái tim." (xem chú thích 13) Học giả và nhà phê bình văn học Ben Giomo cho rằng việc Kerouac rời bỏ Phật Giáo là điều dễ hiểu và nó có thể được biết như là một "xung đột tâm linh." Giomo nhận định rằng Kerouac vốn là tín đồ Thiên Chúa Giáo chỉ đến với Phật Giáo là để đi tìm tự do, sáng tạo và tâm linh, mà những phẩm chất này ông không tìm thấy trong di sản của các tôn giáo truyền thống.

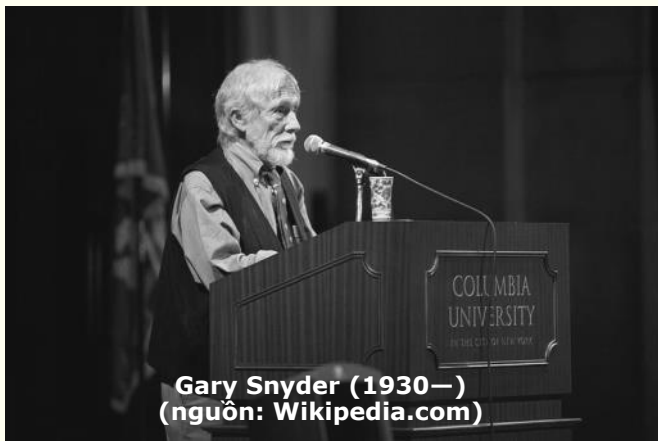
Một đoạn trong bài thơ "How To Meditate" đưa người đọc vào cõi thiền buông xả, vô niệm:

"blank, serene, thoughtless. When a thought comes a-springing from afar with its held-forth figure of image, you spoof it out, you spuff it off, you fake it, and it fades, and thought never comes-and with joy you realize for the first time 'thinking's just like not thinking- So I don't have to think any more'" (15)

trống rỗng, bình lặng, vô niệm. Khi một ý nghĩ xuất hiện từ xa mang theo hình ảnh, hãy quán nó là giả, hãy buông xả nó, quán nó giả, và nó biến mất, và ý nghĩ sẽ không bao giờ đến nữa – và với niềm vui hãy nhận ra nó ngay từ đầu 'suy nghĩ' như thể không suy nghĩ – Như thể ta không phải suy nghĩ gì nữa'

Gary Snyder (1930)

Trong thời gian Allen Ginsberg sống ở San Francisco khoảng 1955, ông được Kenneth Rexroth là nhà thơ có tiếng tại đây giới thiệu để gặp hai nhà thơ Gary Snyder (1930-) và Philip Whalen (1923-2002).



Snyder và Whalen đều tốt nghiệp tại Đại Học Reed College ở thành phố Portland, tiểu bang Oregon và đều thích nghiên cứu về Phật Giáo. Họ đã gặp nhau trong trường Reed vào năm 1946 và làm bạn và cùng thích thú nghiên cứu về Á Châu và Phật Giáo. Whalen trước đó đã có thực hành Tọa Thiền của phái Tào Động và thích Phật Giáo qua nghiên cứu triết học Vedanta của Ấn Độ Giáo. Khi ba người này gặp nhau thì họ cùng chia sẻ sách Thiền của D.T. Suzuki và rất hứng thú tinh thần đơn giản của Thiền.

Gary Snyder là nhà thơ, nhà biên khảo, giáo sư và nhà hoạt động môi trường. Ông có mối quan hệ chặt chẽ với Thế Hệ Beat và Phục Hưng San Francisco. Snyder đoạt Giải Thưởng Pulitzer Prize về Thơ và Giải Thưởng American Book Award. Tác phẩm của ông phản ánh sự thấm nhuần tâm linh Phật Giáo và thiên nhiên. Snyder đã dịch sang tiếng Anh văn chương cổ Trung Quốc và văn chương hiện đại Nhật Bản. Ông dạy tại các Đại Học University of California, UC Davis và thành viên của Hội Nghệ Thuật California.

Tác phẩm đầu tiên của ông, "Riprap," diễn tả những kinh nghiệm sống trong rừng và đi bộ đường mòn tại công viên quốc gia Yosemite, được xuất bản vào năm 1959. Ông đã trải qua một thời gian nghiên cứu Thiền tại Nhật Bản, và xuất bản cuốn "Buddhist Anarchism," vào năm 1961. Cuốn sách của ông xuất bản năm 1974 "Turtle Island," được Giải Thưởng Pulitzer Prize. Ông đã ảnh hưởng đến nhiều nhà văn học thuộc Thế Hệ West Coast Generation X, gồm Alex Steffen, Bruce Barcott và Mark Morford. Tác phẩm "Aze Handles" của ông xuất bản năm 1983 đoạt Giải Thưởng American Book Award. (16)

Xin đọc mấy đoạn cuối trong bài thơ "December At Yase" của Gary Snyder để thấy tư tưởng Phật Giáo đi vào thơ ông ra sao:

*"I feel ancient, as though I had
Lived many lives.*

*And may never now know
If I am a fool
Or have done what my
karma demands."* (17)

Tôi cảm nhận thời cổ đại, như thể tôi đã
Sống qua nhiều đời kiếp.

Và có thể bây giờ không bao giờ biết
Phải chăng tôi là kẻ vô minh
Hay đã làm xong điều gì
nghiệp lực tôi sai khiến.

Phong trào Beat đã ảnh hưởng đến nhiều
lĩnh vực văn học nghệ thuật tại Mỹ như phong
trào "Hippies" trong thập niên 1960s. Có điều
về hình thức Hippies thì ăn mặc màu u ám, đeo
kính râm, tóc dài và trông giống như mấy gã
đồng bóng. Còn Beat thì được biết là những
"tay chơi" hành xử trầm tĩnh.

Thành viên của Beat là William S. Bur-
roughs được xem như là người cha đẻ của văn
học hậu hiện đại. Một thành viên khác của Beat
là nhà văn LeRoi Jones/Amiri Baraka đã giúp
khởi động phong trào Nghệ Thuật Da Đen.

Beat cũng gây ảnh hưởng rộng lớn với
phong trào nhạc rock and roll và nhạc quần
chúng, gồm cả nhóm Beatles, như các nhạc sĩ
Bob Dylan và Jim Morrison. Nhạc sĩ John Len-
non là người hâm mộ Jack Kerouac.

Gần đây nhất, nghệ sĩ Mỹ Lana Del Rey đã
đưa phong trào Beat và thơ Beat vào trong bản
nhạc năm 2014 của cô "Brooklyn Baby." (18)

Lời Kết

Tinh thần giác ngộ, khai phóng và giải
thoát của Đạo Phật giúp con người vượt thoát
mọi giáo điều, tín điều và khuôn khổ bó buộc là
chất liệu quý giá cho sự sáng tạo nghệ thuật ở
mọi thời đại.

Đó là lý do tại sao từ phong trào Siêu Việt
vào thế kỷ 19 đến phong trào Beat ở thế kỷ 20
trong nền văn học Mỹ đều xem Phật Giáo như
là nguồn mạch bất tận cho sự sáng tạo để vượt
qua mọi trăn trở của truyền thống khô cứng
đã đóng băng tư tưởng và sự sáng tạo của con
người trong những khung thước gò bó, hạn
cục.

Tinh thần vượt thoát của nghệ thuật thế
gian đã bắt gặp nội lực siêu thoát tâm linh của
Đạo Phật trong thế giới văn học Mỹ từ hai thế
kỷ qua là điều không phải khó hiểu lắm.

Câu chuyện về mối tương giao giữa văn
học Mỹ và Phật Giáo còn dài và nhiều tình tiết
nhưng vì bài viết có giới hạn nên xin dừng lại ở
đây. Mong rằng những gì được trình bày nơi
đây có thể giúp người đọc có khái niệm tổng
quát về mối lương duyên kỳ diệu giữa Phật
Giáo và Văn học Mỹ.

Chú Thích:

- (1) <https://www.thoughtco.com/american-literary-periods-741872>
- (2) <https://studybreaks.com/culture/asian-american-writers/>
- (3) <https://lithub.com/vietnamese-and-vietnamese-american-literature-a-primer-from-viet-thanh-nguyen/>
[https://www.goodreads.com/list/show/43494.Vietnamese American Novels Me
moirs](https://www.goodreads.com/list/show/43494.Vietnamese_American_Novels_Memoirs)
- (4) <https://plato.stanford.edu/entries/transcendentalism/>
- (5) https://en.wikipedia.org/wiki/Ralph_Waldo_Emerson
- (6) <https://emersoncentral.com/texts/poems/the-world-soul/>
- (7) <https://tricycle.org/magazine/rain-law/>
- (8) [https://en.wikipedia.org/wiki/Henry_David_Thoreau#Indian_sacred_texts_and_p
hilosophy](https://en.wikipedia.org/wiki/Henry_David_Thoreau#Indian_sacred_texts_and_philosophy)
- (9) <http://www.thoreau-online.org/free-love.html>
- (10) https://en.wikipedia.org/wiki/Walt_Whitman
- (11) <https://www.onlinejournal.in/IJIRV2I8/226.pdf>
- (12) <https://www.poets.org/poetsorg/poem/passage-india>
- (13) <https://www.emptymirrorbooks.com/beat/buddhism-and-the-beat-generation>
- (14) [https://books.google.com/books?id=buIjICw27rYC&pg=PA9&dq=Sakyamuni+Co
ming+Out+From+the+Mountain+liang+kai&hl=en&sa=X&ved=0ahUKEwieieucsdDWAhVT8W
MKHUR5ALwQ6AEIKTAA#v=onepage&q=Sakya
muni%20Coming%20Out%20From%20the%
20Mountain%20liang%20kai&f=false](https://books.google.com/books?id=buIjICw27rYC&pg=PA9&dq=Sakyamuni+Coming+Out+From+the+Mountain+liang+kai&hl=en&sa=X&ved=0ahUKEwieieucsdDWAhVT8WMKHUR5ALwQ6AEIKTAA#v=onepage&q=Sakyamuni%20Coming%20Out%20From%20the%20Mountain%20liang%20kai&f=false)
- (15) <https://www.poemhunter.com/poem/how-to-meditate/>
- (16) https://en.wikipedia.org/wiki/Gary_Snyder
- (17) <https://www.poemhunter.com/poem/december-at-yase/>
- (18) https://en.wikipedia.org/wiki/Beat_Generation



Năm Hợi nói chuyện Heo

TN GIỚI HƯƠNG

VĂN HÓA / GIÁO DỤC

Chúng ta đang sống trong chu kỳ tuần hoàn của vũ trụ, nên quý đạo bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) hay 12 con giáp (Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và Hợi) luôn xoay chuyển. Năm 2019 là xuân Kỷ Hợi, năm con heo, xin được nói chuyện về heo.

Heo là một loài vật có hình dáng tròn trịa mũm mĩm, béo tốt ỉn ỉn và hiền từ, khác với loài thú dữ khác như rắn, sư tử, beo... hại người, hại vật. Theo từ điển online, tên khoa học của heo là *sus*, thuộc họ lợn (*suidae*), tiếng Anh là *pig*. Heo còn được gọi là lợn, ỉn, hợi, trư, thỉ và nhiều tên riêng (danh từ riêng đặt cho chúng, như lão Trư, heo Móng Cái, heo Tây Ninh, heo Mọi, heo Tu Lạ, ông Hợi, heo Năm Móng, heo Ba Giò, heo Mếp, chú Lợn Snowball, cô heo Squealer, v.v...).

Trong chuỗi 12 con giáp, ba con vật cuối cùng (gà, chó, và heo) có mối liên hệ gần với con người hơn các con vật như chuột, trâu, cọp, v.v... Heo là một con vật mà chỉ nói đến tên chúng ta cũng có thể cảm thấy gần gũi; một con vật mà hình ảnh của nó đã đi vào thơ ca, hội họa dân gian và là biểu tượng văn hóa. Trong tiếng Việt hằng ngày, heo cũng thường được nhắc đến, nào là "mập như heo," "ngu như heo," "lười như heo," "ăn như heo," "ngủ như heo," "sướng như heo," và "dơ như heo," v.v... Nói chung là các từ ngấm so sánh để diễn tả một ai đó không làm gì cả, khỏi phải động não, chẳng hề căng thẳng (stress), mà vẫn "phây phây," tốt tướng, hưởng thụ, nhàn nhả. Nhưng đứng trên phương diện sinh học mà nói, thật ra heo không có tối dạ; trái lại, heo rất thông minh, dễ dạy, ngoan hiền và thân thiện.

Heo là con vật có một mối liên hệ lâu đời nhất với con người, không chỉ người Á châu mà còn cả Âu châu. Đối với người Việt Nam và Trung Quốc, heo gần gũi đến độ được nhân cách hóa qua nhân vật hư cấu nửa người nửa heo Trư Bát Giới trong truyện nổi tiếng "Tây Du Ký." Đối với các dân tộc sống tại các đảo ngoài lục địa Đông Nam Á, ngoài "chức năng" cung cấp thực phẩm, heo còn là biểu tượng của sự giàu có.

Theo văn hóa Việt Nam hay Châu Á, heo là biểu trưng của tiền bạc, sự phồn thịnh, sung

túc, tài lộc, nên nhiều nghệ nhân đã đúc tượng heo vàng, lịch ảnh heo treo tường, heo ống tiết kiệm làm giàu, tranh dân gian để thể hiện sự chúc tụng năm mới nhiều may mắn, con cháu đông vui, sanh sôi nảy nở, phúc lộc dồi dào phong phú. Heo cũng còn là biểu tượng của vật tế lễ cúng bái như sinh lễ hôn nhân, đám giỗ, quà cưới cho cô dâu, tạ lễ sau khi thành công ở thương trường buôn bán, sanh con, cúng tế thần linh, lễ khai trương, v.v...



(Source: image.baidu.com)

Ở các bán đảo Thái Bình Dương, loại heo không lông Kopia thường được dùng làm con vật để tế thần, vì người ta tin rằng heo có linh hồn, sẽ linh thiêng. Ở Âu châu thời cổ đại, heo là con vật được nữ thần Demeter (thần sinh sản trong thuyết Hy Lạp Cổ Đại) ưa thích. Bởi lẽ, heo là biểu tượng cho sự sinh sản con cái sung túc, nên phụ nữ hay mua heo mạ đồng vàng để trong nhà hay phòng riêng để cầu mắn con. Người thổ dân da đỏ ở Mỹ cũng xem heo là biểu tượng của sự thịnh vượng và may mắn. Ở Đức, tham dự vào buổi tiệc có thịt heo vào đêm Noel có ý nghĩa ngăn ngừa quỷ thần và đem lại thịnh vượng, tiền tài cho năm mới. Ở Mỹ, heo được làm biểu tượng của đội thể thao, như đại học Arkansas đặt tên cho đội thể thao là Sus Scrofa (Con Lợn Lòi) (https://en.wikipedia.org/wiki/Domestic_pig) hay Đội

Lợn Hoang, đôi bóng nhái gồm 12 thành viên thiếu niên bị kẹt trong hang Tham Luang ở tỉnh Chiang Rai, miền Bắc Thái Lan suốt 18 ngày, đã nổi tiếng trên khắp thế giới.

Với trẻ con Việt nam, con heo đất còn là người bạn thân thiết. Thuở nhỏ bé tí, các bé nhóc đã được ba mẹ ông bà dạy cách tiết kiệm bằng cách bỏ vài đồng, vài cắc cent vào chú heo con nho nhỏ, màu vàng, màu bạc hay màu đất để cúng chùa, giúp người nghèo, làm từ thiện... Tích tiểu thành đại! Bài học "heo ống" nhỏ này sẽ giúp trẻ con hay ngay cả người lớn biết xài tiết kiệm, san sẻ bố thí, cúng dường làm phước.



(Pig in Đông Hồ painting)

Heo là con vật thuộc 12 con giáp, rất thân thiện và gần gũi với con người. Nó sống nhất vì chỉ ăn và ngủ, khỏi phải lo lắng điều gì. Vì heo vốn là nhàn nhả, sống vô tư, không lo nghĩ, tròn trịa trù phú, mũm mĩm phồn thực, phúc lộc, nên năm heo sẽ mang nhiều niềm vui, vận may, tụ tài lộc, lợi nhuận sung túc thoải mái cả tinh thần và vật chất đến với mọi người.

12 con giáp xoay vần. Năm mới Tết đến. Lại một chú Heo ngấp nghé trước thềm. Chúc mọi người một cuộc sống "sung sướng, nhàn nhả như Heo," "vô tư, không lo nghĩ như Lợn" và "thoải mái từng ngày như Hợi."

Chúc mọi nhà một năm mới đủ ăn, dư mặc, thừa tình yêu thương và giàu lòng quảng đại. Mừng Xuân Kỷ Hợi 2019!

Thích Nữ Giới Hương
(Huongsentemple@gmail.com)

TA BÀ

*con kiến lên đường khiêng hạt gạo
chùa thầy hoa nở rộ dưới khe.*

CHIÊM BÁI

*đêm toả dài trên từng chân bước rộng
bóng tôi gieo lên nổi đời lóng cồng
hỏi chào năm mới còn cúi mặt ngờ
rủi may còn đợi đầu đó giữa giờ
vận số chẳng như truyện Kiều coi bói
những bậc đá xanh chập chùng lên núi
vách dựng nghiêng, cây soái cành đen
(giữa hoang liêu cũng còn phải nhìn xem
trò ngộ nhận đôi khi thường ngẫu tác)
nghe hơi núi thấm vào thân xơ xác
nghe hương trầm loang trong máu giang hồ
nghe Phật cười trong im lặng hư vô
và tôi ngồi đó đau chân nhìn cuộc lữ
khởi pháo đầu năm như sương mờ mịt phủ
thành phố rung, đêm cau mặt Nha Trang
bầu trời giao thừa nín lặng nghe vang
hỏi trống giục tháng năm vàng tức tưởi
tôi đứng dậy bên một trời gió vội
tôi vội vàng thu sức đứng trong đêm
bóng trần gian trong tâm thức chuyển mình
nghe lá thở từ hơi mờ chưa tan loãng
tôi bước xuống giữa năm dài tháng rộng
ngẩng đầu chiêm bái Phật lúc giao thừa
mắt chiêm bao tôi đốt đuốc sang mùa
chuyện gió bụi giang hồ xin nán lại
tôi bước xuống nghe căn phần kết trái
lộc sân chùa hái vội mấy cành xuân.*

(đêm giao thừa lên Kim thân Phật Tổ)

thơ **PHÙ DU**



NĂNG LỰC CỦA THA THỨ

Nguyên tác: *The Power of Forgiveness*

Tác giả: ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

Chuyển ngữ: *Tuệ Uyển*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

ám ơn, cảm ơn, cảm ơn. Tôi nghĩ, như một dấu hiệu của tôn trọng, tôi sẽ đứng để nói chuyện. Cách ấy, tôi cũng có thể thấy thêm những khuôn mặt. Tôi thường diễn tả tất cả chúng ta như những anh chị em. Chúng ta đều là những con người giống nhau ở trình độ nền tảng. Chúng ta giống nhau từ tinh thần, cảm xúc, đến thân thể. Ở trình độ vật lý, có những khác biệt nhỏ, như độ lớn của lỗ mũi. Lỗ mũi của tôi được xem như là một cái mũi lớn. Tôi không nghĩ nó là một cái mũi lớn. Cho nên đó là điều quan trọng. Chúng ta phải nhận ra mỗi người khác như một con người – không có gì khác nhau. Rồi thì, ở trình độ thứ hai – vâng, có những khác biệt về tín ngưỡng, khác biệt về màu da, khác biệt về quốc gia. Tôi nghĩ, ngày nay vẫn nạn mà chúng ta đang đối diện là chúng ta nhấn mạnh quá nhiều về tầm quan trọng ở trình độ thứ hai, quên lãng rằng ở trình độ thứ nhất thì chúng ta là những con người giống nhau.

Và rồi cũng thế, trong thực tế ngày nay, chúng ta phải nghĩ về toàn thể nhân loại. Tôi nghĩ khi chúng ta đối diện với một vấn nạn nào đó, chúng ta nên đối phó với chúng với cảm nhận rằng tất cả chúng ta đều là những con người giống nhau. Sự quan tâm của tôi là liên quan đến sự quan tâm của họ, sự quan tâm của họ liên hệ đến sự quan tâm của tôi. Tôi luôn luôn xem tôi chỉ là một trong gần bảy tỉ người hiện nay – tôi là một bộ phận của loài người. Thế nên, sự hạnh phúc tương lai của tôi hoàn toàn lệ thuộc vào toàn thể nhân loại còn lại. Bất chấp là nếu một người đơn độc là năng lực hay giàu có như thế nào – người ấy vẫn là một bộ phận của nhân loại. Nếu loài người

hạnh phúc, hòa bình và thương yêu hơn, thế thì mọi người đều lợi lạc. Và bây giờ, trong nền kinh tế hiện đại, không có biên giới thật sự – không có biên giới tôn giáo.

Thế nên, đây là thực tế. Thời gian đã đến để nghĩ về toàn thể nhân loại và chúng ta phải nói trên trình độ của con người. Do vậy, khi quý vị thấy tôi suy nghĩ, qua phát biểu của tôi, thì quý vị có thể trong một phạm vi nào đó đọc được tâm ý tôi. Thí dụ, bây giờ mọi người có cảm nhận về tự ngã – cái “tôi”. Nhưng không có ai xác định cái “tôi” là gì. Không ai biết. Trong hàng nghìn năm, những truyền thống khác nhau đã đưa ra những sự giải thích khác nhau về tự ngã, nhưng vẫn không rõ ràng lắm. Và, theo tự nhiên, mọi người muốn hạnh phúc, sung sướng, vui tươi. Ngay cả những con thú cũng có cùng cảm nhận và cùng khát vọng

như vậy. Và vì chúng ta không muốn trải nghiệm khổ đau, cho nên chúng ta muốn vượt thắng các rắc rối. Đó là căn bản của khát vọng nhân quyền. Mọi người đều có quyền để chiến thắng các vấn nạn và khổ đau.

Cội nguồn cứu kính của tâm hòa bình và hạnh phúc ở cấp độ tinh thần là ở trong chính chúng ta – không phải là tiền bạc, quyền lực, hay địa vị. Một số người bạn của tôi có thể là tỉ phú, rất giàu, nhưng ở mức độ cá nhân họ rất khổ não. Nếu quý vị lệ thuộc vào tiền bạc, thì sẽ thất bại trong việc đem đến hòa bình nội tại. Và cũng thế những người nào rất uy lực, tôi nghĩ rằng sâu thẳm bên trong, họ có rất nhiều bất khoan, căng thẳng, sợ hãi và không tin cậy. Thế nên, giá trị vật chất sẽ không thể mang đến sự vui sướng hay hòa bình thật sự bên trong. Tình cảm hay lòng nhiệt tình là



những gì thật sự mang đến sức mạnh nội tại và sự tự tin, cùng giảm thiểu sợ hãi và tăng trưởng tình bạn cùng sự tin cậy. Sự tin cậy mang đến tình bạn. Chúng ta là những tạo vật xã hội – sự cộng tác chân thành căn cứ trên sự tin cậy hỗ tương và rất cần thiết.

Vì thế cho nên, một khi chúng ta có một tâm tử bi và nhiệt tình hơn, toàn bộ không khí trở thành tích cực và thân hữu hơn. Qua cung cách ấy, người ta nói rằng, khi quý vị nhìn về phía trước, quý vị cảm thấy, ô, đó là những người bạn của tôi; nhìn về phía bên này, ô, đó là những người anh chị em của tôi, nhìn về bên nọ, người ấy cũng là thân hữu của tôi. Nếu quý vị mang sự sợ hãi, không tin cậy, và tự làm cho mình hơi có khoảng cách với những người khác, thế thì khi một người khác nhìn vào quý vị, người ấy thấy nghi ngờ, không tin tưởng, và cẩn thận hơn. Như một kết quả, sâu bên trong, quý vị có một cảm giác cô độc. Từ đó, những vấn nạn huyết áp và quá nhiều căng thẳng – và tất cả những thứ bệnh tật xảy ra.

Trong một lần nọ, ở New York, tại Đại học Columbia, tôi đã có một hội nghị với những nhà khoa học y tế. Một nhà y học đề cập trong trình bày của ông ta rằng những người thường nói trong những ngôn ngữ như “tôi, tôi, của tôi, của tôi” thì có nhiều cơ hội hay hiểm họa của chứng nhồi máu cơ tim (cười). Ông không giải thích tại sao, nhưng tôi cảm thấy điều đó rất đúng. Như tôi đã đề cập trước đây, sâu bên trong, những người này có sợ hãi và không tin tưởng; và nếu quý vị tiếp tục luôn duy trì khoảng cách với những người khác, thế đó sẽ mang đến sự hiu quạnh. Rồi thì như vậy sẽ trở thành khó khăn để giao tiếp với những con người khác. Xét cho cùng, bạn là một tạo vật xã hội – bạn là một thành phần của cộng đồng và bạn phải đối diện với những người khác. Nhưng do bởi sự yếu đuối bên trong của chúng ta, chúng ta tự cô lập với người khác. Làm sao một người như vậy hạnh phúc được? Vì thế sẽ có nhiều lo lắng và căng thẳng hơn nữa. Một khi chúng ta phát triển một cảm giác quan tâm cho sự cất tiếng của những người anh chị em chúng ta lớn hơn, một cánh cửa nội tại sẽ tự động mở ra và sẽ trở thành rất dễ dàng để giao tiếp với những người khác. Bất chấp ta là một người có tín ngưỡng hay không, thì phẩm chất hay tiềm năng này đã sẵn có với chúng ta từ lúc mới sinh ra.

Trước nhất, mọi người đến từ những bà mẹ của họ. Đôi khi quý vị thấy, ở Ấn Độ, có những câu chuyện về những con người hay những vị thánh rất vĩ đại được sinh ra từ hoa sen. Tôi nói đùa với mọi người rằng, vì những người như vậy có thể có những thái độ tử bi hơn đối với hoa sen hơn là đối với con người. May mắn thay chúng ta được sanh ra từ mẹ của chúng ta. Cho nên ngay sau khi chúng ta được sinh ra, bằng một nhân tố sinh học, về cả hai phía – bà mẹ và đứa bé – có một cảm nhận tức thời và bao la của thân mật và tin tưởng.

Từ phía bà mẹ, cảm xúc từ ái hay tình cảm mạnh mẽ đem đến năng lượng nhằm để bảo vệ và chăm sóc đứa bé.

Đây là một nhân tố sinh học. Nó không đến từ đức tin tôn giáo – không hiến định, không sức mạnh cảnh sát. Bà mẹ con người giống như bà mẹ chó, mèo, chim – bà ấy có một tình cảm hay cảm giác vô biên quan tâm cho con cái của bà ấy. Thế nên, một cách sinh học, chúng ta được trang bị với loại tình cảm ấy. Bất cứ người nào hay bất cứ con vật nào trân trọng tình cảm của người khác thì cũng có tiềm năng để biểu lộ tình cảm đến một kẻ khác. Vì chúng ta được sinh ra trong cách ấy, chúng ta lớn lên dưới mỗi tình cảm vỗ vãn và sự chăm sóc của người khác. Vậy thì xa hơn nữa, một số nhà khoa học nói rằng quá nhiều sân hận hay sợ hãi thì thật sự ăn mòn hệ thống miễn nhiễm của chúng ta. Một tâm tử bi hơn là rất hữu ích để kéo dài hệ thống miễn nhiễm của chúng ta. Do vậy, trong chính máu huyết của chúng ta, có một loại hạt giống nào đó của tình cảm. Với một tâm tử bi hơn, tình trạng thân thể của chúng ta sẽ rất tốt. Một tâm tức tối không thể đồng hành tốt với cấu thành thân thể. Vậy nên chúng ta có thể nói rằng bản chất tự nhiên của con người là tích cực và tử bi hơn.

Và xét cho cùng, chúng ta là những tạo vật xã hội. Ngay cả những con vật khác cũng có một lòng vị tha hạn chế, do bởi nhu cầu của sự tồn tại. Trong trường hợp của con người, do bởi sự thông minh, tâm vị tha của họ có thể mở rộng phạm vi. Tử bi yêu thương, vốn đến từ nhân tố sinh học, nên được mở rộng bằng việc sử dụng trí thông minh của con người – suy nghĩ và khảo sát những ưu và khuyết điểm – và sau đó quý vị có được sự tự tin và tình giác. Lòng nhiệt tình cũng rất quan trọng cho cộng đồng, cho gia đình, và cho cá nhân. Nếu cá nhân có một tâm tử bi hơn, thì cá nhân được duy trì tốt đẹp nhất.

Khi tôi đang đi ngang một con đường, trong một cung cách thường khi của tôi, tôi luôn luôn mỉm cười. Đôi khi những người hơi bảo thủ – và đặc biệt một số cô gái trẻ – họ cảm thấy hơi nghi ngờ khi tôi mỉm cười với họ. Thay vì đón nhận hạnh phúc, họ trông như: “Ồ, tại sao người này lại mỉm cười với tôi?” Cho nên có nghĩa là, khi tôi mỉm cười vào một người khác như một người anh chị em, tôi cảm thấy hạnh phúc; nhưng thái độ tử bi của tôi không nhất thiết sẽ mang đến hạnh phúc cho người khác. Nó mang lại nghi ngờ và lo lắng hơn cho họ. Do vậy, như một kết quả của sự thực tập tử bi, thì lợi lạc trước nhất là đến cho chính mình.

Tôi muốn nói rõ điều này – đôi khi người ta cảm thấy rằng sự thực tập tử bi là điều gì đó tốt lành cho người khác, chứ không nhất thiết là cho chính tự thân. Điều đó hoàn toàn sai lầm. Từ lúc sinh ra, chúng ta đã được trang bị với tiềm năng này. Vâng, nhân tố sinh học này tồn tại như một hạt giống. Sau đó chúng ta phải dùng trí thông minh con người để mở rộng nó.

Thế nên, có hai cấp độ. Thứ nhất là cấp độ của tình cảm hay tử bi, là thứ vốn chính yếu là

một nhân tố sinh học. Điều đó rất giới hạn, và cũng bị định hướng bởi thái độ của người khác. Loại tình cảm đó chỉ hướng đến bạn bè của ta, những người biểu lộ một thái độ tích cực đến với ta. Cấp độ thứ hai của từ bi được thành tựu qua tu tập và sử dụng trí thông minh của ta. Như tôi đã đề cập trước đây, qua một sự phân xét ưu khuyết điểm, chúng ta xây dựng niềm tin. Thái độ cực kỳ vị kỷ là tự tàn phá. Hãy nghĩ về người khác – như vậy thật sự mang đến sức mạnh nội tại. Những niềm tin này mở rộng một cách thận trọng cảm giác quan tâm và cát tường không chỉ đến với thân hữu mà cũng cả những người trung tính, và rồi cuối cùng, ngay cả đối với kẻ thù hay những kẻ gây rắc rối cho chúng ta. Một khi chúng ta có một cảm nhận quan tâm chân thành, vốn vươn tới ngay cả với kẻ thù của ta, rồi thì lòng từ bi đó là chân thành và được rèn luyện. Nó không thành kiến, không giới hạn, và không bờ bến. Chúng ta chỉ có thể đạt được trình độ đó do bởi trí thông minh tuyệt diệu của con người.

Một thí dụ là về một tu sĩ Tây Tạng mà tôi biết rất rõ. Từ năm 1959, ông đã mất khoảng 18 hay 19 năm trong một trại tập trung của Trung Cộng. Vào đầu những năm 1980, ông có cơ hội để đến Ấn Độ và gia nhập vào tu viện trước đây của ông. Tôi thử nói chuyện với ông về kinh nghiệm của ông trong 18 hay 19 năm năm đó. Ông đã nói với tôi, trong thời gian ấy, trong vài trường hợp ấy ông đã đối diện với một hiểm họa nào đó trong đời sống của ông. Tôi đã hỏi ông, hiểm họa gì? Ông đã nói với tôi nó là hiểm họa của việc quên mất tâm từ bi, hay đánh mất lòng từ bi đối với những kẻ gây ra, như những lính canh Trung Cộng đó. Một người thực tập lòng từ bi vô hạn như vậy thì một cách tinh thần là thật an hòa và tĩnh lặng.

Trong một trường hợp, tôi đơn giản đề cập những kinh nghiệm của vị tu sĩ ấy đến một nhóm nhà khoa học. Sau đó, họ muốn thử nghiệm một vài người như vậy. Sau những sự quán sát này, các nhà khoa học thấy rằng mặc dù trải qua những thời gian rất khó khăn và có nhiều gian khổ não trong đời sống, thể trạng tinh thần của tu sĩ này là rất an hòa. Thường thường, những người trải qua loại kinh nghiệm như vậy kết thúc với chấn thương. Nhưng những nhà khoa học này thấy rằng, sau các cuộc phỏng vấn và thử nghiệm của họ, thì vị tu sĩ ấy có một tâm thức rất an hòa. Như một kết quả, con người đặc biệt này, bây giờ khoảng 93 hay 94 tuổi, sức khỏe thân thể còn rất tốt. Cho nên tôi nghĩ thái độ tinh thần là rất quan trọng cho sức khỏe của chúng ta.

Khoảng hai hay ba năm trước đây, tôi phải giải phẫu. Túi mật của tôi bị cắt bỏ. Từ lúc ấy về sau. Tôi nói đùa với mọi người – quý vị thấy khuôn mặt tôi, cũng giống vậy; nhưng trong thực tế, một cơ quan quan trọng của thân thể con người đã mất đi; cho nên thân thể của tôi không là một thân thể hoàn toàn. (Cười) Thế nào đi nữa, họ nói rằng loại giải phẫu như vậy

phải mất khoảng 15 hay 20 phút; nhưng trong trường hợp của tôi, phải mất 3 giờ đồng hồ do bởi đủ loại phức tạp. Nhưng rồi thì, chỉ trong sáu ngày, trong một tuần, tôi đã bình phục hoàn toàn. Bác sĩ rất ngạc nhiên. Mặc dù cuộc giải phẫu tự nó là rất phức tạp, sự bình phục nhanh chóng một cách bất thường. Đó là kinh nghiệm của chính tôi.

Trong khi nằm trên bàn giải phẫu, và sau đó trong một vài ngày ở nhà thương, tôi cảm thấy okay. Tôi không có nhiều băn khoăn lo lắng hay bất cứ rắc rối nào khác. Trong vài ngày ấy, tôi trở thành một người bạn rất tốt với những y tá và các thầy thuốc. Tôi đùa với họ và chọc họ. Một người thầy thuốc đã nói với tôi sau này rằng từ cuộc gặp gỡ của chúng tôi, toàn bộ đời sống của họ đã thay đổi. Vợ của một người thầy thuốc đã nói với tôi rằng – chính vì ấy đã không nói với tôi – “Chồng tôi thường hơi khó khăn trước đây. Nhưng từ cuộc giải phẫu ấy, ông ấy đã trở nên thoải mái hơn nhiều.”

Cho nên, sự thực tập từ bi do vì nó thật sự lợi ích không chỉ cho chính chúng ta nhưng cũng tạo nên một loại không khí tích cực. Dĩ nhiên, tôi không chỉ nói về những thứ này từ vị trí của tôi như một người nào đó đặc biệt. Tất cả chúng ta có cùng tiềm năng – cùng sự thông minh. Điều duy nhất là chúng ta phải rèn luyện ngay từ lúc ấu thơ. Qua rèn luyện và học hỏi, chúng ta chú ý nhiều hơn đến những giá trị nội tại của chúng ta. Điều cần thiết duy nhất là chú ý hơn đến giá trị nội tại của ta – rồi thì ta sẽ gạt hái thêm kinh nghiệm.

Thường thường thì tôi nghe BBC rất nhiều. Họ luôn luôn nói về tiền bạc, kinh tế và chính trị. Và hãy nhìn vào thái độ chung của mọi người! Ngoại trừ có điều gì đó ta có thể thấy – hay như nghe nhạc – một số người thật sự buồn tẻ. Thế nên, cả ngày, họ xem truyền hình và nghe nhạc. Điều này, tôi cảm thấy, một dấu hiệu là chúng ta thiếu kinh nghiệm về giá trị nội tại, với việc nhìn vào bên trong và đơn giản là nghĩ về tâm nội tại của chúng ta. Qua cách ấy, chúng ta có thể xác nhận thêm sự tự tin và hòa bình nội tại. Quý vị biết, không cần thấy hay nghe, chỉ đơn giản qua sự suy nghĩ, chúng ta có niềm hòa bình mệnh mang.

Cách đó, một cách truyền thống, người ta sống nơi vắng vẻ năm này qua năm khác – vì họ có kỷ năng – đã biết mang đến hòa bình nội tại qua việc nhìn vào bên trong. Thật sự thì có hai đặc trưng của hạnh phúc và khổ đau. Một thì lệ thuộc một cách sâu đậm vào ý thức và kinh nghiệm cảm giác – nhìn vào những thứ dễ thương hay nghe những thứ dễ chịu cho ta sự hài lòng nội tại. Nhưng loại hài lòng ấy hoàn toàn lệ thuộc vào phương tiện bên ngoài và những thứ bên ngoài.

Trình độ của khổ đau và hài lòng khác không lệ thuộc vào kinh nghiệm giác quan. Bây giờ, thí dụ, khi ta nhớ về một kinh nghiệm quá khứ nào đó, ta cảm thấy sung sướng hay khổ

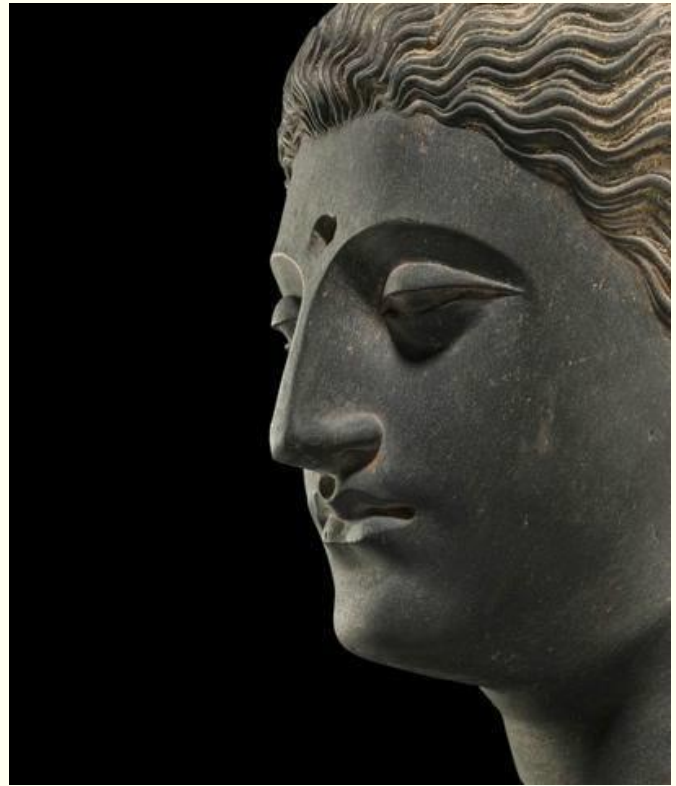
đau. Đó là trình độ tinh thần. Do thế giữa hai thứ này – những kinh nghiệm trình độ tinh thần và vật chất – hay kinh nghiệm trình độ giác quan – trình độ tinh thần là ưu thắng hơn. Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể khám phá rằng hạnh phúc tinh thần có thể chinh phục nỗi đau đớn thân thể, nhưng khổ đau tinh thần không thể bị khuất phục bởi sự thoải mái vật chất.

Có ý nghĩa chứ? Quý vị nghĩ thế nào? Okay? Thế nên trình độ tinh thần là ưu thắng, quan trọng hơn và uy lực hơn trình độ giác quan. Nền giáo dục trong xã hội hiện đại bây giờ, tôi nghĩ, nhấn mạnh quá nhiều vào kinh nghiệm trình độ giác quan. Tôi muốn chia sẻ suy nghĩ này, mà tôi nghĩ bây giờ đã đến lúc. Vì tối thiểu ba hay bốn nghìn năm, con người chúng ta lệ thuộc vào hoàn toàn vào cầu nguyện nhằm để có hạnh phúc hay bình an của tâm thức nhiều hơn. Thế rồi, trải qua hai thế kỷ gần đây, khoa học và kỹ thuật đã phát triển – do vậy mọi thứ mà chúng ta muốn được mang đến cho chúng ta ngay tức thì qua kỹ thuật. Cho nên một cách tổng quát chúng ta chú ý nhiều đến khoa học và kỹ thuật hơn là cầu nguyện.

Năm ngoái, ở một tiểu bang của Ấn Độ, chính quyền xây dựng một ngôi chùa Phật giáo. Vì vậy vị thủ hiến đã mời tôi đến lễ khánh thành. Rồi thì vị thủ hiến – đứng đầu chính quyền tiểu bang – đề cập trong bài diễn văn của ông rằng qua sự gia hộ của Đức Phật, tiểu bang của ông sẽ thịnh vượng một cách nhanh chóng. Rồi thì đến phiên tôi nói, và tôi biết ông rất rõ, cho nên tôi phát biểu, “Nếu tiểu bang của ngài có thể thịnh vượng một cách nhanh chóng qua sự gia hộ của Đức Phật, thế thì tiểu bang của ngài đã phải phát triển sớm hơn rất nhiều; bởi vì sự gia hộ của Đức Phật đã sẵn ở đó trong 2,500 năm qua. Nhưng sự gia hộ của Đức Phật hoàn toàn lệ thuộc vào sự làm việc của một vị thủ hiến có năng lực.”

Do thế, chính là hành động mới thật sự tạo nên sự thay đổi hiện hữu; việc cầu nguyện sẽ không thay đổi được điều gì. Vì vậy, sự quan tâm của con người trong khoa học và kỹ thuật là tự nhiên. Như tôi đã đề cập trước đây, những báo cáo của đài BBC luôn luôn nói về tiền bạc. Vào phần cuối thế kỷ 20, có hai nhân tố quan trọng – điều thứ nhất liên hệ đến những người thật sự giàu có, những người tạo nên một xã hội giàu có, vật chất. Bây giờ, họ đã bắt đầu cảm thấy chỉ đơn thuần giá trị vật chất thì không đủ. Điều gì đó thiếu vắng như một vài thí dụ mà tôi đã đề cập. Điều kia là trong khoa học, việc khám phá hệ thống thần kinh trong não bộ con người đã đến một trình độ rất sâu và phức tạp. Rồi thì người ta đã bắt đầu phát triển sự quan tâm về cảm xúc và tâm thức. Do vậy, con người chúng ta không chỉ là thân thể này mà cũng có cảm xúc.

Giá trị vật chất cung cấp sự thoải mái cho trình độ vật chất thân thể của con người, nhưng không cho trình độ cảm xúc. Thế nên,



bây giờ, ngày càng nhiều những nhà khoa học nổi tiếng và được kính trọng đã tiến hành những cuộc khảo sát về cảm xúc của chúng ta, và giải quyết chúng như thế nào. Do vậy, vào cuối thế kỷ 20, đã có một sự quan tâm chân thành về giá trị nội tại của chúng ta. Cùng lúc, trong hệ thống giáo dục – đương nhiên hàng nghìn năm của lục địa châu Âu – những việc giáo dục riêng biệt đã bắt đầu. Trước thời gian này, nhà thờ chịu trách nhiệm dạy dỗ con người về đạo đức luân lý. Nó cũng chịu trách nhiệm cho gia đình, đến một mức độ nào đó. Nhưng thời gian đó bây giờ đã qua, và sự ảnh hưởng của nhà thờ và thể chế gia đình đã hơi bị suy sụp. Do vậy, thể chế giáo dục độc lập nên mang trách nhiệm đạo đức của giáo dục con người về cả những bộ môn tri thức và đạo đức luân lý hay nhiệt tình.

Quý vị thấy đấy, có nhiều người bây giờ đang tiến hành việc nghiên cứu nghiêm túc về vấn đề làm thế nào để triển khai thực hiện một số giáo dục đạo đức về nhiệt tình trong chương trình giáo dục hiện đại. Chúng ta, những con người, qua những kinh nghiệm của chính chúng ta, bây giờ đã trở thành trưởng thành hơn. Vì vậy, chúng ta không chỉ chú ý hơn đến giá trị vật chất mà cũng với giá trị nội tại. Ở đây, trong sự quan tâm ấy, những truyền thống tôn giáo khác nhau có các quy tắc đặc biệt của họ. Trong lãnh vực triết lý, có hai đặc trưng chính – tôn giáo hữu thần và tôn giáo vô thần. Có những khác biệt lớn giữa hai truyền thống này. Nhưng tất cả những giáo huấn và tất cả những nhấn mạnh của các niềm tin là tầm quan trọng về từ ái, bi mẫn, tha thứ, bao dung, kỷ luật tự giác, và toại nguyện. Tôi có nhiều người bạn thuộc Ki tô giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, và Do Thái giáo – là những hành giả chân thành. Cho

nên, chúng ta có cùng sự thực tập, cùng tiềm năng để chuyển hóa con người, và để biến một tâm tiêu cực thành một tâm tích cực hơn.

Khi chúng ta nói về giá trị nội tại hay đạo đức luân lý, thì những truyền thống tôn giáo khác nhau có những quy tắc đặc biệt khác nhau. Ở đây, tôi muốn chia sẻ một việc – tín ngưỡng hay đức tin tôn giáo cá nhân của quý vị là rất quan trọng; nhưng quý vị phải thực hiện một sự phân biệt trong đức tin giữa “một chân lý, một tôn giáo” và vài chân lý và vài tôn giáo. Trong hình thức cá nhân, ý tưởng “một chân lý, một tôn giáo” là rất thích hợp. Nhưng trong quan điểm của xã hội, vài sự thật và vài tôn giáo là rất thích đáng. Cho nên, bây giờ làm thế nào để vượt thắng sự mâu thuẫn này?

Một lần nọ ở Argentina, tôi đã có một cuộc gặp gỡ với một số nhà khoa học và lãnh tụ tôn giáo. Một người, ông đề cập ông là một nhà vật lý, nhưng ông tin rằng ông không nên dính mắc quá với lãnh vực khoa học của riêng ông. Tôi nghĩ như vậy thật là tuyệt diệu. Tôi là một Phật tử, nhưng tôi cũng không nên quá dính mắc với Phật giáo; bởi vì quý vị thấy, nếu quý vị quá dính mắc với đức tin của quý vị, rồi thì tâm của quý vị trở thành thành kiến. Sau đó quý vị không thể thấy giá trị của những truyền thống khác. Quý vị phải trung thành với truyền thống của quý vị, nhưng quý vị cũng phải nên có một tâm cởi mở với những truyền thống khác? Quý vị nên nhìn vào những tôn giáo khác một cách cởi mở và khách quan, và rồi thì quý vị sẽ có thể thấy được giá trị. Ngày nay, nhân danh tôn giáo đôi khi có sự phân hóa và xung đột. Đó không phải là có điều gì đó sai quấy với tôn giáo, nhưng đó là bởi vì hành giá theo tôn giáo bị vướng bẫy trong dính mắc.

Tôn giáo và hòa hợp là những chí nguyện của cả đời tôi và tôi rất hạnh phúc để thấy những anh chị em tâm linh khác ở đây. Do vậy, mặc dù triết lý và truyền thống khác nhau, nhưng tất cả những hành giả chúng ta là cùng nhiệt tình giống nhau. Thế nên, xin hãy vui lòng, tiếp nhận một vai trò hiệu quả hơn về việc thúc đẩy những giá trị nội tại. Trong gần bảy tỉ con người, tôi nghĩ thật rất khó cho mọi người đều trở thành một người có đức tin tôn giáo. Đó cũng là một sự thật. Ở Ái Nhĩ Lan này, dĩ nhiên đại đa số là người Ki tô giáo La Mã, có phải không? Nhưng họ cũng có những người không tín ngưỡng. Do vậy, tôi muốn nói với những người có tín ngưỡng, là nếu quý vị tin theo tôn giáo của quý vị một cách chân thành và nghiêm túc, thì nó có mọi khả năng để cung ứng cho quý vị sự an bình nội tại. Nhưng rồi thì có những người không tín ngưỡng, những người hoàn toàn không quan tâm về tôn giáo.

Bây giờ, tôi nghĩ có ba cách để thúc đẩy những giá trị nội tại. Thứ nhất – tôn giáo hữu thần, tin tưởng Thượng Đế, hoàn toàn thần phục với Thượng Đế. Loại đức tin ấy giảm thiểu thái độ vị kỷ cực đoan. Nó thật là hữu dụng. Tôi trước nhất nêu lên cung cách của tôn giáo

hữu thần để thúc đẩy những giá trị nội tại này. Thứ đến, những tôn giáo vô thần – như Phật giáo, Kỳ Na giáo, và một số những truyền thống cổ truyền của Ấn Độ (1). Những tín đồ của các niềm tin vô thần này tin vào luật nhân quả, vốn cũng là một cung cách để thúc đẩy những giá trị nội tại này. Sau đó, có một cách thứ ba, mà tôi thường gọi là cung cách thể tục. Ở đây tôi phải nói rõ rằng khi tôi sử dụng chữ chủ nghĩa thể tục, không có nghĩa là tôi không tôn trọng tất cả các tôn giáo, thay vì thế là tôi tôn trọng tất cả mọi tôn giáo. Theo khái niệm của Ấn Độ, chủ nghĩa thể tục có nghĩa là tôn trọng mọi tôn giáo – không có quyền ưu tiên cho tôn giáo nào hay tôn giáo nọ, bởi vì tất cả bình đẳng. Và chúng ta phải tôn trọng những người không tôn giáo. Chúng ta phải tin rằng chúng ta cùng là những con người và nói về những giá trị nhân bản. Tôi nghĩ rằng điều đó là quan trọng. Bằng trái lại, có những người không quan tâm đến tôn giáo, thì thật sai lầm khi cho rằng họ cũng không quan tâm đến lòng tử bi yêu thương, bởi vì họ cảm thấy rằng đây là những vấn đề của tôn giáo. Điều đó hoàn toàn sai lầm. Cho dù quý vị có chấp nhận tôn giáo hay không, điều đó là tùy vào cá nhân, nhưng để chú ý hơn vào những giá trị nội tại là sự quan tâm riêng của quý vị.

Đôi khi tôi nói đùa với mọi người rằng, “Chúng ta vị kỷ về mặt sinh học. Con người là vị kỷ. Do bởi cảm nhận vị kỷ chúng ta tồn tại. Nhưng cảm nhận vị kỷ ấy nên là vị kỷ thông tuệ thay vì vị kỷ ngờ nghệch. Chăm sóc đến sự cát tường của người khác là cách tốt nhất để thành tựu sự hạnh phúc của chính quý vị và một đời sống thành công. Vì lòng vị kỷ, nếu chúng ta chỉ nghĩ về chính mình và có một thái độ vị kỷ cực đoan, thì quý vị sẽ gặp phải rắc rối về đường máu, huyết áp, và căng thẳng, và cuối cùng bị đau tim.” (Cười)

Do vậy, trong hai chí nguyện cả đời của tôi, thứ nhất là thúc đẩy những giá trị nhân bản, và thứ hai là thúc đẩy sự hòa hợp tôn giáo. Tôi thật sự cảm kích sự hiện diện của quý vị ở đây. Cảm ơn tất cả rất nhiều. Với những điều tôi đã đề cập, nếu quý vị cảm thấy có quan tâm đến điều nào đó, thế thì, tự quý vị phải trải nghiệm và khám phá. Và rồi thì nếu quý vị cảm thấy điều gì đó đáng giá để nghĩ đến, thì quý vị phải thực hiện những thứ ấy trong cuộc sống đời thường của quý vị. Nếu quý vị cảm thấy những điều này không liên can gì nhiều đến đời sống của quý vị, vậy thì hãy quên chúng đi – không có vấn đề gì. Cảm ơn!

(Trích từ quyển The Big Book of Happiness)

(1) Lão giáo cũng thuộc tôn giáo vô thần (tức là không có đấng tạo hóa).

TINH KHIẾT NHƯ HOA SEN...

TN. Hạnh Tâm

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

"Tịnh-hạnh thành ra đạo-nghi, trong sạch trọn nền giới phẩm. Chí-khí cao như các vòm sao trên bầu trời, uy-nghiêm như gió như mây. Trong tâm ô-m-ấp đức-tĩnh con sư-tử, ngoài tướng biểu-hiện cái uy của tượng-vương. Cối Người cõi Trời khen ngợi vắng theo và các bộ Long-thần đều khâm-phục."

Mượn lời Tổ đức nêu cao đức tướng uy nghi của bậc xuất thế để nghĩ về một vị Trưởng lão Ni tài đức song toàn, bậc Long Tượng của Ni giới Việt Nam một thời vang bóng. Người đến và đi rực sáng như ngôi sao Bắc Đẩu trên bầu trời nhân thế và tinh khiết như loài sen tỏa ngát hương lành trong khu vườn đạo pháp mệnh mông.

*"Tịnh khiết như hoa sen
Rạng ngời như Bắc đẩu
Xin quay về nương náu
Bậc thầy của Nhân Thiên"*

Tôn dung khả kính, đạo hạnh uy nghiêm, mỗi lời nói mỗi bước đi khiến đại chúng cúi đầu quy phục, mỗi tâm nguyện mỗi việc làm đều thể hiện chân tướng bậc đại trưởng phụ uy dũng. Đó là hình ảnh cổ Sư trưởng thượng Như hạ Thanh, Viện chủ Tổ đình Huế Lâm, vị lãnh đạo tối cao của Ni bộ Bắc Tông một thời; vị thầy đức hạnh, mẫu mực của Ni giới; là Giáo Thọ sư mà Ni chúng khắp nơi tâm nguyện nương về tu học; là vị Tuyên Luật sư mà bao thế hệ chư Ni mong nhờ ân đức của Người được lãnh thọ giới pháp.

Sư trưởng vốn xuất thân con nhà quan lại, gia phong nề nếp tại làng Tăng Nhơn Phú huyện Thủ Đức - nay là quận 9, TP. HCM. Ngoài hai mươi tuổi, Người quyết chí từ bỏ gia đình, tìm thầy xuất gia, tham cầu học đạo từ Sài Gòn xuôi xuống miền Tây, ra tận Huế rồi trở vào Bình Định dừng chân tại chùa Thập Tháp, cầu học những bộ kinh đại thừa thâm diệu với những vị Đại đức danh sư lúc bấy giờ. Sau đó Người tiếp tục ra Bắc cầu thọ Đại giới và tham học các bộ luật căn bản, luật Tứ phần

Tỳ Kheo Ni và nghiên cứu Luật Tạng. Là người thông minh mẫn tiệp, Sư trưởng tiếp thu nghĩa lý kinh luật sâu xa rất tường tận nhanh chóng, chư Tôn đức giáo thọ đương thời khi trùng tuyên giáo điển cho Người đều hết lời khen ngợi tán thán.

Sau thời gian du phương cầu học viên mãn, năm 1942... Người trở về Nam bắt đầu công việc hoằng pháp lợi sanh. Trước tiên là mở lớp dạy Luật tại chùa Hội Sơn (Thủ đức) trong 3 tháng, chư Ni từ Nha Trang, Mỹ Tho cũng đến tham học. "Mùa an cư năm ấy, Sư cụ Diệu Tấn, trụ trì chùa Kim Sơn (Phú Nhuận) khai Hạ an cư, mời Sư trưởng làm Thiền chủ và giảng dạy giáo lý cho chư Ni. Ni chúng tụ về an cư hơn 80 vị. Sau đó Sư trưởng mở lớp dạy Quốc ngữ, xóa nạn mù chữ cho dân trong vùng."

Năm 1945, Sư trưởng nhận lời ông bà Tri huyện Nguyễn Kỳ Sắc về trụ trì chùa Huế Lâm Q. 11 và bắt đầu công

việc kiến thiết tu sửa biến nơi đây thành một chốn Già Lam tôn nghiêm thanh tịnh. Hai năm sau, Phật Học Viện Huế Lâm ra đời, chư Ni các nơi về theo học rất đông. Lớp học chúng đầu tiên ngày ấy sau này đều là bậc Ni trưởng đạo cao đức trọng, là bậc mô phạm để hàng Ni chúng và Phật tử cùng nương về tu tập học đạo. Tiếp đến Người lập thêm những ngôi Tự Viện từ Sài Gòn đến khu Đại Tòng Lâm và thành phố Vũng Tàu để chúng Ni sau khi tốt nghiệp Học Viện về đây cùng làm Phật sự, tiếp nối sứ mệnh hoằng pháp lợi sanh, báo ân Tổ đức.

Ngoài việc thành lập Ni trường nuôi dạy học chúng, Sư trưởng cũng mở ra các trường Trung Tiểu học Kiều Đàm miễn phí cho con em các gia đình nghèo đến học, lập Ký Nhi Viện, phòng thuốc nam cùng các cơ sở từ túc và từ thiện xã hội... Tất cả các cơ sở đó chỉ với mục đích giúp đỡ xoa dịu những mất mát đau



NI TRƯỞNG THÍCH NỮ NHƯ THANH
(1911—1999)

thương thời chiến sự và nuôi dưỡng ý chí tự lập cho học chúng môn đồ. *"Người nâng đỡ, dìu dắt chư Ni theo kịp trào lưu tiến hóa của xã hội về mọi phương diện qua các thời đại, trong khuôn khổ giới luật, kỷ cương theo lời Phật dạy."*

Với tài năng lãnh đạo và chí khí hơn người, năm 1956, *Giáo hội Tăng Già Nam Việt được thành lập, Sư trưởng bày tỏ ý nguyện thống nhất Ni bộ và được chư Tôn Đức trong Giáo hội ủng hộ.* Thế là Người đích thân đi đến các chùa Ni từ miền Đông qua miền Tây Nam bộ để vận động chư Ni cùng đoàn kết thống nhất và nâng đỡ khuyến khích những vị hữu tài thực đức, nhiệt tâm vì đạo cùng đứng ra lãnh đạo vì sự phát triển chung của Ni giới. Không bao lâu, Ban quản trị Ni bộ ra đời có nội quy riêng, tổ chức hành chánh riêng, trụ sở đặt tại chùa Huệ Lâm. Được sự tín nhiệm và ủng hộ của Giáo hội và đại chúng, Người được suy tôn là Sư trưởng lãnh đạo Ni bộ Bắc Tông. Năm đó Sư trưởng mới 46 tuổi. *"Bằng cả trí tuệ, tài năng và sự quyết tâm làm rạng rỡ Ni giới, Người đã tìm được một vị trí xứng đáng, vững chắc cho Ni chúng trong hàng ngũ Giáo hội Phật giáo Việt Nam"*

Xây chùa lập Tự Viện, mở Ni trường thấu học chúng các nơi về tu tập khai thông trí tuệ. Sư trưởng còn là Giáo thọ sư, Giảng sư Ni nổi tiếng về tư tưởng Đại Thừa Liễu Nghĩa, là bậc Hạnh Giải kiêm ưu, hành trì Giới luật rất nghiêm mật. Người đem hết tinh hoa Đạo pháp tham học nghiên cứu bao năm truyền trao lại cho đại chúng. Không chỉ chư Ni trẻ mà các vị Lão Ni có danh tiếng trong sự nghiệp hoằng pháp từ miền Trung đến miền Nam đều có tham học và thọ giáo Sư trưởng.

Dù rất bận rộn với các công việc của Ni bộ, của Ni trường, việc trong việc ngoài, việc đạo việc đời... nhưng khi đêm xuống, trong thư phòng tĩnh lặng, cảnh vật xung quanh lắng đọng thanh tịnh cũng là lúc Sư trưởng bắt đầu công việc trước tác dịch thuật của một Học giả yêu thích văn chương thi phú. Cho đến ngày Người về Phật (26-01 năm Kỷ Mão/1999) chúng đệ tử tại Tổ đình đã sưu tầm những tác phẩm còn lưu lại của Người gồm 3 phần " *Trước tác biên soạn, dịch thuật và thi phẩm*" khoảng trên dưới 30 đầu sách, đa phần là bản đánh máy, được Người trước tác và phiên dịch rành rã trong 60 năm.

Sơ lược về hành trạng của Sư trưởng, chúng ta hiểu được đôi nét khái quát về một bậc trưởng lão Ni có chí khí tài năng vượt bậc. Với tài năng chí khí ấy, Người tạo dựng sự nghiệp hoằng pháp vì lợi ích chúng sanh nhưng trên hết vì sự phát triển của Ni giới. Vượt qua mọi rào cản ràng buộc cùng những định kiến phân biệt của thời đại phong kiến, Người mạnh dạn cất lên tiếng nói đầy uy lực và nhanh chóng bắt tay vào công cuộc xây dựng Ni giới trở thành một tập thể đoàn kết, một tổ chức hợp nhất có quy tắc chuẩn mực riêng trong ngôi nhà chung của Đạo pháp.

Hai thập niên đã đi qua... hình bóng tôn dung bậc đại Ni trưởng Lão đã không còn hiện hữu nhưng hạnh nguyện lợi tha, công đức tu tập một đời của Người vẫn ghi đậm dấu ấn qua mỗi hành trình dân thân của Ni giới ngày nay. Là bậc lãnh đạo tối cao trong Ni bộ, có tầm ảnh hưởng sâu rộng với mọi giới mọi miền, nhưng trong nếp sống hằng ngày, Người vẫn giữ sự khiêm cung bình dị và rất nghiêm túc hành trì giới luật trong mọi lúc mọi nơi. Chính sự nghiêm trì giữ giới mà phong thái của Người luôn toát lên vẻ uy vũ mà đức độ, nghiêm khắc mà lại bao dung hòa nhã. Và cũng chính sự nghiêm trì giới luật mà trải qua các kỳ Đại giới đàn từ tổ chức tại Sài Gòn và các tỉnh thành từ năm 1946 đến 1989, Sư trưởng luôn được chư Tôn đức, Hội đồng Ni bộ cung thỉnh Người làm Hòa thượng Đoàn đầu truyền trao giới pháp cho giới tử Ni.

Giới luật tạo nên đạo phong cốt cách, là lẽ sống thanh cao, là uy lực tối thượng của người xuất gia đầu tròn áo vuông sống đời tịnh hạnh. Là người lãnh đạo Ni bộ nên Sư trưởng rất quan tâm đến việc oai nghi tế hạnh của đại chúng. Từng cử chỉ lời nói đi đứng nằm ngồi của Người luôn thể hiện khuôn vàng thước ngọc để Ni chúng noi theo. Chư Ni trẻ ngày ấy nghe danh Sư trưởng đều rất e ngại lo sợ khi được thầy tổ gọi về Huệ Lâm tu học. Thế nhưng khi được gần gũi kề cận bên Người, ai cũng nhìn thấy sự nghiêm khắc ấy toát lên cả tấm lòng từ ái khoan dung độ lượng. Người luôn quan tâm đến mọi người, nhất là người già bệnh tật, những người kém may mắn trong xã hội. Khi tiếp cận với bất cứ ai, Người đều đối xử bình đẳng, không phân biệt nghèo hèn hay giàu sang địa vị. Còn với đại chúng... Người đều xem như đệ tử dạy bảo tận tình khuyến tấn tu học, không phân biệt vùng miền, là đệ tử của ai.

Trải qua bao cuộc thăng trầm biến đổi... bến sông xưa dù đã thay dòng nhưng mạch nguồn vẫn tuôn chảy qua muôn ngõ ngách của cuộc thế. Trên nền móng cũ vững vàng, Phân ban Đắc trách Ni giới Việt Nam được thành lập, một lớp Ni trẻ có tài năng, có học hạnh đang từng bước mở ra một chân trời mới để Ni giới Việt Nam phát triển và hòa nhập vào cộng đồng thế giới. Và rồi đây một lớp Hoảng Luật Ni nội trú đầu tiên cũng sẽ được khai giảng trong niềm vui và kỳ vọng của bao người.

Tất cả những thành quả mà Ni giới Việt Nam có được ngày nay đều thừa hưởng từ kho tàng trí huệ, từ năng lực xuất trần của tiền nhân để lại. Dấu ấn thời gian càng tô đậm thêm khí chất của bậc Ni lưu và những người con gái Đức Như Lai dù đến dù đi vẫn lan tỏa cho đời mùi hương sen diệu mầu thanh khiết./.

TN HẠNH TÂM

HÌNH ẢNH LỄ THỌ TANG & TƯỞNG NIỆM ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH NGUYỄN TRỰC TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA, NGÀY 11 & 17.11.2018





Photos by Dũng Nguyễn

Khứ lai như thủy nguyệt

SAKYA NHƯ BẢO

(Thành kính tưởng niệm 15 năm ngày Ni Trưởng TN. Trí Hải viên tịch)

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Thế là đã tròn 15 năm kể từ ngày Thầy già từ cuộc mộng. Chuyển hóa duyên này của Thầy khá là dài....

Con bây giờ đi gần hết đời người, quá nửa việc ngày xưa lẫn ngày nay gần như quên bẵng, nửa còn lại nhập nhằng giữa đôi bờ mộng thực chông chênh. Thế mà, từng chi tiết về lớp học năm xưa vẫn sáng ngời, vẹn nguyên trên đỉnh đồi tâm thức.

Thầy trò mình gặp nhau như một lẽ tất nhiên có cây này mầm từ đất, như thuyền về với biển. Chúng con, tuổi đôi mươi hồn nhiên trong trẻo, mắt xanh lòng sáng nhưng khí ngạo tâm cao. Gặp Thầy rồi bao hiểu thẳng bông bột trong con rụng rơi quá nửa. Thầy đáng mai, hồn tuyệt; Cầm

- Thi trúc tuyệt; bác học đa văn; ngoại ngữ tinh tường, văn phong lấp lánh, đạo hạnh sáng ngời, khí hạo nhiên cao vút. Con ngỡ ngàng thấy cái tôi cứng đầu của mình ngả nghiêng phủ phục.

Trái tim con từng kiêu hãnh đến thế nào

Cũng quỳ gối ngay trang Kinh đầu Thầy giảng.

(1998)
Ngày tháng ấy con khê khàng đi qua từng bài học, nâng nhẹ mỗi lời Kinh. Câu thơ, ý đạo - "Bóng nguyệt lòng sông" [i], gói trọn nỗi niềm "nai về chốn cũ" gói vào từng trang Kinh con dịch. Thầy chưa từng tặng con một lời khen trước mặt, nhưng rõ ràng con nhận được nhiều hơn. Lời nói chỉ dùng khi tâm cảm chưa thông, nhưng đâu còn công dụng trong sát na tâm linh tương hội...

Năm đó, Thầy khước từ đảm trách lớp

chính khóa với hàng trăm sinh viên trẻ, mà lặng lẽ lui về Tịnh Thất. Cánh cổng Tuệ Uyển im lìm, uy nghiêm, với với chỉ khê khàng hé mở cho vài kẻ hữu duyên. Thật tình ban đầu con không dám tưởng tượng một ngày mình được diện kiến Thầy, nói gì đến được Thầy nhận vào lớp học! Thỉnh thoảng, nơi thềm sân Viện Nghiên Cứu, từ xa chúng con thấy thấp thoáng tà áo lam lướt nhẹ, cốt cách băng thanh tuyết lãnh, phong thái uy nghiêm, sáng ngời và cao quý, nhẹ như một làn gió của Thầy thật không từ ngữ nào có thể tả được.

Ngày ấy, nhiều người thắc mắc, chẳng biết chúng con học cái lớp gì mà sao hôm nào công phu khuya xong đã vội

vàng hờn hờ ôm sách ra đi. Đều đặn như một quả lắc, khuya chúng con rời chùa lên Tuệ Uyển, đến 7 giờ sáng lại di chuyển sang Vạn Hạnh miệt mài bốn tiết chính khóa, hôm nào về lại chùa cũng là quá ngọ. Thông thường, một bộ môn tuần học một lần thì phải đến bảy năm mới được 364 buổi. Còn chúng con, tuy chỉ học với Thầy vồn vện hơn một năm nhưng là học mỗi ngày kín kẽ, dù thường nhật hay mùa hạ, dù mưa hay nắng thì cứ hơn 5 giờ sáng là chúng con đã có mặt ở Tuệ Uyển. Đường xa, giờ học sớm, bài vở nhiều khiến một số huynh đệ bỏ cuộc. Càng ít người, hương pháp bảo thuần khiết ban mai lại càng đậm đà thơm thảo.

Lớp học đôi khi trở thành những buổi mạn đàm Phật pháp, thỉnh thoảng lại hóa ra buổi bình thơ hào hứng, đôi lúc lại bị gián đoạn bởi tiếng "đọc thơ gọi cửa" sang sáng của Thi tiên



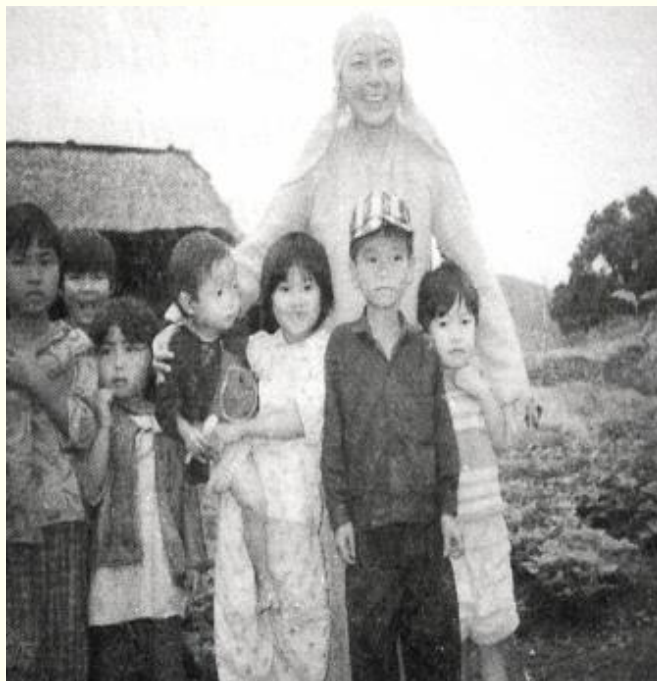
Ni Trưởng Thích nữ Trí Hải (1938 - 2003)

Bùi Giáng. Bên cạnh Thầy, chúng con được 'thường thức ké' âm ba độc tấu đàn tranh, đàn nguyệt của Giáo sư Trần Văn Khê, được mở rộng tầm nhìn ra vạn vật để thấy sự tương quan mật thiết giữa Phật giáo và khoa học từ những buổi diễn thuyết của Tiến sĩ Vật lý Nguyễn Tường Bách... Lắm lúc còn được "hưởng ké" sô-cô-la do thân hữu của Thầy mang về từ nửa vòng trái đất.

Có hôm, Thầy đột ngột thông báo: "Ngày mai chủ nhật mình chuyển sang học ở Bệnh viện Ung Bướu." Rồi thì đến Chùa Kỳ Quang thăm các em khiếm thị, khiếm thính... Chúng con ban đầu ngỡ ngác đi theo Thầy để rồi sau đó vỡ òa cảm xúc từ những bài học vô thanh sống động của cuộc đời mà Thầy gợi mở. Chính những chuyến đi ấy đã dạy cho con biết cách lắng nghe bằng trái tim và nhìn mọi sự bằng lý trí, việc mà đôi mắt và đôi tai không thể nào gánh nổi. Mỗi ngày được học với Thầy là mỗi ngày niềm tịnh tín bất động đối với Phật và giáo pháp của Ngài trong con càng thêm vững vàng, kiên cố. Trần ngập trong con là lòng biết ơn vô hạn đối với Tam bảo, với cuộc đời và đặc biệt là đối với Thầy....

Thầy vẫn thích câu nói của Emily Dickinson: "*Thì nhân chỉ thấp lên những ngon đèn, còn chính họ thì bước ra ngoài.*" Quả thật, Thầy không bao giờ áp đặt cái biết của mình lên chúng con. Thầy chỉ "thấp nển" và để chúng con tự nhìn, tự cảm nhận từ chính thực tại đang hiển bày. Thế nên, tiếng là lớp học dịch, nhưng Thầy nào có bảo chúng con phải dịch ra làm sao đâu. Thầy gọi từng người một lên đọc mà chẳng thấy Thầy khen chê gì bao giờ. Chúng con cứ dịch theo ý mình, mỗi đứa một kiểu, Thầy cười hết, gật gù hết... Sau mỗi giờ học, Thầy lại cho đề tài về nhà làm báo cáo, đương nhiên là bằng tiếng Anh. Các bài viết non nớt của con ngày đó in đầy chữ đỏ của Thầy tới giờ con vẫn xem là báu vật. Đặc biệt, Thầy chỉ sửa lỗi chính tả chứ không bao giờ thêm bớt hay nhào nặn ý tưởng của chúng con. Thầy sẵn lòng cho chúng con tự do sai sót, tự do phóng thích mở tự duy hỗn độn, vụn vặt và rời rạc. Lòng bi mẫn bao la và thăm thẳm dường ấy, tuổi trẻ vô tâm làm sao có thể hiểu hết... "*Con quỳ xuống với lòng thành chánh niệm, tạ ơn Thầy một thuở đã khai tâm.*"

Người ta bảo, Thầy giỏi tất sẽ dạy nên trò giỏi. Nhưng vị Thầy lỗi lạc, bậc chân sư thật thụ thì sẽ không tạo ra những người học trò xuất sắc mà tạo nên những bậc Thầy. Thầy chính là người Thầy đầu tiên trong kiếp sống này cho con khái niệm trở về với nguyên bản của chính mình mà không cần phải làm bản sao xoàng xĩnh của bất kỳ ai. Khát khao được học Thầy trong con nhiều đến nỗi, dù ngày nào cũng được gặp và học với Thầy, nhưng mỗi buổi vừa rời khỏi lớp là con lại mong ngóng đến giờ học ngày mai. Bài vở chính khóa thì hờ hững qua loa, mà bộ Majjhima Nikaya của Ngài Bodhi thì lật tới lật lui đến mòn vẹt!

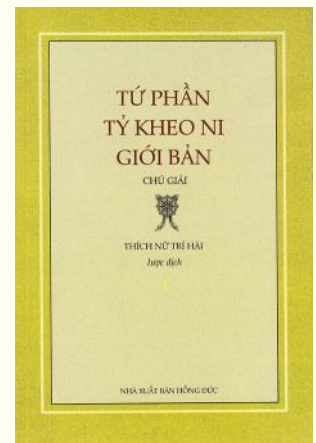
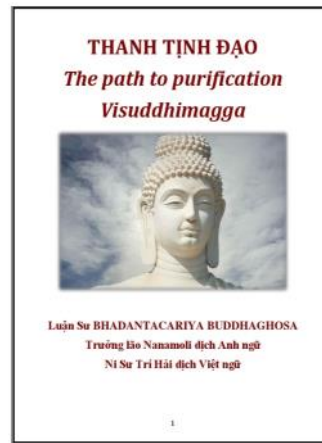
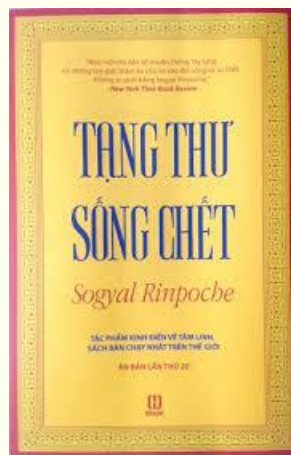
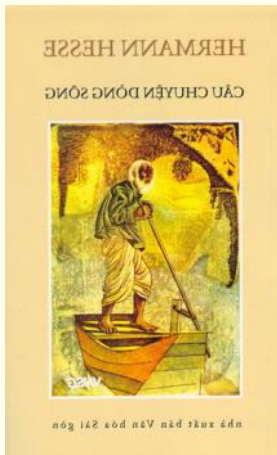


Ngày ấy, chỉ cần nghe ai nhắc đến tên Thầy là tất cả các giác quan nơi con đều mở toang sáng lóa. Con học Thầy qua những bài Kinh và cả ngoài những trang Kinh. Con lắng nghe và thẩm thấu những lời Thầy dạy và cả những điều Thầy không hề nói. Con đọc những dòng chữ trong sách Thầy và đọc cả bên ngoài câu chữ. Con nghe rõ những dấu chấm chơi với mà Thầy bỏ lửng trong tận cùng của tuyệt lộ tưởng tri khi "từ ngữ rụng xuống hai lần." Và chào ôi, con đã nhìn thấy rồi dáng núi sừng sững mà cô liêu trong hoàng hôn pháp mạng!

*Biển xanh rì rào
Độc thoại bất tuyệt
Tôi còn phải nói gì chẳng?
Biển xanh nói rồi
Trời cao đã biết
Này chú hải âu
Chú muốn nghe chẳng thiên hạ sự?
Nhưng chú hải âu bỗng giật mình
Vỗ cánh bay!
(Biển Vắng - NT. Trí Hải)*

Thuở ấy, con hơn 20 thừa vụng dại mà thiếu khôn ngoan, đầu hiểu "*Tâm Lão bà*" thên thang như đại hải, vun đắp tự phù sa, nên mãi dùng dằng giam mình trong hỗn sởi ngẩn ngơ, tự làm mình nghèo nàn khốn khổ! Khờ khạo làm sao, đại đột biết bao! Nền nổi sau gần mười năm dài viễn xứ, ngày về trắng mộng tàn canh, người xưa vườn cũ tuyệt mù, con chỉ còn biết gởi đến hư không nỗi ho-ang hoải cô liêu trong chiều tàn héo hắt - "*Đường đi không gió lòng sao lạnh*" [ii], Thầy ơi!

Im lặng suốt nhiều năm, tuyệt chẳng một dòng hoài niệm, tiếc thương, cả đến tên Thầy con cũng chưa từng nhắc đến, cũng chẳng dám



nghe khi ai đó nói về... Nghĩ đến Tổ sư chín năm diện bích vô ngôn, sấm sét dội nguồn tâm mà hồ thẹn quá chừng quá đỗi, thẹn mình dù có thình lảng suốt cả đời thì rốt cuộc từ đầu đến cuối cũng thấy lớp lớp bạt ngàn đó đây một "khung trời hội cũ"...

*Trên đám cây sa thảo
dưới bóng hàng thông
tuyệt năm diễm ảo
có cách nào giữ lại
cho tuyết dừng tan không?*
(Sakanoemo Iratsume)

Đã có lúc cổ tình đánh rơi cương chánh niệm, con ước một lần quay ngược thời gian, để có thể đem tâm thơm thảo hôm nay về ngồi nơi lớp học thân ái ngày xưa. Nếu giấc mơ con thành hiện thực, thì hẳn rằng có người sẽ phải phục sinh để viết tiếp "Cấu chuyện dòng sông" [iii] còn đang dang dở... Nói thể đương nhiên là con biết, Thầy lại đang gọi đến chúng con nụ cười 'Mona Lisa' thứ thiệt, chắc chắn vậy rồi, phải không thưa Thầy khả kính?

Tiếp thu nền học thuật toàn diện từ Đông sang Tây, nên tác phẩm và dịch phẩm của Thầy vô cùng đặc biệt, sâu thẳm thẳm mà rộng bao la, câu chữ nào cũng lấp lánh trí tuệ, ý tứ nào cũng tinh tế thâm trầm. Nét bút tài hoa, văn phong dí dỏm chẳng lẫn vào đâu được của Thầy đã mở toang cho người đọc cả phương trời viễn mộng uyên nguyên, rực rỡ kỳ hoa dị thảo...

Thầy mang làn gió thanh mát của phương Đông hòa quyện vào hơi thở của Hermann Hesse, Thầy đem cả cái lạnh của Tuyết Sơn từ Sogyal Rinpoche với "Tạng Thư Sống Chết" [iv] về chốn này. Thầy cần thận sâu từng hạt ngọc "Tâm bất sinh" [v] của Thiền sư Bankei, đem bằng hết cái thâm u trác tuyệt nơi xứ sở Mặt Trời quanh năm Anh đào rực rỡ về với quê nhà. Thầy bình thơ Haiku của Thiền sư Basho rồi đến cuối cùng hài hước hạ một dấu chấm chơi với nỗi niềm Búi Giăng!

Những năm cuối cùng, Thầy như bước ra từ con chữ của Shantideva qua dịch phẩm "Nhập Bồ

tát hạnh" (Bodhisattvacharyavatara) [vi]. Con vẫn nhớ, Thầy mong một lần được tận tay cầm nguyên bản "Lamrin Chenmo" của Tsong Khapa. Bản Tiếng Anh của Lamrin Chenmo con đem về bảy năm sau đó chẳng biết phải đưa ai nên đến giờ vẫn còn nằm im một chỗ.

Chuyện là thế đó, chỉ có thể thôi mà mãi 20 năm sau kể từ lần sơ ngộ, con chẳng thốt được nửa lời tán thán, niệm ân! Ròng rã 15 năm cũng chẳng viết nổi một dòng để tỏ lòng tiếc thương bá biệt - "Đàm Hoa Lạc Khứ" [vii], Thầy ơi!

Con chờ đợi một ngày nổi đau vạn tiễn xuyên tâm đủ nguội lạnh, những hoài niệm xưa thoi choáng chạt tâm nhìn "Hiện lượng," những ý nghĩ về Thầy thoi đóng cọc sừng sững trong tâm, câu Kinh "Phàm sở hữu tướng..." thốt ra nơi đầu môi thoi nhì nhùng, ngắt ngứ; và nhất là, bằng tất cả lòng tri ân đối với Thầy, phải thấp sáng và lưu truyền ngọn đèn chánh pháp mà Thầy để lại cho nhiều thế hệ sau, thì con mới có thể đỉnh đạc, đường đường chính chính mà viết về Thầy. Bởi con biết, Thầy sẽ không vui khi học trò cứ liêu xiêu, chệch choạng bước không qua nổi ngọn đồi "Đối chất cảnh" lung linh hương sắc.

*"Bởi vì mắt ngó trời xanh
Cho nên mắt cũng long lanh màu trời
Bởi vì mắt thấy biển khơi
Cho nên mắt cũng xa vời đại dương."*
(Thơ Trụ Vũ)

Ngày xưa, Thầy đã từng khước từ bực giảng Đại học mà dành thời gian cho lớp chúng con thì việc hôm nay con bước qua cánh cổng trường xênh xang nơi phố thị để về lại núi rừng cùng bao thế hệ học trò bé nhỏ cũng là một lẽ tất nhiên. Chính Thầy đã cho con biết rằng, giá trị của tri thức Phật giáo không phải ở chỗ đứng nơi giảng đường của cấp học cao hay thấp, chính quy hay gia giáo, mà quan trọng là khả năng đánh thức những nụ mầm giác ngộ nơi người học đạo của vị Thầy.

Bao năm nay con nào dám đem tâm tình rong rêu, âm đạm của sỏi đá bên đường mà phụ bạc thâm ân bất khả tư nghi của hư

không vô tận. Mỗi người trong chúng con, bằng nhiều cách khác nhau, đều đã và đang viết tiếp bài thơ phụng hiến mà năm nào Thầy bỏ ngõ. Và Thầy ơi, tuy là chậm, là chật vật, hắt hiu, nhưng rốt cuộc con cũng hoàn thành được bài tập cuối cùng Thầy để lại:

*"Suối biếc chuyển lời
Kinh vọng khắp
Bụi hồng theo ngọn gió
tung hề
Bồng dung tìm thấy con
người thật
Của chính mình xưa trót
lạc đề..."*
(Thơ Vũ Hoàng Chương)

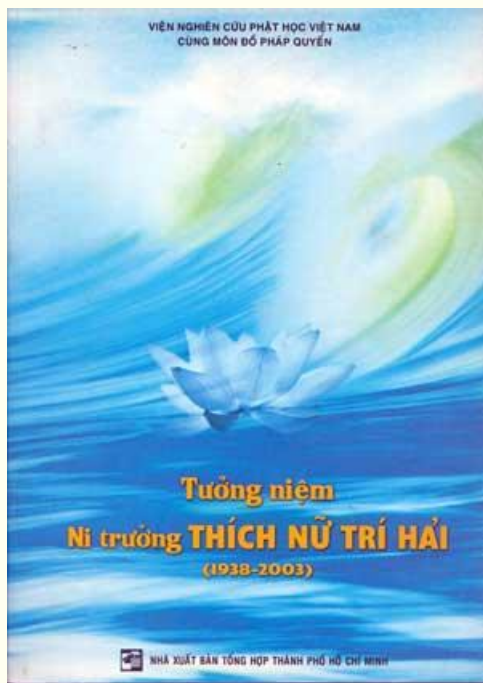
Tạ ơn Phật! cuối cùng, sau bao năm xuống ghềnh lên thác, sáng nay, giữa trời xanh bát ngát, soi mình xuống dòng sông trong vắt, bắt giác ngộ ngàng, mừng vui khôn xiết khi chợt nhìn rõ mặt mình.

Nào ai đến? nào ai đi? Trời mây sông nước một vùng. Thầy nào có rời xa cuộc đời bao giờ, Thầy chỉ là trở về an trú trong "Tâm Phật Bất Sinh." Thầy cũng chưa từng ngừng nghỉ việc hoằng dương Chánh Pháp, chỉ là Thầy đang thực hiện gián tiếp thông qua những môn đồ xuất cách và những ai may mắn lĩnh hội được chỗ tinh túy từ suối nguồn pháp bảo nguyên sơ của Thầy. Thầy vẫn hiện hữu từng ngày qua mỗi bài Kinh, mỗi câu thơ ý đạo mà chúng con thay Thầy thể hiện. Thầy không còn tồn tại riêng lẻ mà đã hòa cùng hữu tình vạn loài và trong mỗi chúng con... Chúng con vẫn hằng gặp Thầy trong "Tánh cảnh" bao la, điều rõ ràng đến thế sao lâu nay con lại cố tình quên mất?

*Ta hòa cùng với gió
Thành vũ trụ bao la
Ta như làn sóng nhỏ
Giữa đại dương cuộc đời
Sóng có khi còn mất
Biển cả không đầy với.*
(Sống Chết – NT. Trí Hải)

Chưa nói đến hàng pháp tử và biết bao thế hệ học trò khác của Thầy, chỉ riêng lớp chúng con thôi, hơn mười học trò nhỏ của Thầy năm nào, Tăng có Ni có, giờ đều là những người đứng đầu trong ngành Giáo dục Phật giáo tại mỗi địa phương và cả hoằng pháp ở hải ngoại. Thế nên, không cần ai chúc nguyện "tái hiện đàm hoa," Thầy vẫn có mặt khắp cùng sơn hà đại địa, theo thời gian càng nhân lên và lan xa rộng khắp. Những hạt ngọc trí

tuệ Thầy để lại chưa bao giờ thôi phát sáng, những đóa hoa giác ngộ Thầy vun bồi ngày càng rực rỡ, ngát hương. Tuệ Uyển năm nào đã tuyệt tích vô tung nhưng biết bao phiên bản khắc đã ra đời, góp phần trang nghiêm cho vườn hoa đạo pháp.



*Văng vẳng nơi nao khúc
nhạc thiền
Tiễn người về chốn cũ sơ
nguyên
Mỹ nhân tự cổ như danh
tướng
Nhưng vẫn dư hương suốt
côi miền.*
(Hoa Quỳnh – NT. Trí Hải)

Cuộc đời cũng như dòng sông luôn tuần hoàn và dịch chuyển: "Nước đi ra biển lại mưa về nguồn" (Tản Đà). "Bánh xe hiện tượng quay nhanh lắm Thiện Hữu! Đâu là Tất Đạt con người bà la môn? Đâu là Tất Đạt sa môn? Đâu là Tất Đạt con người giàu có? Cái gì giả tạm sẽ đổi thay" (Trích "Câu Chuyện Dòng Sông").

Thì vậy, bằng tâm thái an nhiên và bình thản, Thầy đã sống trọn vẹn từng phút giây những tháng năm dài mộng huyền. Trong mộng mà giảng Kinh, viết sách; trong mộng mà dịch thuật, làm thơ; trong mộng mà khởi đại bi tâm "biến nhập trần lao." Và tất nhiên sinh tử khứ lai, đâu có thế nào, với Thầy cũng chỉ là "thiên thu giả mộng"...

*Bất sinh bất diệt
Là cái bản tâm
Địa thủy hỏa phong
Chỗ êm trú tạm.*
(*"Tâm Bất Sinh"* – Trí Hải dịch)

Thầy đã đến và đã đi như thế. Nhẹ hẫng mà thênh thang như thị. Lặng lẽ mà tròn đầy biến mãn thái hư.

*"Chư pháp tùng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng" [viii]
"Xuân đảo bách họa khai
Hoàng oanh đề liễu thượng."*

Kính thành khể thủ!
Đại Tòng Lâm, 28.11. 2018
Học trò
Sakya Như Bảo

Ghi chú:

[i] - [vii]: Tác phẩm – dịch phẩm của Ni Trưởng
[viii]: Kinh Pháp Hoa.

Bùi Giáng: *Cái Được Thấy là Khổ Đế*

NGUYỄN GIÁC

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nhiều lời Đức Phật dạy trong kinh điển có thể được nhìn thấy qua nhà thơ Bùi Giáng.

Toàn thân Bùi Giáng chính là Khổ Đế hiển lộ qua cái được thấy. Tương tự, với Tập Đế.

Nụ cười của Bùi Giáng chính là Đạo Đế hiển lộ an lạc qua cái được thấy. Tương tự, với Diệt Đế.

Bùi Giáng đùa giỡn ca ngâm với lời lời ẩn nghĩa chính là diệu chỉ tâm không dính mắc của Kinh Kim Cang, hiển lộ qua cái được thấy và cái được nghe.

Bùi Giáng đi đứng nằm ngồi giữa phố như không một nơi để tới chính là diệu chỉ sống với cái Như Thị của Kinh Pháp Hoa, hiển lộ qua cách thõng tay vào chợ.

Bùi Giáng viết xuống chữ nghĩa xa lìa có/không, dứt bất đúng/sai, hề viết xuống là gửi vào tịch lặng bờ kia chính là diệu chỉ gương tâm rỗng rang của Bát Nhã Tâm Kinh.

Đó là hình ảnh nhà thơ Bùi Giáng trong tâm tôi nhiều thập niên qua.

Bùi Giáng là nhà thơ, là dịch giả, là nhà bình luận văn học. Ông sinh ngày 17 tháng 12/1926 tại huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; từ trần ngày 7 tháng 10/1998 (thọ 71 tuổi) tại Sài Gòn. Như thế, vài tuần nữa là tròn hai mươi năm nhà thơ Bùi Giáng qua đời.

Bản thân tôi, khi còn là một cậu học trò lớp Đệ Lục (bây giờ là lớp 7) đã say mê đọc Bùi Giáng. Tôi đọc đi đọc lại những cuốn Bùi Giáng viết về Bà Huyện Thanh Quan, về Chinh phụ ngâm và Quan Âm Thị Kính, về truyện Kiều và



truyện Phan Trần, về Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, về Chu Mạnh Trinh, và về một số người khác.

Trong đó, khi ra đề bài cho học sinh trung học, Bùi Giáng từng hỏi, thí dụ tương tự như (tôi chỉ nhớ lơ mờ, không nhớ chính xác): vào vườn Tao Đàn chơi, em sẽ nói gì nếu tình cờ gặp thi sĩ Chu Mạnh Trinh; nếu phải biên hộ cho Hoạn Thư về những hành vi đối với nàng Kiều, em sẽ nói gì... và vân vân.

Lúc đó, tôi hình dung rằng Bùi Giáng phải là một nhà giáo hàng ngày trang phục nghiêm túc, phải mang kính trắng, phải đi xe đạp hay xe mô-bi-lét, sáng đi chiều về tại một trường trung học nào đó ở Sài Gòn; hay, khác đi, hẳn phải là một nhà văn ngồi hàng ngày ở nhà xuất bản. Lúc đó, tôi muốn tìm

mua hết các sách về văn học của Bùi Giáng, thế là nhiều lần tôi đi xe đạp tìm địa chỉ nhà xuất bản Tân Việt – lúc đó, ghi sau bìa sách giảng văn – nằm gần Tân Định trên đường Phan Đình Phùng (hay Phan Thanh Giản?), một con đường xuyên từ Chợ Lớn tới Tân Định. Lần nào đi ngang cũng thấy cửa đóng, mà trông không có vẻ gì như nhà xuất bản hay nhà in, chỉ nhìn như nhà dân thường, mà phải là giai cấp trung lưu trở lên.

Sau nhiều lần đi ngang, một lần tôi liều mạng, tới gõ cửa. Một người đàn ông mở cửa, nhìn tôi ngạc nhiên, nói rằng đây không phải nhà xuất bản nào hết, cũng không có thầy giáo nào tên Bùi Giáng trong nhà. Thế là cậu học trò lủi thui, phóng lên xe đạp, biến mất với

lòng thất vọng, tiếc là mình tới địa chỉ đó trễ mất nhiều năm. Và rồi nhiều năm sau, khi lên bậc Đại học, qua lại trong các sân trường Văn Khoa, Vạn Hạnh... gặp nhiều cuốn sách khó hơn, cả thơ và bình luận triết học, của Bùi Giáng, mới biết rằng ông là một nhà thơ bụi đời, ăn mặc dị thường, được nhiều người cho là điên, thường mang túi xách rách rưới y hệt truyện kể về Tề Diên Hòa Thượng, thường tới lui Đại học Vạn Hạnh và các sân chùa. Lòng tôi vẫn suy nghĩ rằng, một nhà bình giảng văn học cực kỳ sắc bén như ông, hiển nhiên từng dòng thơ không thể nào cạn cợt như người đời thường.

Một lần tới quán cà phê Năng Mới trước khuôn viên Đại Học Vạn Hạnh, tôi được các bạn chỉ một người đi lang thang trên đường Trường Minh Giảng và nói đó là nhà thơ Bùi Giáng.

Thế đó, ngó Bùi Giáng là thấy Khổ Để liền. Tôi nghĩ, hóa ra, Kinh Phật không khó hiểu tí nào.

Và rồi, ông mỉm cười với mấy tên sinh viên đang ngồi bên các ghế thấp hè phố. Thế đó, nụ cười Bùi Giáng đã hiển lộ Đạo Để, tràn ngập an lạc. Tôi nghĩ, không ngờ Kinh Phật được tuyên thuyết ngay giữa phố chợ như thế.

Niềm an lạc khi nhận ra Tứ Diệu Đế lúc đó lan khắp toàn thân của tôi, toàn thân mát rượi. Nhưng mình không hiểu hết mọi chuyện. Lúc đó, lại quay sang bàn chuyện học thi với các bạn. Nhiều thập niên sau, tôi mới từ từ nhận ra ba đời chư Phật không lìa đâu xa, ẩn nghĩa đang nằm ngay trong đời thường quanh mình. Thỉnh thoảng, tôi lại tìm đọc thơ của ông, đôi khi lại về ông. Và bây giờ, với lòng biết ơn, xin viết về ông.

*

Xin mời đọc toàn văn bài thơ sau trong thi tập Bài Ca Quần Đảo (1973) của Bùi Giáng, để thấy nửa đầu là Khổ/Tập Để, nửa sau là Diệt/Đạo Để:

Có lẽ (I)

*Người nằm ngủ thấy gì
Thấy rất nhiều nắng lạ*

*Những chùm bông rất xanh
Có lẽ bông là lá
Người nằm ngủ thấy gì
Chẳng thấy gì hết cả
Ngài thử nằm ngủ đi
Đừng hỏi gì hết cả*

Bài thơ trên có thể làm người học Phật giật mình, vì gợi nhớ một bài kinh. Bài thơ chia làm hai phần: phần đầu nói về giấc ngủ có mộng, thấy nắng, thấy hoa và lá; phần sau là giấc ngủ không mộng. Đức Phật có ít nhất hai bài kinh giải thích về giấc ngủ có mộng và không mộng.

Trong Kinh SN 10.8 (Sudatta Sutta), khi Sudatta hỏi Đức Phật ngủ đêm qua nơi vườn và được trả lời, bản Anh dịch Sujato, dịch như sau:

*A brahmin who is fully extinguished
always sleeps well.*

*Sensual pleasures slide off them,
they're cooled, free of attachments. (1)*

DỊCH:

*Một bậc phạm hạnh đã hoàn toàn tịch diệt
luôn luôn ngủ ngon.*

*Niềm vui ái dục biến mất [trong tâm] rồi,
họ tịch lặng thanh lương, xa lìa mọi dính
mắc.*

Kế tiếp, tới Kinh AN 3.35 (Hatthaka Sutta), kể rằng lúc đó Đức Phật đang cư ngụ trong một vườn cây simsapa, dưới mặt đất là gập ghềnh dấu chân bò trong khi tuyết rơi, gió lạnh, Hoàng Tử Hatthaka xứ Alavi tới thăm, hỏi rằng Đức Phật có ngủ ngon không. Đức Phật nói rằng ngài ngủ ngon. Hatthaka thắc mắc rằng vì sao có thể ngủ ngon trong khi trời lạnh, mặt đất gồ ghề.

Đức Phật nói, bản dịch Bodhi, trích:

*He always sleeps well,
the brahmin who has attained nibbāna,
cooled off, without acquisitions,
not tainted by sensual pleasures. (2)*

DỊCH:

*Vị đó luôn luôn ngủ ngon,
bậc Phạm hạnh đã thành tựu Niết bàn
đã tịch lặng thanh lương, không còn gì để
tìm
và không nhiễm gì bởi niềm vui ái dục.*

Có phải Bùi Giáng luôn luôn ngủ ngon, ngay cả trên hè phố gập ghềnh? Chúng ta không rõ. Nhưng, bất kỳ ai trong cõi này cũng đều biết rằng không tỉnh cỡ mà chúng ta có giấc ngủ không mộng. Phải tu ráo riết lắm, phải tu thậm thâm lắm, mới ngủ không mộng.

*

Bài thơ Mắt Buồn của Bùi Giáng cũng có phong cách tương tự bài thơ nêu trên, cũng hai phần: với nửa đầu bài thơ là Khổ/Tập hiển lộ qua các hình ảnh ba cõi bất an như: hao mòn,



chiêm bao, náo động, bão giông, khóc đêm, triền miên trôi; với nửa sau là Diệt/Đạo, ly nhất thiết tướng, buông bỏ toàn bộ [sắc thanh hương vị xúc pháp]... để rồi trở về hiện tại [bây giờ], tự quán sát với mắt trí tuệ [riêng đối diện tôi], khởi tâm Bồ tát đi vào cõi này để kham nhẫn mắt lệ từ bi [khóc người một con]. Bài thơ dị thường này toàn văn như sau.

Mắt buồn

Dặm khuya ngắt tạnh mù khơi (Nguyễn Du)

*Bóng mây trời cũ hao mòn
Chiêm bao náo động riêng còn hai tay
Tắm thân với mảnh hình hài
Tắm thân thể với canh dài bão giông
Cá khe nước cống lên đồng
Ruộng hoang mang khóc đêm mông một
giếng
Tạ từ thán chạp quay nghiêng
Âm trang sử lịch thu triền miên trôi*

*Bỏ trắng gió lại cho đời
Bỏ ngang ngửa sóng giữa lời hẹn hoa
Bỏ người yêu bỏ bóng ma
Bỏ hình hài của tiên nga trên trời
Bây giờ riêng đối diện tôi
Còn hai con mắt khóc người một con.*

*

Một bài thơ khác cũng có thể làm các Phật tử giật mình. Nhan đề "Chào Nguyễn Xuân" tức

khắc gợi tới hình ảnh của an lạc, của ánh sáng tuệ giác, của một pháp vô vi, không do tạo tác mà nên [nguyên = vốn sẵn, là sinh diệt]. Đó là Niết Bàn. Bài thơ chớ theo một nỗi buồn man mác, khi nói về lẽ vô thường [tóc xanh phai màu], về con đường [sinh tử luân hồi], về bờ nước [gương tâm] vốn vô ngã nhưng lại hiện lên bóng ta và bóng người [chấp có ta, có người], có năm ngón nhỏ phôi bày bóng con [bàn tay có 5 ngón, là pháp hữu vi, có già chết; còn bóng con là pháp vô vi, không thấy được nhưng không là hữu vi mà có], có Khổ Đế với khóc đời bạc mệnh, nhưng nơi tịch lặng của Niết Bàn hề nói nữa là sai... Bài thơ lạ lùng này, toàn văn như sau.

Chào Nguyễn Xuân

*Xin chào nhau giữa con đường
Mùa xuân phía trước miên trường phía sau
Tóc xanh dù có phai màu
Thì cây xanh vẫn cùng nhau hẹn rằng.*

*Xin chào nhau giữa lúc này
Có ngàn năm đứng ngó cây cối và
Có trời mây xuống lân la
Bên bờ nước có bóng ta bên người*

*Xin chào nhau giữa bàn tay
Có năm ngón nhỏ phôi bày bóng con
Thưa rằng những ngón thon thon
Chào nhau một bận sẽ còn nhớ nhau*

Xin chào nhau giữa làn môi





*Có hồng tàn lệ khóc đời chưa cam
Thưa rằng bạc mệnh xin cam
Giờ vui bất tuyệt xin làm cỏ cây*

*Xin chào nhau giữa bụi đây
Nhìn xa có bóng ánh mây nghiêng đầu*

*Hỏi rằng: người ở quê đâu?
Thưa rằng: tôi ở rất lâu quê nhà
Hỏi rằng: từ bước chân ra
Vì sao thấy gió đàn xa dậm dài?
Thưa rằng: nói nữa là sai
Mùa xuân đang đợi bước ai đi vào
Hỏi rằng: đất trích chiêm bao
Sá gì ngẫu nhi mà chào đón nhau
Thưa rằng: ly biệt mai sau
Là trùng ngộ giữa hương màu Nguyên Xuân.*

*

Tới đây, là một bài thơ rất ngắn, nhan đề Bao Giờ. Bài thơ ông làm chỉ ghi lại những cái được thấy đang trôi chảy trong dòng thời gian vô thường, mà không hề đưa ra đánh giá hay tư lường [cái được thấy: chì đen, chép thơ, tường trắng, lá lục hồng, than hồng, đốt, từng phút từng giờ]. Và rồi, Bùi Giáng so sánh việc ông làm thơ y hệt như cười và khóc bằng quơ [tôi cười tôi khóc bằng quơ], và hỏi rằng độc giả có nhận ra ẩn nghĩa không [có ngờ chi không].

Chúng ta dễ dàng nhớ tới bài Kinh Bahiya Sutta, nơi đó Đức Phật dạy cho ngài Bahiya pháp tức khắc xa lìa tam giới [không với đó, không trong đó] và do vậy, giải thoát:

“Bahiya, ông nên tu tập thế này: Trong cái được thấy sẽ chỉ là cái được thấy; trong cái được nghe sẽ chỉ là cái được nghe; trong cái được thọ tướng sẽ chỉ là cái được thọ tướng; trong cái được thức tri sẽ chỉ là cái được thức tri... thì rồi Bahiya, ông sẽ không là ‘với đó.’ Nay Bahiya, khi ông không là ‘với đó,’ thì rồi Bahiya, ông sẽ không là ‘trong đó.’ Nay Bahiya, khi ông không ‘trong đó,’ thì rồi Bahiya, ông sẽ không ở nơi này, cũng không ở nơi kia, cũng không ở chằng giữa. Thế này, chỉ thế này, là đoạn tận khổ đau.”

Bài thơ Bao Giờ của Bùi Giáng toàn văn như sau.

Bao Giờ

*Bằng bút chì đen
Tôi chép bài thơ
Trên tường vôi trắng*

*Bằng bút chì trắng
Tôi chép bài thơ
Trên lá lục hồng*

*Bằng cục than hồng
Tôi đốt bài thơ
Từng phút từng giờ*

*Tôi cười tôi khóc bằng quơ
Người nghe người khóc có ngờ chi không.*

*

Trong nhiều năm qua, người viết trong những lúc rảnh rỗi, đã vẽ nhà thơ Bùi Giáng vì lòng kính mộ, vì lòng biết ơn. Trong đó có một tấm tranh trao tặng nhà văn Đào Hiếu năm 2014, khi vị tôn túc trong làng văn này từ VN sang chơi Quận Cam, ghé nhà thăm. Đó là tấm vẽ bằng mực Tàu trên giấy trắng, tấm duy nhất có bộ ria kiểu Hitler cho ngài Bùi Giáng.

Hôm nay, xin gửi hết 8 tấm tranh lên mạng, không giữ bản quyền, để bất kỳ ai cũng có quyền sử dụng. Nét vẽ vụng về, không hiển lộ được Khổ Đế (hướng gì là Đạo Đế), nhưng như thế đã là tận lực.

Những dòng chữ này và các nét vẽ này xin trân trọng cúng dường một nhà thơ lớn, và cũng là người tự thân hiển lộ được Tứ Diệu Đế.



Nguyên Giác

GHI CHÚ:

(1) Kinh SN 10.8: <https://suttacentral.net/sn10.8/en/sujato>

(2) Kinh AN 3.35: <https://suttacentral.net/an3.35/en/bodhi>

KHÁI LUẬN

GIÁO NGHĨA TRUNG ĐẠO

Phước Nguyên

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. GIÁO NGHĨA A-HÀM-NIKĀYA

1. DUYÊN KHỞI

Trong lịch sử tư tưởng Ấn-độ, thuyết Trung đạo đã mang lại cho tư tưởng giới đương thời một không khí hoạt bát [1]. Không chỉ vậy, trong suốt trường sử Phật giáo, đồng nhất trong dĩ biệt là một đặc tính nổi bật, tất cả hệ thống Phật giáo, bất cứ thời đại nào hay bất cứ trú xứ nào, đều công nhận Đức Phật dạy con đường Trung đạo, là giáo nghĩa trung tâm, xuyên suốt từ Phật giáo sơ kỳ đến bộ phái, từ khởi điểm đến phát triển [2]. Nó chiếm vị trí quan trọng trong cơ sở triết học Phật giáo, trở thành chủ đề luận bàn trong nhiều luận thư căn bản của các bộ phái.

Thuyết Trung đạo được chính Đức Phật tuyên thuyết trong Pháp thoại “Chuyển pháp luân” cho năm anh em Tôn giả Kiều-trần-như, tại khu Tiên nhân luận xứ [3], trong rừng Thí lộc [4], thuộc Ba-la-nại [5]:

“Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn... Đó là con đường Thánh đạo tám chi: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định” [6].

Lần đầu tiên Đức Phật chuyển vận pháp luân để chỉ bày pháp bốn Thánh đế cho năm vị Tỷ-kheo, Pháp thoại này cũng như bản tuyên ngôn của Chuyển luân vương khi lên ngôi trị vì Pháp giới, nhưng trong đó vẫn bao hàm ý nghĩa đối cơ, tức là Đức Phật đã tận lực trình bày phương pháp Trung đạo không khổ không vui và đó là con đường tu đạo chủ yếu vậy.

Vậy nó có ý nghĩa gì ở đây?

2. Định nghĩa

Trung đạo 中道, tiếng Sanskrit gọi là *Madhyamāpratipadā*, Pāli *Majjhimāpaṭipadā*, Tib. *dbu ma'i lam*.

Như đã thấy Pháp thoại Chuyển pháp

luân, Trung đạo được Đức Phật định nghĩa, là:

- (1) Con đường tránh xa hai cực đoan.
- (2) Con đường đưa đến an tịnh, thắng trí và Niết-bàn.

(3) Và bản chất của Trung đạo chính là “Thánh đạo tám chi”.

Định nghĩa đầu tiên (1), xác minh rõ, Trung đạo là con đường loại trừ sự cố thủ về biên kiến (*antaditṭhi*), nghĩa là chỉ chấp có một bên, hoặc tồn tại hoặc không tồn tại, thường hay đoạn; sự chấp trước này có tính cách cực đoan không phù hợp với Trung đạo. Trong *Tương ưng bộ* (*Samyutta-nikāya*), Đức Phật giải thích như sau:

“Tất cả là tồn tại, này Kaccāyana, là một cực đoan. Tất cả là không tồn tại là cực đoan thứ hai. Tránh xa hai cực đoan ấy, này Kaccāyana, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo” [7].

Văn kinh này cũng có thể tìm thấy tương tự trong văn hệ Sanskrit, thuộc *Kātyāyanaśūtra*: “Này Kātyāyana... do đó, tránh xa cả hai cực đoan, Như Lai thuyết Pháp theo con đường Trung đạo” [8]. Đoạn kinh văn này, là do Phật nói cho Trưởng lão Ca-chiên-diên về vấn đề thế giới, và trong đó Phật đã chỉ rõ vênhhân duyên luận. Ở đây, đối với vấn đề thực tại, hiển nhiên ta thấy Phật đã giữ thái độ Trung đạo qua thuyết nhân duyên này.

Trong một đoạn kinh khác, Đức Phật giải thích thêm:

“Này Tỷ-kheo, nơi nào có tà kiến: “Sinh mạng và thân thể là đồng nhất,” nơi ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, nơi nào có tà kiến: “Sinh mạng và thân thể là dị biệt,” chỗ ấy không có Phạm hạnh trú. Này Tỷ-kheo, khước từ hai cực đoan này, Như Lai thuyết pháp theo Trung đạo” [9].

Thông thường, như vấn đề linh hồn, một mặt có những người chủ trương thường trụ luận (thường kiến luận) cực đoan; mặt khác, có những phái duy vật chủ trương đoạn diệt luận (đoạn kiến luận) cực đoan. Đức

Phật phủ nhận cả hai rồi chiết trung mà lập thành sinh mệnh quan theo *quan hệ hỗ tương* (duyên khởi) *lưu động*, và đối với tất cả vấn đề khác cũng đều ứng dụng nghĩa lưu động ấy, và thái độ này, theo nghĩa rộng, được mệnh danh là thái độ *Trung đạo* (*majjha*) [10].

Điểm khác biệt nhất giữa tư tưởng Phật giáo với các học thuyết ngoại đạo, đó là *lý tính duyên khởi*, giải thích về *nghĩa nhân duyên* của Phật có tính cách chiết trung, cầu thành thể giới quan Trung đạo, khác hẳn với thể giới quan cực đoan, chấp thủ bên này bên kia. Đứng về phương diện thể giới quan mà nói thì kết quả của thái độ Trung đạo ấy cũng chính là nhân duyên quan.

Như vậy, Đức Phật đối với các phương pháp tu hành ở thời bấy giờ, một mặt thu dụng, nhưng mặt khác, lại bác bỏ, nói một cách đại thể thì đó là thái độ Trung đạo của Phật. Mục tiêu Trung đạo của Phật là đối với sự khổ, vui, tức theo một đường lối khổ hạnh cực đoan là sai lầm, đồng thời, buông mình vào chủ nghĩa khoái lạc, chạy theo các dục cũng là vô tri: người ta phải luôn đứng ở khoảng giữa, hay chính xác hơn là vượt thoát hai thái cực ấy mới phù hợp với nghĩa Trung đạo.

Định nghĩa thứ hai, trong *Trung bộ* giải thích như sau:

“Ở đây, này chư Hiền, tham là ác pháp, và sân cũng là ác pháp, có một con đường Trung đạo diệt trừ tham và diệt trừ sân, khiến tịnh nhãn sanh, khiến chân trí sanh, hướng đến tịch tĩnh, thẳng trí, giác ngộ, Niết-bàn...” [11].

Như vậy, Trung đạo có khả năng dẫn sinh thiện pháp và Niết-bàn bởi vì, nó có khả năng đoạn trừ các tùy miên căn bản, hay các tâm sở bất thiện, như tham, sân, mạn, tật đố các thứ, vì vậy, ý nghĩa thứ hai của Trung đạo chính là *trừ khử*: ác bất thiện pháp, để *dẫn khởi*: thiện pháp, phát thú Phật thừa.

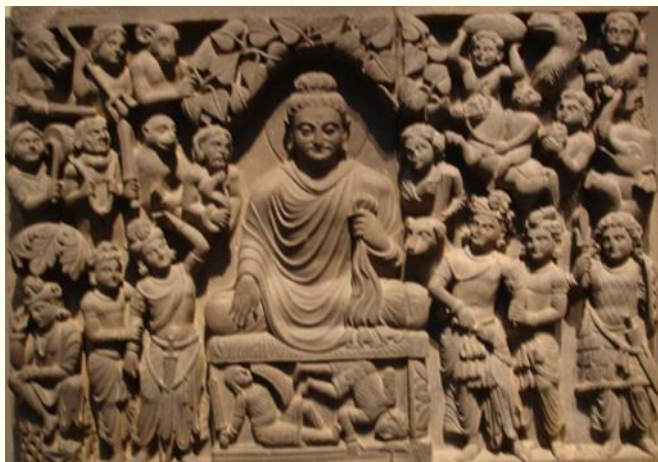
II. GIÁO NGHĨA BỘ PHÁI & ĐẠI THỪA

1. Thành thật luận

Tuy không được nghiên cứu rộng rãi bằng Câu-xá, *Thành thật luận* cũng chiếm một vị trí trọng yếu trong nghiên cứu Phật học theo tuần tự giáo nghĩa từ Tiểu thừa cho đến Đại thừa. Luận này thuộc tông phái nào, vẫn còn là vấn đề thảo luận. A. Bareau căn cứ theo nhận định của Chân Đế, cho rằng thuộc Đa văn bộ (*Bahusrutīya*) [12]; nhưng theo học giả Nhật bản Mizuno Kogen, luận này thuộc *Thí dụ bộ* [13]; Đại sư Ấn Thuận, cho rằng *Thành thật luận* xuất phát từ Kinh bộ, nhưng không hoàn toàn theo Kinh bộ [14].

Trong luận này, giải thích về Trung đạo như sau:

- “*Lại nữa, trong Phật pháp dùng phương tiện nên mới nói tất cả tồn tại, tất cả không tồn tại, chứ không phải đệ nhất nghĩa. Tại sao? Vì nếu quyết định tồn tại, tức rơi vào bên thường,*



nếu quyết định không tồn tại, thì rơi vào bên đoạn. Liả xa được hai bên, gọi là Trung đạo của Thánh giả” [15].

- “*Lại nữa, Phật pháp thanh tịnh, Đệ nhất nghĩa để là vô, nên phi thường, Thế để là hữu, nên phi đoạn*” [16].

Như vậy, tổng quát mà nói, theo *Thành thật luận*, nếu ngay từ đầu mà chủ trương hết thảy đều là không thì sẽ không tránh khỏi sa vào cái nguy “đoạn kiến;” đồng thời, nếu lại giả định tất cả là có thì rất có thể bị rơi vào vòng “thường kiến.” Cho nên, ở đây phải đứng trên lập trường thể để và đệ nhất nghĩa để mà thừa nhận cả hai phương diện hữu và không mới khế hợp với Trung đạo.

2. Ca-diếp sở vấn kinh

Về sau, khi Đại thừa Phật giáo hưng khởi, danh từ Trung đạo được dùng làm tiêu chuẩn và thay cho chân lý của Phật giáo. Xem thể thì địa vị của Phật giáo đối với các phái đương thời như là Trung đạo, và địa vị ấy đã chiếm phần ưu thế trong toàn thể lịch sử tư tưởng Ấn-độ.

Trong *Ca-diếp sở vấn kinh* (*Kāśyapa Parivarta*) [17], thuộc kinh *Đại bảo tích* (*Ratnakūṭa*), vốn là một bản kinh được hình thành rất sớm của Đại thừa, lưu hành trước năm 200 stl., đề cập rõ đến hai quan điểm: hữu ngã (*ātma*) và vô ngã (*nairātmya*), lập trường Trung đạo là siêu việt cả hai quan điểm đó:

“*Quan niệm các pháp thường hằng là một cực đoan; quan niệm các pháp vô thường là một cực đoan; quan niệm hữu ngã là một cực đoan; quan niệm vô ngã là một cực đoan khác; nhưng giữa quan niệm hữu ngã và vô ngã là điều không thể diễn tả được... đó chính là sự phân biệt siêu việt đối với các pháp, đó chính là Trung đạo*” [18].

Đoạn kinh miêu tả quan điểm Trung đạo của của trường phái Trung quán. Thay vì những đối lập thông thường giữa Thường hằng luận (*śāśvata-vāda*) và Đoạn diệt luận (*uccheda-vāda*), xác định và phủ định, Đức Phật đã thay thế một điều căn bản hơn giữa chủ nghĩa giáo điều và sự phê phán. Đây

chính là lập trường Trung đạo của Ngài, đó không phải là lập trường trong ý nghĩa một lập trường thứ ba nằm giữa hai cực đoan, mà là một phi lập trường, siêu việt hai lập trường kia. Thế nên nó ở trên một bình diện cao hơn.

Cốt yếu quan điểm của Trung quán, lập trường Trung đạo, chính yếu ở chỗ không để cho ai bị vướng mắc vào các quan niệm và lý thuyết, mà chỉ quán sát bản chất như thật của các pháp mà không dựa vào một quan điểm nào, đó là như thực quán (*bhūta-pratyavekṣā*). Trong phẩm *Ca-diếp sở vấn* phát biểu quan niệm Trung đạo như sau:

“Bồ-tát muốn tu tập Chánh pháp thời phải thường tu tập cách chánh quán các pháp (*yoniso dharmaprayuktena bhavitavyam*). Thế nào là chánh quán? Đó là tư duy như thật các pháp (*sarvadharmānām bhūta-pratyavekṣā*). Lại nữa, cái gì là tự tính của như thực chánh quán?

Này Ca-diếp, đó là không thấy các pháp như là tự ngã (*ātman*), v.v... không cho rằng sắc (*rūpa*), thọ, tưởng, hành, thức là thường hằng (*nitya*) hay vô thường (*anitya*).

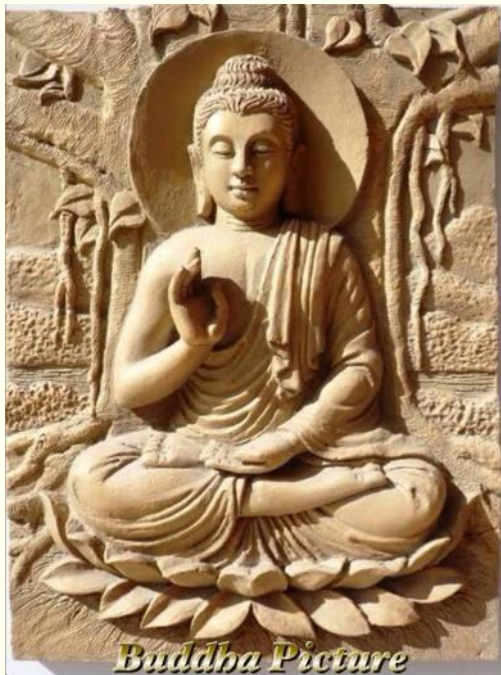
Này Ca-diếp, cho rằng các pháp thường hằng là một cực đoan (*antah*), cho rằng các pháp vô thường là một cực đoan khác... cho rằng thực tại có tự ngã (*ātmeti*) là một cực đoan; cho rằng thực tại chỉ thuộc hình thức (*nairātmyam iti*) là một cực đoan khác; Trung đạo ở giữa hai cực đoan này ngã (*ātman*) và vô ngã (*nairātmya*) là điều không thể hiểu thấu được, không thể so sánh được, không hình tượng, không thể diễn bày, không có nơi chốn... đó là Trung đạo là cái nhìn chân thực về các pháp [19].

Đọc lại đoạn kinh thuộc *Tương ưng*, khi mà Ca-chiên-diên (*Kaccāyana*) mong muốn được biết bản chất của Chánh kiến (*sammādiṭṭhi*), và Thế Tôn dạy rằng thế gian thường dựa trên tính nhị nguyên “tồn tại-*atthitam*” và “không tồn tại-*natthitam*”; nhưng đối với người nhận thức được, khế hợp với chân lý và trí tuệ, thế giới sinh khởi và hoại diệt như thế nào, thì đối với vị ấy sẽ không có cái gì là “tồn tại-*atthitam*” và “không tồn tại-*natthitam*”. Ngài Long Thọ đã nhấn mạnh điều được nhắc đến trong đoạn kinh này bằng kệ tụng, tuyên bố rằng Thế Tôn bác bỏ cả hai kiến chấp “có” và “không”:

“Do sự thể nghiệm trực tiếp về tồn tại và không tồn tại, đức Thế Tôn đã phủ định

cả tồn tại lẫn không tồn tại qua lời dạy của ngài trong kinh *Kātyāyana*” (MMK 15.7) [20].

Theo đây, Trung đạo Duyên khởi là một gợi ý tiêu biểu như là tự ý thức hay là ý thức phản tỉnh về sự vật như chúng đang hiện hữu; Trung đạo tự nó chẳng phải là lập trường, và không thể diễn tả bằng ngôn thuyết được [21]. Trong tất cả mọi khả năng, thì đây là một trong những đoạn văn ngắn nhất để hình thành hệ thống Trung quán – đoạn văn đã được trích dẫn với sự tôn trọng bởi Nguyệt Xứng và Tịch Thiên.



3. Long Thọ và tư tưởng trung quán

Long Thọ và các môn đệ của ngài, những người xiển dương tuệ quán về tánh không (*śūnyavāda*, trường phái Không), được gọi là trường phái Trung quán (*Mādhyamika*), bậc thầy của Trung đạo. Quan điểm Trung quán của Long Thọ nhằm đến vượt thoát hai cực đoan thường (*nitya*) và vô thường (*anitya*), ngã (*ātman*) và vô ngã (*nairātmya*), đều được nêu lên với sự nhấn mạnh và minh giải trong bản văn quan trọng *Mūlamadhyamakakārikā* -

Căn bản Trung quán kệ tụng. Mở đầu bằng bài kệ *bát bát*, Long Thọ đã dùng ý niệm cổ xưa trong lý Duyên khởi và đã mô tả lý ấy qua tám tầng phủ định như là đặc điểm của nó. Vì tám tầng phủ định này rất ráo là đi đến sự biểu thị tánh không (*śūnyatā*), nên nó đã đề cập chủ yếu đến Duyên khởi vì được phẩm định bởi tánh không [22]. Vì vậy *śūnyatā*, với tánh bất sanh, được xem thật là Trung đạo. Cái gì thật bất sanh không thể xem có sanh hay có diệt, nên *śūnyatā* thật sự không sanh, không diệt, và như vậy là con đường Trung đạo, con đường tránh xa hai cực đoan:

*anīrodham anutpādam anucchedam
asāśvatam |
anekārtham anānārtham anāgamam
anirgamam |
yaḥ pratīyasamutpādam
prapañcōpaśamaṃ śivam |
deśayāṃ āsa sambuddhas taṃ vande va-
datāṃ varam.*

“Tôi (Long Thọ) xin kính lễ Ngài - nhân vật vĩ đại nhất trong hết thảy các nhà thuyết pháp.

(Phật là) Bậc giác ngộ hoàn toàn, đã giảng thuyết (lý Duyên khởi như vậy):

(Bất cứ cái gì cũng) Không diệt, không sinh, không đoạn tuyệt, không thường hằng,

không đồng nhất, không dị biệt, không đến, không đi, thì cái lý Duyên Khởi (có các đặc trưng) như thế sẽ chặn đứng mọi khái niệm đa dạng, và là cát tường (śiva)” (Mmk LVP 11,13-16) [23].

Quan niệm về bốn định thức đều hợp lý trong mọi vấn đề.

Định thức căn bản có hai cặp:

- Tồn tại (hữu thể) và Không tồn tại (vô thể);

- Khẳng định và Phủ định.

Từ đây có hai cặp khác được rút ra là đều khẳng định hay phủ định cùng một lúc:

- Vừa hiện hữu và không hiện hữu (*ubhayasamkirnatma*).

- Chẳng hiện hữu chẳng phải không hiện hữu (*ubhayapratishedhasvabhāvatā*).

Có người có thể nghĩ rằng để tránh hai cực đoan, Trung quán chọn quan điểm ở giữa hai cực đoan đó. Nhưng thật sự không phải như vậy, Trung quán không giữ một quan điểm trung gian nào cả [24]. Hay nói khác, Trung đạo không phải là lập trường; nó vượt trên khái niệm hay ngôn từ; nó chính là sự siêu việt, là sự duyệt xét lại mọi quan điểm [25].

Phân tích rất ráo, Tứ cú có thể giảm trừ đến song đề (dilemma) cuối cùng là có hiện hữu (being) hoặc không hiện hữu (non-being). Trung đạo được biểu hiện từ sự vượt qua song đề đó. Đây chính là ý nghĩa trong đó tánh không (*sūnyatā*), không có tự thể trong sự hiện hữu do Duyên khởi, là đồng nghĩa với Trung đạo do Đức Phật giảng dạy.

Tương đối tính hay tồn tại tương quan là điểm bất biến của cái phi thực. Thực tại là Tuyệt đối, tự hình thành (self-conceived) và tự hiện hữu (self-existent). Ngược lại, sự tồn tại tương quan chỉ là biểu tượng bên ngoài. Do vậy Duyên khởi (*Pratītya-samutpāda*) đồng nghĩa với tánh không, mà Tánh không chính là Trung đạo:

“Cái gì là duyên khởi, tôi nói cái đó là tính Không.

Tính Không ấy là giả danh. Và chính nó cũng là Trung đạo” (MMK 24.18) [26].

Như vậy, ngài Long Thọ tuyên bố cụ thể rằng, cái gì là duyên khởi chính cái đó là tính Không. Tính Không ấy do y trên giả danh, nên chính nó cũng là Trung đạo. Trung đạo, đó cũng là Nhất thể tuyệt đối, bởi vì nó chính là tính Không, được định nghĩa như là yếu tính tự hữu không sinh khởi của tất cả tồn tại, loại trừ hai thái cực, siêu việt nhị nguyên đối đãi của hữu thể và vô thể [27].

Nhìn từ điểm thống nhất của hai mặt thực tại, hay của mọi tồn tại, hồ tương quan hệ, thì tính Không ấy là giá trị phổ quát mà trên nền tảng đó mọi thành viên xã hội cùng tồn tại trong hồ tương quan hệ. Giá trị phổ quát đó, nói một cách rộng rãi, là nền tảng cho mọi xã hội dị biệt cùng tồn tại, là điều mà Long Thọ nói là Trung đạo... Ở đây, nếu ta nói, giá trị phổ quát là điều mà Long Thọ gọi là Trung đạo; thì Trung đạo ấy được nhân cách hóa, được hiện thân như là Như Lai. Như Lai là Tuyệt đối thể của tồn tại [28].

Trung đạo của Trung quán chính là Nhận thức phản quán (Reflective awareness) về nhị luật bội lý của Lý tính, ngay tức khắc vượt trên sự xung đột đó, và đạt đến nội quán thâm thâm về nó. Chúng ta không thể bỏ qua phê

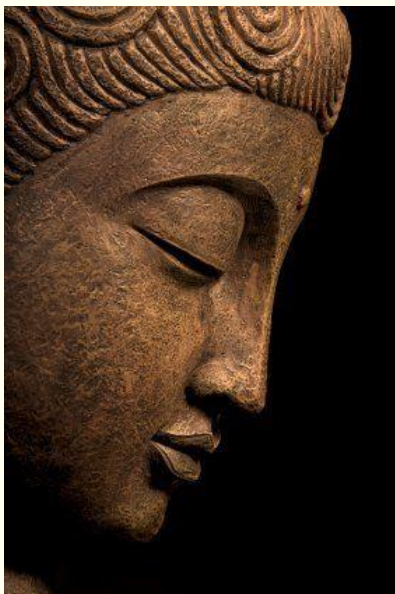
phán cái biết mà vì nó xung đột xuất hiện, và chính nó thâm định xung đột này. Đó chính là ý thức triết học đạt đến độ trưởng thành. Ý thức này không thể xem như hiện tượng, nhưng nó tồn tại ở đó, như là một thái độ trân trọng nhất đối với hiện tượng. Nó chính là Bát-nhã.

Theo Long Thọ, biện chứng pháp về tánh không chỉ được trình bày để khiến cho chúng sinh tỉnh giác về tánh không, vốn được trình bày từ trước như một lý thuyết, thông qua cách dùng ngôn ngữ và luận lý quy ước. Vì mọi luận lý đều xoay quanh chân lý quy ước, và vì không có nguyên cơ đặc biệt để cho Trung quán hoặc kết quả tất yếu nhờ vào ý niệm tánh không, nên tánh không chẳng có quan điểm riêng của chính nó; lập

trường của nó là lập trường không lập trường, có thể nói như vậy. Hoặc đúng hơn, là lập trường Trung đạo. Vì hữu và vô là siêu việt trong ý niệm tánh không của Trung đạo, nên có là không. Tương tự như vậy, vòng luân hồi sinh tử trong bản chất vốn chẳng phải là luân hồi sinh tử và tịch diệt (Niết-bàn) tự bản chất vốn chẳng phải là tịch diệt, nên sinh tử chính là Niết-bàn.

Đỉnh cao triết học Long Thọ phát triển lập luận phủ nhận của tánh không là vô tiền khoáng hậu trong lịch sử triết học. Tuy nhiên, ý định của ngài không chỉ cấu trúc một hệ thống triết học hoặc siêu hình học, mà là để cung hiến một mẫu mực cho công phu tu tập. Điều quan tâm này được minh chứng qua sự đồng nhất tánh không với Trung đạo, là pháp cho người tu tập. Toàn bộ tiến trình từ sự khẳng định trong Duyên khởi đến phủ định thể lưỡng phân và đến sự phục hồi hoặc tái khẳng định của thức như là thực tại được gọi là Trung đạo’.

Sự Thật thường nghiệm (*saṃvṛti-satya*):



1. Chấp hữu, cho rằng tất cả đều có;
2. Chấp hữu hoặc chấp vô;
3. Chấp hoặc không chấp cả hữu lẫn vô.
Sự Thật siêu nghiệm (*paramārtha-satya*):

1. Chấp vô, cho rằng tất cả là không;
2. Không chấp cả hữu lẫn vô;
3. Không chấp và cũng không chấp cả hữu lẫn vô.

Từ lý thuyết này sự đạt được qua nhiều phủ nhận một giai cấp, nơi cả hữu lẫn vô đều có ý nghĩa. Đây chính là mức độ cao nhất của Trung đạo.

Như vậy, đồng thời với sự bài xích "lưỡng biên" (hai cực đoan), theo một ý nghĩa nào đó, Đức Phật lại điều hòa cả hai mà chủ trương thuyết Trung đạo.

III. KẾT LUẬN

Đức Thế Tôn thường dạy rằng chân lý không nằm trong trạng thái cực đoan mà là trong Trung đạo. Phật giáo bộ phái Trường lão (Theravāda) thường áp dụng khái niệm Trung đạo vào đạo đức sinh hoạt hằng ngày: ăn uống có tiết độ, nghỉ ngơi vừa đủ v.v... Trường phái Trung quán còn vận dụng cả ý nghĩa siêu hình học để giải thích Trung đạo, đại biểu như Long Thọ, Nguyệt Xứng v.v...

Từ những luận giải đã viện dẫn ở trên, không nên hiểu chữ "*madhyama*" (trung) = "ở giữa" theo nghĩa đen của nó, hoặc "trung bình giữa hai cái." Mà nên hiểu một cách đúng đắn rằng Trung đạo (*Majjhimāpatipadā*) có nghĩa là Thực tại siêu việt lý luận nhị phân của lý trí, không thể bị hạn định hoặc đóng khung trong những lựa chọn "là," "không là." Ý cứ cơ sở này, Long Thọ đã gọi hệ thống triết học của ngài là *Mādhyaṃika*: "Thuộc về siêu việt," phổ thông Hán dịch là "Trung quán."

Những trạng thái cực đoan trở thành tuyệt lộ của chủ thuyết thường hằng và đoạn diệt. Đức Phật thuyết giảng lý Trung đạo để trình bày chân lý rằng mọi sự vật trên thế gian này không phải là tuyệt đối là "hữu," mà cũng không phải tuyệt đối là "vô," thật tế đều tuân theo lý tính Duyên khởi, sinh diệt theo quy luật nhân duyên. Do đó, Trung đạo chính là Thực tại siêu việt đối với tư tưởng nhị nguyên và không thể dùng phương pháp nhị phân của lý trí để nắm bắt được, mỗi người cần thực hành để tự thân thể nghiệm Thánh giáo Trung đạo của Đức Thích Tôn.



Vô trụ xứ am
Phước Nguyên

[1] T. Kimura (木村 泰賢), 原始仏教思想論 *Nguyên thủy Phật giáo tư tưởng luận* - 木村泰賢全集

〈第3巻〉 *Mộc Thân Thái Hiền toàn tập 3*, 1968.

[2] Cf. Nalinaksha Dutt, *Aspects of Mahāyāna Buddhism and its relation to Hīnayāna*, London : Luzac, 1930.

[3] Ht. 仙人論處 Tiên nhân luận xứ, do đọc Skt. *Rṣivādāna*; cũng dịch là Tiên nhân đoạ xứ 仙人墮

處 (Skt. *Rṣi-patana*; Pāli: *Isipatana*), truyền thuyết, các Tiên nhân bay từ Hy-mã-lạp-sơn đến đây thí hạ xuống, rồi bay tiếp. *Tạp* *ibid.*, tr. 103c14: Tiên nhân trú xứ 仙人住處.

[4] Thí lộc lâm 施鹿林, Skt. *Mṛga-dāva*, Pāli *Migadāya*, khu vườn người ta cho nai ăn, nai sống tự do không bị săn bắn. thường gọi là Lộc uyển 鹿苑.

[5] Skt. *vārāṇasī*, Pāli: *bārāṇasī*; Tib. *Wa ra ṇa si*, *gsal ldan*, Ht. Ba-la-nại-tư 婆羅尼斯/ Ba-la-nhiếp-tư 婆羅胝斯, tên phổ thông: Ba-la-nại 波羅奈.

[6] PTS., S.v. 420.

[7] Pāli, SN 12.15, Kaccānagotta (PTS, S ii 17): '*Sabbamatthīti kho, kaccāna, ayameko anto. 'Sabbam natthīti ayam dutiyo anto. Ete te, kaccāna, ubho ante anupagamma majjhena tathāgato dhammaṃ deseti*'. Hán dịch, *Tạp 12*, kinh 301, tr. 85c26: 世間集如實正知見, 若世間無者不有, 世間滅如實正知見, 若世間有者無有.

Cf. *Tạp 10*, kinh 262, tr. 67a2-4: 迦旃延! 如實正觀世間集者, 則不生世間無見, 如實正觀世間滅, 則不生世間有見. 迦旃延! 如來離於二邊, 說於中道.

[8] *Kātyāyanaśūtra* (Tri 19.8): *ity etāv ubhāv antāv anupagamya madhyamayā pratipadā tathāgato dharmaṃ deśayati, Nidanasamyukta*, Based on the edition by C. Tripāthi: *Fünfundzwanzig Sūtras des Nidānasamyukta*. Berlin 1962 (*Sanskrittexte aus den Turfanfunden*, VIII).

[9] Pāli, SN 12.35, *Avijjādiṭṭhivā* (PTS. SN ii 61): *Taṃ jīvaṃ taṃ sarīraṃ vā, bhikkhu, diṭṭhiyā sati brahma-cari-ya-vāso na hoti. Aññaṃ jīvaṃ aññaṃ sarīraṃ vā, bhikkhu, diṭṭhiyā sati brahma-cari-ya-vāso na hoti. Ete te, bhikkhu, ubho ante anupagamma majjhena tathāgato dhammaṃ deseti*. Cf. *Nidānasamyukta*, *ibid.*, Tri.15.5b

(*Sūnyatā*): *taj jīvaṃ tac charīram iti dṛṣṭau satyāṃ brahmacaryavāso na bhavati | anyaj jīvaṃ anyac charīram iti bhikṣavo dṛṣṭau satyāṃ brahmacaryavāso na bhavati | ity etāv ubhāv antāv anupagamyāsti madhyamā pratipad...* Hán dịch, *Tập 12*, kinh 297, tr. 84c20: 若見言:『命即是身。』彼梵行者所無有。若復見言:『命異身異。』梵行者所無有。於此二邊, 心所不隨, 正向中道。

[10] T. Kimura, 原始仏教思想論, ibid., Cht. 1.

[11] Pāli, MN 3, Dhammadāyāda (PTS, MN i 12): *Tatrāvuso, lobho ca pāpako doso ca pāpako. Lobhassa ca pahānāya dosassa ca pahānāya atthi majjhimā paṭipadā cakkhukaraṇī ñānakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.* Hán, *Trung 22*, kinh 88 “Cầu pháp”, tr. 571a26: 諸賢! 有中道能得心住, 得定得樂, 順法次法, 得通得覺, 亦得涅槃...

Cf. *Tăng nhất 9*, tr. 588c25: 諸賢當知, 貪之為病, 甚大災患, 瞋恚亦然。貪婬、瞋恚滅者, 便得處中之道, 眼生、智生, 諸縛休息, 得至涅槃, “Chư Hiền giả nên biết, tham là bệnh, rất là đại tai hoạn. Sân nhuế cũng vậy. Ai diệt được tham dâm, sân nhuế, liền được trung đạo, sinh nhãn, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn”.

[12] *Les sectes bouddhiques*, chap.v. Les Bahusrutiya.

[13] Mizuno Kigen (Thủy Dã Hoảng Nguyên), *Nghiên cứu văn điển Phật giáo*, Hoa dịch, Hứa Dương Chủ. 水野弘元; 許洋主, 佛教文獻研究, 2003.

[14] Ấn Thuận Pháp sư 印順法師, 說一切有部為主之論書與論師之研究。

[15] *Thành thật 2*, tr. 256b1: 又佛法中以方便故說一切有、一切無, 非第一義。所以者何? 若決定有即墮常邊, 若決定無則墮斷邊。離此二邊名聖中道。

[16] *Thành thật 10*, tr. 316c13: 又佛法名清淨中道非常非斷, 第一義諦無故非常, 世諦有故非斷。

[17] *Thuộc kinh Đại Bảo tích (Ratnakūta), Phổ Minh Bồ-tát hội.*

[18] *ātmeti, kāśyapa. ayam eko'ntaḥ: nairātmyam ity ayam dvitīyo'ntaḥ; yad ātmanairātmyayor madhyam tad arūpyam anidarśanam . . . iyam ucyate, kāśyapa, madhyamā pratipad dharmāṇām bhūtapratyavekṣā.* *Kāśyapaparivarta* p. 87. Tham khảo thêm *Samādkirāja Sūtra: astīti nāstīti ubhe'pi antā ubhe anta vivarjayitvā madhye'pi sthānam na karoti paṇḍitaḥ* (IX 27) Gilgit MSS. Vol. II, p. 103.

[19] *Phẩm Ca-diếp sở vấn (Kāśyapa-parivarta)*, pp. 82-87.

[20] Skt. *kātyāyanāvavāde cāstīti nāstīti cobhayam | pratiṣiddham bhagavatā*

bhāvābhāvavibhāvinā ||7|| Lt. 佛能滅有無 如化迦旃延, 經中之所說 離有亦離無, Tib. *bcom ldan dños dan dños med pa | | mkhyen pas ka ta ya na yi | | gdam ñag las ni yod pa dan | | med pa gñis ka'añ dgag pa mdzad |*

[21] Cf. *Kinh Ca-diếp sở vấn (Kāśyapa Parivarta)*, ấn bản của Baron A, von Staël Holstein, Shanghai, 1926. pp. 82-90.

[22] T.R.V. Murti, đã dẫn.

[23] Mmk T 1564 1b14-17: 不生亦不滅 不常亦不斷, 不一亦不異 不來亦不出, 能說是因緣 善滅諸戲論,

我稽首禮佛 諸說中第一. Mmk Tg tsa 1a1-3: *'jam dpal gzon nur gyur pa (2)la phyag 'tshal lo | gañ gis rten ciñ 'brel par 'byuñ | | 'gag pa med pa skye med pa | chad pa med pa rtag med pa | | 'oñ ba med pa 'gro med pa | | tha dad don min don gcig min | | (3)spros pa ñer zi zi bstan pa | | rdzogs pa'i sañs rgyas smra rnam kyī | | dam pa de la phyag 'tshal lo |*

[24] *Astīti nāstīti ubhe'pi antā suddhī asuddhīti imepi antā tasmād ubhe anta vivarjayitvā madhye'pi sthānam na karoti paṇḍitaḥ-Samādhirāja Sūtra IX, 28* (p. 103, Vol. II Gilgit MSS).

[25] *ātmeti, kāśyapa, ayam eko'ntaḥ nairātmyam ity ayam dvitīyo'ntaḥ. yad etad anayor antayor madhyam, tad arūpyam anidarśanam apratiṣṭham anābhāsam avijñaptikam aniketaxn iyam ucyate, Kāśyapa. Madhyamā pratipad dharmāṇām bhūtapratyavekṣā.* (*Ratnakūta-trích trong MKV. p. 358. Kāśyapa Parivarta. p. 87*).

[26] MK. xxiv. 18: *yaḥ pratīyasamutpādaḥ sūnyatām tām pracakṣmahe/ sā prajñapti upādāya pratīpat saiva madhyamā.* Hán dịch của La-thập: 眾因緣生法我說即是無亦為是假名亦是中道義。Cách dịch khiến các nhà giải thích phổ

thông hiểu rằng: pháp sinh bởi nhân duyên, pháp ấy là không, là giả danh, và trung đạo. Nhưng trong Phạn bản, không phải pháp duyên khởi là giả danh và trung đạo; mà tính Không là giả danh và trung đạo. Bởi, đại từ *sā* trong nửa tụng dưới là giống cái không thể thay thế từ *pratīyasamutpādaḥ* (duyên khởi) vốn là giống đực. Tất nhiên nó (*sā*) thay thế từ *sūnyatām* (tính Không) trong nửa tụng trên, vì từ này giống cái. Xem giải thích của Candrakīrti, *Prasannapada*. Dẫn bởi Tuệ Sỹ, *Huyền thoại Duy-ma-cật*, Cht. 25, tr. 307.

[27] Candrakīrti, *Prasanna*, 504: *ato bhāvābhāvāntadvayarahitavāt sarvasvabhāvānutpatti-lakṣaṇā sūnyatā madhyamā pratīpanmadhyamo mārga ity ucyate.*

[28] *Huyền thoại Duy-ma-cật*, tr. 307-308.

BÚN CHAY KIỂU HUẾ (VEGAN HUẾ NOODLE SOUP)



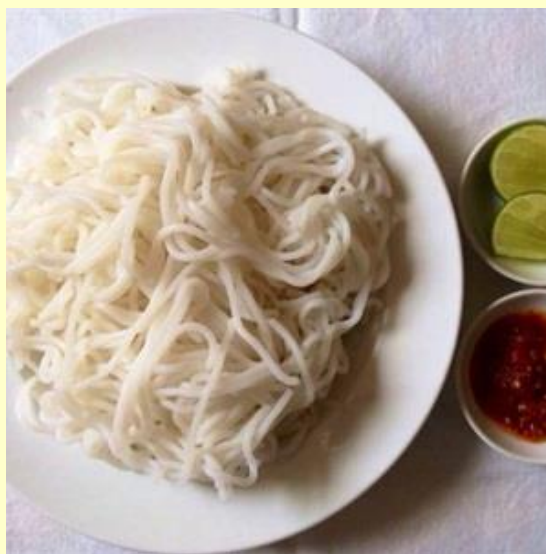
Nguyên liệu (cho 2 phần ăn):

- Bí đỏ: 500 gr
- Củ cải trắng: 300 gr
- Thơm: 1/2 trái
- Cải thảo: 250 gr
- Cà chua: 300 gr
- Nấm rơm: 200 gr
- Đậu hũ chiên: 2 miếng
- Sả: 4 cây
- Hành boa-rô: 5 cây
- Hạt nêm chay: 2 muỗng canh
- Đường phèn: 1 muỗng canh
- Dầu điều: 1/2 muỗng cà-phê
- Bún tươi: 500 gr
- Thêm 1 ít: Rau sống ăn kèm, chanh, sa-tế

Thực hiện:

1. Chuẩn bị các nguyên liệu và sơ chế sẵn rau củ cần thiết. Rau sống rửa sạch để ráo.

2. Rau củ quả rửa sạch cắt khúc, lá hành boa-rô cắt khúc. Cho tất cả vào nồi, rồi cho nước, ít muối vào hầm cho ra nước ngọt, hầm đến khi hỗn hợp mềm. Sau đó lược lấy nước dùng, chỉ sử dụng lại củ cải trắng thôi (rau củ quả còn lại dùng vào việc khác).





3. Cho nồi nước dùng đã lược lại lên bếp, củ cải trắng (đã nấu chín), thơm cắt miếng, cọng sả đập dập, ít cọng trắng đầu hành boa-rô cắt khúc vào nấu với lửa nhỏ cho thơm mềm. Rồi nêm nếm gia vị: hạt nêm chay, đường phèn, đậu hủ cắt nhỏ vào (khi nào ăn mới cho vào), ít dầu màu điều cho đẹp.



5. Múc sốt nấm ra tô. Cho bún đã trung nóng vào tô, vài miếng thơm, đậu hủ, củ cải trắng. Rồi chan nước dùng lên tô bún, sau đó mới cho sốt nấm lên trên cùng, cho rau ngò gai, lá hành boa-rô cắt nhỏ lên.



4. Sốt nấm: Cho ít dầu ăn vào chảo, dầu nóng cho đầu hành boa-rô băm nhỏ vào phi thơm rồi cho cà chua cắt hạt lựu vào xào. Kế đó cho nấm rơm và ít nước vào, gia vị đậm đà um cho thấm, nấu đến khi nước còn sền sệt.



Hướng dẫn: **Hoàng Thị Tố Hà**
 Nguồn: <https://www.cooky.vn/cong-thuc/bun-chay-kieu-hue-20185>



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada
Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9
BAN TỔ CHỨC
CHÙA ĐẠI BẢO TRẠNG NGHIỆM - CALIFORNIA
2553 Darwin Street, Hayward, CA 94545 * Tel.: (916) 346- 6583
Email: daibaotrangnghiem@gmail.com

THÔNG BẠCH SỐ 1

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật Tử,

Đức Phật và chư Tổ đã từng khuyên thị rằng đời người ngắn ngủi, vô thường lão bệnh đến không hẹn người, sớm còn tối mất khó ai biết trước, đến khi lâm chung thì tài sản vật chất không còn là của mang theo. Duy chỉ có nghiệp lực đuổi theo chúng ta như bóng với hình. Do nghiệp lực làm chánh nhân dẫn dắt chúng ta thọ sanh trong thế giới muôn vàn bất an và khổ lụy này. Để giải thoát khổ đau, không có con đường nào khác hơn là tu học Phật Pháp.

Chính vì lẽ đó, chư tôn đức giáo phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada đã quyết định tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ hàng năm để tạo thắng duyên tu học cho đồng hương Phật Tử.

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 9 năm tới - 2019 sẽ do **Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm – Hayward, California** đảm nhiệm việc tổ chức, địa điểm và thời gian được sắp xếp như sau:



Địa điểm:

DOUBLE TREE BY HILTON NEWARK
39900 BALENTINE DRIVE, NEWARK, CA
94560

Thời gian:

Từ Thứ Năm đến Thứ Hai, ngày 25 - 29 tháng 7
năm 2019

Khách sạn này có đầy đủ phòng ốc và phương tiện sinh hoạt cần thiết để tham dự viên được an tâm và hoan hỷ tập trung vào việc tu học.

Quý Phật tử nào phát tâm muốn ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9 xin lưu tâm một số điểm như sau:

- 1- Gửi phiếu Ghi Danh và Hồi Báo về cho Ban Tổ Chức bằng thư hay email tại địa chỉ như trên letterhead đã ghi, kể từ ngày ra thông bạch này đến ngày 30 tháng 6 năm 2019;
- 2- Để giúp Ban Tổ Chức có đủ tài chánh trang trải chi phí thuê khách sạn trong suốt 5 ngày 4 đêm tham dự Khóa Tu Học, mỗi Phật tử tham dự xin đóng \$300 USD (ba trăm Mỹ Kim), nếu là vợ chồng thì xin đóng \$500 USD (năm trăm Mỹ Kim), và mỗi con em dưới 14 tuổi đi theo xin đóng thêm \$200 USD (hai trăm Mỹ Kim);
- 3- Ban Tổ Chức sẽ đài thọ việc ăn uống trong suốt thời gian Khóa Tu Học;
- 4- Khóa Tu Học cũng có lớp đặc biệt miễn phí dành cho chư Tăng, Ni. Vì vậy chư Tăng, Ni nào muốn tham dự Khóa Tu Học xin gửi phiếu Ghi Danh và Hồi Báo về Ban Tổ Chức kể từ ngày ra thông bạch này đến ngày 30 tháng 6 năm 2019;
- 5- Quý Phật tử ở xa đi bằng máy bay, xin mua vé máy bay về 1 trong 3 phi trường sau đây: Phi Trường San Jose, San Francisco, và Oakland để tiện việc đưa đón;
- 6- Để tiện việc đưa đón cho kịp thời gian sắp xếp phòng khách sạn và tham dự khóa học đầu tiên thông qua Chương Trình và Nội Quy Khóa Tu Học, xin quý Phật tử mua vé đến 3 phi trường nói trên trước 3 giờ chiều ngày 25 tháng 7 năm 2019;

Quý Phật tử đã có thiện duyên tham dự các Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ 8 lần trước đây, chắc hẳn cảm nhận được những lợi lạc vô giá cho con đường tu tập. Mong rằng năm nay quý Phật tử không những không bỏ qua cơ hội quý báu này cho bản thân mà còn giúp Ban Tổ Chức khuyến tấn những người thân và bằng hữu cùng tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 9.

Vì lợi lạc tâm linh cho con đường giải thoát và giác ngộ, mong quý Phật tử ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 9. Cầu nguyện chư Phật thù từ chứng minh và gia bị cho tất cả quý Phật tử bỏ đề tâm kiên cố và thân tâm thường an lạc.

Nay Thông Bạch,
Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm, ngày 01 tháng 11 năm 2018,
Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9
Trưởng Ban



Tỳ Kheo Đồng Tuyên

(xin điền phiếu ghi danh ở trang 151-152)



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada
**Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9 &
Tham quan Vạn Phật Thánh Thành và Cầu Golden Gate**

BAN TỔ CHỨC

CHÙA ĐẠI BẢO TRANG NGHIỆM — CALIFORNIA

2553 Darwin Street, Hayward, CA 94545 * Tel.: (916) 346- 6583

Email: daibaotrangngkiem@gmail.com

THÔNG BẠCH SỐ 3

TỪ NGÀY 25 - 07 - 2019 ĐẾN NGÀY 29 - 07 - 2019

Nam Mô Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Đức Tăng, Ni,

Kính thưa Quý Phật Tử và Học Viên.

Tiếp theo thông bạch (Số 2) cho Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 9 năm 2019 tổ chức tại **DOUBLE TREE BY HILTON NEWARK**, thành phố **NEWARK**, thuộc tiểu bang **CALIFORNIA** được rõ ràng hơn cho các điều kiện ghi danh như sau:

Chi phí cho mỗi đầu người là \$300 USA (Phòng ngủ cho 4 người)

Chi phí cho mỗi đầu người là \$350 USA (Phòng ngủ cho 3 người)

Chi phí cho mỗi đầu người là \$400 USA (Phòng ngủ cho 2 người)

Ngân phiếu xin đề **ĐẠI BẢO TRANG NGHIỆM**. Memo: Khóa Tu Học Bắc Mỹ lần 9

Và gửi về: **Chùa Đại Bảo Trang Nghiệm, 2553 Darwin St. Hayward, CA 94545**

Tất cả giá biểu trên là cho 5 ngày 4 đêm. Bao gồm xe đưa rước phi trường, phòng ngủ, 3 bữa ăn trong ngày, những vị nào muốn tham quan Vạn Phật Thánh Thành và cầu Golden Gate, xin đóng \$50 tiền xe và ăn trưa cho mỗi vị.

Nếu quý vị học viên nào đã ghi danh đặt phòng nhưng vì lý do gì mà phải hủy bỏ chuyến đi thì phải chấp nhận những điều luật của khách sạn như sau:

Nếu bỏ sau ngày 15 - 04 - 2019 sẽ mất 40% (Trong số tiền đã đóng)

Nếu bỏ sau ngày 01 - 05 - 2019 sẽ mất 60% (Trong số tiền đã đóng)

Nếu bỏ sau ngày 15 - 06 - 2019 sẽ mất 100% (Trong số tiền đã đóng)

Nếu bỏ hạn chót ghi danh là ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mọi chi tiết liên lạc: **(650) 538-6900 hoặc (916) 346-6583**

Thành kính đánh lễ vãn an sức khỏe Chư Tôn Đức Tăng Ni và kính chúc quý Phật Tử học viên và gia quyến vô lượng an lạc, bồ đề tâm kiên cố.

Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật

Nay Thông Bạch,

Chùa Đại Bảo Trang Nghiệm, ngày 01 tháng 11 năm 2018,

Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9

Trưởng Ban

Tỳ Kheo Đồng Tuyên

(xin điền phiếu ghi danh ở trang 151—152)

TAY TRẮNG

Vàng trắng tròn sáng lung linh
Ai nâng vầng sáng nguyên trinh nét cười
Thấy ra vũ trụ tuyệt vời
Vàng trắng cùng với nụ cười chẳng hai

Chẳng hai mà cũng là hai
Là người ngời đỏ, là đây trắng đây
Cùng từ một chỗ đến đây
Đến mà chẳng đến, mới hay diệu kỳ!

NIỀM VUI CÓ SẴN

Đâu cần có những gia tài to lớn
Đâu phải cầu đến mỹ vị cao lương
Đâu cần đứng giữa đền đài tráng lệ
Mới tìm ra những hạnh phúc phi thường

Niềm vui sẵn trong khổ đau chìm ngập
Nụ cười dẫu kín giữa khôn khó tang thương
Đâu thể tìm cái kho tàng hạnh phúc
Ở ngoài kia, chốn thay đổi khôn lường

Ở mọi lúc thấy đều là hạnh phúc
Nơi chốn nào cũng có những niềm vui
Mở lòng ra, tức thì ta sẽ gặp
Hạnh phúc sẵn sàng nơi tất cả mọi người

Hạnh phúc, niềm vui, hân hoan, an lạc
Được chia đều cho tất cả chúng ta
Đâu có ai nhiều hơn hay ai ít
Nhận đi thôi rồi sẽ thấy nụ cười

Nụ cười bình yên, nụ cười tươi đẹp
Đã sẵn ra cho tất cả mọi người!

CÓ HÈ CHI

Chẳng hề chi, chẳng hề chi
Nói ra là đã hề chi mất rồi!

Có hề chi, có hề chi
Mà dù cho có hề chi, cũng đành!

Chẳng hề chi, có hề chi
Cuộc đời luôn vẫn đến, đi vậy mà!

Hề chi mà chẳng thiết tha
Vì người cứ vẫn vậy mà, hề chi!

Hề chi mà chẳng hề chi
Bởi hề chi chẳng có gì, hề chi!

Hề chi không có nghĩa gì
Hề chi không có gì thì... hề chi?

TA

Thấy trời cũng chính là ta
Cây xanh cỏ mượt chẳng qua là mình
Trong hình có tính lung linh
Người quanh chẳng phải cũng mình
đó sao?

Cũng là đất rộng trời cao
Ta ôm hết vũ trụ vào trong ta

thơ

TRỊNH GIA MỸ



Lý Xuân - Sự Xuân

THỰC ĐỘ

(viết cho người huynh trưởng Gia đình Phật tử)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Lý sự, nếu xét về nghĩa đời thường với danh tự là lý lẽ đưa ra để biện hộ tranh cãi (khẩu ngữ). Mình là người đang học giáo lý nhà Phật, hiểu cao hơn một chút và sống theo lời Phật dạy được gọi là Phật tử, con của Phật. Đã là con của Phật phải sống sao cho lý sự viên dung, và lý sự ở đây lại mang một ý nghĩa khác. Ví như quan niệm về "Tu." Có người hiểu "tu" là phải cạo đầu xuất gia vào chùa, ăn chay niệm Phật, có người lại hiểu "tu" chỉ cần tu tâm là đủ, Phật tức tâm - Tâm tức Phật; giữa cái thân và cái tâm, tu tướng tu tâm còn bị lẫn lộn hướng chi. Vậy thế nào để hợp lý mới được gọi là lý sự viên dung?

Đã là con Phật, sống trong tinh thần giáo lý nhà Phật, được có cùng một lý tưởng mục đích trong một tổ chức mang tên Gia đình Phật tử nên tự hào trên toàn thể giới này chỉ có đất nước Việt Nam mình chỉ có danh xưng này.

Nói về vai trò của tâm trong tu tập, Đức Phật đã dạy có 4 hạng người:

1- Người ngoài sạch trong dơ: là người bề ngoài có đạo đức, tế hạnh nhưng tâm không trừ bỏ tham sân si, đồ kị, hôn ghen;

2- Người ngoài dơ trong sạch: bề ngoài có vẻ thô tháo, xuề xòa, trong tâm lại đại từ bi;

3- Người ngoài dơ trong dơ: hạng người ngoài bất tịnh mà lòng cũng nhiễm ô;

4- Người ngoài sạch trong sạch: là người có tư

cách đạo đức chuẩn mực, bên trong thanh tịnh, tha thứ, từ ái.

Mặc áo Lam, đeo hoa sen trắng và nguyện lòng làm theo lời Phật dạy cũng đã thực hiện song hành lý sự và chỉ thực sự viên dung chỉ khi nào mình thực hiện nghĩa cử tốt lành cho ta cho người theo điều luật, làm sao xứng đáng với ý nghĩa màu áo với tám cánh hoa sen. Vấn đề là dung hòa như thế nào để tác phong nhân cách và tâm hồn sao cho xứng đáng, sao cho đúng chánh pháp. Và, tu không dừng ở chỗ sửa đổi hành vi bất thiện khổ người hại vật, giữ gìn uy nghi tứ tướng đi-đứng-nằm-ngồi trong xử thế hằng ngày mà tâm phải thật sự thanh tịnh không phiền não khổ đau bởi phân biệt sân hận si mê... nên người ta thường gọi với cụm từ "tu tâm dưỡng tánh" là thế!

Trong tiểu luận của một Huynh trưởng dự trại Huyền Trang có đoạn được hiểu là: "Không ít Huynh trưởng chỉ dừng lại ở mức độ Văn và Tư còn Tu thì chưa..." Thế thì chúng ta cùng học, cùng hỏi han và cùng tu, "tu học" hay "học tu" cũng chẳng khác nhau mấy, đều tương tức với nhau (trên tinh thần Tứ nhiếp pháp).

Năm đã dần cũ và năm đã dần mới. Thật ra chẳng cũ hay mới vì nhìn rõ chỉ là ngày đêm, sớm chiều nắng gió, nóng lạnh mây mưa... Với lý xuân áo mới hoa đầy, người người khen tụng nhau câu chúc tốt lành, giãen đổi bỏ

qua, nợ nần khổ giảm, oán thù tạm gác qua một bên... để sau tỉnh tiếp! Với sự xuân thì xuân cho ra xuân, miệng cười từ bi nhưng tâm phải hoan hỷ nở hoa. Mình không mặc áo đón xuân mà lòng còn bế tắc khư giữ mỗi đồ kỵ hơn thua.

Xưa có câu: "Hữu tâm vô tướng, tướng tức tâm sinh; hữu tướng vô tâm, tướng tùy tâm diệt" (có tâm thì dấu vô tướng, tướng cũng sẽ do tâm mà sinh; có tướng mà tâm vô, thì tướng ấy cũng tùy tâm mà tiêu mất). Nếu trọng khó khăn, mà người ta vẫn có thể giữ một nội tâm an hòa và rộng lớn, thì chướng ngại đều sẽ không là gì hết! Có phải nhìn tướng không bằng nhìn tâm? Tựa như đại thi hào Nguyễn Du viết trong Kiều: "Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài."

Thế thì, các thành viên trong tổ chức GDPT mình có những khúc mắc, chưa thấu hiểu, còn chấp thường chấp đoạn nên phải tự thân đau khổ, chưa tháo được gút dây phiền trước làm giảm đi giá trị truyền thống được bảo quản bấy lâu nay. Một tổ chức thiếu tính đoàn kết, trên dưới chẳng một lòng, nói một đằng làm một nẻo, tất phải dẫn đến hệ lụy rồi bấy là điều tất nhiên... Mình sẽ không bàng quan nhìn sự biến đổi hư hao tiêu cực để lấy làm sở đắc vì mùa xuân có trở lạnh đổ mưa thì chắc rằng mình cũng thấy ướt lạnh theo và mùa xuân kia có lá rơi nhiều thì xuân vẫn cứ là xuân...



SỞ TRANG VƯƠNG ĐÃ TỪNG TRẦN TRỞ

(*Lá Thư Đầu Tuần* — tài liệu tu học của GDPTVN)

Anh chị em Lam viên thân mến,
Ngày xưa Vũ Hầu, vua nước Ngụy những lần thiết triều bàn quốc sự với quần thần mà quần thần không có ý kiến gì hơn, ai cũng cho ý của vua là quá hay, kế của vua là tuyệt diệu, không còn ai hơn nữa thì sau khi bãi triều vui mừng hớn hờ lắm.

Có lần Ngô Khởi, vị tướng tài giỏi phục vụ cho nhà vua tâu với Vũ Hầu: “Bệ hạ có nghe chuyện Sở Trang vương ngày trước không?” Nhà vua gạn hỏi, Ngô Khởi thuật lại: “Sở Trang vương khi bàn việc nước mà quần thần ai cũng cho ý vua là hơn cả, không còn ai bằng, thì vua lo lắm. Có người hỏi: Tại sao vậy? Trang vương nói: “Ấy là điềm mất nước, ngu như ta mà quần thần cũng cho là hơn cả, không ai còn góp ý gì thêm thì còn có kế sách nào mà trị vì được thiên hạ.”

Vũ Hầu lấy làm áy náy, xấu hổ và bảo: “Nhà người quả là thầy ta.”

Thưa anh chị em, đây là một câu chuyện đáng cho chúng ta tư duy, nhất là hàng huynh trưởng lãnh đạo từ đơn vị Gia đình đến Tỉnh (quốc nội), Quốc gia, Châu lục (Hải ngoại) và kể cả Ban Hướng Dẫn Quốc Nội, Ban Hướng Dẫn Hải Ngoại.

Khi bàn một kế hoạch Phật sự mà không có ai góp ý gì không chắc kế hoạch đó đem thực thi đã hoàn hảo. Nhiều ý kiến đóng góp vẫn hơn! Trường hợp ấy đáng cho chúng ta lo ngại. Trong nguyên tắc lục hòa có “Ý hòa đồng duyệt” mà! Chúng ta cần xét lại:

- Chủ tọa có vấn đề gì đây mà toàn ban không ai dám góp ý? Chủ tọa cần hồi quang phản chiếu, nhìn rõ lại mình.
- Chủ tọa không biết cách gợi ý, không khéo léo “mời” chất xám của anh em ra.
- Ban Huynh trưởng Gia đình hay BHD như vậy là thụ động quá, làm sao đưa Tổ chức đi lên!

Điều này tuy hiếm xảy ra nhưng chắc gì là không có.

Thưa anh chị em, nếu hi hữu, có triều đình của Vũ Hầu xuất hiện, chúng ta nên sáng suốt, khéo léo và mạnh dạn điều chỉnh lại là vừa,



đừng để quá muộn mà rồi có nguy cơ “mất nước” như Sở Trang vương đã từng trần trở.
Thân ái chào các anh chị em.

(Trích “*Những cánh Thư Lam*”
của Htr. Nguyễn Tử Nguyễn Đức Thương)



SANH TỬ

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Mọi người từ thượng đến hạ ngu, ai lại không biết sanh - lão - bệnh - tử là khổ. Nhưng trong cuộc sống họ úy kỵ tang lễ như quên khuấy không có chứng hiện hữu. Bởi những vấn đề ấy làm cuộc đời rắc rối, khổ não, không vui. Nên đến khi cùng đầu với nó thì hết hoảng lo sợ nuối tiếc, nhưng cũng buông tay đầu hàng trước thực trạng tử sanh.

Nhà Phật gọi đây là bốn bức thành, mắt không thấy giới hạn hình thể, tay không sờ thấy hình tượng vách nhưng hăm vây không sót một ai. Bởi ý thức sợ hãi hết hoảng đó nên khi lâm chung, thần thức quyết định phải tìm cách sống lại bằng bất cứ dưới hình thức nào. Đó là sức mạnh của nghiệp lực chủ động bước tái sanh, và ngàn đời chìm đắm

(trầm luân) khổ ải.

Phàm mọi sự vật có sanh ắt có tử. Đó là một định luật. Định luật vô thường. Đã vô thường tất có mà không thật, có mà không thật nên gọi là huyễn.

Tu là lên đường tìm về cái thật. Sanh - Lão - Bệnh - Tử là tướng trạng của huyễn. Nên bỏ huyễn mà không tiếc thương. Có vậy mới không tham đắm xả bỏ tất cả để sống đời tịnh hạnh.

- Không luyến tiếc, tham đắm, sợ hãi, không luyến lưu không tìm cách trở lại tức đi đến chỗ vô sanh. Đã vô sanh làm gì có lão và bệnh cùng tử. Tức thoát ly tứ khổ hải này. Trong kinh có câu chuyện này.

Xứ kia có một người đàn bà, bất hạnh đưa con trai độc nhất vừa lâm trọng bệnh và qua đời. Bấn loạn bà ôm lấy

xác con gào thét và chạy nhảy lung tung xin mọi người xót thương cứu mạng con mình.

Có một thức giả trong làng đón bà lại và bảo:

"Bà nên đến tịnh xá của Phật thành tâm đánh lễ và xin ngài tế độ cho. Ngoài Phật chả ai có thể giúp được."

Bà y theo lời chỉ dẫn, ôm xác con chạy ngay đến tịnh xá Phật, xin Phật tử bi cứu độ con bà. Phật bảo:

"Được, an tâm đi, ta sẽ cứu cho, giờ bà hãy để đứa bé ở đây, rồi chạy vào làng xin cho ta một hạt cải hay một nắm tro trong một gia đình nào đó mà từ hồi nào đến giờ chưa bao giờ có người thân chết."

Bà đi từ đầu thôn đến cuối xóm, tro và hạt cải thì đâu mà không có, có điều không một gia đình nào mà không có người thân không chết cả.

Thì ra cái chết là điều mà không ai có thể không kinh qua. Tâm hồn bà trở nên thư thái. Bà hối ngộ được bản chất của sanh tử. Khoan thai bà trở lại tịnh xá nhận xác con đem về an táng rồi xin Phật xuất gia.

Nên biết thân thể hữu cơ này nhà Phật gọi là báo thân nên không được quyền xả bỏ bằng cách tự sát, vì đó là một cách chạy trốn một cách hèn nhát. Ngược lại còn phạm tội giới sát. Ngược lại phải tích xả mê đồ siêu sanh tịnh độ bằng cái hành vô mỹ, vô công và vô danh vậy.

(trích 52 Câu Chuyện Dưới Cờ của
Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)



XỨ CHIÊM BAO

Dường như tôi đã đứng ở đó
Nơi ánh sáng đã lặn hết cận đêm
Cùng hệ lụy ác mộng
Những thâm lặng nhẹ nhàng trôi dậy
Trong suốt. Nhẹ bẫng. Run rẩy
Những tia nhìn không còn phải dấu kín nỗi đau
Như bình minh tung nắng
Như hàng cây bung lá
Như con đường mở rộng
Ngày đêm đếm sự trôi qua
Bằng trật tự nhịp nhàng của tiếng chim hót.
Hoa nở và tàn
Mưa nắng thuận mùa. Đi và đến
Cánh đồng lúa lên bông trĩu hạt
Dưới những mái nhà kia có người ra vào
Quây quần bên bữa ăn đầy đặn
Trẻ nhỏ được bảo bọc, ca hát và đi học
Nơi góc vườn kia. Dưới nắng sớm và chiều thu
Có Emily ngồi làm thơ bên cửa sổ
Dường như tôi đã đứng ở đó
Và nhặt được một đoá hoa hồng
Thơm chiêm bao
Nơi. Những vì vua hớp bàn vì hạnh phúc lê dân
Những người lính gác mùa màng
Những người già và nhà thơ ngồi kể chuyện
thần tiên
Trong bờ đêm bay rất nhiều đom đóm

Trong sáng láng áy tôi đã gặp nhà thơ Mặt
Trời. Lông lộng nắng phương đông, bay nghìn
sao khuya rắc xuống cánh đồng thơ mùa chiêm
bao điểm ảo. Tôi thức giấc từ lời hát của một
bóng cô đại người ban tặng và những mảnh vỡ
trái tim tôi thành những hạt pha lê được nuôi
sáng bằng lời thơ dâng hiến.
Tôi biết. Tôi sẽ được cất tiếng. Trong mùa thơ
quyến dụ áy với ngôn ngữ tình nhân. Ngôn ngữ
tôi nghe một lần trong xứ sở chiêm bao.
Khoảnh khắc giấc mơ tôi thực sống...

LỜI KHÁT

Tôi đang viết giấc mơ
Trên tiếng gió giữa hàng cây ngoài phố
Gió quai Santa Ana nắng mưa tráo trở
Trên dự báo những ngày đen tối
Trên tiếng gấp gấp bay đi của đàn chim
Trên vội vã những bước chân
Trên lãng quên nhịp sống
Trên u buồn những chia ly,
Trên vô vọng những mất đi
Tôi muốn lời vẽ nên một giấc mơ

Tôi đang viết giấc mơ
Trên giấc ngủ nỗi sợ
Trên khốn cùng nước mắt
Trên lạnh tanh thi thể
Trên hăm hiu dòng máu
Trên bất lực dấu hỏi
Tôi muốn lời tôi vẽ nên một giấc mơ

Tôi đang viết giấc mơ
Bằng những lời tôi khát
Bằng hết sức có thể, một gạch nối ấm áp
Che chở tôi
Nơi tôi có thể sống với phút giây chưa từng tới
Nơi tôi có quyền mơ mộng
Nơi tôi có quyền được quên
Nơi cảm xúc tôi được chọn lựa một bình yên
Tôi đang viết giấc mơ. Người ơi
Trong phút giây tin cậy của một lời cầu nguyện

(trích từ tập thơ Ngôn Ngữ Xanh,
chưa xuất bản)

thơ

NGUYỄN THỊ
KHÁNH MINH

CHƯ NI ĐOÀN KẾT

Thích Nữ Giới Châu

TIN TỨC / SỰ KIỆN

Mưa rơi nặng hạt, nước chảy ngập đường, giao thông tắc nghẽn, không làm nhụt chí 24 Ni Sư và Sư Cô, lái xe đến chùa Bát Nhã cũ, trên đường Sullivan để cùng nhau ngồi lại, chia sẻ buồn vui, ôn lại giới luật, và các pháp yết ma cần thiết trong những sinh hoạt của Tỳ Kheo Ni. Cảm động nhất là sư cô Tánh Không 91 tuổi và thứ nữ của sư cô là sư cô Tánh Hải từ tiểu bang Oregon bay về Santa Ana để dự khoá ôn tập này. Sư cô Tánh Không muốn về California để tận hưởng mặt trời nắng ấm, ngờ đâu cơn mưa tầm tã, làm cô cảm lạnh, phải về nhà cháu nghỉ dưỡng một đêm. Thế mà cô không nghỉ một buổi học nào, thật đáng khâm phục!

Quý Ni Sư phần lớn đến từ những thành phố gần Santa Ana, riêng bốn thuyết trình viên từ những tiểu bang khác như, Ni Sư Giới Châu từ Denver, Colorado, Ni Sư Tiến Liên từ San Jose, California, Ni Sư Minh Thảo từ Pittsburgh, Pennsylvania, và Ni Sư Liên Diệp từ Davenport, Iowa. Thuyết trình viên chỉ trình bày những gì đã học, đã nghe quý Sư bà giảng dạy, hoặc nghiên cứu từ sách về Giới Luật. Quý Ni Sư tham dự có thể đóng góp những gì mình đã học, đã biết mà thuyết trình viên trình bày chưa đủ. Hai ngày gặp gỡ chia sẻ tu học với tính cách cùng nhau ôn bài, trao đổi sự hiểu biết về Giới Luật, để những ai chưa biết thì học

thêm, những ai đã biết thì nhớ lại.

Ni Sư Giới Châu trình bày “Ngũ Thiên Thất Tự” trong giới Tỳ Kheo Ni. Dù Giới Luật của tỳ kheo Ni gồm 348 điều, nhưng chư Ni đoàn kết là quan trọng nhất. Chư Ni chúng ta cùng nhau ngồi lại, chia sẻ buồn vui trong những công tác Phật sự tại bốn tự, tại địa phương nơi mình đang sinh sống, để cùng nhau chung vai gánh vác Phật sự tại Hoa Kỳ mới là chính yếu. Do đó, Ni sư nhắc lại Bảy Pháp Diệt Tránh để những gì cần sự có mặt của Tăng chúng, giáo pháp, giới luật, thì cần có để giải quyết vấn đề một cách hợp lý. Nếu người phạm lỗi không nhớ mình đã làm, thì phải để cho đương sự nhớ lại. Khi Tăng chúng làm pháp yết ma cho vị ấy tự nhớ và tự phát lồ, chư Tỳ Kheo Ni nên chấm dứt sự tranh cãi, để đại chúng được hoà hợp. Nếu hai bên tranh cãi, không biết đầu mối từ đâu, Tăng chúng làm pháp yết ma “Nhu Thảo Phú Địa,” như lấy cỏ che phủ bùn đất, bỏ qua những dị biệt trong quá khứ, cùng nhau hoà hợp, thanh tịnh tu tập.

Ni Sư Giới Châu cũng đề cập pháp yết ma “úp bát.” Đức Phật dạy, Tỳ kheo (nói chung Tăng và Ni) đi khất thực nên có lòng từ bi đối với Phật tử khi gia đình vị ấy gặp khó khăn. Thời Phật, chư Tăng khất thực để tạo nhân lành cho Phật tử kết duyên với Tam Bảo. Nếu gia đình nào nghèo thiếu, không đủ vật thực cúng



TRỞ VỀ MỤC LỤC



dường, Phật dạy nên yết ma không đến nhà Phật tử ấy, để những vị ấy khỏi lo thức ăn cúng dường mỗi ngày. Nhắc lại điều này, chúng ta thấy sự liên kết giữa chư Tăng và Phật tử rất đậm đà, tuy nhiên, chư Tăng cũng nên hiểu hoàn cảnh của Phật tử để Phật tử không mất tín tâm với Tam Bảo.

Ni Sư Liên Diệp trình bày "Yết Ma Trong Sinh Hoạt của Cộng Đồng Tăng Lữ." Các pháp yết ma được thực hiện tùy theo công việc của chúng Tăng, nên Tăng pháp yết ma có ba loại: Đơn bạch, Bạch Nhị, và Bạch Tứ Yết Ma. Đơn bạch là chỉ một lần tác bạch giữa Tăng chúng, tức thì Tăng pháp được thành tựu. Bạch nhị yết ma là một lần tác bạch và một lần biểu quyết. Công việc của Tăng có phần quan trọng hơn, nên cần có sự đồng ý của toàn thể Tăng (số đông chư Ni cũng gọi Tăng, là Tăng chúng). Bạch tứ yết ma là một lần tác bạch và ba lần biểu quyết. Tăng sự quan trọng nhất, như giải đại, tiểu cương giới, truyền giới cho Giới tử, vân vân.

Ni Sư Liên Diệp nhắc lại, "Bày Pháp Bất Thối" là để duy trì sự hoà hợp của Tăng chúng.

"Tỳ Kheo (Tăng và Ni) thường xuyên tập họp và tập họp đông đảo để giảng luận chánh pháp. Tỳ kheo tập họp và giải tán trong tinh thần đoàn kết... Tỳ kheo sống không bị lôi cuốn bởi tham ái, thời chúng tỳ kheo sẽ được hưng thịnh, không bị suy giảm..." Để kết thúc, Ni sư Liên Diệp nhấn mạnh lời Phật dạy Ngài Anan; sau khi Phật nhập diệt, Tăng Ni lấy giới luật làm thầy, Tăng Ni nên nghiêm trì giới luật để trang nghiêm giới thân huê mạng, trí huê vẹn toàn, mới dẫn thân hành đạo giúp đời. Cả đại chúng đều im lặng lắng nghe và ghi nhận lời Phật dạy.

Ni Sư Tiến Liên trình bày như một giảng viên đại học, không uống, công chư Ni ngồi suốt hai ngày để được học "Ý Nghĩa và Tầm Quan Trọng của Cương Giới." Ni Sư soạn bài gồm 17 trang, và in đủ cho 24 vị có trong tay để học. Cảm niệm công đức của Ni Sư Tiến Liên! Ni sư

chia sẻ, "Tiến Liên đã làm homework cho quý vị, quý vị đọc là hiểu liền." Chẳng hạn, cương giới là đường ranh ngăn chia khu vực này khác biệt với khu vực khác. Tỳ kheo sống trong một khu vực có đường ranh rõ ràng, cần phải chấp hành những công việc chúng Tăng chỉ định và được thọ hưởng các quyền lợi của những tỳ kheo cùng sống chung. "Các tỳ kheo sống chung, sinh hoạt chung trong một cương giới, được yết ma kết giới, nói lên tinh thần hoà hiệp, bình đẳng và nhất trí đồng thuận là điều cần thiết."

Trong lúc trình bày kết tiểu giới và đại giới trong mùa an cư, Ni Sư Tiến Liên đề nghị, chư Ni nên an cư mùa đông thay vì mùa hạ. Mùa hạ ở Hoa kỳ, nắng ráo, ngày dài, chúng ta có thể làm nhiều việc trong sinh hoạt Phật sự. Trái lại, mùa Đông mưa lạnh, ngắn ngày, chúng ta cùng nhau tập họp, an cư hai tuần, mới đúng an cư mùa mưa. Đại chúng hoan hỷ đón nhận lời đề nghị của Ni sư, tuy nhiên tìm một ngôi chùa để chư Ni cùng nhau an cư mùa Đông là việc cần phải làm trước. Chúng tôi hy vọng chư Ni an cư mùa Đông sẽ được thực hiện một ngày rất gần.

Sau hai ngày mưa tầm tã, buổi học cuối được rút ngắn lại để Chư Ni có thể lái xe về lại bốn tự an toàn. Ni Sư Minh Thảo định nghĩa thế nào là giới cụ túc? Thọ giới tỳ kheo hay còn gọi là thọ cụ túc giới. Nghĩa là tỳ kheo đang bước lên bậc thang cao thượng, bước gần sự giải thoát, và thể hiện trọn vẹn đời sống của bậc A La Hán. Có bốn pháp giải thích cho giới cụ túc.

Biện biệt giải thoát luật nghi: Tỳ kheo giữ được giới nào thì được giải thoát giới đó.

Phòng hộ căn môn luật nghi: Tỳ kheo sống phòng hộ các căn, mắt, tai mũi, lưỡi, thân, và ý được thanh tịnh. Không bị trần cảnh lôi cuốn các căn, vì chúng đã được phòng hộ.

Phương tiện sinh sống luật nghi: Tỳ kheo sống tri túc để ngăn ngừa tham dục. Dù xã hội đầy vật chất, nhưng tỳ kheo biết vừa đủ để tu tập.



Chánh niệm tỉnh giác thọ dụng luật nghi: Tỳ kheo luôn luôn chánh niệm tỉnh giác để làm chủ tham sân si.

Ni Sư giải thích thêm ba trong mười trường hợp thọ giới cụ túc và được đặc giới.

Do thọ bát kính pháp mà đặc giới như bà Di mẫu của Phật, Ma Ha Ba Xà Ba Đề nghe Phật dạy tám điều bát kính đối với chư Tăng, bà cung kính hoan hỷ chấp nhận, được lãnh thọ giới tỳ kheo ni đầu tiên.

Thọ giới với Tăng chúng có đủ tam sự thất chứng, nghĩa là có đủ 10 Tỳ Kheo Tăng và 10 Tỳ kheo Ni.

Thọ giới do lời nói xin quy y: Con xin quy Phật, con xin quy y pháp, và con xin quy y Tăng. Trường hợp này phải gặp thánh Tăng mới đặc giới.

Trong những buổi học, đại chúng có nhiều câu hỏi rất ý nghĩa, nhưng chưa được giải đáp thỏa đáng. Chẳng hạn như, nếu một Phật tử không có tín tâm với Tam Bảo, chê bai chỉ trích Tăng chúng, nếu vị ấy cúng dường Tam Bảo một vật gì, Chư Tăng có nên nhận không? Theo yết ma úp bát, chư Tăng không nên tiếp xúc với vị này, tuy nhiên chư Tăng cũng nhờ vài Phật tử khác khuyên can, để vị ấy không tạo nhân xấu với Tam Bảo.

Khi kết đại giới, có phần kết nội giới tướng cách vòng đại giới khoảng một thước. Chư Ni muốn biết tại sao lại có phần nội giới tướng và đại giới? Một Ni sư giải thích khoảng

cách một thước giữa nội giới tướng và đại giới được gọi là tự nhiên giới, để tránh phạm lỗi biệt chúng khi có những Tăng sự yết ma.

Buổi ôn tập chỉ hai ngày, không đào sâu vào các pháp yết ma và chi tiết của giới luật, nhưng quý Ni Sư rất hoan hỷ. Quý Ni Sư đề nghị năm tới Tổng Vụ Ni Bộ nên tổ chức hai khóa ôn tập như thế này để chư Ni có dịp ôn lại giới luật và các pháp yết ma.

Có thực mới vực được đạo. Thức ăn trong hai ngày sinh hoạt do Thượng Toạ Thích Thường Tinh và Sư Cô Từ Đạo chùa Phật Tổ ủng hộ. Tất cả chư Ni chúng con thành kính tri ân tấm lòng rộng lượng của Thượng Toạ và Sư Cô. Chúng con cũng không quên Ni Sư Diệu Tánh lái xe trong mưa về chùa Phật Tổ lấy thức ăn cho Chư Ni chúng con được yên tâm ngồi học.

Trước khi mời thỉnh quý Ni sư tham dự khóa ôn tập giới, Ni Sư Giới Châu có thỉnh ý Hòa Thượng Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK. Hoà Thượng dạy, chư Ni nên làm những việc cần làm cho Ni Giới, nếu cần gì HT sẽ ủng hộ. Theo lời thỉnh cầu, HT biểu mỗi Ni Sư \$100 để tán thưởng công hạnh tu học của chư Ni. Chúng con thành kính đảnh lễ cảm ơn HT và kính chúc HT pháp thể khinh an, bát nhã hoa khai, tuệ đăng thường chiếu.

Kính ghi,
Tỳ Kheo Ni Thích Nữ Giới Châu



ĐÀO XUÂN

*Hồng lên xuân sắc hoa đào
Vô ngôn biệt ý xin chào người dừng
Vì chưng thế sự vô chừng
Năm rồi năm... lại mấy từng nhớ thương!*

ĐỘC HÀNH

*Trăm năm chẳng ngắn nhằng dài
Tri âm tuyết tích ấy hoài phù sinh
Cô thân lữ khách đặng trình
Về qua phố thị như hình chiêm bao.*

MỒ

*Rõ ràng mặt ấy mặt này
Nghiep mang bao kiếp nào hay chẳng là
Thăng-trầm, phước-họa Sa Bà
Vô sanh bốn địa Di Đà tự tâm.*

THƯƠNG MÁ QUÊ NHÀ

*Trăm năm thân thể tà dương
Tóc xanh ngày ấy giờ vương tơ trời
Lòng sao thương má bởi bởi
Gian nan vất vả một đời vì con.
Tuổi già bóng xế héo hon
Mình đau xương nhức hao mòn sắc thân
Kiếp người như thể phù vân
Nguyện cầu chư Phật gia ân độ trì.
Má giờ hình sắc suy vi
Phương trời xa cách mấy khi cận kề
Má ơi! thương má vô bờ
Niệm hồng danh Phật mai về Tây Phương
Tịnh Độ là cảnh Chơn Thường
Cận kề thánh chúng cúng dường Phật thân
Má ơi xin chớ lẫn quên!*

.....



thơ ĐỒNG THIỆN



Đón Tết

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Suốt mấy tháng bão bùng mưa gió, cả chùa gác tất cả công việc bên ngoài, thì giờ chỉ để dành cho các chú ôn tập kinh điển, giáo lý, học chữ Hán, Pali, Anh văn, đọc sách truyện và hành thiền. Tiết tháng chạp trời đã tạnh ráo, các chú bắt đầu thêm phần cho bí, bầu, các loại su, bắp cải và rau xanh, v.v... Công việc thì bề bộn, nhưng không khí sống động, vui tươi. Các chú vừa cuốc đất, vừa trồng tía, vừa luận đạo, vừa làm thơ... mà quên hẳn năm mới kể bên lưng.

- Làm sao chuẩn bị ăn Tết chứ các con! Mình cũng ăn Tết cho vui chứ?

Nhà sư chợt hỏi các chú trong giờ nghỉ ngơi. Các chú reo lên, hí hửng bàn bạc. Chỉ một thoáng là dường như các chú đã hội ý xong. Liễu Minh nói:

- Bánh tét, bánh chưng, xôi, chè, mứt, món... gì gì chúng con cũng làm được tất... chỉ xin thầy tiền thôi!

Nhà sư mỉm cười:

- Có tiền thì nói làm gì? Có tiền thì ai chuẩn bị Tết mà không được! Các con tự xoay xở một cái Tết cho thầy xem khả năng và bản lĩnh của các con; nhưng có điều cấm, là không được về xin gia đình và không được gợi ý cho chư Phật tử gần xa!

Thật là bài toán đồ hóc hiểm! Phải từ hai bàn tay trắng mà làm ra! Nhà sư lại nói:

- Chỉ còn nửa tháng thôi, thầy cho phép các con nghỉ học và cố tìm cho ra lời giải.

Nhà sư đi rồi, Bất Đạt nói với Liễu Minh:

- Tôi có hai phương án kiếm tiền. Thứ nhất, thuê một đồ máy vào tận Hối Mít, Hối Dừa để lấy củi khô. Mùa hè vừa rồi trong đó có cháy mấy đám rừng. Chỉ cần đi ba ngày là anh em ta dư sức tổ chức cả hai cái Tết! Thứ hai, hồi đi lấy phong lan, chúng ta đã phát hiện ra cả một rừng "sâm nam," chú có nhớ không?

Chúng ta cũng thuê đồ mấy đi hai ngày, chở về, chế biến, sao vàng, khử thổ rồi cùng nhau mang đi Huế, Đà Nẵng bán. Số tiền kiếm được, có khả năng tổ chức ba cái Tết là khác!

Liễu Minh nói:

- Chú thể là giỏi! Còn tôi cũng có hai phương án. Hôm lên sơn động, tôi phát hiện ra cả một rừng măng giang, có điều tôi không rành măng giang mùa này có không? Nhưng mộc nhĩ (nấm meo) mùa này thì tha hồ, chỉ cần đi vài ngày là đáp ứng một cái Tết ra trò!

Bất Ác góp lời:

- Em cũng có hai phương án đem ra cùng góp bàn với các chú. Hôm ra mỏ rùa bên kia núi, có một dãy đá chạy dọc ven biển, em phát hiện vô số tảo biển bám đầy trên đá, phải cái là sợ lạnh thôi. Tảo biển thì người ta mua đắt như tôm tươi! Các chú còn nhớ em có mang về nấu một bữa tuyệt cú mèo không? Phương án thứ hai là đi đào củ mài. Em phát hiện trên núi cả một triền đồi củ mài. Củ mài đắt tiền, chỉ có cái là đào vất vả. Có lần suốt cả buổi em chỉ đào được mấy củ thôi, có củ sâu cả sáu bảy tấc, có củ nằm lì lợm giữa kẹt đá!

Bất Đạt sau một hồi đắn đo, cân nhắc, nói:

- Năm mèo, tảo biển, măng giang chưa chắc có. Củ mài có tiền nhưng đào vất vả lắm, sâm nam thì chắc gì có thị trường tiêu thụ hết. Củ khô thì Tết nhứt ai cũng phải dùng. Củ gốc và củ lớn, ta bán cho các lò bánh; củ nhỏ ta bán cho các đại lý bên kia chợ.

Ý kiến Bất Đạt được các chú tán thành. Thế là ngày hôm sau, các chú chuẩn bị hành trang lên đường với đầy đủ dụng cụ, chăn màn, rửa cúp và đồ ăn uống...

Bốn ngày sau, các chú hốc hác, tiều tụy trở về, nhưng khuôn mặt thì rạng rỡ, vui tươi. Các chú còn mang về thêm ba giỏ lan Nghinh Xuân nở hoa lấm tấm rất đẹp. Liễu Minh còn vác trên vai một gốc

củ khô khá to, có nhiều hang lỗ như đục chạm trông chẳng khác gì một tác phẩm nghệ thuật...

Nhà sư đón các chú, lấp lánh nụ cười:

- Thế là các con đã thành công rồi!

Bất Ác hấp tấp nói:

- Bạch thầy. Dạ... chưa...

Nhà sư khoát tay:

- Thầy không cần biết là củ bán được hay chưa bán được, và tiền bán được có đủ sắm sửa một cái Tết hay không! Tiền bạc rất cần thiết, nhưng đối với chúng ta, nó không quan trọng bằng ý chí, nghị lực, chịu thương, chịu khó! Thầy mừng vì các con đã có được bản lãnh ấy!

Đêm ba mươi, nhà sư cho chạy máy nổ để thắp sáng điện đỏ đây, núi rừng quang rang hân lên. Mọi người ai cũng bận rộn công việc để chuẩn bị đón giao thừa và đón năm mới.

Liễu Minh le te từ sau thất chạy ra:

- Bạch thầy, con có một câu đối nhờ thầy nhuận sắc!

Nhà sư đang lui cui trên bàn viết, ngẩng đầu lên:

- Ừ! Đọc thử mọi người nghe coi!

- Dạ: "Đổi mồ hôi, lấy nghị lực, tháng dài năm rộng, đường xa Cối Pháp bước thong dong

Xua phiền não, rước bồ đề, sớm hỷ chiều an, canh vắng Giác Thiền vui tự tại."

Bất Ác vỗ tay:

- Hay quá! Mỗi câu mười bảy chữ, đối chẵn chát. Em phục sát đất rồi đó!

Bất Đạt hững hờ nói:

- Chỉ là khá thôi! Mà đối chỉ mười bảy chữ thì lấy gì làm siêu?

- Rửa chú làm được không?

- Sao lại không được, mà ngon lành nữa là khác!

Nhà sư mỉm cười:

- Vậy thì con đọc đi, để thầy chấm cho!

Bất Đạt lôi trong túi ra một mảnh giấy, gạch xóa lung tung. Té ra chú ấy cũng đã chuẩn bị đầu đó rồi.



Bất Đạt nguyệt Bất Ác:

- Đúng ra, giao thừa mới tiết lộ bí mật, ai dè chú em nói khích làm tôi hồng mắt kể hoạch!

Bất Đạt phân trần với Liễu Minh:

- Tôi nói trạng rứa thôi, chứ cặp đôi của chú đạo vị hơn. Tôi thì cốt ý vui xuân, thú thật là cái tâm của tôi không bằng chú vậy.

Rồi chú nói:

- Bạch thầy, con đọc đây:

"Tết đến rồi ư? Cụ bị đầy vai, linh kinh rửa riu; vật thực, chăn màn, đôn củi, tìm lan, vui quá!

Xuân về đấy nhì! Trờ xoay rồi óc, leng keng chữ nghĩa; giấy tờ, bút mực, làm thơ, tập đối, thích ghê!"

Bất Ác vỗ tay chan chát:

- Không ngờ chú đầy cả một bụng văn chương! Té ra ni lâu chú dấu em! Đúng là người tám lạng, kẻ nửa cân! Cho đồ Bàng Nhãn, Thám Hoa hết!

Liễu Minh phát biểu thật lòng:

- Chú quả là đại tài! Chuyện thực, việc thực mà đem được hết vào trọng đối mới đáng phục chứ! Dễ chừng trên hai mươi chữ một câu!

Bất Đạt nói:

- Hai mươi hai chữ!

Nhà sư cười:

- Bất Ác nhận xét đúng đấy. Liễu Minh đạo vị, Bất Đạt tài hoa! Đáng thưởng! Đáng thưởng!

Liễu Minh nói:

- Xin thầy sửa hộ cho!

Nhà sư nói:

- Không cần thiết! Trường hợp quá lủng củng hoặc ý tứ không dính vào đầu, còn hai con làm thế là khá rồi.

Bất Đạt chợt nói:

- Còn Bất Ác đâu?

Bất Ác vỗ đầu:

- Em cũng có chứ!
Rồi chú tất cả chạy ra sau liêu, mang ra hai cuộn giấy đỏ, kẹp bốn thanh tre, đã viết đầu đỏ xong xuôi, móc lên cột tiền đường.

Mọi người reo lên:

- A! Chữ của thầy! Đúng là rồng bay phượng múa, đẹp, thanh thoát và tự nhiên quá!

- Kiểu này chắc có thầy "gà" cho rồi!

Nhà sư tùm tùm cười, không nói gì.

Bất Ác tăng hăng giọng, nói to:

- Nghe đây các chú, tiền năm Heo, đón năm Chuột, hôm kia chư Thiên Hộ Pháp Tinh Quân đã "gà" cho em làm một cặp đối vô tiền khoáng hậu như sau:

"Làm thơ chẳng được, chữ nghĩa leo teo; đã mấy Tết Heo, mỗ óc nhét đầy hoa Trí Giác."

Học đạo chưa thông, kệ kinh chút chít; còn bao xuân Chuột, mài răng cắn đứt sợi Tình Mê!"

Bất Đạt lắc đầu:

- Câu của tôi đã ghê gớm rồi mà câu của chú em còn siêu việt hơn. Đáng mặt Trạng Nguyên!

Liễu Minh gật đầu:

- Tôi thì dong cả hai tay đầu hàng! Đã chờ được ý đạo mà còn vui tươi, nhí nhảnh, khiêm tốn, tượng thanh, tượng hình, vận lung... gì gì đủ cả. Bái phục, thật bái phục!

Nhà sư nói:

- Cái ý ngộ nghĩnh kia là của Bất Ác, thầy chỉ sắp xếp lại cho nó chính thôi. Nói tóm lại là ai cũng có tứ, có cái riêng cả. Thầy rất vui! Thôi bây giờ lấy giấy bút, thầy viết cho.

Thế là một lát sau, cả ba câu đối được treo lên. Tiền đường sáng hẳn. Chừng hơn mười giờ lan nở hoa cũng được mang ra trang hoàng cho thêm phần hương sắc, thanh nhã và vui tươi.

Đầu đó xong xuôi, mọi người quây quần lại xung quanh chiếc bàn nhỏ kê ở tiền đường. Họ ăn mứt gừng, uống trà và đàm đạo.

Nhà sư nói:

- Năm qua các con đã tỏ ra nhiều kiên nhẫn, chịu đựng, vừa học hành tu niệm, vừa gian khổ lao tác. Việc nào cũng gặt hái được ít nhiều thành quả. Tuy nhiên, đó chưa phải là điều đáng để hãnh diện, tự hào. Bây giờ các con hãy tự nhận xét về mình để thầy nghe xem nào!

Chú này ngó chú kia. Lát sau, Bất Đạt nói:

- Bạch thầy, con chưa được cái chí cả. Con còn nhiều nóng nảy và cầu thả, đôi khi lại còn cãi cọ lời thôi với huynh đệ. Nói tóm là con chưa làm chủ được mình, chưa thật sự chánh niệm và tỉnh giác.

Liễu Minh nói:

- Con cũng vậy, ham ăn mê ngủ là cái bệnh của con!

- Con mới là người tệ nhất! Ham ăn mê ngủ cũng có, lười biếng cầu thả cũng có. Học hành thì tâm trí để đâu đâu. Làm việc thì cố làm cho xong để đi chơi, để mà treo võng nằm làm thơ, nghe chim hót, ngắm nhìn cây lá trời mây... Bạch thầy, không biết đến kiếp nào con mới bằng được hai chú!

Nhà sư cười hiền lành:

- Không sao! Các con ai cũng nhìn ra được mình, thấy được mình, vậy là quý rồi. Bây giờ các con tự phê bình lẫn nhau, thầy làm chủ tọa:

Bất Ác nhanh nhẩu:

- Bạch thầy, cho con bình trước, phê sau.

- Được rồi - nhà sư gật - con cứ bình phê một cách thẳng thắn, nhưng phải ôn hòa và xây dựng.

Bất Ác "dạ" lớn tiếng rồi nhìn chú Liễu Minh, nói:

- Chú Liễu Minh thiệt tốt, bao giờ chú ấy cũng làm hết việc chứ không làm hết giờ. Việc gì nặng nhọc là chú tình nguyện làm mà không bao giờ cầu nhàu, gặt gông. Con học hành có chỗ nào không biết, chú ấy sẵn sàng chỉ vẽ một cách hoan hỷ và rất kiên nhẫn. Chú không dám phá ổ mối, không dám đốt đồng rác khi thấy có nhiều côn trùng, sâu kiến vì lòng dạ của chú ấy tử bi. Chú ấy lại tìm cách

bệnh vực con khi bị chú Bất Đạt áp chế...

Bất Đạt nói móc:

- Vậy cho nên chú mới nói thương, mới nói tốt!

Bất Ác nói:

- Không phải vậy, em chỉ nói sự thật. Còn đây là tính xấu của chú Liễu Minh, em cứ nói ra mà không sợ chú ấy giận đâu! Này nhé, áo quần chú ấy bao giờ cũng giặt rất sạch sẽ, là ủi rất thẳng thớm. Lại nữa, chú rửa mặt mất mười lăm phút! Chú ấy rửa tay mất đúng năm phút hai giây! Chú ấy cắt giũa móng tay, móng chân mất hết y chang mười phút mười lăm giây! Giường chiếu, mùng mền của chú ấy ai đụng đến, xô lệch, nhàu nát đi là chú ấy không nói gì nhưng lẳng lặng sắp xếp, đôi khi mang đi giặt, ủi lại! Thế đấy, sạch sẽ ngăn nắp vừa thôi chứ, tính tươm quá ai mà chịu cho thấu.

Nhà sư tùm tùm cười hỏi Liễu Minh:

- Con có sạch sẽ, sửa soạn nhiều quá như vậy không con?

Liễu Minh cúi đầu đáp:

- Dạ có! Nhưng Bất Ác làm sao mà tính chính xác cả phút, cả giây?

Bất Ác nói:

- Em "canh" đồng hồ! Có nhiều lần em tính rồi em ghi vào sổ hần hoi!

Bất Đạt góp ý:

- Cái tốt cái xấu của chú Liễu Minh, đồng ý là Bất Ác nhận xét rất chính xác. Bây giờ đến tôi, mong chú em cố gắng khách quan cho.

Bất Ác cười hề hề:

- Chú ấy à? Tôi nói cái xấu của chú trước, đồng ý không?

- Đồng ý!

- Này nhé! Thứ nhất, chú vun một đồng rác vừa khô vừa tươi, chú đốt rồi hô: " Nam mô vô ý chúng sanh hóa kiếp cho mau, Bô-tát Ma Ha Tát" - có hay không?

- Có!

- Thứ hai, chú phá một ổ mối rồi chú tụng: "Sabbe sattā không ra thì chết," có đúng như vậy không?

- Không chối được!

- Ngoài ra, làm cái gì là

chú làm ào ào, cúp, cuốc, rửa
gãy đều do một tay chú cả.
Em bấy tảng đá rất nặng, chú
đã không giúp một tay, lại còn
nói: “Gắng làm cho có công
đức, công đức ai nấy hưởng,
tôi xen vào làm gì,” có không?

- Đúng ngay bon!

- Phiên chủ nấu cơm, một
nhiều quá, chú đã không
lượm, không vớt, lại còn hô:
“Nam mô tế độ siêu sanh mỗi
một Bồ-tát ơi là Bồ-tát,” có
không?

Bất Đạt phì cười:

- Đâu mà chú nhớ dai
vậy?

- Sao không nhớ được!
Nấu cơm, gạo chú không vo,
nói để vậy cho có chất bổ, vi-
ta-min gì đó! Lặt rau muống,
rau má, chú rửa đại khái, lại
còn nói: “Rồi cũng dặt nước
lửa gió cả chú em ơi! Tuệ Bất
Nhã là bất cầu, bất tịnh mà,”
có không?

Bất Đạt cười hì hì:

- Tính xấu nhiều quá hè!

Bất Ác nói:

- Hôm nay, tôi phải “tổ”
chú, rồi tôi sẵn sàng để cho
chú “tổ” tôi sau. Bữa đi củi, khi
dừng bên suối, chú bắt lên
mấy con cá thiệt to, chú nói:
“Làm một bữa canh hết sảy”!
Chú bỏ mấy con cá trong bịch
ni-lông, đổ vô chút nước rồi để
bên hốc đá. Đến trưa, sức nhớ
lại, chú vội vàng xuống thả cá
ra, nhưng có hai con đã ngất
ngư, có phải vậy không?

Bất Đạt xuôi lơ:

- Giỡn chơi vậy mà, vô ý
quên thôi! Vô ý là không có
tội!

- Tâm chú muốn ăn, vô ý
gì!

Liễu Minh ngăn lại:

- Thôi chú em, hãy nói
những ưu điểm đi. Chú Bất
Đạt nhiều ưu điểm lắm đấy!

Bất Ác nói:

- Ưu điểm của chú ấy thì
em không nói, em ưa nói cái
xấu của chú ấy thôi!

- Vậy tôi nói nhé!

- Chú nói đi! Em còn
muốn “tổ” chú ấy một hồi nữa!

Liễu Minh nhìn Bất Ác rồi
cất giọng nghiêm trang:

- Tất cả công việc chùa,
từ nhỏ đến lớn, từ trong ra
ngoài, nếu không có tay chú



Bất Đạt thì không xong đâu.
Chú ấy mau mắn, nhậm lạ,
lời nói và hành động là một.
Trí chú ấy lại sáng nữa, nên
bao giờ góp bàn công chuyện
cũng biến được việc nặng trở
thành nhẹ, việc làm lâu trở
thành mau. Còn học giáo
pháp, bao giờ chú ấy cũng
đưa ra được những câu hỏi
bất ngờ, những kiến giải bất
ngờ làm cho chúng ta thấy
được bề sâu, bề rộng, bao
quát vấn đề hơn. Nóng này,
cầu thả là cái bệnh thâm căn
cổ đế của chú ấy, nhưng chú
ấy chưa làm gì hại mình, hại
người. Chưa nghe chú ấy
mắng chửi, đốp chát tay đôi
với ai. Cái cầu thả của chú ấy
cũng chưa hề làm hư một
công việc nào. Chữ viết của
chú ấy xấu nhưng văn cú, câu
kéo, chấm phẩy luôn luôn

ng nghiêm túc, đàng hoàng, biểu
hiện một cốt cách chững chạc,
biết tự trọng và biết rõ sức
học, sức tài của mình. Ngoài
ra, mọi công việc ngoại giao
khó khăn bên ngoài, như liên
hệ chính quyền, thôn xóm,
việc tiếp khách, ma chay, việc
mua, việc bán... cái gì chúng ta
cũng phải cậy nhờ chú ấy. Chú
ấy biết cách nói, biết cách
cười, biết xử sự, biết tấn thối,
biết nói dịu dàng, biết nói
cứng rắn, v.v... Quả là một tu
sĩ khó kiếm, trong chúng ta
không ai bằng chú ấy!

Nghỉ hơi một lát, Liễu
Minh tiếp:

- Bạch thầy! Chú Bất Đạt
xứng đáng làm huynh trưởng
của chúng con, đây là con nói
thật lòng. Đức mà không có trí
là ngụy đức. Trí mà không có
đức là tà trí. Cả đức cả trí chú

ấy đều có đủ hơn chúng con.

Liễu Minh trình bày những ưu điểm sâu xa của Bất Đạt làm cho Bất Ác cũng lặng ngắt. Quả vậy, tầm vóc của Bất Đạt, Bất Ác chưa nhìn ra được.

Nhà sư chậm rãi nói:

- Hồi này giờ các con chưa hề nói quá lời. Những phát biểu của các con khá toàn diện và sâu sắc. À, còn Bất Ác thì sao nhỉ?

Bất Ác lại mau mắn:

- Con thì nói làm gì! Điều xấu thì con nói rồi, còn điều tốt thì các chú ấy dành cả. Con còn bé dại, có lỗi lầm nào xin thầy và chư huynh hỷ xả bỏ qua cho. Con đang còn học ăn, học nói, học gói, học đùm mà!

Nói thế xong chú cười toe toét. Nhà sư cũng cười:

- Thôi, vậy là đủ. Bất Ác thể chứ biết nghe lời. Ăn chưa no, lo chưa tới, nhưng cũng không phải là kẻ cứng đầu. Tốt thì chưa thấy gì tốt, nhưng có nhiều cái khá, khá hơn những năm trước nhiều.

Bất Ác nở mũi:

- Chớ sao! Có tu thì có hơn chứ! Chỉ cần năm bảy kiếp nữa là em theo kịp mấy chú đây! Đừng xem thường nghe!

Bất Đạt nhún vai:

- Không dám! Rùa chạy đua hơn thỏ là chuyện có thật rồi đấy!

Đốt hương, xông trầm, đánh ba hồi chuông gia trì thì vắng vắng từ xóm làng bên dưới, tiếng pháo nổ đưa lên nghe rõ mồn một. Cả bốn thầy trò tụng kinh trong khung cảnh vắng lặng, thiêng liêng...

Lát sau họ cùng ngồi quây quần trở lại, bây giờ là dưới tượng Phật. Nhà sư ngồi kiết già yên tĩnh. Các chú lần lượt dành lễ chúc thọ, chúc sức khỏe, chúc năm mới. Nhà sư cất giọng từ hòa:

- Thôi, chúc vắn vè khách sáo như vậy mà làm gì. Thế gian họ chúc nhau như vậy quá nhiều rồi. Tài sắc lợi danh mọi người họ cần, còn chúng ta không cần. Phúc lộc thọ cuộc đời này họ mơ ước, còn chúng ta xem chúng như đốm

hoa, như bọt nước,... vậy thôi! Là tu sĩ, chúng ta sẽ chúc nhau như thế nào cho hợp với Đạo, cho hợp với giáo pháp, các con, ai biết?

Bất Đạt nói:

- Con thì chúc mau thoát khỏi khổ thôi!

Liễu Minh tiếp:

- Con thì cầu chúc sao cho khỏi rơi vào bốn ác cảnh.

Bất Ác góp ý mình:

- Con thì cầu chúc được làm người có phước hữu lậu vừa phải, có chánh kiến và trí tuệ để tu tập thêm nữa.

Nhà sư gật đầu:

- Rứa là đúng! Thầy hài lòng vì các con đã không thốt lên những lời nguyện to lớn, những câu chúc rộng không chữ nghĩa. Thoát khổ không đã ví đại rồi; khỏi rơi vào bốn ác đạo là nhập vào dòng Thánh rồi, làm người có trí tuệ là đã thấy Pháp rồi. Phát nguyện nhỏ để thực hiện, mà được cái nhỏ là đã hàm tàng cái lớn. Ví dụ trong năm qua, chúng ta đã trải qua vô vàn khó khăn, nghịch cảnh, cả tinh thần lẫn vật chất, nên đêm giao thừa, thầy đã tặng cho các con mỗi người một chữ “nhẫn” mà thôi. Trong chữ “nhẫn”, nó đầy đủ nhiều đức hạnh khác, năng sanh những thiện pháp khác,... các con còn nhớ không?

- Dạ, chúng con nhớ – cả ba cùng đáp – và năm qua chúng con đã lấy Nhẫn làm đầu!

Nhà sư đứng dậy, bước tới bước lui rồi nói:

- Năm qua, thầy không biết các con đã dụng tâm về chữ “nhẫn” đó như thế nào, nhưng quả các con đã Nhẫn hơn mấy năm trước. Thầy lưu ý các con một điều, Nhẫn, nhưng bên trong phải vắng lặng, phải tịnh định, hoặc là bên trong phải có từ, phải có xả. Thiếu định, từ, xả các con sẽ bị xung đột bởi tham và sân. Các con có biết không?

- Xin thầy cho ví dụ.

Nhà sư nghĩ ngợi một lúc:

- À, các con có khi nào để ý con thằn lằn nằm lặng lẽ để rình chụp mồi không? Nó

nằm yên, rất kiên nhẫn, rất nhẫn nại. Các con có để ý con mèo nằm thu lu trong bóng tối từ giờ này sang giờ khác để chờ bắt chuột không? Nhẫn của con thằn lằn, của con mèo là để chờ đợi món ăn của chúng ở trước mặt. Vậy, ví dụ như Liễu Minh, tâm niệm nhẫn nại là để mong cầu một an vui phía trước, một phần thưởng nào đó trong tương lai, thì coi chừng Nhẫn ấy là do sự điều động của tâm tham, là Nhẫn của mèo, của thằn lằn, liệu chừng đấy!

Liễu Minh không nóng mà toát mồ hôi, vì đúng cái Nhẫn ấy là Nhẫn của chú!

Nhà sư lại quay qua Bất Đạt:

- Con à, một người yếu đuối nọ đánh không lại kẻ si nhục mình, anh ta cúi đầu lặng thinh, nhẫn chịu. Bà hàng thịt chửi mắng không lại bà hàng cá, nên bầm gan tím ruột nuốt hận vào lòng. Kẻ yếu đuối kia có cơ hội sẽ rủ đồng bọn trả thù. Bà hàng thịt kia có cơ hội sẽ nói xóc, nói hai lưỡi, nói đâm thọc, nói cay chua đối với bà hàng cá. Nhẫn của hai bà đó là do tâm sân: Nhẫn mà cố dẫn lại cái tức khí, nuốt cái nhục vào lòng. Nhẫn ấy có lúc sẽ bùng vỡ. Bất Đạt con! Năm qua con có Nhẫn như vậy không?

Bất Đạt ngồi chết trân, đáp lí nhí:

- Dạ, có ạ!

Nhà sư cười nhẹ:

- Thầy nói rộng thêm một chút nữa. Nhẫn mà chấp tướng, Nhẫn mà thấy mình còn Nhẫn – ấy là Nhẫn của hữu vi, của nhân quả, của bản ngã. Các loại Nhẫn này thường bị điều động bởi tham hoặc sân. Vậy tốt nhất, đúng nhất, là khi Nhẫn, bên trong phải có định, có từ, có xả nhằm để hóa giải nó. Rốt ráo là phải Nhẫn với tâm Vô Ngã. Chẳng hay các con đã thấy chưa?

Bất Ác la lên:

- Thật kinh khiếp! Đúng với tâm con hết trơn! Con thấy rồi!

Liễu Minh và Bất Đạt thì lặng lẽ đưa mắt nhìn nhau, cả hai đều không ngờ cái bản ngã



nó nguy trang, nó núp bóng sâu kín như vậy!

Như đọc được ý nghĩ của Liễu Minh và Bất Đạt, nhà sư nói tiếp:

- Không phải chỉ có nhẩn nhục là nguy trang của bản ngã, mà các pháp môn tu khác cũng y như thế.

Có kẻ bồ thí mà như đầu tư một số tiền để mai sau nhận được món lãi hậu hĩ. Có kẻ giữ giới như đánh đổi một khổ hạnh để tương lai hưởng phước vật chất vô tận ở cõi trời. Có kẻ tham thiền là vì cõi người không thỏa mãn được dục vọng của họ. Với các kiểu tu ấy, với các tâm niệm ấy, đằng sau đều có ẩn bóng dáng ma quỷ, đều do tham, sân, si xúi giục. Như vậy, ngay sự tu hành mà cũng có kẻ do tham, sân, si mà tu, chớ không phải ai tu cũng tâm cầu xả ly, giải thoát cả đâu!

Nhà sư lại nhỏ giọng:

- Các con ạ! Tu hành là chuyện rất khó! Hãy thường trực nhìn ngắm tâm niệm của mình. Một chút sơ suất, một chút thiếu chính trực, tỉnh giác là ma vương nó trà trộn vào ngay; nó sẽ biến minh, biến hộ, khuê môi múa mép rất tài tình. Nó mang những nhãn hiệu, những nhãn danh, những chữ nghĩa rất là tôn quý, rất là cao đẹp, rất là thánh thiện. Nào là hạnh nguyện, nào là lợi ích chúng sanh, nào là xả kỷ vị tha.v.v... Đây là con dao hai lưỡi, là tâm địa hại mặt, là cà-sa với áo giấy lẫn lộn, là đi trên lưỡi dao cạo, là thiên đường và địa ngục, là khác chỗ về nhưng chung một đường... Giữa biển lửa ấy, thỉnh thoảng cũng có một đóa hoa sen trôi lên, nhưng dễ bị sóng đánh dập trôi đi. Vậy tốt nhất là hãy bước ra khỏi chúng, các con cứ

thầm lặng thiên lý độc hành, không để lại dấu chân, không men theo những lối mòn cố sẵn, không trưng những bằng hiệu, không đội trên đầu những vương miện thể gian... Sáng suốt và định tĩnh từng bước một, hai chân phải dõ dẫm từng tí, nhờ vậy, cái gai nào đâm là các con biết ngay, rồi từ từ mà gỡ. Lối đi ấy an toàn hơn các con ạ! Thầy kinh nghiệm gai đâm chảy máu nhiều rồi! Các con hãy xem đây là những lời chúc của Pháp nhân dịp đầu năm mới này!

Nhà sư im lặng đã lâu.

Bất Đạt cảm thán thốt lên như thơ:

- Ngọn gió hư vô đi ngang, cả trái đất đều lạnh buốt, thầy à!

Liễu Minh nói:

- Giữa thế gian hữu vi, thật khó nhìn ra chân tướng.

Bất Đạt nói:

- Bây giờ con mới hiểu "Phật nhất xích, ma nhất trượng" (Phật một thước, Ma một trượng)

Bất Đạt lại nói:

- Năm nay thầy chưa lì xì Pháp.

Nhà sư nói:

- Năm nay không cần! Thầy nhắc là các con nhớ thôi. Liễu Minh "tham" nhiều hơn "sân" nên lưu ý chuyện ăn, ngủ và cả việc sửa soạn quả nhiều cho cái thân! Bất Đạt "sân" nhiều hơn "tham", vậy nên coi chừng lửa đốt; phải tăng cường đội quân thiện pháp để canh gác thường xuyên, ấy là chánh niệm, tỉnh giác, tâm từ, tâm xả!

Hai chú đáp:

- Chúng con sẽ cố gắng!

Bất Ác nhõng nhẽo:

- Hồi hôm đến giờ, thầy dạy hai chú ấy thôi, thầy không dạy gì cho con cả.

Nhà sư cười:

- Sao lại không dạy? Tự con phải biết chứ! Chú thì tham nhiều, chú thì sân nhiều, còn con thì tham, sân, si đều nhiều cả, bằng cả hai chú ấy cộng lại! Có phải chính con đã từng thú nhận như vậy không?

Bất Ác phụng phụ:

- Nhưng con chỉ muốn thầy dạy riêng cho con một câu thôi!

- Được rồi - nhà sư nói - vậy nghe cho kỹ đây: "Hãy quán tham, sân, si như thực tướng!"

- Chết chưa? Bất Đạt nói - Thầy dạy chú cao siêu hơn chúng tôi đấy!

Bất Ác le lưỡi:

- Khó cũng rằng mà nuốt, nuốt nhưng mà có định, có tử, có xả - chứ không như ai kia là con thần lẫn, ai nọ như bà bán thịt!

Mọi người cùng cười vui.

Trà, mứt, kẹo đã hầu tàn.

Ngoài trời đã ứng sáng.

Liễu Minh chợt hỏi:

- Bạch thầy, những người bồ thí, giữ giới mong hưởng phước các cảnh trời không được sao?

- Được, nhưng phước hữu vi quá nhiều dễ bị mê đắm, dễ quên đường về!

- Còn tham thiền, mong đắc định không được sao?

- Được, nhưng vào được định dễ sinh chấp thủ, khó bước ra. Lại nữa, đắc định thường phát sanh thêm những năng lực thần thông, phép lạ, nên dễ sa ngã bởi danh và lợi lúc nào chẳng hay. Đề-Bà-Đạt-Đa đắc định, đắc ngũ thông nhưng ô nhiễm chưa tận trừ nên phạm tâm nổi lên, đã một thời phá hoại giáo hội, bị quả địa ngục rút, con không nhớ sao?

Bất Đạt nói:

- Phải hướng đến vô tham, vô sân, vô si, giác ngộ, giải thoát mới khỏi rơi vào tà đạo.

Nhà sư gật đầu:

- Đúng vậy, các con đã thông suốt mọi lẽ.

Những nghi nan đã được giải đáp. Con đường trước mặt đã phong quang, rộng rãi thênh thang. Ba chú chợt như bắt gặp một mùa xuân vĩnh cửu vừa chào đời!

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

MỘT BUỔI SÁNG Ở PHÁP VƯƠNG

(gửi Trang Chu, muộn)

rạng đông – ánh hồng nở rộ
nắng sớm sưởi ấm vòm cây
một ngày rực rỡ vươn dậy
và người nhẹ nhàng chấp cánh
vượt thoát – bay vào lãng quên
như đã trăm năm
không một dấu chân
không một di ảnh
chỉ còn những cánh hoa jacaranda tím lịm
rơi rụng trên tượng đá nứt chân
mắt đăm chiêu đãi về
bên này hay bên kia dòng đời?
nào ai biết
nào ai hay

VẬT VÃ

khi trời nhá nhem tối
tôi trèo lên trên vòm phần nộ
thấy trái đất tròn
thấy người và tôi hồi hã
vật vã như kiến tìm lối thoát
trong trò chơi vô tình của trẻ con
thấy nhân quả luân hồi
trập trùng đến chóng mặt
rồi một phút vô tâm
tôi vấp chân ngã xuống
giữa cuộc trần ai
tự mình xấu hổ

thơ

QUẢNG TÁNH
TRẦN CẨM

VIỆC MỠI SÁNG

đi ra, đi vào, đi lên, đi xuống
(kích hoạt tế bào bầm dập?
đánh thức ký ức trì trệ?
thư giãn trong hộp cá mòi?
thư giãn trong nồi cá hấp?)

mở cửa, đóng cửa
(mở, đóng cuốn sổ đen?
mở, đóng dấu ngoặc đỏ?
mở, đóng vòm trời xanh?
mở, đóng tự do mong manh?
mở, đóng rạng đông chờ đợi?)

hít vào, thở ra
(hít gió làm mây, thở ra mưa?
gom và góp mưa làm bão?
gom và góp nước làm sóng vượt đại dương?)

còn nghe hơi thở ujjayi vang dội

ĐÊM GIÓ LỚN

nửa đêm cơn gió bật dậy
uốn cong cành lá của hàng cây trong sân
gió vung vẩy hột bồ đào trên mái ngói
gió lồng lộn đánh thức chó già
trăng vụng về soi
lung linh cây khảm cầu vẩy gọi

chợt nghe tiếng trẻ thơ ú ớ
cục cưng epsilon của tôi ơi, hãy ngủ say đi nào
chậm, thở thật chậm khi vào giấc mơ toàn hảo
tận hưởng sữa thơm ngọt ngào của mẹ
hơi ấm vòng tay từ buổi sơ sinh
và câu ầu ơ dân dã chân chất nghĩa tình

BÀI THƠ NGỘ ĐẠO (悟道詩)

Thích Giác Nguyên

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Vào thuở thịnh Đường, Lục tổ Huệ Năng (慧能 638-713) sau khi đắc pháp với Ngũ tổ Hoảng Nhẫn (弘忍) và được truyền Y bát, nghe theo lời dạy của sư phụ phải ở ẩn một thời gian rồi sau mới ứng cơ giáo hóa. Ngài được Ngũ tổ đưa đến bến Cửu giang rồi chèo đò qua sông đi về phương nam, đến thôn Tào Hầu (曹候村), phủ Thiều Châu (韶州府) nương náu trong một am tranh.

Lưu Chí Lược 刘志略 là một nhà Nho chưa biết ngài kế thừa Tổ vị, thấy ngài tu khổ hạnh khiêm cung, bèn hết lòng hộ trì. Ông có một người cô ruột là Thiền ni Vô Tận Tạng (無盡藏比丘尼) không rõ ngày sanh, chỉ biết bà mất vào năm 676 sau TL. Lúc ấy Lục tổ 38 tuổi.

Ni sư người Khúc Giang, họ Lưu, xuất gia tu ở chùa Sơn Giản (山涧寺) gần thôn Tào Hầu. Về sau Ni sư làm vị đứng đầu Tỳ-khưu Ni ở Nam Hoa Thiền Tự (南华禅寺). Hằng ngày Ni sư thường tụng kinh Niết Bàn nhưng chưa rõ yếu nghĩa, bèn đem Kinh này hỏi Lục tổ Huệ Năng để nhờ ngài khai thị. Ni Sư cầm quyển kinh hỏi chữ. Tổ bảo không biết chữ nhưng cứ hỏi nghĩa, Tổ sẽ giải thích cho. Ni Sư nói: "Chữ còn chẳng biết, làm sao hiểu được nghĩa" Tổ nói: "Điều lý của chư Phật chẳng quan hệ gì với văn tự." Nghe qua lời này, Ni Sư vô cùng kinh ngạc và báo cho mọi người trong thôn rõ: "Đây là bậc liễu Đạo, chúng ta nên trân trọng cung thỉnh cúng dường."

Một hôm Ni sư lên núi dạo cảnh Xuân về, với đôi hài bên bằng dây gai lộn khắp đầu non có mây ngàn giăng phủ, để tìm mùa Xuân mà Ni sư cho rằng một cái gì đó rất đẹp, rất thơ, rất lý tưởng cho cuộc sống tu sĩ của mình. Nhưng đi suốt cả ngày tìm hoài chẳng thấy cái gì là Ý Xuân chân thật. Khi quay gót trở về, đôi hài đã rách nát, chợt nhìn thấy

cành mai trên đầu Ni sư đang nở hoa thơm ngát, Ni sư nhận ra đây cảnh Xuân trọn vẹn ngay nơi tâm mình, đâu cần phải ngao du sơn thủy mới thường thức được hương vị mùa Xuân. Lúc ấy Ni sư liền cảm tác một bài thơ "Mai Hoa" được cho là "Ngộ Đạo Thi" như sau:

終日尋春不見春，
芒鞋踏破嶺頭雲；
歸來偶把梅花嗅，
春在枝頭已十分。

**Chung nhật tầm Xuân bất kiến Xuân.
Mang hài đạp phá lãnh đầu vân.
Quy lai ngẫu bả mai hoa khứu.
Xuân tại chi đầu dĩ thập phân.**

*Trọn suốt ngày tìm chẳng thấy Xuân.
Giày gai đạp nát đỉnh mây ngàn.
Trở về bỗng thấy hương mai rộ.
Rõ thật đầu cành trọn Ý Xuân.*

Bài thơ này chúng tôi sưu tầm trên các trang mạng tiếng Hoa có nhiều lỗi sao chép thấy âm vận chữ nghĩa có phần khác biệt đôi chút:

1 近日寻春不见春，芒鞋踏遍垓头云，归来笑拈梅花嗅，春在枝头已十分。



Cận nhật tầm Xuân bất kiến Xuân. Mang hài đạp biển lũng đầu vân.

Quy lai tiểu niêm mai hoa khứ. Xuân tại chi đầu dĩ thập phân.

2 竟日寻春不见春，芒鞋踏破岭头云。归来手把梅花嗅，春在枝头已十分

Cận nhật tầm Xuân bất kiến Xuân. Mang hài đạp phá lãnh đầu vân.

Quy lai thủ bả mai hoa khứ. Xuân tại chi đầu dĩ thập phân.

3 尽日寻春不见春，芒鞋踏遍岭头云，归来笑拈梅花嗅，春在枝头已十分

Tận nhật tầm Xuân bất kiến Xuân. Mang hài đạp biển lãnh đầu vân.

Quy lai thủ bả mai hoa khứ. Xuân tại chi đầu dĩ thập phân.

4 竟日寻春不见春，芒鞋踏破岭头云，归来手把梅花嗅，枝头春意已十分。

Cận nhật tầm Xuân bất kiến Xuân. Mang hài đạp phá lãnh đầu vân.

Quy lai thủ bả mai hoa khứ. Chi đầu Xuân ý dĩ thập phân.

5 尽日寻春不见春，芒鞋踏破岭头云。归来偶把梅花嗅，春在枝头已十分...

Tận nhật tầm Xuân bất kiến Xuân. Mang hài đạp biển lãnh đầu vân.

Quy lai ngẫu bả mai hoa khứ. Xuân tại chi đầu dĩ thập phân.

Mặc dù có sự khác biệt, nhưng nội dung của bài thơ không ngoài yếu nghĩa chỉ cho chúng ta lối về Đại Đạo (phản vọng quy chơn).

Trong cuộc sống con người liên quan đến vũ trụ vận hành cứ trôi và trôi mãi, vô biên vô tận. Người ta bắt con tàu thời gian phải dừng lại một bến nào đó gọi là Xuân, Hạ, Thu, Đông. Rồi mỗi độ Xuân về, họ lại đón mừng rôm rả, hoặc thích du lịch đó đây để tìm kiếm, thưởng ngoạn mùa Xuân ở những nơi danh lam thắng cảnh hữu tình. Họ biểu lộ nét hân hoan, tươi mới của núi non hùng vĩ. Hoặc sông hồ, mây nước thanh thang, qua những ngày vui tạm bợ trong không khí dương Xuân ngẩn ngui. Hoặc hưởng thụ những bữa tiệc, rượu thịt ê hề của những sinh vật bị giết mổ trong những tiếng kêu than hận hờn ai oán. Hoặc mãi miết ham vui trăng gió bị cảnh cuốn lôi, không tự chủ được nên dễ sanh tâm loạn động tình trần. Khi Xuân qua rồi họ cũng buồn vui theo ngoại cảnh, lặn hụp giữa cuộc sống đời thường, bon chen trong vòng tục lụy. Họ chỉ thấy có mùa Xuân sanh diệt vô thường, có đến, có đi; có đưa, có đón; có mừng, có tiễn. Chứ nào ai biết: "Lá rơi là để cho cành trổ hoa."

Trong quy luật tự nhiên của đất trời, trải qua quá trình sanh-trụ-dị-diệt hoặc thành-tru-hoại-không. Đối với thời tiết phân định Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông tàng. Con người cũng theo chu kỳ sanh-lão-bệnh-tử

không ai tránh khỏi. Nếu chúng ta được tuần tự sanh rồi già, già rồi bệnh, bệnh rồi chết, như thế cũng đã là hạnh phúc lắm rồi, nhưng có biết bao người đâu dễ được vậy?

Có một phú ông đến xin Hòa thượng Tiên Nhai chữ viết để mừng thọ vào đầu Xuân. Ngài hạ bút: **Ông chết, cha chết, con chết, cháu chết, chắt chết.**

Phú ông xem qua không mấy hài lòng:

- Trời! Tôi nhờ ngài viết chúc thọ, mong được phước lành mừng Xuân, sao lại đùa giỡn như thế?

Hòa thượng từ tốn bảo:

- Chữ tôi viết có ý nghĩa tốt lắm đó. Già như con trai ông chết trước ông, chắc là ông đau khổ hết sức. Và nếu cháu nội ông chết trước con ông, thì ông và con ông cũng rất đau lòng. Nếu như nhà ông đời nào cũng chết có thứ tự như chữ tôi viết. Đó gọi là hưởng tận tuổi trời, mới thực sự hưng vượng.

Phú ông đổi buồn thành vui liền nói:

- Á! Có lý.

Thói thường ở đời, khi sanh ra thì người vui, nên họ tổ chức ăn mừng sinh nhật. Chết thì người buồn sợ, làm lễ tang ma, khóc kể thảm thiết. Khi cúng giỗ chạp gọi là kỵ. Song, sanh tử là quy luật tự nhiên. Nếu ai ai cũng hưởng tận tuổi trời theo thứ tự không phải là phước đức lớn sao?

Với năm mới, chúng ta thường chúc mừng cho nhau có thêm một tuổi, như câu đối của người xưa để lại:

Thiên tăng tuế nguyệt, nhơn tăng thọ.

Xuân đáo càn khôn, phúc đáo gia.

"Trời tăng năm tháng, người tăng thọ.

Xuân đến nhân gian, phúc đến nhà".

Điều đó chỉ là sự ước mơ và tham muốn của con người cầu mong được sống lâu và hưởng phước. Nhưng phước hay thọ đâu phải từ trời ban? Mà do chính con người biết ăn ngay ở lành, biết tu nhân tích đức, biết gieo nhân để hái quả. Tuy nhiên trong cảnh giới vô thường, duyên sanh như huyễn, không gì bền vững lâu dài. Ông bà ta đã từng nhắc nhở: "Mỗi năm mỗi tuổi, như đuổi Xuân đi," thì đâu có gì giữ mãi nét thanh xuân duyên dáng, hồn nhiên, thơ mộng như thuở ban đầu.

Đại sư Thiên Tùng (千松大師 1531—1588) thế danh Minh Đắc, hiệu Nguyệt Đình, Tổ đời thứ 28, Tông Thiên thai (天台宗) từng bảo:

今朝盡道添一歲。吾道如今減一年

Kim triều tận đạo thiên nhất tuế.

Ngô đạo như kim giảm nhất niên.

Sáng nay người bảo thêm một tuổi.

Tôi nói ngày này bớt một năm.

Quả thật như vậy, tình yêu nào rồi cũng ra đi và niềm hy vọng nào rồi cũng tan theo bọt nước. Nhưng người ta vẫn phải yêu và vẫn phải hy vọng, vì đó là lẽ sống của con người. Vì thế con người sống trong hoài vọng và khát niệm nhiều hơn là nhận rõ sự thật. Đâu phải mỗi Tết đến là được thêm một tuổi. Nào ngờ



từng sát na sanh diệt, từng bước thời gian tiến dần về hố thẳm tiêu vong! Họ cứ loanh quanh cho đời thêm mỗi mệt. Không có phút giây im lặng chịu lắng dừng để nghe tiếng thở bên trong buồng phổi và nhịp đập con tim đang nhảy múa suy cạn yếu dần. Do đó, không thể là cách thường Xuân trọn vẹn.

Trở lại Bài Thơ Ngộ Đạo, Ni sư Vô Tận Tạng muốn nhắc nhở chúng ta đi tìm Xuân chẳng khác gì đi tìm Đạo:

*"Trộn suốt ngày tìm chẳng thấy Xuân
Giày gai đạp nát đỉnh mây ngàn".*

Tâm trạng người tầm đạo cũng thế, buổi đầu thường hăm hở, đi học chỗ này, hỏi chỗ kia, tìm kiếm chỗ nọ, thấy chỗ nào có linh có nghiệm thì liền tới. Họ chạy theo phong trào tu học như chạy theo thời trang, cho rằng pháp môn này cao siêu hơn lối tu kia. Thầy kia thuyết pháp hay hơn thầy nọ, đuổi bắt ngôn từ chữ nghĩa, cố chấp theo kiến giải của mình. Mặc dù mình có Tâm Bồ đề, có Tánh Phật, có thể thành Phật, có kiến thức về giáo điển, *giải thông* về Phật pháp, nhưng cũng phải nhờ thiện hữu tri thức khai thị mới được **Tâm thông** nhận ra Chân lý.

Nhưng Chân lý là tự trải nghiệm từ tâm mình. Có trải nghiệm chúng ta mới thấu rõ các pháp vốn Như thị. Ngoài tâm không có Phật, không có Pháp, không có mùa Xuân, không có tất cả. Nếu mỗi người chúng ta đều biết dừng lại để trải nghiệm đời chút về ý nghĩa thực tại của mùa Xuân là gì? Hoặc tự hỏi, Ai tạo ra mùa Xuân? Xuân từ đâu tới? Xuân lại về đâu? Phải biết bốn mùa vận hành thay đổi là do duyên sanh của vạn vật đất trời. Trong sanh có diệt, trong diệt có sanh. Sanh rồi lại diệt, diệt rồi lại sanh. Kiếp sống con người khi trẻ, lúc già là do duyên khởi của tam thân tứ đại giả hợp, có sống phải có chết; có tươi nhuận phải héo tàn. Nhưng trong thân sanh tử này vốn có Vô vị Chân nhân, là Ông chủ không sanh không diệt, cho dù muôn duyên biến đổi, vạn kiếp vô thường, chẳng có gì làm ta sợ hãi lo âu.

Do vậy, Ni sư nhắc cho chúng ta biết Đạo, cầu Đạo không ở nơi non cao hay rừng thẳm, cũng không phải là chỗ phố chợ rộn ràng. Đạo là Pháp thân chân thật, là Tánh thể thường nhiên có sẵn nơi mỗi người chúng ta; ở

thánh không thêm, nơi phàm chẳng bớt. Chớ nhọc công hướng ngoại tìm cầu, hãy quay về chính mình thì nhận ra ngay.

"Trở về bỗng thấy hương mai rộ.

Rõ thật đầu cành trọn ý Xuân."

Hương mai là cây mơ đã trở hoa trắng tỏa hương thơm ngát vào mùa Xuân. Ý nói Tâm Bồ đề đã thuần thực sáng rõ thơm hương Tuệ giác, như cây mơ đúng thời tiết nở hoa vậy. Câu này cũng đồng nghĩa với hai câu cuối trong bài Cáo Tết Thị Chúng của Thiền sư Mãn Giác đời Lý:

Mạc vị Xuân tàn, hoa lạc tận.

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

"Chớ bảo Xuân qua hoa rụng hết,

Ngoài sân đêm trước nở cành mai".

Chớ bảo xuân qua hoa rụng hết là Pháp tánh thường nhiên.

Ngoài sân đêm trước nở cành mai là Pháp thân thường tại.

Trong Thiền sử Việt Nam có câu chuyện sau đây khá thú vị:

Nhân ngày đầu Xuân, vua Lý Nhân Tông vào núi văn cảnh, gặp Thiền sư Thiền lão bèn hỏi:

– Hòa thượng năm nay bao nhiêu tuổi rồi?

Sư đáp:

– **Đản tri kim nhật nguyệt**

Thùy thức cựu xuân thu !

"Chỉ biết hiện tại thôi,

Nằm trước nào ai nhớ!"

Sở dĩ ngài trả lời như thế là vì thiền sư đâu có sống với tâm hoài niệm về quá khứ, hoặc mơ ước ở tương lai, ngài sống ngày nay chỉ biết có ngày nay. Sống với ngày nay đó là sống với tâm sáng suốt và lặng lẽ tại đây và bây giờ, gọi là hỷ tình, hỷ giác. Nói theo kinh Kim Cang là: "Nên sanh tâm không vướng mắc" (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm).

Nhà vua hỏi tiếp: Hòa thượng ở đây làm gì?

Ngài trả lời:

– **Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh.**

Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.

"Trúc biếc hoa vàng đâu ngoại cảnh.

Trắng trong mây bạc hiện toàn chân".

Với tâm Thiền sư, mùa Đông có trúc xanh, mùa Xuân có hoa vàng, mùa Hạ có trắng trong, mùa Thu có mây bạc, không phải là ngoại cảnh phân biệt tiền trần, mà tất cả đều hiển lộ Xuân chân thường trong tánh thể bản nhiên thực tại. Đó mới gọi là Xuân bất sanh, bất diệt trong tâm mỗi người chúng ta được thể hiện qua Bài Thơ Ngộ Đạo này.

Thích Giác Nguyên

BỒN SINH MẠNG BÁM KHÚC CÂY

Ở Ba La Nại xa xưa
Trị vì là một vị vua lâu đời
Vua sinh ra một con trai
Lớn lên độc ác ít ai sánh cùng
Kiêu căng, bạo ngược, tàn hung
Khiến người hầu cận, tùy tùng không ưa
Trong triều đình, ngoài cung vua
Mọi người tránh né chàng từ lâu nay
Như xa quỷ đói quanh đây
Như xa rắn độc thường hay cắn người
Danh chàng nổi khắp mọi nơi
“Ông hoàng Ác Độc” tiếng đời tanh hôi.

*

Một hôm hoàng tử đi bơi
Tới dòng sông nọ êm xuôi sóng vàng
Nhiều người theo phục vụ chàng
Bỗng đâu giông tố phủ phàng nổi lên
Đất trời mù mịt bốn bên,
Tổ ra anh dũng vượt trên hàng đầu
Chàng ra lệnh vãi quân hầu
Theo chàng giỡn sóng há đâu sồn lòng:
“Đưa ta ra tắm giữa dòng
Tắm xong trở lại bờ sông bên này.”
Đám quân hầu kinh ngạc thay
Nhưng đành tuân lệnh chàng ngay tức thì,
Khi bơi ra giữa dòng kia
Họ ngẫm đồng ý: “Còn chi may bằng
Đây là dịp quý như vàng
Chúng ta hãy thủ tiêu hoàng tử đi,

Con người ác độc kẻ chi
Nhà vua nào có dễ gì biết ra,
Tên ác quỷ, đồ yêu ma
Thân vùi sông nước, chúng ta được nhờ.”
Nói xong là họ bắt ngờ
Dìm chàng hoàng tử rất ư bạo tàn
Xuống dòng sông cuộn sóng vàng
Bão giông găm thét âm vang hãi hùng.
Khi quay trở lại bờ sông
Mọi người vặn hỏi, họ cùng nhau thưa:
“Chúng tôi phải trở lại bờ
Chắc là hoàng tử bơi xa trước rồi
Về Ba La Nại êm xuôi
Ông bơi giỏi nhất trên đời thua ai.”
Mọi người về lại lâu đài
Khi vua cha hỏi con trai của mình
Cả đoàn vội vã tâu trình
Tưởng rằng hoàng tử về thành từ lâu,
Vua bèn tụ họp quân hầu
Đi tìm hoàng tử nào đâu thấy gì.
Lúc này ngoài bến sông kia
Gió mưa ào ạt, bốn bề tối đen
Sóng xô hoàng tử nổi chìm
Tưởng như thần chết kẻ bên bắt người
May thay tay với tới nơi
Thân cây khô nọ đang trôi giữa dòng
Chàng bèn nắm chặt chẳng buông
Khóc than sợ chết nào nùng canh thâu.

*

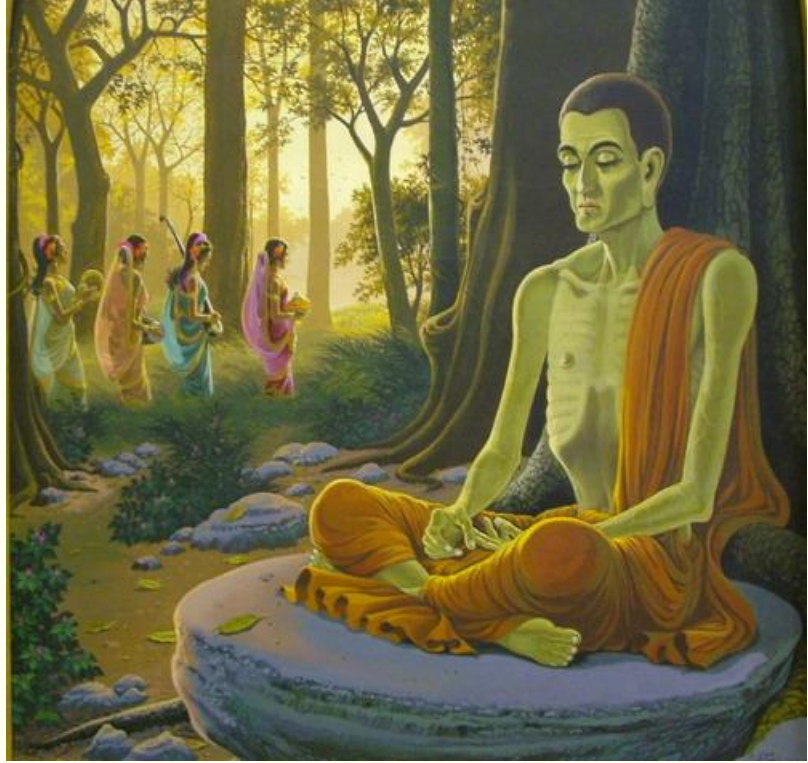
Trước đây có một nhà giàu
Ở Ba La Nại, ốm đau qua đời
Ông ta chôn giấu một nơi
Tiền vàng trị giá bốn mươi triệu đồng
Kho tàng vùi tại bờ sông
Luyện lư tài sản nên ông hóa thành
Một con rắn bò quanh quanh
Quanh nơi chôn giấu để canh chừng vàng.



Gần nơi đó có một chàng
 Chết đi cũng giấu kho tàng bờ sông
 Tiền vàng ba chục triệu đồng
 Vì tham tài sản trong vùng nói trên
 Chết rồi mà vẫn không quên
 Tái sinh làm chuột bò bên kho tàng.
 Khi trời giông tố phủ phàng,
 Rắn cùng với chuột sóng vàng cuốn trôi
 Tổ thời nước ngập mất rồi
 Cả hai sợ chết nên bơi vọt vàng
 Vừa khi hoàng tử trôi ngang
 Khúc cây khô đó giữa đường cứu nguy
 Rắn và chuột mừng kẻ chi
 Mỗi con bám lấy cây kia một đầu.
 Trên bờ sông mọc từ lâu
 Cây bông gòn nọ vươn cao lá dày
 Vẹt xanh làm tổ bao ngày
 Hôm nay bão lớn nên cây đổ nhào
 Chìm vào sóng nước thét gào
 Vẹt ta muốn trốn nhưng nào dễ bay
 Nên đành đậu lại khúc cây,
 Bốn sinh mạng bám tại đây chòng chênh
 Cùng nhau “hoàng tử triều đình
 Kề bên rắn, chuột, vẹt xanh” xuôi dòng.

*

Có ông thầy ở ven sông
 Đang tu khổ hạnh, sống trong túp lều
 Rừng khuya nghe vắng tiếng kêu
 Từ tâm nổi dậy thầy liêu cứu nguy
 Nhảy sông kéo khúc cây kia
 Vào bờ yên ổn há chi ngại ngần
 Bốn sinh mạng được an phần
 Về lều hong lửa vô ngần mừng vui
 Thầy cho sưởi ấm thân người
 Rồi cho ăn uống nghỉ ngơi tốt lành,
 Chỉ riêng hoàng tử bất bình
 Vì thầy không tiếp đãi mình ưu tiên
 Vừa bực bội, vừa muộn phiền
 Chàng ôm mộng trả thù riêng sau này.
 Sau khi khoẻ khoắn ít ngày
 Nạn nhân từ biệt ông thầy ra đi.
 Rắn thưa: “Ôn huệ khắc ghi
 Bạc vàng thầy có cần chi sau này
 Gọi con, con sẽ đến ngay.”
 Chuột thưa: “Xin nhớ ơn thầy há quên



Khi thầy cần bạc cần tiền
 Gọi con con sẽ dâng liền tạ ơn.”
 Vẹt: “Con chỉ có gạo thơm
 Họ hàng con sẽ kính dâng biếu thầy.”
 Cuối cùng từ biệt nơi đây
 Chàng kia sân hận còn đây, vẫn thưa:
 “Sau này tôi lên làm vua
 Thầy cần chi tới tôi đưa cúng dường.”

*

Bốn mùa xoay chuyển bình thường
 Ông thầy một buổi rời rừng ra đi
 Thử lòng bốn nạn nhân kia
 Xem lời ơn nghĩa còn gì hay không
 Thầy đi dọc suốt bờ sông
 Gọi tên rắn, chuột để mong giúp mình,
 Cả hai đều rất nhiệt tình
 Kho tàng chôn giấu tâm thành chỉ ngay
 Thầy đâu có nhận hôm nay
 Hẹn quay lại lấy một ngày tương lai,
 Khi thầy lên tiếng: “Vẹt ơi!”
 Vẹt bay ngay lại nhắc lời hứa xưa
 Sẵn sàng thực hiện bây giờ
 Thầy vui nói vẹt cứ chờ ít lâu.
 Cuối cùng thầy rảo bước mau
 Về kinh đô để ngõ hầu gặp vua
 Ngài đi khát thực hiển tưng
 Đi quanh đường phố để chờ vào cung.
 Chợ đâu đám rước tưng bừng

Bất ngờ đi tới vô cùng oai nghi
 Vua là hoàng tử xưa kia
 Giờ lên ngôi báu trị vì quốc gia
 Lưng voi vua cười kiêu sa
 Trang hoàng long lẫy thật là đẹp thay
 Chợt vua trông thấy dáng thầy
 Nhủ thầm: “Thuở trước tên này khinh ta
 Giờ đây không cửa không nhà
 Lang thang khắp chốn để mà ăn xin
 Về đây hẳn sẽ phao tin
 Kể công cứu giúp, gây phiền lắm đây
 Ta nên trừ khử hẳn ngay.”
 Vua ra lệnh bắt trói thầy giải đi
 Mỗi khi tới ngã tư kia
 Lại dùng chân đánh rất chi đọa đầy
 Lệnh vua: “Hãy giải tên này
 Ra ngoài thành phố phơi thầy, chặt đầu
 Làm gương cho kẻ về sau
 Xin ăn quen thói từ lâu biếng lười.”
 Quân hầu theo đúng lệnh thôi,
 Dù thân tôi tử, dù người đón đầu
 Miệng ngài chỉ nói một câu:
 “Cổ nhân đã dạy đúng sao vô cùng
 Vót cây củi mục giữa dòng
 Còn hơn vót kẻ tanh lòng, vô ơn!”
 Chung quanh dân chúng nghe than
 Cùng nhau thắc mắc hỏi han ông thầy
 Thầy bèn kể lại cho hay
 Đầu đuôi câu chuyện từ ngày cứu vua.
 Dân nghe bất mãn vô bờ
 La lên tức giận: “Ai ngờ manh tâm
 Vô ơn, độc ác, bắt nhân
 Vua mà như vậy giúp dân được gì
 Chỉ gây tai họa hiểm nguy
 Hãy mau trừ khử, còn chi mong nhờ.”
 Dân Ba La Nại bắt ngờ
 Tấn công vũ bão tên vua kia liền
 Gươm đao, gậy gộc, cung tên
 Giết vua độc ác chẳng thềm tiếc thương.
 Tôn vinh thầy làm quốc vương,
 Ngài lên cai trị bốn phương an lành.
 *
 Một ngày ngài rời kinh thành
 Về thăm bạn cũ ở quanh sông vàng

Tùy tùng theo cả một đoàn
 Rừng xanh, sóng nước âm vang tiếng ngài:
 “Rắn ơi!” rồi đến “Chuột ơi!”
 Cả hai xuất hiện. Giữ lời. Hiến dâng
 Hai kho tàng chôn ở gần
 Quốc vương ra lệnh cho quân đào về.
 Rồi ngài gọi đến vệt kia
 Vệt liền bay lại đứng kề một bên
 Thừa rằng lời hứa chẳng quên
 Họ hàng nhà vệt xin tìm gạo ngay.
 Ngài vui: “Thật tốt lành thay
 Gạo thời để đấy, hôm nay chưa cần.”
 Cả ba sinh vật quây quần
 Theo chân bạn cũ nương thân triều đình
 Quốc vương tiếp đãi nhiệt tình
 Như là khách quý của mình từ lâu.
 Quốc vương nhân hậu hàng đầu
 Giúp người nghèo khó ai đâu sánh cùng.
 Quốc vương ngự trị trong cung
 Cùng ba sinh vật sống chung suốt đời
 Luôn hòa hợp, mãi thanh thoi
 Đến khi quá vãng họ thời tái sinh
 Đi theo nghiệp của riêng mình
 Thật là tốt đẹp, hương lành thơm đưa.

*

Nhận Diện Tiền Thân

Thầy tu khổ hạnh về sau làm quốc vương
 là tiền thân Đức Phật. Hoàng tử về sau trở
 thành vua độc ác là Đề Bà Đạt Đa. Rắn là
 Xá Lợi Phất. Chuột là Mục Kiền Liên. Vệt
 là A Nan.

thơ

TÂM MINH NGÔ TÀNG GIAO

(thi hóa, phỏng dịch theo bản văn xuôi
 FOUR IN A LOG của Ven. Kurunegoda
 Piyatissa & Tod Anderson)



Bồ đề nhĩ

MỘC NHIÊN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Như thường lệ, sau giờ điểm tâm sáng, tiểu Ngọc đều ra khoảng sân rộng trước đài Quan Âm đọc truyện tranh Phật Giáo. Ngọc chọn một chỗ lý tưởng cho mình rồi nhẹ nhàng ngồi xuống với tư thế hoa sen, hít vào thật sâu và thở ra thật chậm rãi, ba lần trước khi bắt đầu đọc sách. Làm như vậy giúp lưu thông khí huyết dẫn lên não bộ để tiếp nhận thông tin tốt nhất. Đây là công việc hàng ngày của Ngọc vì là chú tiểu nhỏ nhất chùa nên không phải chấp tác.

Trời trong xanh, gió xuân hiu hiu thổi, tiểu Ngọc bắt đầu lật từng trang sách dưới gốc cây hoa anh đào. Đang chăm chú đọc từng dòng kinh, kìa thì một cơn gió nhẹ lướt qua thổi rơi cánh hoa trên cành, vô tình rơi trúng vào quyển sách trên tay của Ngọc, cảm giác tò mò trời đây, tiểu Ngọc tự hỏi: "Wow... cánh hoa thật đẹp, màu hồng phấn của cánh hoa thật tuyệt lại có mùi thơm nhẹ nữa chứ. Cơ mà cánh hoa này từ đâu bay đến đây vậy nhỉ?" Đoạn, Ngọc ngó xung quanh rồi ngược mặt nhìn lên trời. À, thì ra là cánh hoa của cây hoa anh đào rụng. Rồi tiểu Ngọc lại tự hỏi: "Sao cánh hoa này lại bị rụng trong khi những cánh hoa khác vẫn còn ở trên cành?"

Rất nhiều câu hỏi tại sao được đặt ra trong tâm trí của tiểu Ngọc. Rồi cúi mặt nhìn xuống quyển sách thì vô tình tiểu Ngọc lại lật trúng trang kinh Vô Thường. Đọc từ đầu đến đoạn viết "Vạn vật trên

thế gian này là vô thường, là biến hoại," Ngọc ngồi bứt bứt vành tai, nghiêng nghiêng cái đầu trầm tư mặc tưởng hồi lâu mà vẫn chưa thể nghiệm được câu kinh, bèn chạy vào trong chánh điện hỏi Sư phụ:

"Sư phụ à! Sư phụ uuuu!"

Sư phụ đang tọa thiền, nghe tiểu Ngọc gọi thì từ từ mở mắt hỏi:

"Con đọc hết quyển sách chưa mà sao ồn ào thế?"

"Dạ chưa, nhưng Sư phụ à! Con có điều thắc mắc: sao cánh hoa này lại rơi chỉ vì một làn gió nhẹ thổi qua vậy?"

"Cánh hoa đó đã đến đúng thời điểm phải rụng thôi con."

"Vậy sao các cánh hoa khác không rụng theo ạ?"

"Mỗi cánh hoa đều có sứ mạng riêng của nó, không có cánh hoa nào giống cánh hoa nào hết, mặc dù toàn bộ cánh hoa đều mọc ra từ một thân cây, nhưng nghiệp duyên của mỗi cánh hoa là khác nhau và cũng rơi rụng ở những thời điểm khác nhau đó con."

"Hả?" tiểu Ngọc há thật to... "Cánh hoa mà cũng có nghiệp duyên nữa sao?"

"Có chứ con. Vạn vật trên thế gian này từ con người đến ngọn cỏ lá cây đều có nghiệp và duyên như nhau. Và tất cả cũng chịu sự biến hoại như nhau, đến thời cơ chín muồi thì con người sẽ hoại và cây cỏ cũng vậy."

"A... con biết rồi. Đó là định luật vô thường phải

không Sư phụ?"

"Đúng rồi đó con."

"Con vừa mới xem qua mà không hiểu nên thỉnh sự chỉ dạy của Người đó. Trong kinh dạy: 'Đời sống luôn luôn biến chuyển và bị hủy diệt bởi vô thường' á Sư phụ. Sao lại vậy Sư phụ? Triết lý này cao siêu quá, con không hiểu."

"Không phải triết lý cao siêu mà là con còn quá nhỏ để hiểu và thể nghiệm thôi."

Với giọng nói ngọt nhẹ và trầm bổng đầy uy lực của Sư phụ, tiểu Ngọc ngay ngắn ngồi lắng nghe.

"Cũng giống Ta và con vậy, hiện giờ con vẫn còn là chú tiểu 7 tuổi thì sự biến đổi ở cơ thể con là bắt đầu phát triển lớn dần dần đến ngưỡng giới hạn nhất định. Khi tứ chi, lục phủ ngũ tạng của con đã đạt đỉnh rồi thì nó sẽ trụ ở đó một thời gian rồi quay đầu đi ngược lại, giống như con lật đồng hồ vậy. Con xem Sư phụ đây, cơ thể vật lý Ta đang vay mượn để sử dụng này được mấy mươi năm rồi và cũng chỉ được nhiều đó thôi. Nó đang hủy hoại từng chút một qua mỗi sát na đồng hồ. Da dẻ của con đang căng tràn, mịn màng, hồng hào đầy sức sống nhưng của Ta thì đã lão hóa, nhăn nheo, khô cứng và thiếu đi sức sống, sự đàn hồi. Mắt của con đang tinh tường nhìn xa trông rõ ràng như gương nhưng mắt của Ta thì mờ nhòe khi nhìn, phải nhờ đến sự giúp đỡ của cặp kính lão. Tai của con thì trong suốt khi nghe kinh nhưng Tai của Ta thì không còn nghe rõ nữa. Con

mỗi ngày tung tăng chạy nhảy nhưng Ta thì phải bước từng bước chậm chạp. Cơ thể con đang lớn dần mỗi ngày với sự dài ra của tứ chi nhưng cơ thể Ta thì các khớp xương đau nhức, cơ tay cơ chân đang tep tóp, co dãn, vân vân và vân vân."

Tiểu Ngọc ngồi chăm chú nghe Sư phụ giảng dạy, khẽ liếc nhìn lên khuôn mặt chai sạm bởi định luật vô thường của Người rồi gãi gãi cái chóp tóc mấy sợi lưa thưa. Tiểu Ngọc chưa hiểu lắm sự thay đổi vi diệu của Thành, Trụ, Hoại, Không. Chốc chốc lại thay đổi tư thế ngồi rồi lật lật trang sách như là đang chăm chỉ học hành lắm vậy. Chợt như nhận ra điều gì, tiểu Ngọc hỏi:

"Vậy nhần nheo, mắt mờ, bước đi chậm chạp rồi thì sao hở Sư phụ? Có bị rơi xuống đất như cánh hoa kia không?"

"Có chứ con. Phải như vậy thôi. Nhưng con người thì rơi theo kiểu khác. Tất cả chúng ta, ai ai rồi cũng phải về lòng đất mẹ thôi con, vì chúng ta cũng từ đất, nước, lửa, gió hợp lại mà thành nên khi bốn yếu tố chính đó hết duyên liên kết với nhau thì thân mạng này cũng sẽ trả về nơi sản xuất thôi."

Hai má phúng phính, tiểu Ngọc mếu máo nũng nịu:

"Không được, con không muốn Sư phụ rời đây, con không muốn Sư phụ rời xa con, con muốn được ở bên cạnh mãi mãi cơ," vừa nói tiểu Ngọc vừa nắm tay áo của Sư phụ lay lay trông đáng yêu lắm.

"Không được như vậy con à. Tất cả chúng sanh đều phải già, bệnh tật, và chết đi cũng giống như cánh hoa này vậy. Nó được sanh ra, già cỗi, hết chất dinh dưỡng, héo khô dần và rơi xuống trở về cát bụi thôi. Lại nữa, kinh Tăng Chi Bộ đức Phật dạy những điều bất khả thi đó là: 1. Không ai tránh được tuổi già; 2. Không ai tránh được bệnh tật; 3. Không ai có thể tránh được cái chết; 4. Không ai tránh được

sự mất mát này nọ; 5. Cái gì cũng phải có lúc kết thúc, mình tránh không được. Đây là định luật bất di bất dịch, con phải hiểu biết và quán triệt rõ ràng để thể nghiệm trong đời sống hàng ngày của con. Mỗi giây phút trôi qua đều có sự sinh diệt."

Tiểu Ngọc ngồi với vẻ mặt buồn tui nghĩu:

"Nếu sinh ra mà phải chết như thế thì sinh làm gì hở Sư phụ?"

"Là nhân là duyên của mỗi chúng sanh con ạ. Ta cũng vậy, con cũng vậy, không tránh được. Tất cả đều do nghiệp lực từ nhiều kiếp trước con đã tạo mà có tiểu Ngọc như hôm nay."

"Vậy là ai già rồi cũng phải chết hết... buồn nhì!"

"Cũng không hẳn như vậy đâu con. Có một số người chết già theo lẽ tự nhiên, số khác lại chết trẻ, khi còn thanh niên trai tráng, số khác nữa thì chết non nghĩa là chết ở trong bụng mẹ hoặc vừa sinh ra đã chết vì những nghiệp duyên khác nhau. Tất cả đều phải theo nghiệp riêng của họ đã tạo thôi."

"Vậy thì khi nào con sẽ chết hở Sư phụ?"

"Ta không biết, khi nào hết duyên hết nghiệp thì con sẽ phải trở về cát bụi thôi. Đừng lo và cũng đừng sợ gì cả. Con chỉ cần hành trì đúng giáo pháp của đức Phật thôi vì giáo pháp chính là người thầy cao thượng nhất, và là người duy nhất bảo hộ, che chở cho con đến hơi thở cuối cùng mà không sợ bị dọa lạc."

Sư phụ ngồi, có vẻ trầm ngâm một lúc rồi hỏi:

"Con biết tại sao Ta gọi con là tiểu Ngọc không? Nó có ý nghĩa to lớn đối với con đó."

"Dạ không ạ!"

"Ngọc là tượng trưng cho sự trong veo, dịu mát như nước suối thượng nguồn, là thanh khiết, và sáng suốt cả thân lẫn tâm. Thân hành đúng pháp, tâm sáng như gương để quán chiếu thân. Ngọc càng tôi luyện thì càng sáng và sắc. Con phải biết nương nhờ sự tồn tại của tâm

thức trên cái thân vật lý này để dãi bỏ những thói hư tật xấu của thế gian, mài giũa ngày đêm bằng giới luật và trau dồi trí tuệ bằng sự tinh tấn cần mẫn trong từng sát na, biết rõ vạn pháp như thật. Phải luôn luôn ghi nhớ và quán chiếu 32 thứ bất tịnh trên thân và trong thân một cách nghiêm mật cho đến khi toàn thân con trở thành viên ngọc quý. Những lời dạy này con vẫn chưa hiểu ngay được, Sư phụ hy vọng con luôn ghi nhớ ý nghĩa tên của con để duy trì sự tu hành cho mai sau. Vậy nên, con không nên sợ sự chết mà bị quan mất phương hướng, ngược lại con phải vui vẻ tiến tới vì nhờ nó là mục tiêu chính để có thêm động lực cố gắng tu tập."

"Mô Phật thưa Sư phụ con có hiểu chút chút rồi ạ. Khi trưởng thành giống như Người con sẽ noi gương Người, luôn luôn tinh tấn tu hành để viên ngọc của con mãi mãi sáng."

Sư phụ mỉm cười xoa xoa vuốt nhẹ chòm tóc trên vầng trán cao vuông vức của tiểu Ngọc rồi dõm giọng:

"Uhm! Thôi được rồi, khi trưởng thành con sẽ tự mình nghiệm ra nhiều đạo lý hơn bằng sự trải nghiệm của chính con nhé."

"Daaaa..."

Tiểu Ngọc ngoan ngoãn như con mèo nằm gọn lỏn trong lòng Sư phụ với cảm giác thật ấm áp.

Bầu trời hôm nay thật đẹp, gần 7 giờ sáng rồi mà nắng vẫn chưa chiếu rọi đến hiên chùa, gió xuân cứ hui hui thổi. Hai thầy trò tiểu Ngọc vẫn miệt mài ngồi quán sát hơi thở, hít vào - thở ra đều đặn, quán sát sự biến đổi tinh tế của dòng tâm thức và của từng tế bào trên cơ thể. Nhận biết một cách rõ ràng mọi sự biến đổi của đất, nước, lửa, gió và an vui tự tại trong từng khoảnh khắc.



The Story of Thera Tissa the Idle One

Dhammapada—Verses 280

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (280) of this book, with reference to Tissa, a lazy Bhikkhu.

Once, five hundred young men were admitted into the Order by the Buddha in Savatthi.

After receiving a subject of meditation from the Buddha, all the new Bhikkhus except one went to the forest to practice meditation. They practised zealously and vigilantly so that in due course all of them attained Arahantship. When they returned to the monastery to pay homage to him, the Buddha was very pleased and satisfied with their achievement.

Bhikkhu Tissa who stayed behind did not try hard and therefore achieved nothing.

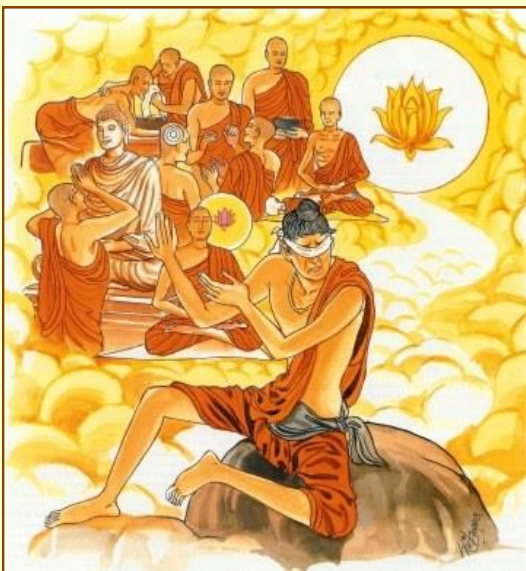
When Tissa found that the relationship between the Buddha and those Bhikkhus was very cordial and intimate, he felt rather neglected, and regretted that he had wasted all that time. So he resolved to practice meditation throughout the night. As he was walking in meditation on that night, he slipped and broke a thigh bone. Other Bhikkhus hearing his cry went to help him. On hearing about the above incident the Buddha said, "Bhikkhus, one who does not strive, when he should be striving, but idle away his time will neither attain mental absorption (jhana) nor Magga Insight."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 280: The idler who does not strive, when he should be striving, who though young and strong is given to idleness, whose thoughts are weak and wandering, will not attain Magga Insight, which can only be perceived by wisdom.

LAZY

*The one not rising, when it is time to rise;
Who though young & strong, is weak in mind,
soft in will, lazy of nature, such good-for-nothing
one never finds the path to Insight.*



Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon,
Burma 1986.

BÀI THƠ XUÂN TRÊN

Người Mẹ quét phòng
Gỡ tờ giấy trên tường vớt vào sọt rác
Bài thơ Xuân của ông lão nằm đây!
Khi xe cứu thương vừa đến hú còi
Ông lão đã ra đi về miền miên viễn
Bỏ lại đằng sau
Nhiều nỗi ưu phiền
Kể cả bài thơ Xuân trên vách
Chiếc giường trống này ngày mai thay khách
Cũng lẽ đương nhiên... vật đổi sao dời
Ông lão nằm đây năm năm bốn tháng mười ngày
Mỗi cái Tết
Có bài thơ Xuân
Giấy hồng điều chữ thảo
Năm mùa Xuân đi qua nhà dưỡng lão
Năm bài thơ đều đặn dán trên tường

Khi đợt gió Santa Ana về
Mang cái lạnh mù sương
Và hàng cây ven đường
Nở đầy hoa trắng
Là ông bắt đầu khai bút đầu Xuân
Sáng hôm sau cẩn thận dán trên tường
Khoe các bạn trong nụ cười miệng móm
Năm đầu tiên cũng có nhiều bạn đến
Sau đó thưa dần còn chỉ đứa con trai
Thường đến cuối tuần
Mang ít thức ăn ngoài
Có đôi lúc dắt theo hai cháu nội
Hai thằng cháu lú lo tiếng Mỹ
Ông nội cười... móm mém không răng
Cũng đôi lần
Ông nhờ tôi đẩy hộ chiếc xe lăn
Ra cổng đợi
Cuối tuần sao con không thấy bóng?
Ông ngồi đó mấy giờ bất động
Như pho tượng đồng buồn thảm cuối công viên

thơ

HỒ
THANH
NHÃ



TƯỜNG NHÀ DƯỠNG LÃO

*Khi gió thổi lên
Trên mái tóc bạc ru phiền
Vài cánh hoa trắng
Bay buồn hiu lả tả
Chiều xuống rồi còn chi mà đợi nữa?
Chờ sang tuần... chiều xuống lại chiều lên
Khi đẩy xe về lại hàng hiên
Tôi bắt gặp đôi hàng lệ long lanh chưa ráo
Ôi nỗi cô đơn của người già trong nhà dưỡng lão
Như câu chuyện dài áo nã đến trăm năm*

*Sáng đầu Xuân
Ông xếp gọn chiếc xe lăn
Rồi ngắm nghía bài thơ Xuân thư pháp
Khoe thằng con
Chỉ chỗ từng chữ một
Bút pháp rồng bay phượng múa mấy ai bằng?
Người con liếc qua chỉ có một lần
Rồi bận rộn xếp bánh trà kẹo mứt
Chỉ có tôi mỗi lần lên phiên trực
Là độc giả trung thành thưởng thức bài thơ Xuân*

*Thơ cũng chung chung
Ý cũng thường thường
Cũng nỗi nhớ quê hương... vùng trời kỷ niệm
Xa thật rồi từ cõi mù sương
Hoa Xuân nở trắng ven tường
Cố nhân mòn mỏi dặm đường viễn phương
Ôi nỗi nhớ đi vào câu lục bát
Có chiều dài bát ngát bóng quê hương
Tôi đứng đây
Nhìn khoảng trống trên tường
Lòng cũng trống
Như mất cái gì thân thiết
Từ sang năm cứ mỗi lần đón Tết
Chắc chẳng còn gì...
Gọi nhớ một người xưa!*

HÒ THANH NHÃ



TƯỞNG NIỆM ÂN SƯ

— Hòa Thượng *thượng* Nguyên *hạ* Trực

TN. Giới Định

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Chúng con là những học Ni của trường Phật Học Đại Tông Lâm-Ni Viện Thiện Hoà có đôi dòng tưởng niệm xin được dâng lên Giác Linh cổ Hoà Thượng Giáo thọ sư mà một thời Ni sinh chúng con đã thọ ân giáo dưỡng của Ngài.

*Kính bạch giác linh thầy,
Chiều nay trời lạnh gió
đông sang*

*Tin xa đưa đến Thầy viên
tịch*

*Một nén tâm hương xin
tiễn biệt*

*Vị Thầy giáo thọ mở khai
tâm.*

Thưa thầy! chúng con muốn được gọi những từ ngữ thân thương đó để nhớ lại những ngày mới chập chững bước chân vào ngôi trường Phật Học. Cách đây 30 năm chúng con đã đến mảnh đất Đại Tông Lâm một nơi xa xôi hẻo lánh, nắng thì cháy da cát bụi bay mù mịt, mưa thì đêm ngày rã rích sinh lầy, chung quanh là rừng tràm bao phủ, xa xa mới có vài ngôi tịnh thất nhỏ.

Năm 1989 chỉ là lớp học bổ túc giáo lý, lớp học gần chánh điện chùa Đại Tông Lâm, sau một năm mới được chính thức mở trường cơ bản Phật Học tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Chúng con, những ni sinh hồi đó còn trẻ, xa thầy tổ hay buồn tủi luôn được chư vị giáo thọ thương yêu nhắc nhở. Hình ảnh thầy thật gần gũi qua những lần làm việc chung với các vị giáo thọ trong trường. Thầy thì đập đất bùn, chúng con gánh nước đổ vào đất rồi bỏ rơm khô nhồi chung dựng phen tre làm nhà cho tăng ni ở. Chúng con đến đây chỉ là một mảnh đất trống nên mọi thứ đều phải làm từ đầu. Thầy đứng trên bục giảng, dáng người cao cao, bình dị, tiếng nói vang vang, chữ viết đầy bảng sau gần 2 giờ dạy học; tay áo, áo dài của thầy đã lấm



đầy phấn trắng, nhưng thầy vui lắm vì biết đám học trò cũng đã hiểu được thế nào là duy thức học, là bốn phần của học tăng học Ni đối với tự thân và tha nhân. Có một ni sinh nói: "Thưa Thầy vật áo Thầy bị cháy rồi." Thầy cười và nói: "Mặc cho mát con à." Những lời nói, cách sống của Thầy thật gần gũi; thương yêu tăng ni như tình của người cha thương đàn con đại. Hàng ngày thầy đạp xe đạp đi dạy, tối trường mở hôi đồ đầy trán, mùa mưa hai tay lạnh run. Ban rầy trồng có trái bí bó rau khoai đem cột sau xe, cúng dường thầy về nấu ăn cho mát; thầy cười và nói: "Ừ, mấy đứa con giỏi."

Rồi quý thầy, học trò cùng nhau kéo lên núi Thị Vải trồng tràm. Từ trường đi bộ xuống núi rất xa mà thầy trò cùng đi bộ, vừa đi thầy kể chuyện những ngày mới đặt chân vùng đất mới xây dựng chùa Từ Nhãn biết bao là gian nan vất vả, thiếu thốn mọi bề, nếu không kiên chí thì khó mà vượt qua các con à. Tuy là một vị hiệu phó của trường và làm nhiều chức vụ quan trọng trong giáo hội nhưng thầy rất gần gũi với học trò nên ai cũng cảm mến, nhưng thầy rất nghiêm nghị trong các kỳ thi trong cương vị ban giám khảo. Đến núi Thầy với tăng sinh cuốc đất chúng con đặt cây tràm xuống đất, đến giờ ăn thầy trò mỗi người một tô cơm dựa lưng bên các tảng đá mà ăn, tiếng cười nói inh ỏi của đàn con nhỏ làm thầy cũng vui theo. Không những ươm mầm trí tuệ cho việc học Phật pháp, mà thầy còn mở lớp bổ túc văn hóa tại chùa Từ Nhãn muốn các giáo viên về chùa dạy cho những tăng ni cần có trình độ thế học; vì nếu ra trường bên ngoài học một số tăng ni sẽ không có tiền đóng học phí, nên

thầy phải chạy ngược chạy xuôi lo toan mọi sự. Chúng con thích nhất mỗi năm hai lần được về chùa Từ Nhãn ăn đám giỗ ông thân bà thân của thầy. Vào ngày 3 tháng 3 là giỗ ông, ngày 10 tháng 10 là giỗ bà. Trong chiếc áo dài nâu bạc màu, đi lui đi tới thầy nói: *"Lâu lâu mới có đám giỗ được ăn ngon, ăn đi các con."* Sau khi ăn xong mỗi tăng ni sinh có thêm một phong bì đi về, ai cũng hoan hỷ mong đến ngày đó để được ăn giỗ ông bà.

Ấn tượng nhất trong tâm con về thầy là đêm 14 tháng 7 năm 1990, ngày mai là lễ Vu Lan trường tổ chức văn nghệ. Đang mùa thì trời đổ mưa ai cũng chạy tránh mưa chỉ còn duy nhất thầy ngồi lại với các diễn viên không chuyên nghiệp đang say sưa biểu diễn. Sau đó các học trò hỏi: *"Sao trời mưa mà thầy vẫn ngồi coi"* thầy nói rất đơn giản nhưng cảm động vô cùng: *"Thầy không đành bỏ đi."*

Chuyến hoằng pháp đến Mỹ lần đầu năm 2015 thầy cùng đi với thầy Nhuận Hải thăm người em ruột thịt là Hòa thượng Nguyên Trí, trụ trì chùa Bát Nhã ở California. Anh em hội ngộ sau gần 40 năm cách biệt mừng mừng tủi tủi ôm nhau khóc thật là cảm động. Lần hoằng pháp thứ hai tới Bát Nhã thấy ngôi chùa vẫn chưa phát triển thầy buồn lắm, thương bảo đệ cũng là pháp đệ nên cứ mỗi buổi sáng thầy ra chùa mới tụng kinh bái sám cầu nguyện long thần hộ pháp hộ trì ngôi phạm vũ Bát Nhã sớm viên thành. Lần hoằng pháp thứ ba qua lại thấy ngôi chùa Bát Nhã khang trang hơn, khánh thành tượng đài Đức Quán Thế Âm và cổng tam quan thầy vui lắm và nói: *"Sau này nếu bình duyên không qua được hoặc về hầu Phật tui vẫn yên lòng."* Thầy vui về hứa sẽ qua Mỹ đi tham quan bang Alaska sau khi ăn Tết xong.

Chúng con rời trường mỗi đứa đi một nơi, thầy hàng ngày vẫn đến trường dạy học khóa này đến khóa khác, như ông lái đò vẫn âm thầm đưa người qua sông. Chúng con gặp lại thầy tại chùa Bát Nhã sau thời gian dài xa cách, vẫn nụ cười hiền, vẫn những lời hỏi han thương yêu; thầy trò cùng nhau có những buổi họp mặt đáng quý đầy tình đạo vị, những buổi dã ngoại thân yêu, thầy căn dặn cần thành ý chứ vị tôn túc địa phương về những phật sự trước khi làm để không bị sai sót. Thầy ân cần hỏi thăm từng người học trò, các huynh đệ thật cảm động khi đón tiếp thầy tại các tiểu bang xa xôi của miền đông buổi giá, thầy đi cùng thầy Thánh Minh đi bằng xe hơi chứ không phải đi máy bay, thầy nói: *"Đến thăm mấy thầy mấy cô họ mừng lắm."* Thấy học trò nhiều người đã có chùa có đệ tử xuất gia tại gia làm được nhiều việc công tác phật sự cho giáo hội, cho cộng đồng thầy rất vui lòng. Chiều ngày 01 tháng 05 năm 2018 Chúng con tiễn thầy và thầy Nhuận Hải ra phi trường Los Angeles về Việt Nam, thầy vui về ăn bánh xèo, chụp nhiều hình kỷ niệm. Tuy có bình duyên nhưng thầy rất tự tại, thầy nói: *"Tuồng ăn cơm cúng mấy tháng trước, mà cũng gần rồi các con à, đi thì*

đi ở thì ở không có chi phải lo lắng phải bận lòng." Nhưng chúng con đâu ngờ đó là lần cuối cùng gặp Thầy, được nghe những lời chỉ giáo của thầy.

Rồi ngày 10 tháng 11 năm 2018 nhằm ngày 04 tháng 10 năm Mậu Tuất, lúc 10:40 phút, nghe tin thầy viên tịch, chúng con bàng hoàng xúc động vì trước đó một ngày thầy với Hòa thượng Bát Nhã nói chuyện qua điện thoại, thầy cho biết sức khỏe tốt.

Kể từ đây:

"Rừng thiền thưa thớt từ nay

Cội tùng ngã bóng về Tây xa vắng

Thầy đi để lại cho đời

Giói đức nghiêm tịnh người người kính thương."

Kính bạch giác linh Thầy!

Thôi thì, lời pháp nhủ từ đây không còn vang trên giảng đường nữa, những lời đạo từ chân thành làm ấm lòng người đã ngừng rồi, hình dáng nhà mô phạm đã đi vào cõi vô dư, nhưng đạo hạnh thanh cao, một đời nghiêm trì giới luật, một nhà giáo dục vẫn sáng ngời trong lòng của những ai đã có duyên gặp thầy. Những việc làm lời nói của thầy tuy rất đơn giản nhưng đã in đậm trong tim chúng con về một vị giáo thọ kính quý. Hàng hàng lớp lớp tăng ni thọ ân giáo dưỡng của thầy khắp nơi trên hành tinh này, xin cúi đầu hướng về tổ đình Từ Nhãn, núi Thị Vải nơi an trí long vị di ảnh của thầy đánh lễ ba lạy, chúng con xin nguyện dẫn thân làm phật sự như lời thầy thường nhắc nhở, mong chờ.

Phương xa chúng con chỉ tấm lòng

Hướng về cố quán nén tâm hương

Đánh lễ vị thầy ân giáo thọ

Tông Lâm-Ni Viện mãi khắc ghi.

Kính nguyện mười phương chư Phật phóng quang tiếp độ giác linh thầy cao đẳng phật quốc.

Kính dâng giác linh giáo thọ sư thượng Nguyên hạ Trục- Tân viên tịch thùy từ chứng giám.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Kính bái

Ni sinh: Thích Nữ Giới Định



RỒNG VẦN BAY LÊN

Tôi sinh ra từ miền đất Phương Nam
Thăng cánh cò bay một thời mở cõi.
Ngàn mây vân du
Ngàn mây vẽ lối,
Sông nước muôn trùng, bát ngát bóng chiều lam.
Cảm thức quanh tôi
Đất trời thân thiết
Tìm máu ông cha từ thuở xa xăm.

Tôi lớn lên
Theo từng trang sử nước
Biết trong tôi có dòng máu Tiên-Rồng
Phé tích thời gian,
Nhưng vẫn là mộng ước
Từ **Cổ Loa Thành**, tiếp đến **Thăng Long**.

Sử truyền
Nơi ấy ngàn năm trước
Vua nằm mộng, thấy rồng bay lên
Khí thiêng tụ lại nên hồn nước,
Thành cũng từ đây đặt lấy tên.

Triều Lý,
Rồng xưa
Bay lên từ đất Bắc
Ngót ngàn năm tươi mát quê hương.
Trời xù sở giờ đây không bóng giặc.
Muôn dân lành còn lại chuyện yêu thương.

Thời đại Việt Nam
Rồng vẫn bay lên... khắp mọi miền Tổ quốc
Trang sử Việt, vẫn sáng ngời Tộc Việt,
Mây nước thanh bình
Xanh đẹp khúc quê hương.



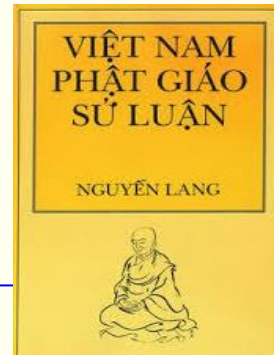
thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ

LÝ HỌC VÀ PHẬT GIÁO

(Chương XXIV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo kỳ trước)

MỘT SỐ CHỦ ĐỀ KHÁC CỦA TRÚC LÂM TÔNG CHỈ NGUYỄN THANH

Chương một về mục “Không Thanh” cho ta một ý niệm về khí vị của *Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh*. Những điểm chính của hai giáo lý Nho Phật được đưa vào trong hai mươi bốn chương của sách. Không những Hải Lượng có kiến thức về Nho học mà hai vị tăng biên tập sách là Hải Âu và Hải Hòa cũng chứng tỏ nắm vững được đạo Nho. Sau đây là một số vấn đề được nêu lên làm đề tài thiền quán:

Vấn đề giải thoát: Niết bàn là Tịch Diệt, mục đích của sự giải thoát. Tịch Diệt và vắng lặng. Tịch là sự bất động của tâm, là sự làm chủ hoàn toàn của tâm. Hải Lượng nói:

“Chuông trống ở trước mắt mà tai không loạn, lựa là trước mắt mà mắt không mờ, muôn ngàn ngựa trước mắt mà tâm không động, ấy là Tịch. “Còn Diệt? Diệt là sự dứt hết cái “tính người.” Hải Lượng nói: “Đối với đa số, cái tính trời khó làm hiển lộ cái tính người khó làm tiêu diệt cho hết. Nếu tính người mà diệt, thì mọi cảm nghĩ đều vắng lặng mà cái nhất chân tự lộ” (nhất chân tự như). “Tính người” ở đây là phiền não, mà “tính trời” là Bồ Đề; “nhất chân tự như” tức là chân như. các tác giả *Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh* vì chân như với tiếng kêu của chim Phượng Hoàng, là âm luật nơi cây đàn không dây của Đào Uyên Minh: “Chim Phượng Hoàng thường không kêu, nhưng khi kêu lên thì tất phải làm cho người ta kinh sợ. Đứng lúc chưa kêu đó tức là Tịch Nhiên Vô Thanh. Nhưng cái tiếng làm cho người ta kinh sợ kia thực đã uẩn súc trong lúc nó không kêu vậy. Cây đàn của Đào Uyên Minh không kêu mà vẫn tự đặc ở ngoài âm luật, bởi vì ý của âm luật là chỉ có thể do sự không dây mà có chứ không có thể do tiếng đàn mà có.”

Hải Âu nói: “Huyền diệu thay hai chữ tịch diệt, không huyền nào thì làm sao tịch? Không

sinh khởi thì làm sao có diệt? Huyền nào và sinh khởi là Tính người, mà tịch diệt là tính trời, so với nhân tâm và đạo tâm giống nhau. Mừng giận vinh nhục khua rồi ở trong tâm, đó là chướng ngại của tính người vậy. Nay nếu diệt được tính người thì tính trời tự khắc hiển lộ hoàn toàn. Tính trời hiển lộ hoàn toàn là định. Định chính là Tịch Diệt” (Chương 10: “Tịch Nhiên Vô Thanh”).

Làm thế nào để giải thoát, đạt đến Tịch Diệt? Trong chương 11 nói về Thuyết thanh, Hải Lượng nói rằng phương pháp của Nho là tinh nhất, còn phương pháp của Phật là tinh tiến. Giải thoát, tức là giải thoát ra khỏi ngục tù của hôn muội tối tăm. Ngục vô minh khó phá chứ không phải như những ngục tù của thế gian. Hải Lượng nói: “Vua Đế Thuấn dùng phép tinh tiến để phá ngục ấy. Phật Thích Ca dùng phép tinh tiến để phá ngục ấy. Về sau, Nhan Hồi dùng phép “khắc kỷ,” Đại Tuệ dùng phép “sát hại” để phá, tựu trung công phu cũng đều ở một chữ tinh. Tinh lực dùng để phá địa ngục là một bảo kiếm kim cương. “Hải Lượng dùng chữ Thuyết làm đề tài cho chương này, vì chữ Thuyết còn được đọc là Thuế, và có nghĩa là cởi lột, giải thoát. Bí quyết của giải thoát là “ngăn tà, giữ Thành, xa lìa Hư Vọng để phục hồi sự sáng” (ngăn tà, tồn thành, xa lìa hư vọng dĩ phục kỳ quang minh). Ngăn tà, giữ thành là giới, xa lìa hư vọng là định, và phục hồi sự sáng là tuệ.

Vấn đề nhận thức: Nhận thức chỉ được chân xác khi tư duy vắng mặt, Hải Lượng nói: “Từ lúc tỉnh mơ, ngồi để đợi sáng, đó là lúc phát tướng của vua Thành Thang. An cơm rau, uống nước lã, khoan tay mà gối, đó là lúc phát tướng của đức Khổng Phu Tử. Trong tâm chỉ có một khối thiên lý, không có một tý nhân dục xen vào cho nên càng tưởng thì càng quang minh chính đại. Đó gọi là cái Tướng của thánh hiền. Cái tướng của phần lớn chúng sinh đều vọng tưởng, cho nên trong tâm nóng nực

phiền não, càng tưởng thì càng bị lỗi” (Chương 4: “Phát tướng thanh”). Hải Lượng đi xa hơn thế. Ông nó đến thứ nhận thức mà trong đó đối tượng nhận thức và bản thể nhận thức không còn được phân biệt, tức là vô phân biệt trí trong đạo Phật. Hãy đọc đoạn văn ngộ ngĩnh sau đây:

“Đại thiên sư đang ăn mà nghen. Đồ đệ hỏi: Sư nghen có phải là vì sư đang ăn mà tưởng đến cái gì chẳng? Đáp: ta tưởng cái phi tướng, mà vì chưa đến được cái phi phi tướng nên ta nghen. Hỏi: Sư tưởng cái tướng gì? Sư đáp: Ta tưởng đến những chuyện thiên phủ, địa phủ và thủy phủ mà không có đối tượng nào xuất hiện. Ta tưởng tóc ta đang dài ra mà không thấy được tóc ta đang dài ra. Ta tưởng thấy răng và móng tay ta đang lớn lên mà không thấy răng và móng tay ta lớn lên. Còn đồ đệ ta tưởng thấy và tưởng không thấy như thế nào? Có biết rằng ta tưởng cái phi tướng mà không tưởng cái phi phi tướng, cần thấy cái phi kiến mà không cần thấy cái phi phi kiến chẳng? Và như có một vật gì trong cổ họng, các vị tướng (nhận thức) là ta nghen, nhưng không thấy được là ta thực sự có nghen hay không. Ấy là muốn thấy cái khó thấy, muốn tưởng cái phi tướng. Phật nói: Nếu lấy cái phi tướng mà tưởng, lấy cái khó thấy mà thấy, thì không thấy được Như Lai” (Chương 4 “Phát Tướng Thanh”).

Hình ảnh thật ngộ ngĩnh, nhưng các ý niệm về tướng, phi tướng, phi tướng phi phi tướng, v.v... chưa được thấu đáo. Hải Âu bổ túc cho Hải Lượng. Ông nói: “Trong một chữ tướng đã có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý và các tướng trạng của chúng sinh và thụ giả.” Hải Âu thấy rõ thế giới trước hết là thế giới của khái niệm. Bốn tướng trạng: ngã, nhân, chúng sinh và thụ giả mà Kinh Kim Cương nói đến trước hết là cái nhìn (tướng) của ta về vũ trụ và nhân sinh. Vấn đề là làm sao vượt thoát thế giới khái niệm (tướng), để đi thẳng vào thế giới thực tại (không phải tướng mà cũng không phải phi tướng).

Đề tài thiền quán thứ hai trong sách là Ấn Thanh, tiếng của sự thịnh lớn, tức là “sự sinh khởi của vạn pháp từ bản thể chân như,” là “lưỡng nghi sinh tứ tượng.”

Đáp lại câu hỏi của một nho sĩ: “Phật nói là không sinh, tại sao lại có sinh? Phật nói không diệt tại sao lại có diệt?” Hải Lượng trả lời: “Có sinh tức là không sinh, có diệt tức là không diệt.” Hải Âu nói: “Xuân đến hoa nở, thu đến hoa tàn, đó là sự sinh diệt của loài vật. Nếu tìm cho tận gốc thì tất cả đều trở về làng Hà Hữu. Khi ta mới sinh, ta là ai? Sau khi sinh, ta là ai? Cái sinh cái diệt của ta, nói cho cùng thì không thể biết chỗ tới và đi của nó. Thấy những cái có thể thấy mà không thấy cái không thể thấy, đó là cái ý chí bất sinh bất diệt vậy.”

Trong khi đó, Hải Hòa nói: “Phật nói bất sinh bất diệt trở vào đạo thể mà nói” (Chương 3: “Ấn Thanh”).

Cả Hải Lượng và Hải Âu đều lập luận rằng sự vật sở dĩ được gọi là bất sinh bất diệt, là tại vì ta đứng về phương diện bản thể hình nhi thượng của chúng. Sự đối lập bản thể và hiện tượng có vẻ rạch ròi quá. Ngày xưa Long Thọ không nói một tiếng về bản thể hình nhi thượng của sự vật mà vẫn chứng minh được tính cách bất sinh bất diệt của sự vật bằng cách nhìn ngay vào sự vật mà nói (Trung Quán Luận).

Lại trong đề tài thiền quán thứ ba, “Ngộ Thanh,” tiếng nói trong giấc ngủ, vấn đề bản chất sự vật lại được đưa ra. “Đồ đệ hỏi: Nước nào không phải là nước? Sư đáp: Thấy nước mà cho là nước, nước ấy không phải là nước thực. Hỏi: Lửa nào không phải là lửa? Đáp: Trông thấy lửa mà cho là lửa, lửa ấy không phải là lửa thực. Nước thực thì có thể nóng. Lửa thực thì có thể lạnh.” “Lý không thể theo hết, nhưng dục có thể diệt hết không? Đáp: Không diệt hết thì hết, diệt hết thì không hết.”

Ngôn ngữ ở đây có dáng dấp ngôn ngữ Bát Nhã trong kinh Kim Cương. Tiếc thay Hải Lượng đã không dùng biện chứng Trung Quán của Long Thọ để chứng minh cho điều mình nói. Câu nói: “Diệt hết thì không hết, không diệt hết thì hết” mang tính cách của quan niệm vô phân biệt và vô đặc quả là một lời nói có chất Thiền.

Vấn đề hành tàng: Đạo đức vô hành là nền tảng cho hành động. Thiếu cái vô hành thì cái hành có thể mất gốc. Vô hành là tàng, hành là ẩn. “Đạo của trời đất được chứa nơi chỗ Hà Ngộn (111), đạo của thánh nhân được chứa nơi chỗ vô vi.” Hành là Dương, còn Tàng là Âm. Hải Lượng nói: “Trời đất khéo dùng Âm, thần Phật thánh hiền khéo dùng âm. Dương là Tính mà Âm là Tĩnh. Biết Tính mới thành được Tĩnh. Trăm hoa nở bẹ vào lúc sớm mờ, muôn cây nứt màng vào khi chập tối, đó là Trời Phật khéo dùng Âm. Ngộ đạo thì truyền đăng, biết đạo thì hướng hối, đó là Thần Phật thánh hiền biết dùng Âm... Khéo dùng Âm thì Âm lại sinh Dương... người quân tử học đạo quý có âm đức, quý cho người ta được ngầm ngầm hưởng thụ điều mình ban bố” (Chương 21: “Tàng Thanh”).

Âm sinh ra Dương, Tàng hiển lộ ra Hành như thế nào? Chương 15, “Hành Thanh,” tiếng động của Hành Động, nêu rõ: “Đạo của Thánh Nhân thu kín lại thì là đạo đức mà hành hóa ra thì là sự nghiệp. Sự ẩn tàng của nó như núi non trùng điệp, nhìn mà không trông thấy; sự hiển lộ của nó như một con đường lớn mà ai cũng có thể theo đó mà đi. Những kẻ tiểu trí huệ thấy được sự hiển lộ của nó mà vận hành theo để trị nước. Bậc đại lực lượng nhân sự ẩn tàng của nó mà chủ trương việc giữ nước.” Hải Lượng nói: “Phật nhấn mạnh ở chỗ giữ nước (trị quốc), không nhấn mạnh ở chỗ trị nước (trị quốc). Đã giữ được nước thì không cần trị nước mà tự nhiên nước vẫn được trị. Nhưng nếu không phải là bậc đại hùng đại lượng như đức Thích Ca Mâu Ni thì không giữ nước được. Cho

nên phải dùng đến việc trị nước. Vì thế đức Khổng Tử phải cho vua Nghiêu, vua Thuấn, Thang, Vũ, Văn đứng vào hàng có công đầu.”

Trong hai đề tài “Hành Thanh” (Chương 15) và “Tàng Thánh” (Chương 21) Hải Lượng và các bạn đồng tu đã xác định giá trị của đạo đức vô hành, thiết lập được bằng những hình ảnh đẹp để sự liên hệ giữa đạo đức vô hành với hành động trị thế.

Ngoài ba vấn đề lớn trên, Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh còn nêu ra nhiều vấn đề khác khá quan trọng. Đạo đức vô hành không có hình dáng nhưng vẫn tác động tới vũ trụ nhân sinh, âm hưởng của nó gọi là kiến thanh, tức là âm thanh phát ra từ sự kiến tính ngộ đạo. (Chương 5: “Kiến Thanh”). Phật chủ trương “minh tâm kiến tính,” Nho chủ trương “Chính tâm thành tính,” hai giáo tuy lối về khác mà cùng hướng về một chủ đích (Chương 9: “Định Thanh”). Phật nói “Luân Hồi,” Nho nói “Tuần Hoàn,” tính cách vận hành lưu động của thời tiết và vạn vật không ai có thể chối cãi được (Chương 23: “Lưu động Thanh”). Phật và Nho đều có nói tới nhân quả và báo ứng; chữ “Tất” của Nho tương đương với chữ “Nhân quả” của Phật, bởi vì “Tích thiện chi gia tất hữu dư lương, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương” (Chương 24: “Dư Thanh”).

QUAN NIỆM THIỀN CỦA HẢI LƯỢNG VÀ CÁC BẠN

Đề tài thiền quán thứ mười ba là Khu Thanh, tiếng của then chốt. “Tâm là then chốt của vạn sự, có thể mở đóng, có thể thu lại phóng ra, vì vậy cho nên gọi là khu. Khu tức là Tâm vậy. Người ta ai cũng có Tâm, thánh nhân có tâm của thánh nhân, người thường có tâm của người thường, chỉ khác là vì tâm của thánh nhân vô ngã cho nên có thể lo cho cả thiên hạ. Tâm của người thường bị ràng buộc vào chỗ thấy nghe {chật hẹp} nên chỉ biết lo cho một mình. Ví dụ như Lão Tử nói biết trắng giữ đen, biết đục giữ cái, đó tức là lui về để giữ cái then chốt của mình vậy. Trang Tử cho sống chết ngang nhau, họa phúc là một, đó là tuyệt thánh khí trí, làm cho hư hoại cái then chốt vậy. Như vậy sao đủ để nói về nghĩa của thiền?”

“Chỉ có thánh nhân mới có thể hành thiền. Nghiêu Thuấn tồn tâm, thiên hạ bách tính lấy tâm của Nghiêu Thuấn làm tâm của mình. Bồ Tát Quan Âm thương xót chúng sinh mà công đức phổ cập tới tất cả mọi loài, đó đều là cùng



NGÔ THỜI NHẠM
(1746—1803)

*Tượng thờ Ngô Thi Nhậm trong Điện
thờ Tây Sơn Tam Kiệt (Bảo tàng
Quang Trung, Bình Định)
(vi.wikipedia.org)*

chung tâm với thiên hạ. Chung cho nên mới có thể trao truyền (112). “Nghiêu Thuấn trao truyền cho trăm vua cái tâm đó. Quan Thế Âm trao truyền cho chư Phật cũng cái tâm đó. Đức của tâm cực thịnh, lượng của tâm cực rộng; cực thịnh và cực rộng cho nên gọi là thánh nhân.”

Như vậy sự giác ngộ cái tâm chung là lý do khiến cho người thường trở thành thánh nhân, chúng sinh trở thành Phật. Tâm là then chốt, thấy tâm là giác ngộ.

Hải Lượng không quên rằng, chữ thiền là từ thiên na phiên âm của tiếng Phạn dhyana, mà vẫn cứ chơi chữ, nói Thiền là Thiện. Chữ Thiện khi đọc là Thiện thì có nghĩa là trao truyền. Trao truyền gì? Trao truyền cái tâm thánh nhân, cái tâm giác ngộ. Hải Lượng nói: “Nghiêu Thuấn lấy tâm đức mà trao truyền cho trăm vua, Bồ tát Quan Âm lấy tâm lượng mà trao truyền cho chư Phật. Bách gia chư tử sau này, lấy tâm mình

làm tâm cho nên những điều nói ra đúng thì ít mà không đúng thì nhiều.”

“Vô ngã” theo nhóm Hải Lượng là chìa khóa để mở cửa tâm, để chứng ngộ, để trao truyền. Tiếc rằng nhóm Hải Lượng không thấy cái khí chất rất thiền của câu nói Trang Tử, cho đó là tuyệt thánh khí trí. Nhóm Hải Lượng không mấy có cảm tình với Lão giáo, có lẽ vì trong thời họ, Lão giáo chỉ còn được đại diện bởi một mô hình thức phù chú, ma thuật, không những làm hư Lão giáo mà còn làm hư cả Nho giáo và Phật giáo nữa. Trong đề tài thiền quán thứ mười hai, “Nhất Thanh,” Tiếng của sự Nhất Quán, các tác giả đã đem so sánh quan niệm “Lý Vô Nhị Thập” của Nho và quan niệm “bất nhị pháp môn” của Phật, không nói gì đến Lão giáo.

CON NGƯỜI CỦA HẢI LƯỢNG

Hải Lượng là một nhà trí thức nổi tiếng vào cuối thế kỷ thứ mười tám; ông cũng là một người từng có quyền cao chức trọng. Tuy vậy, ông vẫn e ngại công trình tổng hợp Nho Phật của ông sẽ có nhiều người công kích, nhất là về phía nho gia. Cho nên ông đã rào đón trước: “Khoảng ngàn năm sau tất có người lấy việc tổng hợp Nho Thích mà nghị luận về tôi. Tuy nhiên, người biết thì sẽ không nghị luận, mà người nghị luận thì không biết. Biết mà không nghị luận, không nghị luận là một chuyện vô cùng. Không biết mà nghị luận, nghị luận cũng là một chuyện vô cùng” (Đề tài thứ 12: “Nhất Thanh”). Hải Âu và Hải Hòa viết: “Chương này



đem Nho Thích gặp gỡ một nơi, đó tức là đại thiên sư hiểu thấu cái nghĩa nhất quán mà phát ra những đại nghị luận, đại văn chương là 24 Thanh này, há phải lấy con mắt tầm thường mà nhòm ngó nổi?... Nghị luận hay không nghị luận, tóm lại đều ở trong Nhất Thanh của thiên sư ra."

Như ta đã biết, Hải Lượng chính là pháp danh của Ngô Thì Nhậm, Ngô Thì Nhậm sinh năm 1746. Ông là con của Ngô Thì Sĩ. Thuở nhỏ ông tên là Phó, tự là Hi Doãn, hiệu là Đạt Hiên. Ông đậu tiến sĩ năm 1775, và được bổ làm Đông các hiệu thư, rồi thăng chức Công bộ hữu thị lang. Vì phạm lỗi, ông bị cách chức; nhưng sau vì có công với chúa Trịnh Sâm trong việc phê Trịnh Khải nên lại được bổ dụng. Năm 1782 khi Trịnh Sâm qua đời, Trịnh Tông cướp ngôi Trịnh Cán và trị tội những người tham dự trong cuộc tranh chấp năm 1780, ông phải đi trốn, mãi cho đến năm 1786 mới được vua Lê Chiêu Thống bổ là Hộ bộ đô cấp sự trung rồi thăng hiệu thảo kiêm toàn quốc sử. Năm 1787, ông được tiến cử với vua Quang Trung, và được bổ chức Công bộ thị lang, rồi sau được thăng thượng thư và thị lang đại học sĩ. Năm 1793, vua Cảnh Thịnh cử ông làm chánh sứ sang triều Thanh cầu phong. Năm 1800 ông về ở ẩn. Năm 1803, ông và Phan Huy Ích được lệnh ra trình diện ở tổng trấn Bắc thành. Vua Gia Long sai đánh đòn hai ông tại Văn Miếu. Ngô Thì Nhậm bị đánh nặng tay cho nên chết. Năm ấy ông 57 tuổi.

Hải Lượng Ngô Thì Nhậm hình như đã có chú ý đến đạo Phật hồi còn trẻ. Hồi còn làm quan ở trấn Kinh Bắc mới trên 30 tuổi, ông đã từng dâng Phật hiệu cho cha ông là Ngô Thì Sĩ. Phật hiệu đó là "Nhị Thanh Trường Thọ Quán Tự Tại Phúc Lượng Đại Hải Chân Như Vô Tận Ý Bồ Tát." Không biết hồi đó ông Ngô Thì Sĩ đã ưa đạo Phật chưa mà con ông lại dâng Phật hiệu cho ông, bởi vì khi viết *Việt Sử Tiểu An*,

ông còn kích bác đạo Phật rất nặng.

Hải Lượng sáng tác *Tam Tổ Hành Trang* và xướng ra *Trúc Lâm Chỉ Nguyên Thanh* hồi nào? Có phải là trong những năm trốn tránh sự truy tầm của chúa Trịnh Tông nghĩa là từ 1782-1786 hay không? Có lẽ không, bởi vì hồi đó ông trốn ở nông thôn và ông soạn bộ *Xuân Thu Quán Kiến* (113). Ngô Gia Thế Phổ cũng nói rằng thời gian ông giao du với Hải Âu và Hải Hòa và viết *Tam Tổ Hành Trang* là thời gian ông "lập thiền viện Trúc Lâm tại phường Bích Câu nơi ông ở, trước thuật hành trạng ba tổ Giác Hoàng, Pháp Loa và Huyền Quang để thờ tự, và độ cho em ruột là Huyền Trai làm đệ tử đầu."

Trong thời gian trốn tránh, từ 36 đến 40 tuổi, ông không thể công nhiên mở thiền viện tại phường Bích Câu và giao thiệp với nhiều người một cách công khai như thế được. *Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh* nói rằng ngoài Hải Âu và Hải Hòa còn có hai mươi bốn người khác vừa tăng vừa tục, và Nho vừa Phật tham dự những cuộc "thiền đàm," trong đó có vị tăng Hải Tịnh. Vậy ông đã xây dựng thiền viện Trúc Lâm sau khi đã rút lui khỏi chính trường vào khoảng năm 1798 đến 1799, nhận thấy rằng cơ hội Tây Sơn đã mất. Năm 1800 ông được dân giáp Minh Triết tôn làm hậu thần và làm biển đề hiệu là "Long Biên Thành Thị đại ẩn sĩ." Chắc chắn thời gian đó là thời gian ông để thì giờ trọn vẹn cho Thiền học. Có lẽ ông cũng mặc áo thiên sư, bởi vì chương 3, "Ẩn Thanh," có đoạn: "Hải Lượng đại thiên sư, đi vân du tới trai phòng của một vị bác sĩ, vị bác sĩ cùng môn đệ mặc y phục nhà nho ra tiếp đón thiên sư." Hải Âu bàn: "Đại thiên sư đến chơi trai phòng bác sĩ, bác sĩ ăn vận y phục nhà nho ra đón đại thiên sư, tức là nói y Nho Thích cũng không phải là hai vậy."

Hải Lượng chứng tỏ là một người có suy tư độc lập, không cố chấp, không giáo điều. Điều này được chứng tỏ nhiều lần trong *Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh*. Ở Chương 1, "Không Thanh," ông chủ trương lý có thuận có nghịch, nếu không có thái độ phá chấp trước thì không thể theo Lý. Nghe nói Ngô Thì Sĩ đã tự tử vì con ông đã không nghe lời ông khuyên trong vụ án tranh nhau giữa Trịnh Tông và Trịnh Cán. Ở chương mười sáu, "Đồng Thanh," ông nói mình phải giữ lấy thân mệnh mình, không nên tự thiêu như một số các nhà sư. Ông đã không tự sát để chết theo Trịnh Cán như một số quan chức hồi đó đã làm, và đã trốn đi không cho Trịnh Tông bắt mà trị tội. Ở chương 20, "Bất Quả Thanh," ông nói ý trời không phải là Y. Y người là Y, và đất nào cũng có thánh hiền. Như là ông muốn phân bua về chuyện bỏ Lê theo Tây Sơn vậy. Cũng trong chương này ông có nói về Vận: "Trời có Vận của Trời, thánh hiền có vận của thánh hiền." Như là ông muốn chứng minh việc rút lui về Trúc Lâm thiền viện vậy.

Ông không muốn chết, dù bởi tay Trịnh

Tông hay bởi tay Nguyễn Ánh. Vì vậy ông đã đi trốn Trịnh Tông; vì vậy mà ông rút lui khỏi chính trường khi thấy vận Tây Sơn đã hết. Vậy mà ông phải chết vì Nguyễn Ánh. Ta hãy đọc đoạn sau đây trong chương 16, "Đồng Thanh," tiếng rống không, để thấy được tâm sự đó.

"Kinh Dịch sáu mươi bốn quẻ, chỉ có một quẻ khốn nói tới mệnh. Trong tám thức mà kinh Lăng Già nói đến, chỉ có Ý thức là phải đạt Niết bàn. Nho không cho người chết một cách khinh suất. Phật cũng không cho người chết một cách khinh suất. Ý thức cũng như tượng khốn là một: Khốn là nước chảy dưới ao, Ý thức là sóng cồn nổi lên mặt biển. Khốn mà chưa tới hết tính mạng là chưa xong; Ý thức mà chưa đến Niết bàn là chưa được. Bởi vậy Nho gia quý ở chỗ tinh tường của Nghĩa, chỗ thắm nhuận của Nhân, còn Phật gia thì quý ở chỗ sáng suốt của trí, chỗ cao minh của ý. Nhân nghĩa không tinh thực, trí ý không cao minh, không đạt thấu cái cửa sinh tử thì làm sao mà chế ngự được sự sinh tử của người đời? Khổng Tử là ông chủ của tính mạng, Phật Thích Ca Mâu Ni là người khách của tính mạng: cặp chủ khách này đã có từ khi trời đất khai sáng cho đến nay vậy."

(còn tiếp)

(111) "Bốn mùa vận hành, trăm vật sinh trưởng, trời có nói gì đâu?" (Tứ thời hành yên, vạn vật sinh yên, thiên hà ngôn tai?), câu nói của Khổng Tử.

(112) Chữ Thiên cũng đọc là Thiện, nghĩa là trao truyền.

(113) Trong bài tự sách này, ông viết: "Tôi gặp buổi gian nan, lánh đời đã năm năm, đem kinh Xuân Thu ra biên lục, đặt tên là Xuân Thu Quán Kiến."

(114) Phan Huy Chú (1782-1859) là tác giả *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, *Hoàng Việt Địa Dư Chí*, *Hoa Thiều ngâm lục*, *Hoa Trình Tục Ngâm* và *Dương Trình Kỳ Biên*. Sách *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* được vua Minh Mạng ban khen.

NHỮNG MÙA XƯA ĐÃ MẤT

*Tôi cố trông một lối tình vời vợi
Chón mù tâm tha thiết một mùa yêu
Cõi xa nào mờ mịt dấu cô liêu
Trong sâu thẳm lời tình xưa réo gọi*

*Người năm cũ biết có còn ngóng đợi
Một ngày về cùng năm tháng qua đi
Mùa xuân nào trong tiếc nhớ từng khi
Đã khuất trôi theo cánh đời gian khó*

*Rồi mùa xuân cứ từng năm lần lữa
Mùa trôi trôi trong tiếc nhớ âu sầu
Mùa từng mùa thêm buốt lạnh tàn hao
Tình đóng băng nơi xứ người xa lắc*

*Tháng ngày lun cho lòng ai tan tác
Vọng tình buồn trong đáy mắt ngu ngơ
Hình bóng phai theo mộng vỡ ơ thờ
Chỗ quê hương chập chùng như ảo ảnh*

*Trong tình yêu vốn có nhiều bất hạnh
Là vết thương âm ỉ giữa tâm hồn
Phận đời nào nữa chặng đã hư không
Ngoài vẫn tươi mà cõi lòng khô đắng*

*Mùa xuân về cho ngàn hoa xanh thắm
Người hân hoan nôn nả đón xuân hồng
Ai một mình quạnh quẽ giữa đêm đông
Tưởng nhớ xuân bằng mù tâm dĩ vãng!*

thơ TỪ TÚ TRINH



Ký ức một thời

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thế rồi cái ngày ấy vẫn đến, cái ngày mà không một ai trên thế gian này muốn cả, cái ngày mà mọi người luôn né tránh nói đến. Dù cho có muốn hay không muốn thì nó vẫn cứ đến. Ngày ngoại tôi ra đi về miền vĩnh viễn.

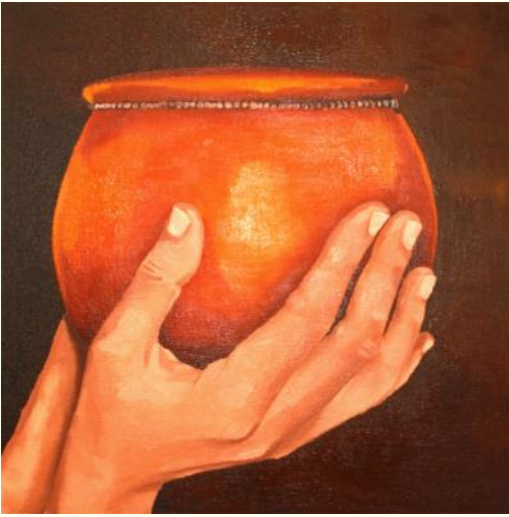
Chín mươi sáu năm bên trên cõi đời này, phần nhiều nhọc nhằn, khổ lụy. Ngoại một mình bươn chải nuôi lấy đàn con. Ngoại là người đàn bà cứng rắn và lạnh lợi. Ngay từ thời Pháp thuộc ngoại đã ra Bắc vào Nam buôn chuyển. Những chuyến hàng đường phèn, đường phổi, mạch nha... danh tiếng một thời! Cũng như những con dân nước Việt cùng thế hệ. Ngoại đã trải qua ba cuộc chiến long trời lở đất, vẫn nước lênhênh thì người dân cũng bấp bênh sống chết. Ấy vậy mà ngoại vẫn vững vàng vượt qua! Những ngày còn thơ tôi vẫn thường được ngoại dắt về ngôi nhà trên quê ngủ, trên đường đi ngang qua một Đê Bô (depot) xe lửa, ở đây có những gánh hàng rong bán quà quê nào là: chè, bánh bò, bánh bèo, sương sa, sương xáo... Tôi là đứa trẻ thích ăn vặt hơn ăn cơm nên ngoại luôn luôn ghé mua quà cho tôi ăn. Tôi vẫn thắc mắc sao không ngủ ở ngôi nhà trong thị trấn mà cứ phải về ngôi nhà trên quê để ngủ? Nhưng chẳng có ai nói rõ lý do. Sau này lớn lên tôi mới biết tại sao, tại vì ngoại chôn giấu vàng ở trong ngôi nhà đó... Ngôi nhà trên quê yên ả biết bao, hai hàng tre kéo kết mát rượi những trưa hè. Người xưa cất nhà rất khoa học, nhà nào cũng luôn

luôn có một khoảng sân ở giữa nhà vừa thoáng mát, lấy ánh sáng, lại thoát nước mưa... Ngày nay những ngôi nhà hiện đại không còn khoảng giếng trời giữa nhà tuyệt vời như vậy, kể cũng tiếc thay! Ngoại vẫn thường dạy con cái ăn chay niệm Phật. Ngoại giữ thập trai rất nghiêm túc, dù thế nào cũng không vi phạm. Những ngày rằm, mừng một ngoại lên chùa lễ Phật. Có lẽ nhờ thế mà chúng tôi lớn lên ai ai cũng tin theo Phật, có lẽ đây là cái nhân duyên ban đầu tiếp xúc Phật pháp của tôi! Tạ ơn Phật, tạ ơn ngoại!

Chín mươi sáu năm trên cõi đời này kể cũng thương thọ rồi, đời người vốn thoát có thoát không; thời gian như bóng câu qua cửa sổ. Trải qua ba cuộc chiến, trải qua những tháng năm gian khó biết bao. Nuôi cả đàn con cháu, công lao như trời bể. Ngoại ra đi tôi không về viếng ngoại được, dù lòng tha thiết muốn biết bao. Lòng tôi đau nhưng lực bất tòng tâm. Lương công nhân ngày ngày kéo thẻ không là bao, rồi thê nhi ràng buộc; với tôi còn có cái khổ hơn người khác vì nhân duyên của mình không tốt, lòng người không rộng rãi lại đa nghi... Nên đành vọng từ ngoài ngàn dặm xa xôi! Dầu biết sống chết là lẽ thường nhưng khi biết ngoại ra đi lòng không sao cầm đặt! Chín mươi sáu năm trên cõi vô thường kể cũng phù du bèo bọt nếu so với chín vạn đại kiếp! Không biết đã bao bận thay hình đổi dạng, đã bao lần tử-sanh? Chỉ có con

số là vô lượng mà thôi! Vẫn biết khứ, lai, hiện tại cùng thập phương hư không vẫn không ngoài một niệm nhưng cũng từ một niệm này mà trùng trùng vô tận duyên khởi sanh ra. Tôi ở ngoài muôn dặm, ngoại tử trong cổ quận xa xăm nhưng lòng tôi vẫn luôn có bóng hình ngoại trong tâm. Cái thần tứ đại vô cùng thô này làm sao mà vượt không gian thời gian để về viếng ngoại? Tôi lên chùa lễ Phật, quỳ dưới chân Như lai nguyện cầu Tam Bảo gia hộ ngoại. Cầu mà không cầu, ở đây không phải cầu tài lộc; ở đây cầu năng lực từ bi, trí huệ vô biên của chư Phật, chư Bồ tát, chư Thánh hiền gia hộ cho hương linh ngoại siêu thoát, tái sanh về cảnh giới an lành, tốt đẹp!

Thời gian như nước chảy, mây bay, như hoa rơi, lá rụng... Thấm thoát đã ba năm trôi qua. Không biết giờ ngoại đã tái sanh về đâu? về Tây Phương Cực lạc, cõi thiên, cõi người?... Dù về đâu thì hình bóng ngoại vẫn mãi mãi trong tâm tôi! Ngoại đã về một vùng phương ngoại, ở đây không còn những khổ đau, phiền não của một kiếp người, nhất là thân phận con người ở những nước nhược tiểu, nơi ấy bị thao túng bởi cường quyền, nơi ấy thân phận con người càng nhỏ bé hăm hiu và bất an biết là bao! Vùng phương ngoại ấy vẫn lung linh huyền diệu như có như không, vùng phương ngoại ấy cũng không ngoài tâm mà cũng là thật có! Nếu không có cái vùng phương ngoại ấy thì ta biết sống làm sao nổi với cuộc đời này, nếu



không có vùng phương ngoại ấy thì kiếp người sẽ cô đơn và khổ sở biết bao trong cõi đi về này! Thế gian này dù có rạ sao đi nữa thì vùng phương ngoại vẫn lung linh trong tâm ngoại, tâm tôi, tâm tất cả mọi người! Ngoại đã về với vùng phương ngoại ấy thì ngoại hãy yên lòng, rồi mai đây sẽ đến lượt con cháu. Mọi người sẽ lần lượt đến phiên mình; tử-sanh vốn bất tận. Phật từng cảm thán: "Sinh tử bì lao." Dù thế nào ta cũng phải sống, sống trong từng phút giây hiện tại, an lạc trong từng phút giây hiện tại. Không có ai có thể biết được khi nào sẽ đến phiên mình. Điều quan trọng là hãy sống hết mình cho hôm nay!

Thời gian như nước qua cầu, năm xưa cụ Bá Trắc từng viết: "Hồ trường nay biết rót về đâu?" Người Phật tử không uống rượu nhưng "nước xuôi làm rượu quan hà chuốc say" (thơ Phạm Thiên Thư). Nhớ thương ngoại, nhớ quê hương thiết tha, dù sống ở hải ngoại vật chất có đủ đầy đi nữa vẫn không sao xoá mờ hình ảnh cố quận trong tim tôi. Có danh nhân nào đó từng nói: "Chỉ có thể rút người ta ra ra khỏi quê hương chứ không thể rút quê hương ra khỏi trái tim người."

Hải ngoại những ngày cuối năm, người ta rộn ràng cho mùa lễ. Tôi vẫn lang thang như một người đi tìm một vùng phương ngoại nào đấy trong tâm hồn tôi! Không biết nhân duyên thế nào mà những người con nước Việt lao đao lận đận vậy? Người ở lại khổ, kẻ ra đi cũng chẳng hơn gì! Tâm tư vẫn đau đáu về cố quận xa xôi. Người con nước Việt vốn ngàn đời sống với quê hương, tổ tiên đâu có ai muốn làm viễn khách ly hương. Nhân duyên thì trùng trùng vô tận, kiếp người thì ngắn hạn, trí tuệ thì không... Vô tình khách vẫn lang thang trên nẻo đường đời, vẫn mơ về cố quận!

Ất Lăng thành, 2018

TAM GIẢ, QUẢNG TU CÚNG DƯỜNG

(Kính Tri ân Thầy Bảo-Minh)

*Lâu chưa nghe tiếng bạn hiền
Gửi hoàng hoa cúc làm duyên
Mênh mang mùa thu đang đến
Hạ đỏ bước khẽ qua thềm*

*Hạ đi mang theo nắng ấm
Sớm thu có chút mưa rơi
Lá cành tươi, hoa thêm thắm
Mang hương sắc đến cho đời*

*Chỉ là những bông hoa nhỏ
Cũng dâng tặng khắp mười phương
Bốn mùa sắc hương gửi hết
Buông, chẳng còn gì vẩn vương*

*Như hoa xin cũng gắng buông
Hết vui, buồn, giận, yêu thương
Lợi danh, ganh đua, phiền muộn
Nhẹ voi bớt nổi đoạn trường*

*Đường đời thênh thang muôn hướng
Lòng bình an chẳng tơ vương
Ngày ngày giữ Tâm thanh tịnh
Là pháp cao-quý cúng-dường.*

Nam Mô Phổ Hiền Hạnh Nguyên Bồ Tát

thơ **TUỆ NHA**

2018

CHÁNH NGŨ TRONG PHẬT GIÁO

TÂM MINH Ngô Tăng Giao

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Ý kiến hay sự kiện

Trước khi đề cập tới “chánh ngữ” cần phân biệt sự khác biệt giữa lời phát biểu thuộc dạng bày tỏ “ý kiến” hay phát biểu về “sự kiện”.

Ý kiến (opinion): Khi đưa ra cái nhận xét, đánh giá về một sự vật, một con người, hay một hành động thì đó được gọi là “ý kiến”. Thí dụ một nhân vật trong cộng đồng, có người ca tụng là giỏi giang và khiêm tốn. Nhưng lại có người chê là tầm thường và hám danh. Lời bày tỏ ý kiến của hai người trên hoàn toàn khác nhau, không dễ chứng minh được là đúng hoặc sai.

Sự kiện (fact): là khái niệm về một sự thật và có thể chứng minh được là đúng hay sai. Thí dụ một người đi kiểm việc làm tự khai là có bằng kỹ sư và đã làm giám đốc nhiều năm. Sự kiện này có thể kiểm chứng được nhờ vào việc xuất trình bằng cấp và giấy tờ của cơ sở cũ nơi đương sự làm việc.

Phi báng và vu khống

Về mặt pháp luật thời với quyền “Tự do ngôn luận” người ta có quyền phát biểu “ý kiến” dù không đúng hay quá đáng cũng có thể được miễn trách, nếu không nêu lên các sự kiện thật thiết khác mang tính chất “phi báng và vu khống”.

Tùy theo hình luật của từng quốc gia, tội “phi báng và vu khống” thường gồm những yếu tố: 1. Phải là hành động phổ biến những tin tức, nói ra những điều giả dối, không đúng sự thật về một người khác; 2. Lời nói giả dối đó làm tổn hại thanh danh, uy tín người khác; 3. Đặc biệt là phải được loan truyền, được phổ biến ra công chúng một cách công khai khiến người thứ ba nghe được.

Tội “phi báng và vu khống” có khi chỉ bị kiện ra tòa về mặt “dân sự”, có khi lại bị kiện về “hình sự”. Nếu bị xếp vào loại hình sự thì hậu quả là kẻ phạm tội có thể bị tuyên phán ở tù một thời gian, bị phạt tiền, bị phạt hình phạt thử thách (probation), bị phạt phải làm công

tác cộng đồng, làm việc nặng (hard labor) hay phải viết thư xin lỗi v.v...

Thông thường người lập lại và loan truyền tin đồn thất thiệt có tính phi báng và vu khống cũng phải chịu trách nhiệm về tội này y như người đầu tiên tung ra tin đồn này.

Nguyên đơn thắng kiện có thể được bồi thường, gồm có các loại: 1. “Thiệt hại đặc biệt” (tiền luật sư, bác sĩ, thuốc men, tiền lương bị khấu trừ...); 2. “Thiệt hại hiện thực” nhưng có tính cách “tổng quát” (chẳng hạn nỗi đau tinh thần, tổn hại tới uy tín...); 3. “Thiệt hại phỏng đoán” (dù rằng nguyên đơn có thể không có chứng cứ gì cụ thể). 4. “Thiệt hại trừng phạt” hay “thiệt hại làm gương”...

Tội phi báng, nhục mạ hay vu khống, vu cáo theo pháp luật của Việt Nam kể cả trước hay sau năm 1975 đều là một tội hình sự.

Chánh ngữ trong Phật giáo

Vượt ra ngoài phạm vi pháp lý có lẽ tôn giáo nào cũng dạy con người phải nói lời chân thật, tránh dối trá. Những lời nói dịu dàng làm đẹp lòng người nghe là những điều rất cần thiết để tô hồng cuộc sống trong cái cõi ta bà này vì lời nói có một ảnh hưởng vô cùng quan trọng không những đối với đời sống hạnh phúc của mỗi cá nhân mà còn có thể định đoạt được cả sự an nguy của xã hội, bảo tồn sự đoàn kết giữ cho xã hội được ổn cố.

Trong Phật giáo các từ ngữ như “chánh ngữ” và “ái ngữ” luôn luôn được đề cập tới để khuyên dạy các Phật tử khi sử dụng tự do ngôn luận. Người Tây tạng có câu: “*Lời nói không mang gươm giáo, nhưng có thể làm thương tổn trái tim*” nên bước quan trọng nhất để phát triển chánh ngữ là suy nghĩ kỹ trước khi nói hay viết.

Chánh ngữ (Samma vaca) là: 1. Không dối trá; 2. Không nói lời mang nhiếc mạ lỵ khiến người khác đau lòng hay tổn thương; 3. Không thêu dệt thêm bớt để chia rẽ hay đá phá; 4. Không nói lời nhảm nhí vô ích.

Hãy phân tích thấu đáo hơn về bốn đặc tính của Chánh ngữ:

Không dối trá: là luôn chân chính trung thực, nói sự thật. Đức Phật dạy chúng ta, đừng bao giờ nói dối đầu vì lợi ích của bản thân, hay lợi ích của ai đó, hay vì bất cứ sự lợi ích gì. Chúng sinh nên tránh "*vọng ngữ*". Không nên nói không đúng sự thật, chuyện có nói không, chuyện không nói có. Không vu oan giá họa cho ai. Nhất là kẻ học Đạo, nếu nói dối rằng mình đã chứng quả Thánh, hay đắc đạo để cho người kính phục, sùng bái mình, thì sẽ mắc tội đại vọng ngữ, bị đọa vào ba đường ác.

Không nói lời mang nhĩe mạ lỵ khiến người khác đau lòng hay tổn thương: không xúc phạm bằng lời nói hung ác, xiên xỏ, nguyên rủa, nói lời kiêu căng, chỉ trích nặng lời, lời nói cộc cằn, thô lỗ. Lời nói là một công cụ đầy quyền lực có thể được dùng cho việc tốt hay việc xấu. Đức Phật đã so sánh lời nói với một cái búa:

"Mỗi người sinh ra đời được sinh ra với cái búa trong miệng. Kẻ ngu dùng những lời thô tục là tự làm mình và người khác bị thương bằng cái búa đó."

Nên nói lời hoà nhã, dịu dàng, hiền hậu, toàn là lời đạo đức, tử bi, lợi lạc cho tất cả chúng sinh, ai nghe cũng hân hoan, kính trọng.

3. **Không thù ghét thêm bớt để chia rẽ hay đả phá:** tránh dùng "*tà ngữ*" với ác tâm. Không nói lời hai lưỡi, đồn xóc hai đầu, làm cho hai người khác ghét nhau, thù nhau. Không được nói lời thù ghét, thêm bớt, nói châm chọc làm cho người nghe buồn phiền và khởi tà niệm. Không được xui bảo người khác nói các điều như trên. Không đứng trung gian gây ác cảm cho hai đảng thù oán, cho đối bên sẵn hận đấu tranh. Khi thấy người khác nói những lời không đẹp ấy thì phải khuyên can:

"Lưỡi là một vũ khí không có xương bị dính giữa hai hàm răng."

4. **Không nói lời nhảm nhí vô ích:** Không nói chuyện phù phiếm, vô nghĩa hay u mê vì chúng làm quấy động sự yên tĩnh và định tâm. Nói sau lưng người (gossip) là tà ngữ, không cần biết những gì chúng ta nói về người đó có đúng hay không.

Ngũ Giới

Chánh ngữ được đề cập tới trong "*ngũ giới*" là năm giới. Đối với người tại gia, Đức

Phật khuyên giữ năm giới đó là: "1. Không sát sinh; 2. Không nói dối; 3. Không trộm cắp; 4. Không tà dâm; 5. Không uống rượu say sưa."

Giới là hàng rào ngăn cấm những việc xấu của Thân (việc làm), Khẩu (lời nói), Ý (ý nghĩ). Năm giới là năm thành trì ngăn chặn cho chúng ta đừng đi vào đường ác, là năm hàng rào cản cho chúng ta khỏi rơi vào vực sâu tội lỗi và tương lai sẽ hưởng được quả báo tốt đẹp. Năm giới không những đưa người mạnh tiến trên đường giải thoát khỏi vòng, sinh tử luân hồi, và giải thoát khỏi, phiền não khổ đau mà còn đem lại trật tự, an vui, hòa bình cho gia đình, quốc gia, xã hội nữa.

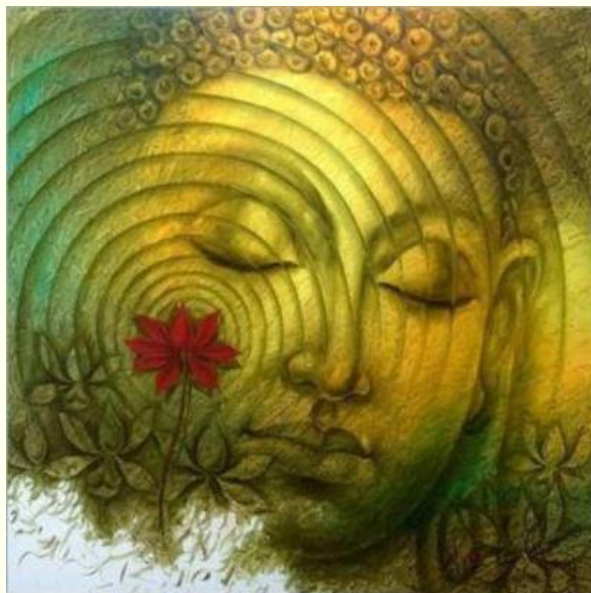
Trong ngũ giới thời giới thứ hai là không nói dối. Giới này khuyên người Phật Tử tại gia chân chánh, không nên dùng lời nói để lợi mình hại người, khủng bố tinh thần người khác, vì đó là "*vọng ngữ*", "*tà ngữ*" hay "*ác ngữ*". Chỉ nên dùng lời nói để lợi mình lợi người, gọi là "*chánh ngữ*", dù người đó là người thân hay kẻ thù. Khi dùng lời nói dối để hại người khác, tâm của chính mình, chắc chắn biến động, làm cho công phu, tu tâm dưỡng tánh, từ bao lâu nay, trở nên vô ích mà lại tạo ra "khẩu nghiệp"! Phật tử cần giữ giới này vì đạo Phật là đạo của sự thật nên phải tôn trọng sự thật, vì nuôi dưỡng lòng từ bi, người Phật tử phải tránh sự dối trá lừa gạt.

Trong Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, Phật bảo Tôn Giả A Nan: "*Người ta sinh ra ở đời, họa tử trong miệng mà sinh ra, nên phải giữ gìn cửa miệng hơn cả lửa mạnh, vì lửa mạnh có đốt cháy cũng chỉ đốt cháy một đời này mà thôi, còn như nói ác sẽ đốt cháy trong vô số kiếp. Lửa chỉ đốt cháy nhà cửa, của cải của thế gian, còn lời nói ác đốt cháy bảy thứ của cải của Thánh nhân. Vì thế, này A Nan, chúng sanh họa tử trong miệng mà sinh ra, miệng lưỡi thực là búa sắc tự bổ vào mình, là cái họa để tự diệt mình."*

Bát Chánh Đạo

Chánh ngữ cũng được đề cập tới trong "Bát Chánh Đạo", trong chân lý thứ tư của Tứ Diệu Đế. Tứ Diệu Đế là bốn chân lý cao cả, là gốc cơ bản của Phật Giáo. Trong Tứ Diệu Đế thì chân lý thứ tư là **Đạo Đế**, chân lý về con đường dẫn đến diệt khổ.

Bát Chánh Đạo gồm tám điều chân chánh, là con đường đúng đắn, đưa chúng sanh đến chỗ giác ngộ và giải thoát khỏi khổ. Tám điều đó là:





1. *Chính kiến* (thầy biết chân chính); 2. *Chính tư duy* (suy nghĩ chơn chính); 3. *Chính ngữ* (nói năng chân chính); 4. *Chính nghiệp* (hành động chân chính); 5. *Chính mạng* (chính mệnh, nghề sống chân chính); 6. *Chính tinh tấn* (gắng làm chân chính); 7. *Chính niệm* (nhớ nghĩ đạo chân chính); 8. *Chính định* (nhập thiền định chân chính, vô lậu và thanh tịnh).

Trong ba phép tu tập: tu Giới (shila), tu Định (samatha) và tu Tuệ (prajna) trong Bát Chánh Đạo thì chánh ngữ thuộc vào lãnh vực tu Giới và được định nghĩa như sau, như đã ghi trong Tương Ưng Bộ Kinh: “*Thế nào là chánh ngữ? Đó là từ bỏ nói dối, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm*”. Đó là về mặt tiêu cực. Về mặt tích cực, Đức Phật cũng dạy rằng chúng ta phải cố gắng tu tập để có những lời nói chân thật, trung thực, ôn hòa và lợi ích.

Kinh Hoa Nghiêm

Trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: “*Các đệ tử! Các người nên bỏ lời nói dối, thường nói lời chơn thiết, lời chắc chắn, dù là trong mộng cũng chẳng nên nói dối.*”

Và: “*Không nên nói lời vô nghĩa. Phải giữ gìn lời nói. Lời nói phải chân thật, đúng lúc, hợp Chánh pháp, ích lợi cho mình và cho người*”.

Lời nói phải đúng lúc, tức là phải phù hợp với hoàn cảnh (khế cơ) khi nói. Điều này đòi chúng ta phải biết đối tượng mà mình đang nói là ai? Họ đang ở trong hoàn cảnh và có trình độ nhận thức ở mức độ nào? Nếu không, dù lời nói đúng sự thật cũng trở thành phi pháp. Vì vậy mà đức Phật căn dặn các thầy Tỳ kheo phải biết: “*Nói năng như Chánh pháp, im lặng như chánh pháp*”

Kinh Pháp Cú

Khi Đại đức A Nan bạch hỏi Đức Phật về những việc làm của chư Phật quá khứ trong những ngày giới, Đức Phật giảng rằng tất cả chư Phật đều dạy ba câu sau đây (được ghi lại trong Kinh Pháp Cú, khuyên nên tránh lời nhục mạ, phi báng):

(185) “*Chớ nên phi báng một ai
Đừng gây tổn hại cho người xung quanh
Giữ gìn giới luật nghiêm minh
Uống ăn chừng mực cho thành thói quen
Lánh riêng sống chỗ tịnh yên
Chuyên tu thiền định, hưởng miền thanh cao
Lời chư Phật dạy lành sao!*”

Đại đức Mục Kiền Liên hỏi thăm nhiều vị Trời nhờ công đức gì mà được tái sinh vào cảnh Trời. Các vị này kể ra các hành động xem như có vẻ không quan trọng là “chân thật, nhẫn nại và bố thí”. Đức Phật giải thích là các hạnh đó tuy nhỏ vẫn có thể dẫn đến các cõi Trời (được ghi lại trong Kinh Pháp Cú, khuyên không nên nói dối):

(224) “*Nói lời chân thật luôn luôn,
Dẹp cơn nóng giận đôi hồn khó coi,
Dù ta có ít của thôi
Cũng chia bố thí cho người đến xin,
Nhờ ba việc tốt lành trên
Đưa ta đến cõi chư thiên, cõi trời.*”

Trong Kinh Pháp Cú Đức Phật cũng khuyên không nên nói sai, nói ác mà nên nói lành, nói thiện, phải chế phục khẩu nghiệp:

(232) “*Giữ gìn kiểm soát Lời người
Đừng vì nóng giận để rồi nói sai
Lời đừng nói ác, hại ai
Nói lành, nói thiện miệt mài tu thân.*”

Còn thêm rất nhiều lời dạy của Đức Phật về chánh ngữ...

1. Trong kinh Lời Nói (Tăng Chi 5.198): Đức Phật giảng 5 yếu tố của một lời nói thiện lành trong đó có ghi cần nói đúng sự thật: “*Bậc thiện tri thức nói một lời phải dựa trên sự thật, không ngụy biện, không lừa dối*” và phải nói lời đem đến lợi ích “*Lời nói phải có mục đích và ý nghĩa của nó, dù là lời chân thật nhưng không có mục đích đem lại lợi ích cho ai, thì đó cũng chỉ là lời nói nhảm, vô dụng.*”

2. Trong kinh số 58, (Trung Bộ), có ghi lời Đức Phật trả lời Vương tử Vô Uy, “*Lời nói nào Như Lai biết không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai không nói lời nói ấy.*”

3. Trong Kinh A Hàm, Đức Phật lại dạy: “*Tâm khẩu như nhất*”. Nghĩa là: “*Tâm khẩu không khác*”. Tâm nghĩ sao, miệng nói vậy. Khi miệng thường nói tốt, tâm nên nghĩ tốt. Như vậy, mới được an lạc, mới đúng là người tu đạo. Ngược lại, tâm nghĩ một đằng, miệng nói một nẻo, miệng nói như vậy, tâm không như vậy, dù có hình tướng nào, cũng là người dối trá, giả mạo mà thôi.

4. Tứ Nhiếp Pháp: Trong 4 phương pháp nhiếp thụ, 4 phương pháp thực hành để dẫn dắt chúng sinh tin theo chính đạo có ghi “*Ái ngữ*”. Đây là lời khuyên nên theo căn tính chúng sinh, nói ra những lời nói hiền lành, dịu hòa và an ủi họ, do đó họ sinh tâm thân ái, tin theo chính đạo.

5. Thập Thiện Nghiệp: Nghiệp có thể

chia ra ba tánh cách: lành, dữ, hoặc không lành không dữ (vô ký). Những loại nghiệp này do ba chỗ phát khởi là Thân, Khẩu và Ý. Những nghiệp dữ về Khẩu có bốn thứ là: "Nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác".

Ngược lại Thập Thiện Nghiệp là Mười Nghiệp Lành: "1. Không nói dối; 2. Không nói thêu dệt; 3. Không nói lưỡi hai chiều; 4. Không nói lời hung ác." Lành, theo đạo Phật, nghĩa là có lợi ích cho chúng sinh trong hiện tại cũng như trong tương lai. Không nói dối được giải thích là không nói sai sự thật như:

"Không thấy nói thấy, thấy nói không thấy."

"Nghe nói không nghe, không nghe nói nghe."

"Biết nói không biết, không biết nói biết."

"Biết trái nói phải, biết phải nói trái."

6. Lục Hòa: Để trong một đoàn thể luôn luôn được sự hòa hợp đức Phật nói ra "Lục Hòa" là sáu pháp hòa kính với mục đích đem lại sự an hòa cho mọi người, để sống theo lời Phật dạy, tinh tấn trên đường xây dựng và giải thoát. Trong sáu pháp đó có "Khẩu hòa vô tránh" tức là miệng hòa, không cãi cọ nhau, luôn luôn nói lời hòa dịu, lợi ích, tụng Kinh, niệm Phật, tán dương công đức Phật.

7. Mười Bốn Điều Răn Của Phật: nội dung của bản văn này được nhiều người xem như đã được trích ra từ những ý tưởng trong kinh Phật. Trong điều răn thứ 2 ghi là: "Ngu dốt lớn nhất của đời người là dối trá."

8. Nói Rỡ Chơi: Có người cho rằng nói dối để lừa phỉnh chơi, thì không hại gì. Thật ra, sự nói dối ấy vẫn có hại, vì nó làm cho ta quen với thói xấu ấy, và làm cho người xung quanh không tin ở lời nói của ta nữa, dù đôi khi ta nói thật.

Trong Kinh Hoa Nghiêm Phật dạy: *"Các đệ tử! Các con nên bỏ những lời vô nghĩa, thường tự giữ gìn lời nói; nói phải biết thời, nói phải thuận pháp. Những lời nói ngoài việc lợi ích cho người, dù là nói chơi cũng không nên nói."*

Trong Kinh Di Giáo Đức Phật cấm hý luận. Không nên nói rờn chơi: *"Bất hý luận."*

Sau vụ khủng bố ngày 11-9-2011 tại Hoa kỳ, luật hàng không đã được bổ sung, ai nói đùa trên máy bay có bom, hoặc khủng bố v.v... chẳng những bị phạt mà còn có thể ở tù vài năm. Theo luật an ninh, khi có người loan tin hoặc báo cáo có bom, nguy hiểm đến tính



mạng, máy bay không được cất cánh, nếu đã cất cánh phải đáp ngay lập tức.

9. Trong Kinh Di Giáo, Đức Phật còn dạy: *"Không nên quan tâm chuyện thế gian. Không nên loan truyền các tin đồn."* Bởi vì, các chuyện thế gian, thường là những chuyện, nhân ngã thị phi, không rõ phải quấy đúng sai, tranh chấp hơn thua, thường không căn cứ, không có xác thực, không đáng tin cậy, khó kiểm chứng được, có thể làm hại thanh danh người khác. Những chuyện này thảy đều làm cho, tâm trí con người, bất an, dao động, chỉ có hại, chẳng ích lợi gì! Chúng ta không cần, phung phí thì giờ, một cách vô ích, để đi دنبال chính, những lời đồn đãi, sai lạc hoàn toàn, nếu như hoàn

cảnh, không bị bắt buộc, phải làm sáng tỏ.

Nhiều hình thức bị coi là nói dối

1. Nói dối bằng cách im lặng: Cũng có khi chúng ta được hỏi một câu hỏi mà thái độ im lặng cũng hàm ý là một sự trả lời. Nếu sự im lặng của chúng ta phản ánh một điều sai sự thật thì đó là nói dối. Thí dụ, người ta điều tra ở một nơi vừa xảy ra án mạng hỏi đám đông đứng quanh là có ai nhìn thấy gì không. Nếu ai chứng kiến vụ án mạng nhưng lại giữ im lặng không nói gì thì sự im lặng đó bị coi là nói dối.

2. Nói dối bằng ngôn ngữ của thân: Đôi khi một cái nhún vai hay nhíu mày có thể bị hiểu lầm là *"Tôi không biết"*, nhưng nếu bạn thực sự biết, thì cái nhún vai của bạn là một sự dối trá. Ngôn ngữ cũng có thể biểu lộ bằng thân, thí dụ như khi đưa lên ngón tay cái lên là hoan hô nhưng nếu chỉ đưa ngón tay giữa lên là chửi bới v.v...

3. Buộc tội oan và khai man: là hai hình thức khác của lời nói dối mà Đức Phật khuyên các đệ tử nên tránh vì sẽ gây tai họa cho bản thân người nói cũng như những người xung quanh.

4. Hứa suông: Đức Phật xếp những kẻ khéo miệng hay hứa suông chỉ nhằm đạt được lợi lộc cho bản thân cũng là một hình thức nói dối. Hoặc người có khả năng giúp đỡ bạn, nhưng viện đủ lý do để thoái thác cũng thuộc loại nói dối (Trường Bộ Kinh).

5. Giả danh: Giả danh đưa ra những thông tin sai lệch về trình độ chuyên môn, khả năng, thành tích, đức hạnh hay thói phồn về mức độ chứng đạt tâm linh hầu đạt được những lợi lộc mà bản thân họ không xứng đáng được hưởng. Giả danh này cũng là một hình thức nói dối.

6. Nhân chứng: Khi bạn được hỏi làm nhân chứng để nói những gì bạn biết. Nếu biết, thì nói, "Tôi biết"; nếu không biết, thì nói, "Tôi không biết"; không thấy, thì nói, "Tôi không thấy"; nếu thấy, thì nói, "Tôi thấy". Không cố ý nói sai sự thật vì ích lợi của mình hay của ai đó, hay cho những lợi ích tầm thường trong thế gian.

Đôi khi cần nói lời không thật

Tuy nhiên cũng có những trường hợp sự thật cần phải được giữ kín vì nếu nói ra có thể làm hại người khác. Như vậy là thực hành hạnh Từ Bi. Nói dối, chỉ trong trường hợp để cứu khổ độ nguy cho người và vật mới không phạm tội. Thí dụ một bác sĩ biết người bệnh sắp chết nhưng không nên nói thật với bệnh nhân điều này.

Hoà thượng Thích Thanh Từ dạy: "Trừ trường hợp vì lợi người lợi vật, không nỡ nói thật để người bị hại hoặc khổ đau, do lòng nhân cứu người cứu vật nói sai sự thật mà không phạm."

Đức Đạt Lai Lạt Ma từng lên tiếng rằng: "...Đức Phật cấm quý Sư không được nói dối. Ví dụ một vị Tỳ kheo phát nguyện luôn luôn nói sự thật, nhưng khi thấy một con nai đang chạy ngang qua khu rừng. Thành linh gặp anh thợ săn đến hỏi quý Sư có trông thấy con nai ở đâu không? Mặc dù luật Đức Phật cấm vị Tăng không được nói vọng ngữ, nhưng vì muốn cứu mạng sống chủ nai vàng cho nên lúc bấy giờ Sư đã trả lời: 'Tôi không thấy con nai nào chạy qua đây cả...'" (Ocean of Wisdom).

Một thí dụ khác là khi Đức Phật nói với bà Gotami rằng đứa con đã chết của bà sẽ được làm sống lại, nhưng để chữa trị cho đứa bé, Đức Phật bảo bà phải tìm đem về một nắm hạt cải từ một gia đình chưa bao giờ có người chết. Đức Phật sử dụng chính điều không thật này như là một hảo ý để trị hoãn việc nói lên sự thật. Phương cách này đã giúp bà Gotami dần dần tỉnh ngộ và chấp nhận cái chết của đứa con.

Thái độ của Phật Tử khi bị phỉ báng và vu khống

1. Nhẫn nhục: Khinh rẻ, phỉ báng, nguyên rủa là thói thường của thế gian. Cả những người đạo cao đức trọng, trong sạch cũng có thể bị chỉ trích, chê bai, vu oan v.v... Chính Đức Phật cũng từng bị phỉ báng và vu khống. Nên nhớ rằng trên đời này không ai tránh khỏi bị khiển trách, bị chê bai, khó tránh khỏi miệng thế gian. Trong tương lai và trong hiện tại cũng chưa hề có người nào bị tất cả mọi người chê bai hay được tất cả mọi người khen ngợi. Đúng như lời Đức Phật dạy trong Kinh Pháp Cú:

(227) "Người con Phật hãy nghe đây
Chuyện không phải chỉ đời này mà thôi
Từ đời xưa đã nói rồi:

'Làm thịnh thời sẽ có người chê bai,
Nói nhiều cũng bị chê hoài,

*Dù cho nói ít cũng người chê thôi'.
Làm người không bị chê cười
Thực là chuyện khó ở nơi cõi trần."*

(228) "Ở đời toàn bị chê bai
Hay toàn nghe tiếng người ngoài khen ta
Từ xưa chẳng thấy xảy ra,
Tìm trong hiện tại thật là khó sao,
Tương lai cũng chẳng có nào."

Nhưng vì bị chê bai mà nổi sân thời tai hại vô cùng vì lúc nóng giận thì con người không còn đủ bình tĩnh để tự kiểm soát hành vi và ngôn ngữ của mình. Khi sân hận phát khởi, nó có khả năng hủy hoại công đức và tâm an lạc.

Kinh Hoa Nghiêm có nói: "*Một niệm lòng sân hận nổi lên, thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở ra.*" Và: "*Một đốm lửa sân, có thể đốt hết muôn mẫu rừng công đức.*"

Đức Phật khuyên: "Hãy từ bỏ nóng giận thì phiền não sẽ không đến với các người."

Kinh Tăng Chi khi nói đến sức mạnh có 8 loại. Trong đó loại thứ 8 "sức mạnh của sa môn là nhẫn nhục."

Kinh Di Giáo: "*Kẻ nào không thể tiếp nhận cái độc nhục mạ một cách hoan hỷ như uống nước cam lộ kẻ ấy không thể được ca tụng là người nhập đạo có trí.*"

Vài vị tỳ kheo thường nặng lời lăng mạ một vị khác và vị này trả lời lại. Đức Phật khuyên các thầy không nên gây thù trả oán và Ngài giảng dạy về sự lợi ích của người biết giữ im lặng trước những lời lăng mạ của kẻ khác như ghi trong Kinh Pháp Cú:

(134) "Nếu mà người giữ lặng yên
Như chuông bể nứt im lìm chẳng vang
Trước lời ác độc phủ phàng
Niết Bàn người đã thành thang bước vào:
Chẳng còn sân hận chút nào."

Đức Phật dạy rằng con người cũng có thể tạo cho mình tiềm lực vật chất, nghị lực tinh thần, lòng kiên nhẫn và sức mạnh, chẳng khác một con voi chiến lâm trận, bình thân vững tiến giữa làn tên mũi đạn, sẵn sàng và thản nhiên hứng chịu những lời phỉ báng và vu khống. Luyện được lòng nhẫn nhục mới là khó như ghi trong Kinh Pháp Cú:

(320) "Như voi ra trước trận tiền
Luôn luôn hứng chịu cung tên bắn mình
Như Lai nhẫn nhục tu hành
Chịu điều phỉ báng cũng đành lòng thôi,
Sống vô tư cách lắm người
Xa điều giới luật, ghét nơi cửa thiền."

(321) "Luyện voi dự hội, tài thay
Luyện voi vua cưới cũng hay vô cùng,
Nhưng mà nếu luyện được lòng
Luôn luôn nhẫn nhục, chẳng còn nổi sân
Khi nghe phỉ báng bản thân
Mới là điều luyện, muôn phần tài hơn."



Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng từng dạy: *"Hãy cảm ơn kẻ thù của quý vị vì họ là những vị thầy quan trọng nhất của mình. Họ tập cho quý vị đương đầu với khổ đau và phát huy sự nhẫn nhục, sự bao dung và lòng từ bi. Họ không chờ đợi bất cứ một sự hồi đáp nào."* (108 perles de sagesse du Dalai-Lama pour parvenir à la sérénité).

2. Tâm xả: Trước 8 ngọn gió trong giông tố của cuộc đời ("bát phong"), giữa những thăng trầm của thế sự làm tâm con người dao động chao đảo là *"thành hay bại, được hay mất, khen hay chê, hạnh phúc hay đau khổ"*. Đức Phật dạy các Phật tử nên luôn luôn giữ Tâm thản nhiên, bình thản bằng cách hành tâm xả thì sẽ được vững chắc như tảng đá lớn sừng sững giữa trời.

Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật có dạy: *"Như ngọn núi vững vàng. Trong phong ba bão táp. Người trí cũng như vậy. Bình thản trước khen chê"*.

Đức Phật dạy (trong "Túc sanh truyện"): *"Trong hạnh phúc, trong đau khổ, lúc thăng, lúc trầm, ta phải giữ tâm như đất. Cũng như trên đất ta có thể vất bất cứ vật gì, dù chua dù ngọt, dù sạch dù dơ, đất vẫn thản nhiên. Đất không giận cũng không thương."* Hiểu được như vậy, hành được như vậy, chính là pháp môn, tu theo hạnh "Xả", một trong Tứ Vô Lượng Tâm của đạo Phật, gồm có: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

3. Oan ức không cần biện bạch: Điều thứ mười trong "Mười điều tâm niệm" dạy rằng: *"Oan ức không cần biện bạch, vì biện bạch là nhân ngã chưa xả. Hãy lấy oan ức làm cửa ngõ đạo hạnh"*.

Vì biện bạch là nhân quả chưa tiêu, oán thù lại càng tăng thêm. Bởi vì con người kiếp trước tạo ít phước báo, gây nhiều nghiệp báo, cho nên kiếp này mới gặp nhiều điều oan ức. Cho nên không cần phải than trách gì cả. Chỉ cần tích cực tu tâm dưỡng tánh, cần cố gắng làm phước nhiều hơn, cố tránh đừng gieo tiếng oán, đừng loan truyền tin đồn, đừng vu oan giả họa, đừng làm đau khổ cho người khác, dù cho đó là

kẻ thù của mình, kẻ mình không ưa cũng vậy.

Nhìn được như vậy chúng tỏ chúng ta không còn chấp "mình nhận chịu khổ đau", không còn chấp "người tạo đau khổ cho mình", tức là chúng ta đã thấu rõ và hành được "giáo lý vô ngã" của đạo Phật. Trong giáo lý vô ngã của đạo Phật, không có cái gì là "Ta", nên không có gì là "của Ta". Được như vậy, oan ức chính là cửa ngõ tiến vào con đường đạo hạnh.

"Mặc tẩn": lời giáo huấn cuối cùng của đức Phật.

Lúc Đức Phật sắp nhập Niết bàn. Thầy A Nan nghe nói òa lên khóc, Đức Phật an ủi và khuyên bảo thầy A Nan là không nên quyến luyến hình hài, vì hữu hình hữu hoại là lẽ đương nhiên. Thầy A Nan quỳ xuống hỏi Phật: *"Làm sao điều phục kẻ dữ? Khi gặp những Tỳ kheo, cư sĩ và một số người có tính xấu ác, chúng con phải xử lý như thế nào?"*

Đức Phật dạy rằng: *"Điều đó rất dễ, các ông nên dùng phép Mặc Tẩn. Mặc là không nói chuyện với họ, Tẩn là không để ý đến họ nữa."*

Điều này có nghĩa là khi gặp phải những người có tính xấu ác, thì để điều phục kẻ dữ ta nên làm lơ đừng giao thiệp cái vĩa, dùng định lực chẳng để cho họ xoay chuyển. Gặp những hạng người này thì không nên nói chuyện với họ, hãy giữ im lặng, không để ý đến họ, tự họ sẽ rút lui.

Theo Từ điển Phật Quang: Mặc tẩn (默摈): *"Chúng tăng giữ thái độ im lặng, không chuyện trò giao du là phương thức trừng phạt vị tì khư vi phạm giới luật mà không chịu sự điều phục."*

*

Để chấm dứt về đề tài "Chánh Ngữ Trong Phật Giáo" xin ghi lại đây lời Hòa thượng Thích Thanh Từ dạy về "Ngũ Giới" trong "Bước đầu học Phật": *"Nói lời trái với sự thật để mưu cầu lợi mình, hoặc hại người là nói dối. Do động cơ tham lam ác độc, sự kiện xảy ra thế này lại nói thế khác, sửa trái làm mặt, đổi phải thành quấy, khiến người mắc họa. Người nói như thế trái với đạo đức, mất cả lòng nhân, không xứng đáng là một Phật tử. Phật tử là người đạo đức nên ăn nói có mẫu mực, thấy biết thế nào nói thẳng thế ấy, không điều xảo dối trá... Không nói dối là giữ lòng tin đối với mọi người xung quanh."*

Hòa thượng cũng nói về nghiệp ác là một động cơ của luân hồi: *"Miệng ưa nói lời dối trá, lời ác độc, lời ly gián, lời thêu dệt, là nghiệp ác của miệng vì những lời nói này khiến người nghi ngờ bức tức đau khổ mang tai họa, nên hiện tại hoặc vị lai mình cũng phải nhận lấy hậu quả đau khổ ấy."*

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

Một cuộc chiến thắng vinh dự

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Trong Ấn Độ Dương, cách chừng hàng chục dặm về phía nam bờ biển Ấn Độ, có một hòn đảo khổng lồ. Đó là đảo Tích Lan. Người ta gọi là đảo SinhGaLa (Singhaladvipa) vì người chinh phục đảo ấy là anh hùng SinhGaLa.

SinhGaLa là con trai một người lái buôn giàu có. Chàng rất được nuông chiều. Cha chàng thì trông mong chàng ngày sau trở thành một người sung sướng, sống yên thân trong đồng tiền của lớn lao, nhưng mộng của chàng lại khác. Chàng thích phiêu lưu, thám du đến những đất nước xa xôi. Bể khơi sóng gió và chân trời mới lạ thúc dục chàng SinhGaLa khẩn khoản nhiều phen mới xin được cha vượt bể cả cùng với một đoàn lái buôn hơn năm trăm người.

Đoàn thuyền tiến về hướng Nam định sẽ ghé lại miền đất nào mà họ trông thấy trước nhất. Bỗng một chiều kia, một trận bão nổi lên dữ dội và đoàn thuyền bị sóng đánh tan từng mảnh. Trong tai nạn khủng khiếp này, một số người may mắn bám được vào các mảnh ván thuyền và trôi được vào bờ. Trong số này, có chàng thanh niên SinhGaLa.

Một đoàn thiếu nữ ra tận bờ biển đón tiếp họ rất nồng hậu. Mỗi người đàn ông được mời về một nhà riêng, ở đó có một thiếu nữ chăm lo săn sóc ân cần, âu yếm như đối với người thân yêu nhất. Các thiếu nữ tha thiết mời họ mãi ở lại đây. Những ngày

đầu, những người đàn ông bị nạn đều lo an dưỡng cho lại sức và lúc thanh thoi là lúc tâm trí họ hướng về quê hương, gia đình mà họ không biết bao giờ gặp lại. Nhưng rồi thời gian đã đổi thay lòng họ. Họ thấy quen lẩn với cây cỏ nước non, với sự thân mật quyến rũ của các người đàn bà đẹp. Họ chịu thay những bộ áo cũ để khoác những chiếc áo choàng bằng lụa mới, bắt đầu đòi hỏi những món ăn ngon rồi dần dà họ sống chung thành gia đình với những người đàn bà đến đón tiếp họ trong những cuộc vui say đắm. Tháng ngày lần qua, lần qua, nhiều cặp vợ chồng đã sinh hạ con cái.

Trong cảnh sống mới này, mọi việc đều do đàn bà đảm đương. Các người đàn ông được nghỉ ngơi dạo chơi thỏa thích. Nhưng có một điều là họ không được xuống hướng Nam. Sự cấm đoán này đem lại cho SinhGaLa, chàng thanh niên dũng cảm, nhiều nỗi nghi ngờ. Chàng quyết tâm tìm hiểu sự bí mật của những người đàn bà kỳ dị này.

Một đêm kia, SinhGaLa, chờ lúc vợ ngủ say, lén dậy và cặp chặt thanh gươm bên mình rồi đi thẳng về phía Nam. Chặng mấy chốc, chàng thấy trước mặt bức thành kín không có cửa ra vào. Đây là đâu? Người ta cất giấu cái gì trong này? Chàng đến gần và lắng tai nghe. Có tiếng văng vẳng từ trong phát ra. Nhanh trí SinhGaLa leo lên một cây mọc trên bờ thành nhìn vào.

Cảnh tượng thật là ghê rợn. Hơn trăm người ốm yếu, đói khát đang quần quai bên cạnh những đồng xương trắng chồng chất. Một mùi tanh hôi hắt ra kinh tởm. SinhGaLa giữ được bình tĩnh hỏi chuyện các người còn sống. Chàng mới biết rằng đây là một toán lái buôn Ấn Độ bị đắm tàu trôi dạt vào đảo này trước khi đoàn người cùng đi với chàng đến nơi này. Trước đây bọn đàn bà, cũng đã đón tiếp họ, nhận họ làm chồng để rồi khi có một số người khác đắm thuyền trôi dạt đến, bọn đàn bà đem nhốt họ tại đây, làm đồ ăn cho chúng. Họ sẽ lần hồi bị giết chết như những người bạn xấu số của họ mấy ngày vừa qua. Và rồi cũng sẽ đến đoàn lái buôn của SinhGaLa chịu cái số phận làm mồi cho bọn yêu tinh tàn ác dâm dục này.

SinhGaLa không lấy gì làm ngạc nhiên vì chàng đã đoán thấy cái quyền rũ gian trá của người đàn bà làm vợ chàng. Chàng nắm chặt thanh kiếm lại. Rồi chàng hỏi các người kia thử họ có biết cách gì để thoát khỏi nơi này không.

Có người trả lời:

- Mỗi năm, đến một ngày nhất định, có một con ngựa trắng, bay được, từ trên trời hạ xuống đảo này. Nó sẽ kêu lên ba lần.

"Ai về Ấn Độ sông Hằng, Theo đây ta giúp vượt băng bể này."

Người nào vững tâm theo bám chặt mình nó, sẽ trở về được quê hương, gia đình.

SinhGaLa hỏi lại:

- Thế tại sao các anh

không nằm cơ hội trên để thoát khỏi nơi nguy hiểm này?

- Trời ơi! Chỉ vì chúng tôi bị mê đắm. Những lời thần mật, những cử chỉ vuốt ve của bọn đàn bà kia làm chúng tôi bỏ lỡ mất cơ hội rồi. Đến phút này, chúng tôi chỉ còn một lời cuối cùng là chúc các anh may mắn can đảm trở về nước Ấn Độ yêu quý của chúng ta và nhắn chung với các người sau chúng ta hãy đừng mê đắm mà thiệt hại cả một đời.

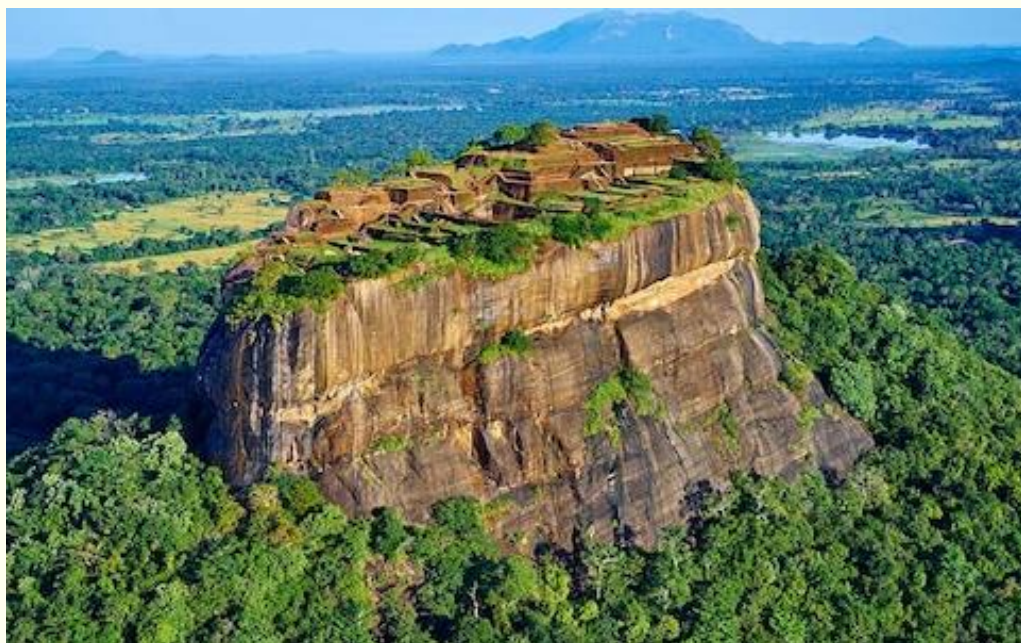
Từ trên cây tụt xuống, SinhGaLa trở về nhà trước khi người đàn bà vợ chàng thức dậy. Chàng làm ra vẻ tự nhiên như không có điều gì xảy ra, và giữ kín những bí mật đã biết được.

Ngày quan trọng đến rồi. Ngày ngựa thần hạ xuống đảo. Chàng họp các bạn bè mình lại, nói cho họ biết số phận đen tối của họ. Mọi người đều kinh hãi và khi ngựa thần mới vừa hạ xuống thì ai nấy đều nhanh chóng bám chặt vào thân mình ngựa khổng lồ để được bay về xứ sở.

Ngựa đã bay lên cao và sắp vượt bể cả. Lúc bấy giờ bọn yêu tinh mới hay biết. Chúng nhờ phép lạ mà đuổi theo kịp ngựa BaLaHa. Mỗi con yêu bồng trên tay đứa bé mới sinh và đem hết những lời nói đường mật, những cử chỉ ái ân để quyến rũ chồng nó trở lại. Chúng đã đạt được kết quả. Từng người, từng người đàn ông mê hồn, buông tay ra và rơi vào trong lòng bọn quỷ đàn bà dâm dục ấy. Cuối cùng chỉ còn một mình SinhGaLa, người thanh niên can đảm, cương quyết đến nỗi không có gì lay chuyển nổi, bám chặt cổ ngựa thần và trở về được yên ổn, đáp xuống nước Ấn Độ, quê hương của chàng.

Về phần bọn nữ quái khi trở về đảo, chúng tỏ vẻ giận dữ với con yêu chúa bất lực đã không làm lay chuyển được lòng dạ SinhGaLa. Chúng trực xuất yêu chúa ra khỏi đảo cho đến khi nào con này đem được SinhGaLa trở lại.

Yêu chúa biến thành một người đàn bà đẹp, lộng lẫy vô



cùng trong bộ áo lụa mỏng. Nó mang cả con nó theo vào đến tận nhà SinhGaLa. Nó tìm đến ông bà phú thương, thân sinh của SinhGaLa, tự xưng là công chúa một nước ở phương Nam. Rồi nó chỉ đến đứa bé rồi trách SinhGaLa đã bỏ mẹ con nó sau những năm ân ái nồng thắm, để cho nó phải lặn lội nhiều ngày mới ra được đến đây. Ông bà phú thương vừa cảm động cho tình nghĩa con dâu, vừa sung sướng được trông thấy cháu trai mập mạp kháu khỉnh nên lưu cả hai mẹ con lại và hứa sẽ bắt buộc SinhGaLa thuận tình hòa hợp. Ông lão nói với chàng:

- Con ơi! Con nữ tử bỏ người con gái con một vị Quốc vương và đứa bé này hay sao? Mẹ con chúng nó là những kẻ đáng thương. Hãy rộng lượng mà tha thứ cho chúng nó nếu có gì mà con không bằng lòng.

SinhGaLa thấy cần trình bày cho cha mẹ mình rõ tung tích bọn đàn bà này:

- Thưa cha, người đàn bà này không phải là một công chúa, chính nó là một con yêu tinh ghê tởm.

- Con ạ! Không nên nghĩ như thế cho riêng nó. Phần nhiều đàn bà là yêu tinh. Hãy tha thứ.

- Không thể được! Thưa

cha, con cương quyết rồi. Nếu không con đã mãi mãi cách biệt cha mẹ và quê hương như những người đã đi theo con. Giờ đây chỉ có hai cách, hoặc là cha mẹ giữ nó lại đây để con đi chỗ khác, hoặc là con ở đây và đuổi nó ra khỏi nhà này.

Thấy con một mực cương quyết, ông bà phú thương đành phải mời nàng công chúa giả mạo đi khỏi nhà mình. Cùng kể, con yêu tinh vào triều đình, kiện SinhGaLa với Đức vua. Cố nhiên là việc nàng không thể làm SinhGaLa thay đổi ý định của chàng được, nhưng mang lại một điều tai họa, ấy là chuyện ông vua phải lòng người đàn bà đội lốt công chúa. Vua nói với SinhGaLa:

- Hỡi chàng thanh niên! Nếu chàng không thích, chàng hãy nhường nó lại cho ta.

SinhGaLa trả lời:

- Xin Đức vua hãy suy nghĩ lại. Tôi không thể nhận người đàn bà này và tôi cũng không có quyền nhường nó cho ai cả.

Từ sau khi vụ kiện này, con yêu tinh đã thâm nhập được lòng ái mộ của Nhà vua. Sắc đẹp mê hồn và những hành động quyến rũ của nó càng làm cho nhà vua ngây ngất, cho đến một hôm nó hoàn toàn làm chủ được tình



thần của Đức vua.

Rồi đêm đến, dùng tà thuật, nó bắt mọi người trong cung lẫn ra ngủ mê man. Nhanh như chớp nó bay về tìm các chị em nó và thúc giục:

- Hãy nhanh lên! Ta mất một SinhGaLa nhưng ta được trọn một cung vua. Nhanh lên, ai thêm máu tươi! Hãy theo ta!

Trong đêm tối, cả bảy yêu tinh hăm hở xuất hành với nguyên hình ghê sợ của chúng. Chúng đã hoành hành hết sức kinh tởm trên các thân người đang ngủ say.

Đến sáng hôm sau, cửa cung vua vẫn đóng im ỉm. Người ta đồn lại nghe cả trên khúc đường vào cung điện. Các triều thần, các quan chức, các vị chỉ huy quân đội... Điềm chẳng lành truyền lan nhanh chóng và trên không trung, bảy quạ đen lượn qua lượn lại, kêu từng tràng tiếng dài rung rợn. SinhGaLa hiểu được công chuyện trước ai hết. Chàng bảo người bắc thang rồi leo nhanh vào thành, thanh gươm quý nắm chặt nơi tay. Chàng vùng gươm xông vào giữa đám yêu tinh đang hồi hả thanh toán bữa tiệc ngon của chúng. Cùng lúc ấy, quân lính ngoài thành cũng đã phá được cửa để vào trợ giúp SinhGaLa. Người ta hét lên vì căm giận cho sự tàn bạo của bảy yêu tinh. Bọn này hoảng hốt bay đi, đưa mang theo một cánh

tay, đưa mang theo một cẳng chân người đang ăn dở. Không ai ngờ có sự tàn phá khốc hại trong cung vua như thế này, từ xưa nay. Đức vua, Hoàng hậu, Hoàng tử, Công chúa, Cung phi, Mỹ nữ tất cả đều bị tàn sát.

Sau khi an táng thi hài Đức Vua và các người xấu số, triều thần lẫn dân chúng đều thấy mình lâm vào một tình trạng quẩn bách: Thiếu người đứng đầu quốc gia, thiếu vua. Ai sẽ đảm lên đảm nhận ngôi báu?

Mọi người đồng thanh:

- Trọng trách ấy phải dành cho kẻ thông minh nhất, can đảm nhất. Kẻ ấy, không ai xứng đáng hơn chàng thanh niên anh hùng SinhGaLa.

SinhGaLa từ chối vì chàng chưa có danh phận gì. Nhưng chàng chẳng đã chiến thắng bọn yêu tinh một cách rực rỡ hay sao? Chàng đã vững tâm không để sa mê vào lưới dục vọng hay sao? Đến cuối cùng SinhGaLa nhận lời với điều kiện là mọi người hăng hái giúp chàng phá tan sào huyệt bọn yêu tinh dâm dục để báo thù cho những người bị giết, để giải phóng cho những kẻ hiện đang bị giam cầm. Toàn thể đều tán thành công cuộc thích đáng ấy.

Hôm SinhGaLa lên ngôi vua cũng là hôm chàng xuất

quân. Đội binh thuyền trương buồm tiến về phía Nam. Không có hy vọng đánh bọn yêu tinh vào lúc bất ngờ được, vì trên bãi bể chúng có dụng hai trụ cờ: trụ ngoài mé bãi báo tin mừng như tin có tàu chìm, trụ trên đồi cao phía trong bãi báo tin hung dữ như tin tấn công của chiến thuyền từ xa đến. Thành ra, muốn đánh chúng phải thật là tài giỏi và can đảm.

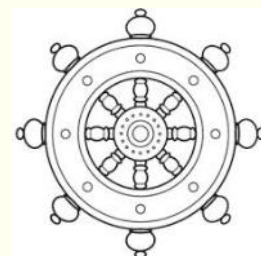
SinhGaLa đã tiến quân lên đảo. Bọn yêu quái đã chuẩn bị đối phó. Chúng hiện nguyên hình hung ác hồng đe dọa quân lính của SinhGaLa. Nhưng trái lại, chính bộ mặt yêu quái của chúng đã làm cho mọi binh sĩ phần uất thành ra họ càng thêm hăng hái mạnh mẽ. Và lại cái quá khứ đầy tội ác của bọn chúng đã đưa chúng ngày hôm nay phải đền tội.

SinhGaLa thúc quân, oanh liệt chiến đấu, bọn yêu tinh túng thế, tan rã. Phần lớn đã bị tiêu diệt. Chỉ còn những đứa biết hối cải, nguyện từ bỏ cuộc sống tội lỗi để quay về đường lành được SinhGaLa ra lệnh tha thứ. Chàng khuyên chúng nên đi nơi khác để làm ăn lương thiện.

Từ đó ấy hòn đảo tên SinhGaLa tên của vị anh hùng đã chiến thắng bọn yêu tinh dâm dục. Vị anh hùng ấy là tiền thân Đức Phật Thích Ca. Một vị đại từ bi nhưng không kém phần dũng mãnh...

Quảng Huệ

"Chẳng có sự thắng trận nào cao thượng bằng sự thắng trận Chánh pháp. Chẳng có sự bại trận nào để hèn hơn sự bại trận giặc lòng."



TẾT THA HƯƠNG

*Bao năm qua lạc loài trên đất khách
Bận ngược xuôi, quên lãng cả tháng ngày
Nay Tết đến băng khuâng buồn xa xứ
Buồn nỗi buồn nhận lạc cuối chân mây.*

*Nhớ Tết xưa ôi từng bừng nhộn nhịp
Nhà nhà lo sắm sửa thật khang trang
Cầu đối đỏ, cha mừng năm vạn phúc
Xác pháo hồng, anh đốt khắp đây sân.*

*Sáng mừng Một cùng anh đi hái lộc
Nô nức Xuân, em mặc áo lụa hương
Má em thắm hay tình xuân dăng thắm?
Thêm sắc màu rực rỡ Tết quê hương.*

*Nhớ bạn thơ ngày Xuân vui xướng họa
Nghe mến thương ấm áp chén rượu nồng
Trà cạn chén mà thơ chưa cạn hứng
Tình vương tròn như bánh tết, bánh chưng.*

*Trở trêu thay giữa ngàn hoa xứ lạ
Tôi ước mơ được thấy một cành mai
Cho vàng thắm đời ly hương sắc tím
Giữa quê người trắng xóa tuyết sương bay.*

*Rước Tổ Tiên thêm buồn xa nguồn cội
Dư hương đãng, trà quả vẫn ngậm ngùi
Tìm Tết mãi mà Tết đâu hồi Tết
Mưa ngoài trời sao ướt cả mắt tôi?*

*Tết tha hương chao ôi sao buồn thế?
Nhớ biết bao kỷ niệm những ngày xưa
Mong chút nắng Xuân hồng trời quê Mẹ
Sưởi lòng tôi tẻ tái tự bao giờ.*



thơ **DIỆU VIÊN**

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



LÀM SAO BIẾT

Hai người đi qua khu gò hoang thấy dòi lúc nhúc trong phần và cỏ về vui thích. Một người buột miệng:

"Bọn ta đam mê ở trong ngũ dục thật cũng chẳng khác gì lũ dòi đang vui ở trong đồng phần kia."

Người kia hỏi khó:

"Anh không phải là Bồ Tát sao anh biết được cái biết của Bồ Tát?"

Anh ta vặn ngược lại:

"Anh không phải là tôi, sao anh biết được tôi biết hay không có cái biết của Bồ Tát?"

Có người đi ngang bảo:

"Bồ Tát là hữu tình giác ngộ, nếu mình giác ngộ thì cũng là Bồ Tát."

THÌ RA LÀ THẾ

Tết cận kề, vợ chồng John sắm sửa hành trang "Áo gấm về làng"! Sân bay đông nghịt, John mũ lệch, kiếng đen đi đứng khệnh khạng lắm. Về đến nhà là nhậu tương bưng và nổ bạng nhà lồng luôn.

"Ở bên tui là kỹ sư hóa chất còn bà xã là chuyên viên y tế."

Ai cũng xuýt xoa, rượu ngà ngà y bảo vợ:

"Tuần rồi đắp móng xong, con Barbara nói xấu và không trả tiền."

Vợ John chười đồng:

"Có mấy chục mà con đen nó đi, chà chân nó cả tiếng!"

Bạn nhậu có kẻ cười ruồi:

"À, thì ra là thế!"

NGÔI KHÔNG YÊN

Không khí Tết tràn ngập đất trời, phố phường rộn ràng, lòng người hân hoan! Nhà nhà trang hoàng chưng hoa kiểng, mua sắm bánh mứt... Lớp học ngày cuối năm cũng xao lãng. Cô giáo cho nghỉ sớm. Cô hỏi một em học sinh nghèo:

"Ngày tết con làm gì?"

"Tết con đi mừng tuổi ông bà, cha mẹ và con sẽ được nhận lì xì."

Đoạn cô chỉ một cậu ấm thì cậu ta nói:

"Tết đi du lịch với mẹ vì bố em bận chở cô thư ký đi mừng tuổi và lì xì các quan. Bố nói: Nếu không lì xì thì ngồi không yên!"

CHÍNH

Hai chính khách tranh cãi trên chính trường về chính sách của chính phủ. Ai cũng tự nhận mình là chính danh, chính nghĩa và chính đảng. Ông nghị tỏ ra chính khí tố:

"Ông và đồng bọn là chính phạm làm cho quốc gia mất đất, mất biển!"

Ông thượng quát lại:

"Ông và băng đảng của ông là chính chủ làm đạo đức suy đồi, xã hội băng hoại!"

Dù tỏ ra chín chắn, chính ngôn nhưng xem nhau như chính thù. Họ lại mĩa mai:

"Tôi không làm vì nghĩ ông giống con vật!"

"Còn tôi thì làm vì cứ nghĩ ông là con người!"

TÁM KEO

Tám Keo giàu có nhất làng, vợ đẹp con xinh, đủ nếp tẻ... Ai cũng khen có phước, thời gian qua nhanh chẳng mấy chốc con đến tuổi dậy thì. Con trai thì ẻo là mà còn gái thì thô tháo, tiếng xì xào:

"Ăn ở thất đức nên mới treó goe vậy!"

Tám đi tư vấn nhưng chưa thỏa, cùng đường lên chùa. Thầy dạy:

"Chúng ta vô lượng kiếp làm trời, người, thú... vậy làm đàn ông, đàn bà cũng là đương nhiên! Nếu chúng tử nào mạnh thì nó phát lộ trội

hơn. Còn nghiệp ai nấy chịu, mình chung nhà là vì tiền duy-ên thôi!

HỢP TÁNG HUYẾT MỘ DÂN

Mảnh đất ven sông dân khai phá sinh sống đã bao đời, một hôm lọt mắt quan, thế là có lệnh cưỡng chế. Hàng vạn nhà cửa, ruộng vườn của dân, chùa chiền, thánh đường... đều ủi sạch. Dân lâm cảnh màn trời chiếu đất, oan khốc thấu trời xanh, kêu kiện khắp nơi nhưng bị quan đánh đập tơi bời. Thời thế thay đổi, quan vẫn tráo trở:

"Đất ấy sẽ xây nhà hát hợp xướng giao cho dân hưởng."

Dân khóc:

"Hợp táng huyết mộ dân!"

Sông chiều vắng vắng câu hò:

Hò...ơ... "Nỡ đem dân đút vô lò

Rắp tâm đánh đắm con đò Thủ Thiêm" ... Hò...ơ

HUYẾT KIM CƯƠNG

Miệt dưới địa cầu có một xứ mang biệt danh: "Ô địa hắc nhân." Người xứ ấy đen nhưng bốn địa thì giàu khoáng sản, đặc biệt kim cương rất đẹp, cả thế gian không đâu sánh bằng. Người ta bảo:

"Kim cương trên tay, cổ của quý bà ở Ba lê, Nữ Ước, Hoa Thịnh Đốn... đều từ xứ này!"

Năm xưa bọn: "Bạch phát" cai trị vô cùng tàn độc, máu đổ thịt rơi vì kim cương, sau này các chính thể của họ cũng thế... Máu vẫn đổ không ngừng, nghe đồn:

"Kim cương quý có vân máu nên người ta gọi là huyết kim cương!"

STEVEN N

Georgia, 12/2018

ĐƯỜNG VỚI SỨC KHỎE

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC

Y KHOA PHỔ THÔNG



Mặc dù đường cho vị ngon và được nhiều người ưa thích, nhưng sự lạm dụng chất ngọt, nhất là đường trắng sucrose có thể gây ra nhiều rủi ro cho sức khỏe. Sau đây là những điều nên biết khi sử dụng đường:

a - Đường trắng không có giá trị như các thực phẩm khác, không mang lại chất bổ dưỡng cho con người, ngoại trừ một lượng calori khá cao và một số bất lợi.

b - Sau khi ăn, đường được chuyển ngay vào máu, biến thành glucose, làm ta cảm thấy như có nhiều sinh lực, thoải mái. Nhưng chỉ vài giờ sau cảm giác đó mất đi, và được thay thế bằng sự mệt mỏi, uể oải, gắt gỏng...

Nguyên do là khi thấy đường trong máu đột nhiên lên cao, cơ thể sẽ phản ứng bằng cách ra lệnh cho tụy tạng sản xuất thêm insulin để cân bằng đường trong máu. Dưới tác dụng của insulin, đường giảm xuống mau, đôi khi dưới mức bình thường, năng lượng cũng theo đó bớt đi. Vì vậy, những người có gen bệnh tiểu đường không kiểm chế được sự lên xuống bất thường này của đường và rất dễ mắc bệnh.

c - Đường các loại đều đưa tới hư răng, sâu răng vì phản ứng hóa học giữa đường và dịch vị miệng tạo ra chất chua, làm hỏng men răng. Đồng thời chất ngọt cũng tạo ra môi trường rất tốt cho vi khuẩn trong miệng tăng sinh, đưa tới nhiễm trùng răng miệng. Chất ngọt dính trong răng càng lâu thì răng càng mau hư và hư nhiều. Cho nên ta cần súc miệng, đánh răng càng sớm càng tốt sau khi ăn.

đ - Đường có nguy cơ gây mập phì vì cung cấp nhiều năng lượng. Sau khi ăn, năng lượng của đường được cơ thể dùng ngay thay cho năng lượng từ các chất dinh dưỡng khác. Khi không dùng đến, các chất dinh dưỡng này sẽ được tích trữ dưới dạng mỡ béo, lâu dần dẫn đến béo phì. Đó cũng là kinh nghiệm dân gian: "ngọt môi một phút, mỏng mỡ suốt đời."

Cho nên, không phải chỉ có chất béo mới làm ta mập như nhiều người vẫn tưởng, mà những món ăn ngọt như cà rem, bánh, kẹo cũng góp phần gây ra béo phì.

Kết quả một nghiên cứu kéo dài hai năm về việc uống nước giải khát của 548 học sinh từ 11- 12 tuổi tại tiểu bang Massachusetts, được công bố vào năm 1997, cho hay nếu uống thêm một chai nước ngọt mỗi ngày thì nguy cơ béo mập ở các em tăng lên đến 60%. Nước ngọt sử dụng trong

nghiên cứu này gồm các loại như nước uống chế biến như nước soda thường, Hawaii Punch, lemonade, Kool-Aid, nước trà ngọt và nhiều loại nước trái cây khác.

Vấn đề này đã được bác sĩ John Yudkin, thuộc trường Đại học London, trình bày chi tiết từ năm 1972 trong tác phẩm "Sweets and Dangerous" (Các chất ngọt và nguy cơ). Ông lưu ý rằng đường đã được thêm vào mọi đồ ăn, nước uống của trẻ em và đã gây ra chứng béo phì ở lớp tuổi này.

Theo bác sĩ Phillip James, nước giải khát mau tiêu, nên người ta uống nhiều, uống liên tục, do đó họ tiêu thụ một số calories đáng kể.

Theo bác sĩ France Bellisle, thuộc Viện Nghiên Cứu Y khoa và Sức khỏe (Institute of Health and Medical Research) bên Pháp, có



Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức

nhiều bằng chứng về liên hệ trực tiếp giữa việc sử dụng chất ngọt và nguy cơ béo phì ở trẻ em. Béo phì ở trẻ em cũng được coi như có thể gây ra bệnh tiểu đường, bệnh tim, ung thư và phong thấp khớp về sau này.

e - Kết quả nhiều nghiên cứu cho thấy là những sắc dân nào ăn nhiều đường, đồng thời lại ăn nhiều mỡ, đều có tỷ lệ cao về các chứng bệnh tim mạch, bệnh tiểu đường.

g - Đường có thể gây ra đầy hơi làm khó chịu bao tử vì phản ứng lên men. Bác sĩ Anthony Cerami, một chuyên viên về bệnh tiểu đường, còn cho là đường làm ta mau già vì đường lên cao làm hư hao tế bào trong cơ thể.

h - Đường cũng được coi như làm tăng nguy cơ đưa tới các bệnh do nấm độc (yeast infection), nhất là ở vùng cơ quan sinh dục nữ giới.

i - Ngoài ra, thức ăn có những vị ngon riêng biệt của nó. Khi thêm nhiều đường vào thì hương vị của thức ăn bị lu mờ đồng thời sự nhạy cảm của vị giác với thức ăn cũng bị tê liệt.

k - Mật ong, đường vàng, mật mía... đều gây phản ứng insulin như nhau, không khác gì đường trắng mà ta dùng hằng ngày. Tuy trong mật ong, đường vàng, mật mía có một chút khoáng chất và sinh tố nhưng số lượng quá nhỏ không đáng kể. Ngoài ra, mật ong và mật mía đôi khi chứa chất độc thiên nhiên ở các loại nhụy hoa mà ong hút để làm mật hoặc từ đất trồng mía.

Đường hóa học

Năm 1985, hãng thông tấn UPI (United Press International) của Hoa Kỳ có loan tin là Tổng Thống Hoa Kỳ Ronald Reagan đã ngưng không uống cà phê với đường trắng hoặc đường hóa học. Theo ông, không có lý do gì để thêm đường hóa học vào cà phê mà không biết thành phần của nó ra làm sao.

Đó cũng là ý kiến của nhiều người khác. Lý do là các đường này không có một giá trị dinh dưỡng nào, mà chỉ mang lại vị ngọt đánh lừa, thỏa mãn khẩu vị người thích của ngọt và quyến dụ họ ăn nhiều chất ngọt hơn.

Các loại đường hóa học, còn gọi là đường nhân tạo hay chất làm ngọt nhân tạo (artificial sweetener), được tạo thành bằng phương pháp tổng hợp. Tất cả đều ngọt hơn đường trắng tinh chế tới vài trăm lần, lại có rất ít kalori, nên thường được dùng để tránh béo phì và thay thế đường trắng khi bệnh nhân tiểu đường muốn dùng chất ngọt.

Có ba loại đường hóa học thường dùng: cyclamates, saccharin và aspartame.. Nhiều nghiên cứu cho hay đường tổng hợp có thể gây ra một số phản ứng bất lợi cho sức khỏe.

a - Cyclamates

Loại đường này bắt đầu xuất hiện từ đầu những năm 1950, đến năm 1969 thì bị cấm hẳn tại Hoa Kỳ vì nghi là có thể gây ung thư,

khuyết tật ở trẻ sơ sinh và có tác dụng xấu vào bộ phận sinh sản của súc vật đực. Tại Canada, loại đường này vẫn được phép dùng trong một số mục đích hạn chế.

b - Saccharin

Saccharin xuất hiện rất sớm, từ năm 1879 và được dùng phổ biến vào các thập niên 1950, 1960. Năm 1977, saccharin bị cấm hẳn ở Canada vì những kết quả nghiên cứu trong phòng thí nghiệm cho thấy chất này có thể gây ra ung thư bàng quang ở loài chuột. Tại Hoa Kỳ, lệnh cấm saccharin cũng đã được ban hành, nhưng do tính cách phổ biến của nó, Quốc hội Hoa Kỳ đã chuẩn thuận cho phép lưu hành trên thị trường với điều kiện là phải kèm theo một nhãn cảnh báo người tiêu dùng về rủi ro của đường này. Và lại cũng chưa có một dẫn chứng khoa học nào xác định nguy cơ gây ung thư của saccharin ở người, mà chỉ chuyện của chuột mà thôi!

Saccharin được biết tới qua tên thương mại Sweet'N Low, đựng trong túi giấy màu hồng. Hóa chất này ngọt hơn đường trắng tới 300 lần, và có vị hơi đắng, không bị nhiệt tiêu hủy, dễ hòa tan trong nước, giữ được lâu mà không hư.

Saccharin không được cơ thể hấp thụ, không cung cấp một lượng kalori nào, và toàn bộ được thận bài tiết ra ngoài.

c - Aspartame

Trên thị trường, nhóm đường này được bán với tên là Nutrasweet hoặc Equal, đựng trong gói giấy màu xanh, và đã được quảng cáo như một chất ngọt tự nhiên, không nhân tạo như saccharin. Đây là một tổng hợp của hai amino acid: aspartic acid và phenylamine.

Aspartame được dùng rất nhiều trong nước ngọt có hơi, ngũ cốc chế biến khô, cà phê tan liền, hỗn hợp cocoa, món tráng miệng...

Người dùng nhiều aspartame thường hay than phiền chóng mặt, nhức đầu, mắt mờ, mau quên, kinh nguyệt không đều, tính tình thay đổi. Trẻ em thì quá năng động, hay gây gổ. Cũng có ý kiến e ngại là hóa chất này có thể tăng nguy cơ cơn kinh phong.

Nghiên cứu khác cho hay aspartame làm giảm hóa chất kiểm soát, điều hòa sự ngon





miệng trong não bộ, do đó có thể khiến ta thêm ăn chất ngọt nhiều hơn.

Một vấn đề đáng lưu ý là phụ nữ có thai dùng chất ngọt này thì chất phenylalanine có thể được chuyển sinh thai nhi, làm tổn thương não bộ. Đây là trường hợp người mẹ bị bệnh bẩm sinh phenylketonuria (PKU), không chuyển hóa được chất phenylalanine quá cao. Bác sĩ Harvey Levy tại bệnh viện Nhi Khoa ở Boston cho là thương số trí tuệ của trẻ em này có thể giảm.

d - Acesulfam Potassium

Hóa chất này ngọt hơn đường sucrose tới hai trăm lần và cũng có vị hơi đắng. Đường bán với tên Sunett, Ace-K, Sweet One.

Đường được nhiều người dùng trên khắp thế giới, trong nước uống, món ăn, trong kẹo cao su.

e - Sucralose.

Ngày 1 tháng 4 năm 1998, Cơ quan Quản lý Thực Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) chính thức cho phép loại đường hóa học có tên là sucralose được lưu hành rộng rãi trên thị trường. Mặc dù sinh sau đẻ muộn, mới được tung ra thị trường, nhưng sucralose đã được niềm nở đón tiếp vì nó an toàn cho mọi giới, ngay cả phụ nữ có thai, nuôi con bằng sữa mẹ và an toàn cho cả trẻ em.

Sucralose là loại đường hóa học duy nhất được làm ra từ đường tự nhiên, nhưng có độ ngọt hơn đường tinh chế đến 600 lần. Mặc dù vậy, khi đưa vào cơ thể, loại đường này không cung cấp calori và không bị biến hóa. Sucralose không có vị đắng như các đường hóa học khác và có thể dùng làm gia vị trong nhiều món ăn, thức uống.

Trên thị trường, đường này được bán với tên là Splenda.

g - Acesulfam K.

Hóa chất này được làm ra ở Đức và đã dùng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới trước khi được dùng ở Hoa Kỳ vào năm 1990, với tên thương phẩm là Sunette. Đường này có độ ngọt hơn đường trắng tới 200 lần và được dùng trong nước uống, kẹo cao su, làm bánh và cho thêm vào thực phẩm trước khi nấu nướng.

Ngoài ra, còn có các đường hóa học khác như Poyols, Alitame, Neotame, Stevia, Beflora, Cyclamate, Stevioside, Thaumatin, Dihydrochalcones, Glycyrrhizin, L-Sugars...



Kết luận

Với những bất lợi của đường như đã nói, liệu có nên loại bỏ đường ra khỏi khẩu phần hằng ngày hay không?

Thực ra một chút đường mỗi ngày cho hương vị lý tưởng và thêm đậm đà cũng không rủi ro gì. Nhưng cần phải biết rằng, cơ thể ta không bao giờ thiếu đường vì các chất dinh dưỡng khác đều có thể được chuyển hóa thành glucose. Hơn nữa, nếu thích ăn ngọt, ta có thể ăn các thực phẩm thiên nhiên có vị ngọt như các loại trái cây.

Một miếng dưa hấu, một quả cam, một trái chuối không những mang lại khá nhiều đường mà còn nhiều chất khác như chất xơ, sinh tố, khoáng chất... Những đường này lan ra trong cơ thể một cách từ từ nhẹ nhàng chứ không tạo ra cảm giác "lên cao xuống thấp" bất chợt như đường trắng tinh chế.

Ngoài ra, các chất ngọt khác như mật ong, mật mía cũng có nhiều chất ngọt tương đối tốt lành mà ta có thể dùng thay cho đường tinh chế.

Vì như đã nói, đường tinh chế nhìn thì đẹp, mà khi ăn nhiều lại không mấy tốt cho sức khỏe.

Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức
www.nguyenyduc.com



THẦY NHẬP THẤT MÙA XUÂN

*Bach Thầy, xuân lại về rồi
Phương xa con kính đôi lời vấn an
Lượng Thầy thiết thạch sao bằng
Ai đem quán trọ mà ngăn nẻo về (*)*

*Lưng đôi, mấy dặm sơn khê
Bước Thầy in dấu hồn quê ngậm ngùi
Thiên thu tựa phút giây thôi
Trường Sơn đồng vọng ngàn lời thơ bay ...*

*Hành trang nhẹ hẫng vai gầy
Bước đi nghe cỏ động ngoài Tâm-Không (**)
Xá chi gạn đục, khơi trong
Mùa xuân nhập thất,
Trở bông mai vàng.*

*Bái vọng về Thị-Ngạn-Am
Hương bay ngược gió, mênh mang đất trời.*

thơ

HẠNH CHI

(Tào-Khê Tịnh Thất, thiền hành trong gió hương xuân)

(*) Thơ Thầy Tuệ Sỹ trong thi phẩm “Giấc Mơ Trường Sơn”.

(**) Ý thơ Thầy Tuệ Sỹ trong “Thiên Lý Độc Hành”, đoạn 11:
“Bước đi nghe cỏ động
Đi mãi thành Tâm-Không”

Thầy Nhập Thất Mùa Xuân

Larghetto - Slowly - Chậm và diễn tả - temp 68

thơ: Hạnh Chi, phổ nhạc: Quốc Toàn



Bạch Thầy, xuân lại về rồi, phương xa con kính đôi lời. vẫn an. Lượng



Thầy thiết thạch sao băng, ai đem quán trọ mà ngăn nẻo về. Lung



đôi mấy dặm sơn khê bước. Thầy in dấu hồn quê ngậm ngùi. Thiên



thu tựa phút giây thôi, Trường Sơn đồng vọng ngàn lời thơ bay.. Hành



trang nhẹ hẫng vai gầy, bước đi nghe có. động ngoài Tâm Không, xá chi gạn đục khơi



trong mùa Xuân nhập thất trở bông mai vàng.. Bái vọng về Thị Ngạn



Am, hương bay ngược gió mênh mang đất trời./.

Chuyện Ngắn Đời Dài

NGUYỄN VĂN SÂM

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Bàn ăn hằng ngày của nhóm năm người hôm nay rộng thênh thang vì không có mặt hết hai người. Ông Hải Không Quân mất hồi đầu hôm do đột quỵ. Bà Sáu Chợ An Đông được người nhà rước về dự lễ sinh nhật con của một đứa cháu ngoại. Nhân viên phục vụ đem đồ ăn tới, ba người ngồi ăn uể oải, kẻ nuốt không vô vì *thấy người bỗng nghĩ đến ta*, kẻ trầm tư vì tủi thân ở đây lâu hóm người thăm viếng đã không thì chớ, người đoái hoài cũng vắng bóng luôn. Không nói mà cả ba người đều chớ hể rớ tới muỗng nữa, ngồi dựa lưng vô ghế, chẳng thèm ngó ngang gì đến ly sữa đậu nành hay ly nước lọc dùng để uống cả bùm thuốc như thường lệ.

Dì Chưởng lên tiếng trước sau khi sửa lại cách ngồi, chồm tới để hai tay khoanh trên bàn:

"Anh em sống ở đây quen nhau, bỗng nhiên thiếu đi một hai người, buồn hiu như cha chết mẹ chết."

Chú Hoạt cười buồn bắt bẻ:

"Mình từng tuổi này, cha mẹ nào vô đó mà chết nữa bà nội!" Chú trấn an mọi người. "Chắc chắn nay mai sẽ có ai vô thể chỗ của ông Hải Không Quân, rồi mình sẽ quen thôi. Còn Bà Sáu thì vài bữa về tới bây giờ chớ gì. Người ta còn con cháu cũng phải cho về nhà chớ, tội nghiệp là tội nghiệp bọn mình đây nè. Ai tới rước đầu!"

Dì Chưởng thắc mắc ngang:

"Ờ mà ổng mất rồi tôi mới dám hỏi, sao gọi là Ông Hải Không Quân?"

Cũng chú Hoạt mau miệng:

"Tôi có hỏi nhỏ ổng chuyện đó trước đây, được giải thích là ông tự hào về đời binh nghiệp của mình nhưng không muốn nói đến chức vụ, ngại bị kết tội khoe khoang."

Bác Trịnh chép môi:

"Ờ chức vụ thời xa xưa quên đi là đúng."

Chú Hoạt tâm sự thêm vì ý của mình chưa được nói hết:

"Tôi thèm được có con cháu bu quanh quá đi. Thấy người ta có thân như tới thăm, tủi thân cách gì đầu á! Không khốc mà nước mắt cứ tràn ra hoài, kèm cũng khó."

Dì Chưởng đưa tay này vuốt vuốt mu bàn tay kia, rờ rờ sợi gân xanh hình chữ Y nổi lên như cọng rau muống già:

"Ồi! Thèm chi cho mệt, tủi chi vô ích!. Tủi nhỏ tới cho có lệ chịu thương yêu gì ông bà già cứ bình thiếc như tủi mình. Ngó qua ngó lại một chút rồi rủ nhau đi shopping hay tạt vô tiệm làm tóc hoặc sơn móng tay. Tôi chứng kiến nhiều lần chúng nó ra đầu bằng mắt khi vừa mới nói đầu được chừng một hai câu. Cho có mặt vậy mà!"

Bác Trịnh khoan dung hơn, chậm rãi:

"Có còn hơn không, người vô đây thăm, lạ mình còn mừng hưởng chỉ thân như cháu chắt. Mà thôi, bữa nay nhóm mình còn ít người, để

cho có chút ý nghĩa nào đó tôi đề nghị mỗi người nói chuyện đời mình cho nhau nghe. Chỉ kể một hai điều quan trọng thôi. Chuyện đau buồn hay chuyện vui cũng được. Để rút ra ý nghĩa cuộc đời vậy mà. Chúng mình gần *ăn đất* hết rồi, tốt xấu gì cũng là chuyện đã qua, không có gì phải mắc cỡ, cũng không có gì phải dấu diếm... Cứ tự nhiên kể, tuổi trẻ làm lỡ là chuyện thường tình phải không hai vị... ?"

Dì Chưởng liếm mép muốn nói gì đó nhưng chú Hoạt đã buột miệng:

"Mình nghe rồi rút ra bài học, xin đừng dùng để nhìn xấu về nhau sau này. Cũng đừng bình phẩm khi người kia kể, cho bạn mình khỏi chia trí hay mất hứng vậy mà. May mà chúng ta còn tương đối mạnh khỏe và tỉnh táo, biết đầu mai đây có người muốn kể cũng không còn sức, không còn trí. Trời kêu mà, đầu biết được lúc nào!"

Cả ba làm thinh một lúc hèn lâu, như bị câu nói tác động. Tiếng nhạc nhẹ nhẹ buổi sáng loang tỏa trong không gian yên tĩnh, người bốn bàn kể bên đã lác đác quay về phòng, chỉ còn lại vài ông bà phải ngồi xe lăn ngác ngơ cần có nhân viên tới đẩy và những người thích ngồi kể cửa sổ ngó ra vườn hay hóng nắng sớm mai.

Chuyện mẹ nhân ái

Thế chất tôi ẻo uột ngay từ lúc mới ra đời nên người nuôi rất cực khổ. Ba tôi mất sớm, gánh nặng đó chuyển lên vai

của má. Tôi thường bị bệnh ban cua, lưỡi trắng, bên trong miệng lại có *đen* nên ăn gì cũng đau rát, không muốn nhai nuốt, thường phun nhổ. Những ai trông coi thường đánh tôi vì chuyện đó, nhưng má tôi thì không bao giờ, bà xuýt xoa, dỗ dành, khuyên tôi cố gắng ăn uống. Tôi mới 4, 5 tuổi, chẳng hiểu gì nhiều nhưng cảm nhận những lời ngọt ngào và cử chỉ thương mến của bà, thích cái vỗ tay của bà khi tôi cố gắng nuốt nên khoái được má dứt cơm. Bà kiên nhẫn, còn tôi thì gương đau rát. Mỗi bữa cơm là một cực hình cho cả hai má con, tốn nhiều thời giờ ít ỏi của bà, nhưng tôi chưa bao giờ thấy bà bức mình vì chuyện đó.

Người ta nói tôi bị *ban khi* vì bệnh làm cho chún tay tôi trở nên khằng khiu và dài sọc, mặt mày ốm trơ xương, giống như mặt khi già.

Mỗi tuần hai ngày má cồng tôi trên lưng khom khom đứng đón xe ngựa đi lên nhà thuốc Ông Tạ ở Hòa Hưng để được bắt mạch hốt hai thang thuốc đem về. Xe ngựa chật, ngộp, phải ngồi bó rọ trong lòng má, tôi thường khóc giãy khiến bà phải dỗ dành và xoa xoa lưng tôi mới cảm thấy dễ chịu mà nín khóc. Xe ngựa ngừng ở ngoài đường lớn, má lại cồng đi vô đường đất đỏ cả một đoạn dài, lắm khi trơn trượt sau cơn mưa. Nhiều lần bà té lên té xuống nhưng lúc nào tôi cũng cảm nhận là bà che chở cho tôi khỏi ướt, khỏi dơ còn bà sao cũng được, nhiều khi tới nơi rồi thì sinh bùn đã hơi khô khô, dính vô cái áo túi của bà từng mảng, từng mảng. Trong khi chờ đợi được kêu tới số thẻ của mình, bà từ tốn lột quần ra xa. Phòng chờ đợi quá đông nên nóng hầm, tôi thường đòi chạy ra sân, nhưng má tôi sợ con té, lạc đường hay bị chó cắn, bà thường giăng lại trong lòng, cam chịu sự giầy dụa, bất bình của tôi. Lúc nhỏ mình chỉ biết làm cho đã nư, lớn nên nghĩ lại, nhớ ánh mắt thương mến của bà khi nhìn tôi mà cảm động và



thương má muộn màng, nghĩ là có chết cũng chẳng đền bù được.

Vậy đó, tôi sống còn, tuy đau yếu, chậm lớn, nhỏ con, nhưng trong tim tôi chứa đầy ánh mắt bao dung và lòng thương mến bạt ngàn của má mà trời biển cũng còn nhỏ hơn.

Còn nhớ năm đầu đi học lớp Năm, lớp một ngày này đó, hầu như mỗi ngày đi học tôi đều khóc, và má phải cồng tôi tới trường, đứng lúp lỏ ngoài cửa lớp hèn lâu rồi mới len lén đi về. Trưa tan trường, trống chưa đánh tôi đã thấy bóng dáng má tôi với cái nón lá và cái áo bà bà quen thuộc.

Lúc học năm thứ hai trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn thì ý định đi vào đường nghiên cứu văn học Việt Nam đã rõ nét sau khi đã sưu tập được một số tài liệu quan trọng cũng như đã khởi thảo được một vài tác giả cơ bản. Tất cả tư liệu và bản thảo đều được xếp vào một thùng giấy trước đây người ta dùng đựng sữa hộp, thời đó gọi đơn giản là thùng sữa, đêm đêm tôi lòi ra đọc đọc viết viết cần cù quên mệt mỏi. Má tôi học ít, chỉ đọc được chậm chạp những hàng

chữ lớn trên báo hằng ngày mà thôi, thấy con mình quý thùng sữa giấy rách đó và say mê công việc nên bà thường yên lặng đặt kế bên con một ly nước trà đá chanh đường cũng như sẵn sàng xếp lại gọn gàng mỗi khi tôi bày binh bố trận.

Năm đó, khi đang ngồi ở Thư Viện Quốc Gia ở đường Gia Long học bài thì nghe tin lửa cháy bên kia Cầu Ông Lãnh, khu nhà tôi ở phía đó, xóm Vĩnh Hội. Tôi lật đặt kiếm đường về mà không được, các cầu đi về hướng có đám cháy đều bị ngăn chặn, đồ ngang cấm không được cặp bên để cho lính chữa lửa làm việc và nhân viên công lực ngăn ngừa trộm cắp.

Nóng ruột về tài liệu khó kiếm chặt mót bấy lâu nay, về quyển sách coi như đã hoàn thành được hơn một nửa, lòng tôi bồn chồn, lắng xằng lên xuống bên Bến Chương Dương ngó ngọn lửa mà thở dài, nhiều khi muốn cởi áo lột qua sông nhưng thấy có nhiều nguy hiểm nên đành đứng trong đám đông bên này trơ mắt ngó.

Gần sáng, khi đám cháy tàn, tôi lò mò về khu nhà cũ. Mọi thứ đều hoang tàn, mấy cây dừa xưa là ngọn nên thơ giờ chỉ còn trơ gốc đen xì giáp mép bùn khô, buồn bã. Cầu khi cầu ván đi vào hư vô, ao rạch cạn cùn phơi đáy trơ vơ những góc ván ngựa nám đen ai đó trong khi quính quáng đã chùi vôi xuống nước. Tôi nôn nóng tìm má thì ít mà lo cho số phận thùng sách của mình thì nhiều. Biết bao nhiêu công trình tìm tòi và suy nghĩ. Biết bao nhiêu thời gian lạc lối nản nì. Mất nó chắc tôi bỏ cuộc luôn chuyện viết lách mới nhen nhúm đầu đời.

Khi gặp má tôi đương ngồi đăm chiêu, mặt mòi, gương mặt lấm lem vài vệt lọ nghe, câu hỏi đầu tiên của thằng con là thùng sách của mình. Má tôi vui cười chỉ thùng bấu vật của con mà bà đương ngồi trên đó, ý chừng để ngăn ngừa bọn hôi của đương hoành hành đầu đó. Tôi nhớ mình vì quá mừng, lính quính nên đã quên hỏi má

về những vật dụng của riêng bà.

Gần mười năm sau quyển sách đầu đời của đứa con vô tâm được in thì má nó đã đi vào nơi hằng cửu một vài năm trước. Cầm quyển sách đầu tiên thơm mùi giấy mực tôi không vui mà chỉ buồn nhớ má, mắc cỡ cho thái độ của mình ngày xảy ra đám chầy. Tôi nói thầm: Má ơi. Má viết quyển sách này chớ không phải con! Nếu má không cứu cái thùng sữa thì ngày nay đâu có sách... Mỗi khi cầm sách này lên là con nhớ hình bóng má với ly nước trà đá chanh hay cử chỉ chịu đựng khi dọn dẹp tài liệu bữa bãi của con ngày trước... Con cảm ơn và xin lỗi má đầu muộn màng!

Vậy mà chẳng phải chỉ lỗi lầm đó với má tôi thôi, còn nhiều lỗi lầm khác nữa. Cũng dằng trời mây luôn. Chỉ xin đơn cử một trường hợp.

Từ khi cưới vợ và ra ở bên nhà vợ, tôi ít khi về thăm má mình. Vợ giàu không thích về thăm má chồng nghèo nên tôi chỉ về thăm má một mình, năm khi mười họa.

Một hôm rảnh rang, bỗng nhiên nhớ tới má, tôi lái xe hơi về xóm nhỏ thăm bà. Quẹo vô cái chợ chồm hôm tự phát đầu xóm tôi nhói tim khi thấy má ngồi trước cái ông lò than đỏ đương nướng trở bánh trắng, bánh phồng. Dáng má khẳng khiu, ốm o, hốc hác. Tôi ngừng xe trước hai rổ bánh đây ấp của má. Má vội vã giải thích rằng bà kiểm thêm chút đỉnh, ngồi không chẳng ích gì. Đi bán cho vui, ở nhà tù túng thêm bịnh.

Tôi thương má gần như muốn khóc, năn nỉ bà về, bỏ hết ba cái thứ linh kinh đó đi, má bán lời bao nhiêu một ngày, con sẽ đưa cho má tiền lời một lần bằng năm bảy tháng má bán. Má nói bán lời chút nào hay chút nấy, *tiền con để con xài*. Năn nỉ hoài má cũng không chịu về, tôi đưa tay đè nhấn hết hai rổ bánh trắng nướng của bà, tôi bắt gặp ánh mắt tiếc rẻ của bà mà xót ruột. Thấy chuyện giằng co, người bán hàng kể bên

khuyên má tôi nên về và hứa sẽ đem thúng mủng lại nhà chiều nay. Má tôi về nhưng nhút định không lên xe hơi. Bà quờ cái khăn rằn choàng lên đầu, trước khi bước đi không quên ngoái lại lò than nướng bánh trắng của mình.

Má tôi vậy đó, không bao giờ đi xe hơi của con, dầu tôi năn nỉ bao nhiêu cũng vậy thôi, nhiều lắm bà chỉ rờ rờ khen xe đẹp mà từ chối lên xe với lý do đi không quen, chóng mặt, khó chịu, nếu đi rồi sẽ nhức đầu cả buổi...

Bữa đó tôi ở nhà má, được ăn bánh trắng nướng, bánh phồng kẹo, những món tôi rất thích khi còn nhỏ mà nước mắt rưng rưng. Tôi đã bỏ bê má mình để chạy theo những công danh phù phiếm bấy lâu nay. Tôi hứa với lòng là sẽ thăm viếng má nhiều hơn. Tôi móc đưa bà tất cả số tiền có trong túi như nhiều lần trước. Má nhận với gương mặt thoáng ưu tư, ngần ngừ, không cười cười như những lần trước.

Nhưng rồi tôi không có dịp thăm viếng má nhiều, má mất sau đó ít lâu. Anh Hai đưa tôi một gói giấy dầu cuộn tròn, mở ra mới thấy từng xấp từng xấp tiền, vẫn còn nguyên như những lúc tôi đưa cho má mình trước đây. Phía dưới cùng của xấp tiền có tờ giấy xé ra từ tập học trò, chữ rất xấu của má: *trinh má thương con nhiều con không có lỗi gì với má hết*. Má tôi viết không chấm, không phết, không viết hoa, chẳng ngay hàng nhưng tôi đọc được trong đó lòng bao la của má tôi, giờ đây kể lại chuyện này mà tôi vẫn còn muốn khóc.

Chuyện đời đưa đẩy, tôi vào quân đội, vô Sư Đoàn 7 Bộ Binh, mỗi khi hành quân tôi đều vái van má tôi trước, coi như vị Bồ Tát bốn mạng của tôi. Người ta kẻ đeo *bùa cà tha*, kẻ mang nanh heo rừng hay ngậm răng cọp, tôi thì mang hình ảnh má mình trong tim với lời xin lỗi muộn màng. Vậy mà đạn tránh tôi nhiều lần, lúc thì trượt trên nón

sắt, lúc thì tránh trái tim, chỉ xuyên qua bả vai. Nhưng đó là chuyện nhỏ. Chuyện lớn là chuyện lúc tôi linh đình trên biển mới đáng nói.

Cho nghỉ uống miếng nước thấm giọng nghen! Nói nhiều khô cổ quá! Nhỏ tới giờ mang hình ảnh mẹ trong lòng, hôm nay xin cảm ơn Di Chưởng với Chú Hoạt đã cho tôi có dịp nói lên lòng mình. Nói mà tôi cảm thấy bóng dáng má thấp thoáng trước mặt. Nhiều khi tôi ước ao, dầu thấy rằng vô lý, là phải chi mỗi người có cả chục người má, mới thỏa được cái tình má con. Nói tóm lại, *tôi thêm tình mẹ*, cho đến ngày nay dầu dầu bạc cổ lai hy, tôi vẫn không hiểu hết chiều sâu trong trái tim của Mẹ.

Trở về chuyện vượt biên.

Năm nào đó tôi được biệt phái về lại nhiệm sở cũ là Trường Trung học nhỏ trong quận Cần Đức. Má tôi quá vắng cũng đâu được mấy năm rồi. Dạy học thì cũng thường thôi, vai trò của thầy giáo dạy Việt Văn tôi làm nhiệm vụ chuyển tải những kiến thức văn học trung thực cho học sinh chẳng liên quan vì đến chánh trị đương thời. Sau biển cô 75 thì tôi bị cho ra ngoài biên chế, không được lưu dụng vì môn dạy của mình. Giữa một đất nước mọi thứ trao đổi kinh tế đều bị cấm đoán, không việc làm có nghĩa là thiếu thốn cùng cực và bị dòm ngó nặng nề. Chứng kiến thêm những bất công hằng ngày chung quanh, tôi phải bỏ đi thôi nếu không thì có ngày mang khổ lụy vì phản ứng trước những bất công.

Và tôi vượt biên. Bốn ngày linh đình trên biển, một đêm kia trong khi phần đông khách đi tàu đương ngồi ngủ chồm hồm dưới khoang tàu tối đen như mực thì một đám lửa của cụm nhang do chủ tàu chuyển tay cho khách với giọng ai đó vừa ai oán vừa chịu đựng:

"Bà con cầm một cây nhang cho gia đình mình, còn bao nhiêu chuyển cho người kế bên nha. Ai đạo Phật thì cầu Phật Bà, ai đạo Chúa thì



cầu Đức Mẹ, tàu mình bị vô nước, tối quá không thấy chỗ lũng. Tàu sẽ chìm trong vài giờ nữa...”

Có tiếng ai đó nhẹ nhàng nhưng trong hoàn cảnh này nghe hơi bí hại:

“Còn tôi đạo Cao Đài thì sao?”

“Thì vái Phật Mẫu!” Tôi vẫn không biết tại sao mình buột miệng mau như vậy. Lại còn nói thêm: “Tên gọi thế nào thì cũng chỉ là một thôi, cũng là tạo thành bằng yếu tố Từ Bi. Từ Bi mà, bà con biết đó!”

Tôi tiếp nhận cụm nhang, lấy riêng cho mình một cây, trao cho vợ một cây, còn bao nhiêu đưa cho người ngồi kế bên. Nước lên ướt đít lạnh lạnh. Tôi vái Phật Bà, tôi van vong hồn má tôi cho chúng tôi người lớn chết hết cũng được, không ăn hận gì, nhưng các con tôi và tất cả con nít khác trên tàu xin được cứu sống, chúng vô tội, chưa từng hưởng điều sung sướng nào trên cõi đời này. Nước từ từ ngập tới háng, tôi cố gắng ngồi nhón chun cho thân mình cao hơn, buồn ngủ quá, tôi thiêm thiếp trong mơ màng. Thời gian trôi qua, trong đêm tĩnh lặng chỉ có tiếng gió biển rít trong không gian, tới một lúc tôi nghe văng vẳng chủ tàu nói mơ hồ là tìm được lỗ lũng rồi, yêu cầu bà con có áo quần dự chuyển sang phía bánh lái tàu để bịt lỗ. Tối không còn sức để

mở mắt, mà dầu có mở lớn mắt cũng không thấy gì. Hầm tàu tối đen như đêm ba mươi, thỉnh thoảng cảm thấy ai đó chuyển quần áo đụng vô mặt mình hơi hăm dơ dáy. Trong mơ hồ tôi thấy hình ảnh Đức Phật Bà Quán Thế Âm và gương mặt vui vui của má tôi. Ánh mắt hai người đều hiền từ. Rồi giống như trong kỹ thuật điện ảnh, hình ảnh hai bà từ từ chồng khít lên nhau để rồi cũng một bức hình đó khi thì hiện lên má tôi, khi thì hiện lên đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Tôi hứa với lòng là sẽ thờ Phật Bà khi sống sót, lập một cái trang thờ mẹ và kỵ giỗ long trọng hằng năm. Vậy mà suốt thời gian hơn hai mươi năm sống ở đây tôi mãi chạy theo công ăn việc làm lại không làm được cái trang thờ dầu chỉ là một tấm ván nhỏ đóng lên tường có dựng hình mẹ và một lư hương. Đứa con trai tôi mua nhà trước khi cưới vợ, hôm đám cưới nó dọn hình ảnh ba má tôi lên chừng độ hơn hai giờ đồng hồ rồi ngay sau khi đàn gái vừa ra về khỏi cửa nó với vợ mới cưới liền đem hình ông bà nội xuống. Nhà là nhà của nó, tôi không thể mở miệng nêu ý kiến gì, nói ra thêm dư lời mà chắc chắn không kết quả. Chúng sẽ xúm lại công kích tôi vụ hình thức, tôi còn quá Việt Nam nên chú ý tới

chuyện nhỏ mọn, chuyện tào lao. Nhà của tôi còn bị chê bày biện sao nhà quê giống Việt Nam ruộng, ruộng chi nhà nó. Tôi chiêm bao thấy má mình nhiều lần nhưng chưa lần nào nghe má tôi nhắc đến lời tôi hứa lập trang thờ.

Khi vô sống ở nhà Đường Lão này, ngồi buồn tôi nhớ hình ảnh chồng, lập của má và Đức Quán Thế Âm, tôi nghiệm ra rằng *má ta là Đức Bồ Tát của ta*, là sự Từ Bi rót lên đời ta ngay từ lúc mới sơ sanh để ta sống sót. Phật Bà nói chung là má của tất cả mọi người. Má của người nào là Phật Bà mà chỉ có đứa con mới cảm nhận được thôi.

Gần đất xa trời tôi mới cảm nghiệm được chơn lý đơn giản này. Tiếc quá!

Tiếc nhưng biết làm sao hơn, nhân loại sanh ra để va vướng vào những mê lầm muôn thuở mà dầu ta có học xong bài học và được phép mẫu làm cho trẻ lại nhiều lần đi nữa thì cũng mắc mê lầm lại y chang như cũ, cũng hờ hững và không thấu được lòng mẹ bao la...

Con người pha lẫn giữa Xấu và Tốt

Tôi sanh ra nhà nghèo. Học bài thì ít mà lêu lổng với bạn bè thì nhiều vì chẳng người lớn nào trong gia đình có thời giờ để ý tới tôi. Tất cả đều phải buôn bán đầu tắt mặt tối. Nhà là cái sạp vuông 4 x 4 thước ở trong chợ Cầu Muối ồn ào. Tụi trẻ con chúng tôi lang bạt ngoài đường cả ngày để rảnh chỗ cho người lớn kiếm sống. Tôi nhập bọn theo mấy thằng trang lứa không có ai nuôi đi ăn cắp vặt. Quần áo sạch sẽ, khuôn mặt sáng sủa, tôi có nhiệm vụ cản địa làm cho người ta chỉ chú ý tới tôi để mấy thằng kia ra tay chôm chia. Tôi thì chưa tới nỗi móc túi ai nhưng chúng nó thì đã thử rồi. Nạn nhân là mấy bà già ngờ nghệch, mấy cô thiếu nữ nhà quê ngủ gật dưới tình quá giang ghe trái cây hay ghe cá lên Sài Gòn. Tôi sa lầy vào đường trộm cắp, chửi thề và đánh lộn để giành giật những

thứ gì mình thích, bắt kể người đó là ai, con gái, đàn bà hay ông già bà cả. Có điều là tội vẫn còn ôm cặp tới trường mỗi ngày nên sống bằng hay mặt: tử tế ở nhà và lơ lửng ở ngoài đường. Người lớn trong nhà không biết điều đó. Họ vẫn coi tôi là đứa con cháu ngoan.

Có thể tôi sẽ thành người cặn bã của xã hội nếu không gặp được trường hợp đặc biệt như sau đây.

Một buổi sáng kia, tôi đương ngồi ăn cháo đậu đỏ nước dừa với dưa mắm cá kho thì bà bán hàng vệt quảy gánh lên vai, chạy tất tưởi như bị ma rượt. Tôi ngó theo thấy dáng bà sợ hãi, nút bóp cái áo bà ba bung ra, hở hên. Người biện Chà—tiếng để chỉ cảnh sát hay công an thời đó—đương đuổi theo bà thấy vậy liền đứng lại cười văng nước miếng. Bọn nhỏ đương ăn cháo có đứa vô tâm phả lên cười ngật nghèo. Chờ một lúc không thấy bà ta gánh gánh cháo trở lại, tất cả khách hàng lớn nhỏ đều bỏ đi, coi như lần đó được ăn chùa, khỏi trả tiền.

Đêm ấy tôi khó ngủ, nghĩ tới nghĩ lui coi ngày mai có nên trả tiền tô cháo cho bà bán cháo hay không, làm thỉnh luôn thì cũng được, có tiền đi ăn kem rạp hát Rex ở đường Hồ Văn Ngà là thứ kem tôi rất thích, bà ấy nói gì chỉ chối là xong. Nhưng giựt luôn thì tội nghiệp quá, bà buôn bán cực khổ, vẻ mặt sợ hãi của bà ta khi vệt chạy với cái gánh trên vai, áo nút bung ra sao mà thâm hại! Cảnh tượng đó, chua xót hơn là đáng cười...

Sáng sớm, tôi kiếm bà bán cháo, ăn như lệ thường mà trả hai phần, nói là trả tiền cháo hôm qua. Người đàn bà ngạc nhiên cầm đồng bạc dư, giải thích với người chung quanh rồi kết luận rằng thằng nhỏ này khá, còn nhỏ mà nó biết thương người, biết lễ công bằng, không phạm tội ăn giựt. Bà còn nói thêm, những đứa trang lứa với nó chưa thấy đứa nào khi bà quảy gánh chạy mà hôm sau quay lại trả tiền. Bà nói với tôi ngọt ngào: "Rồi đây



cháu sẽ nên người, sẽ ăn nên làm ra, không cực khổ như những người nhan nhản quanh đây mà cháu thấy."

Hãnh diện về lời khen, cảm giác mình là người tốt, từ đó tôi xa lánh lần các bạn xấu, cố gắng học hành, mỗi khi sắp làm điều gì quấy dầu nhỏ mọn thì cũng nhớ đến lời bà bán cháo đậu đỏ. Thầy học đầu đời giúp tôi nên người lương thiện không phải là thầy cô giáo, cũng không phải là người thân trong gia đình mà là bà bán cháo đậu tất tưởi mỗi khi người biện Chà tới rượt đuổi vì bán buôn lấn chiếm lòng lề đường thời xa xưa hơn hai phần ba thế kỷ trước...

Vậy mà tôi cũng còn máu du côn trong người, vẫn còn tánh xấu chen lấn với những tánh tốt được bà bán cháo ban phước cho. Vẫn đầy ham muốn những thân thể đẹp khác phái, vẫn thích cờ bạc và nhút là tranh cãi về những chuyện không đâu vô đầu. Người tôi là sự thể hiện hài hòa của thói hư và điều thánh thiện. Mở ngoặc một chút để nói chuyện này, nhỏ mọn thôi nhưng cũng là một kỷ niệm của đời người. Năm đó, tôi chưa tới ngày lên đường qua Mỹ, còn độ chừng 2 năm nữa mới tới phiên mình. Theo bạn bè xuống một chợ làng, gần Lách, quê hương ông Trương Vĩnh Ký. Ngồi nhâm nhi cả

phê sáng trong một tiệm nước quê, tôi thấy hai người đàn bà còn trẻ lắm, chưa đến tuổi ba mươi, một người bán cá, một người có lẽ là bạn bè gì đó, đương đứng nói chuyện với nhau:

"Ể bà, năm nay bà được bao nhiêu rồi?"

"Hăm bảy chứ mấy mà?"

"Quần hờ! Bà học lớp với chị tôi. Bà phải ba chục chứ sao hăm bảy?"

"Quần hờ họ. Tao nhỏ hơn chị mấy mà. Lúc đó tao nhí còn bà kênh chắc là học trẻ nên cùng lớp với tao."

"Đách họ! Cùng lớp sao cách nhau tới ba tuổi lận. Bà nói ai mà tin."

Tôi chó mõ vô:

"Hai cô ơi! Đàn bà còn gái mà quần hờ với đánh đê nghe xấu quá."

Hai người đàn bà ngó tôi một cái bèn ngót bằng dao Thái Lan thọc vô tim tôi rồi nói với nhau:

"Đồ thẳng cha già dê đạo lộ không biết cách làm quen."

Tôi lấp đáp gì đó không nhớ, chỉ nhớ ông chủ quán cà phê nói nhỏ:

"Chồng của tui nó là dân giang hồ ở đây, chú lảng tránh coi chừng bị chém."

Tôi làm thỉnh ngồi nghĩ cách phải đối phó như thế nào khi người ta xách dao tới tính chuyện xử mình.

Một lúc sau, không khí coi bộ êm êm. Chợ đông đúc hơn

chút đỉnh. Một con cá lóc bự xộn của cô bán cá quây sao đó mà nhảy nguyên con vô nôi nước đường của bà bán tàu hủ kế bên vừa mới mở nắp. Bà già bán tàu hủ đòi tiền đền hơi cao nói rằng mình phải bỏ luôn gánh tàu hủ. Cô bán cá cãi là cao quá, sáng sớm tôi chưa có tiền, chuyện xui đâu ai muốn đâu."

Tôi kêu bà tàu hủ tới, nhỏ nhẹ nói tôi đền tiền giùm cô kia, sáng sớm làm gì có có tiền mà bà đền. Bà già lấy tiền liền, miệng khen tôi khôn đức. Tôi ngồi đó ngó mông lung. Bà già bán tàu hủ bây giờ mới vớt con cá ra, trả cho chủ, loay hoay vớt bỏ chút đường theo ý bà là không dùng được, rồi yên lặng ngồi bán như không chuyện gì đã xảy ra.

Tôi là như vậy, ưa xía vô chuyện thiên hạ, mà thiên hạ sau cuộc đổi đời như hai vị thấy đó, trời thần lắm, dễ chửi bới, hay đâm chém, vác cây đập nhau là chuyện thường ngày trong xóm nhỏ.

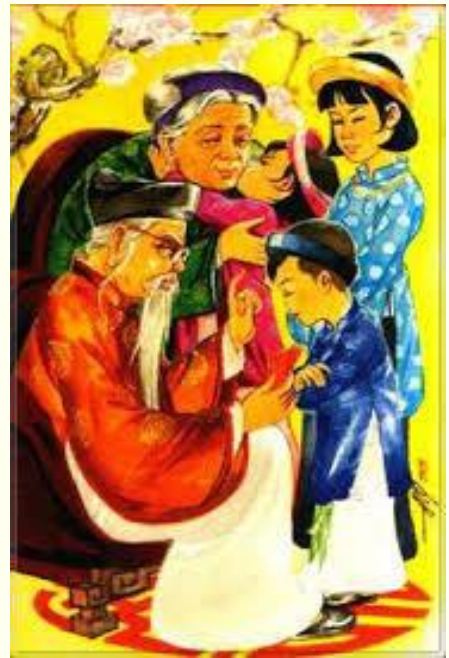
Cách đây mấy năm, đầu trước ngày tôi vô đây chứ đâu. Lần đó tôi về lại Việt Nam nói trong bụng là về lần chót. Ông xe ôm đương chở tôi trên đường Đồng Khởi, tôi thấy một cặp nam nữ thanh niên rất đẹp đôi, cô gái trẻ, thanh tú, cậu trai thì đáng khoẻ mạnh bảnh bao, xe họ ngừng trước xe tôi khi đèn đỏ. Bỗng nhiên có một thanh niên ở trần vác mã tấu lại chém nhầu vô người thanh niên. Anh ta một tay ôm đầu máu, một tay đưa ra đỡ, bị chém liên tiếp vô tay. Cô gái khóc la cầu cứu, hung thủ gơ dao lên tính chém luôn. Tôi kêu người xe ôm đứng đợi rồi lẹ cẳng nhảy vô can. Hai vị biết đó, ở Việt Nam chuyện đâm chém này không ai can, cũng không ai xía vô, họ chỉ đứng ngó thôi. Vô cảm một phần và sợ đại họa một phần. Tôi la lớn và lột nón bảo hộ ra quơ quơ. Thằng chém người ngạc nhiên đứng lại một phút rồi không biết sao nó quăng mã tấu chạy thục mạng qua lề bên kia, lòn vô đường hẻm. Tôi còn đương la *bắt nó bắt nó* thì bị ai đó đâm mấy nhát vô

hông, ngã quỵ. Thiệt ra tôi chỉ muốn hù dọa nó thôi, ai mà ở không rượt bắt nó, thiên hạ đã quá quen với cảnh đâm chém trên đường rồi.

Tôi tỉnh lại trong nhà thương Chợ Rẫy, tiền bạc mất hết, may mà còn giấy tờ tùy thân. Mừng là mình chỉ bị thương mà không trí mạng. Nghĩ lại có lẽ cặp thanh niên thiếu nữ bị chém kia vì thanh tú đẹp để cho nên tôi mới làm anh hùng mà không suy nghĩ. Cũng như chuyện con cá nhảy vô nôi nước đường tàu hủ, nếu chủ con cá là bà già mặt mày nhăn nheo thì liệu tôi có bỏ tiền ra đền giùm không? Có thể con người tôi do sự kết hợp giữa xấu và tốt. Cái xấu có thể nhỏ. Cái tốt chưa thật sự lớn. Nhưng xấu tốt cộng lại tạo nên cá tánh tôi. Tôi nhiều khi đỏ mặt khi nghĩ tới điều đó. Cũng như anh Trịnh, tôi tiếc là mình đã già, sửa đổi cũng khó, những tánh xấu chắc rồi mang theo xuống mồ làm hành trang cho kiếp khác....

Con người lơnh lẹo do tranh sống

Tôi hả, nghe chuyện tôi anh em đứng cười nha. Với lại tôi học ít nên chắc là kể không mạch lạc. Khi Tây rút khỏi Việt Nam thì tôi mới 7, 8 tuổi gì đó. Ba tôi đi lính cho Tây bị bên kia bắt hay giết tôi không biết nữa. Chuyện người lớn xa xưa mù mờ trong đầu óc con nít. Má tôi nuôi không nổi mà bà lập gia đình mới nên bà ngoại tôi nuôi tôi. Sáng thì tôi đi học, chiều thì bưng rổ bánh bò đi bán. Tôi không biết mắc cỡ, gặp tụi học trò quen mặt trong trường tôi theo nài nỉ tụi nó mua giùm, nói tao bán ế quá tụi bây mua giùm làm phước. Tụi nó bùi tai, tôi bán cũng được được. Bà ngoại tôi chuyên mua bán gà. Mua đầu chợ bán cuối chợ. Ngoại ngồi chặn trên đường vô chợ, đón đầu mấy người trong quê ra. Người ta nuôi gà thả trong sân, khi cần tiền để làm đám giỗ thì cột 1, 2 con xách ra chợ bán. Họ đâu rành giá cả



cho nên ngoại trả giá họ trên trời dưới đất gì cũng được. Ngoại làm bộ rờ nắn phao câu, chề gà ốm, cắt hôi, bắt đầu bình..., bán rẻ tôi mua giùm. Đời sống mấy năm đầu cũng được. Rổ bánh bò trở thành nhỏ với đà lớn của tôi. Tôi bắt chước ngoại cũng đi mua bán gà. Ban đầu ngoại cười khen tôi khôn lanh. Tôi buôn bán có lời cắt tiền để dành, ăn uống thì đã có ngoại lo. Lần lần thì tôi gọi là rủng rinh tiền bạc nhưng sáng nào cũng bị ngoại chửi ngoài chợ vì cho là tôi giành mỗi của bà. Bà xía trước rồi mà tôi trả giá cao hơn. Anh em nghĩ coi, ngoại ép giá người ta, nếu người ta đi vô trong chợ có thể bán được cao hơn. Thấy họ đã quyết tâm không bán cho ngoại tôi mới nhích thêm chút nữa vậy mà ngoại chửi như tát nước vô mặt nào là dĩ chó dĩ ngựa, chó để trâu sanh, ăn cơm nhà tao mà mua giành bán giứt với tao. Ngoại chửi tôi không dám câu mâu lại, chỉ lằm bằm là ngoại bỏ tôi mới theo. Vậy mà ngoại vẫn nghe và nhiều khi xán tới đòi vả tét mặt. Mấy ông coi chúa ôn không? Có điều là ôn ào như vậy mà hề chợ tan là ngoại mua món ngon vật lạ gì đó về cho hai bà cháu ăn, không nhắc tới chuyện ở chợ...

Má tôi mỗi khi gặp tôi cũng rờ nắn tay con. Thân thiết thương mến nhưng mà má có thêm 3 con nữa nên không thể giúp gì cho tôi. Với lại tôi không ưa cái nhìn của Dương. Nó sao sao ấy! Khó nói lắm. Chắc là mình mới lớn nên đàn ông nào cũng ưa nhìn.

Rồi tôi cố chồng, cũng tiếp tục mua bán gà vịt sống qua ngày, nhưng về ở bên nhà chồng. Chiến tranh kết thúc tưởng là yên thân nhưng rồi miếng đất vườn của gia đình bên chồng ở mặt tiền bị kẻ có thể lực cướp đoạt, chồng tôi tới ngày ăn ở không đi hết trong Nam ngoài Bắc làm dân oan khiêu kiện, bị bắt lên bắt xuống, giam chỗ này nhốt chỗ kia, tới một ngày nọ mòn mỏi, sức tàn lực kiệt. Tôi góa bụa từ đó.

Phải bươn chải để sống, tôi nhập bọn với những người phân phối hàng Trung Quốc, bắt kể thứ gì tới tay, bột màu để làm nước tương, làm nước cam, làm Vitamin C, làm bánh, chế nước cốt trái cây mùi trái này trái nọ, bột cà phê bột, chất tẩy trắng để tẩy trắng bún, hủ tiếu, bánh phở, đường đen, tẩy đồ lòng bò heo cho các quán nhậu, phá lẩu, quán thịt dê, thịt chó... Những hóa chất để giữ trái cây lâu hư mau chín đẹp trái, tươi màu, tôi đều buôn qua. Những gia vị làm thơm ngon có mùi cá

thieu, mùi khô mực, mùi thịt heo thịt bò đều được tôi bán sỉ từng thùng lớn. Nói tóm lại là hàng hóa chất phần nhiều có tay tôi phân phối.

Ban đầu tôi còn ngại người ta ăn bị ngộ độc sau đó thấy chẳng ai nói gì tới mình nếu đóng thuế đủ và biết điều với khu vực tôi mạnh dạn buôn to, kể cả rượu giả, pha chừng nửa cốc hóa chất thì có một chai Martel, Cognac, hay Johnnie Walker. Tôi làm giàu mau chóng. Mới chừng ba năm tôi đã đổi đời, có nhà lầu xe hơi, tiền đô với vàng lượng gói ngân hàng cũng bộn bộn. Tin tưởng có đấng khuất mặt giúp mình làm ăn nên ra, tôi đi lễ vía Bà Châu Đốc thường xuyên, cho Bà vay tiền và vay tiền Bà, cúng hiến áo đẹp cho Bà, đốt thiệt nhiều giấy tiền vàng bạc với hình dáng nhà lầu xe hơi cho Bà. Tôi giao du với người chức lớn quyền to rồi móc nối làm *vợ trên giấy* từ một ông có máu mặt để chạy mách làm giấy tờ vay tiền ngân hàng hay bán đất bán nhà. Chồng hờ của tôi sau này được sang đây theo diện bí mật gì đó mà tôi không rõ. Bước đường lưu lạc quê người, vì chữ nghĩa không biết, cũng tính dựa luôn gia đình ông để dưỡng già ngờ đâu ông và mấy đứa con *trên cơ* tôi quá xá, dụ dỗ tôi lòi ra cho chúng nó làm ăn

sanh lợi, cuối cùng tôi chỉ còn lỗ đít không. Xin lỗi nha! Từ lâu tôi muốn thanh khấu nhưng hể nói tới chuyện này thì lại vắng tục không kèm chế được miệng. Thôi thì của thiên trả địa, trả luôn người *chồng hờ* lại cho một con bé trẻ hơn mình nhiều để ông dẫn đi đó đi đây hãnh tiến với người ta.

Mấy năm vô chỗ này tôi nghiệm được chữ có-không. Khi tôi giàu tiền muôn bạc ứ thì lòng nặng nề lo nghĩ, tâm luôn luôn bất an, sợ mất, sợ tù, bây giờ không còn gì hết, lòng thiệt nhẹ nhàng, thanh thản, không có gì để lo sợ, ưu tư. Ngay cả cái thân mình đây tôi cũng chẳng còn sợ mất, coi như ngày cuối đời là khởi điểm của cõi đi về, đời mình gần bảy mươi năm qua chỉ là giấc mộng dài trong mê sảng.

Hai ông biết không, ngồi rảnh rồi tôi luôn luôn sám hối, nguyện những linh hồn chết oan vì những món hàng độc hại của tôi chấp nhận cho tôi làm thân trâu ngựa đền bù trăm, ngàn kiếp kế sau...

Ông Trịnh rót ba ly nước lạnh, phải, chỉ là ba ly nước trong vắt không gợn một chút tằm, rồi điềm đạm nói:

"Nhân buổi nói chuyện này mình nhìn được cái ý nghĩa cuộc đời. Ai cũng mê lắm trong quá khứ, ai cũng ngỡ thân mình là núi Tu Di to lớn, là dãy Trường Sơn đàng đặc, nào dè đâu đó chỉ là những giọt sương sớm trên ngọn cỏ phù du. Đời người mấy chục năm rồi cuộc lại chỉ là những chuyện ngắn chuyện dài của một chữ *Mê*."

Ba người bạn nâng ly nước lên trong lúc mỉm cười. Uống hết nửa ly, cả bọn cùng ngồi ngả lưng dựa ghế, mắt nhìn vô chốn mộng lung. Đâu đây tiếng nhạc dịu dặt, gợi cảm nhưng vẫn không còn chỗ để len vào lòng những người đương đắm mình vào cảnh giới an nhiên bất tận...

Nguyễn Văn Sâm
Victorville, CA





HẠNH NGUYỆN TU TẬP

*Từ tâm giúp đỡ cứu thương đời,
Tĩnh lặng lòng an rạo mắt môi
Niệm Phật tham thiền nên gắng tẩn
Sát Sanh hại vật hãy xa rời*

*Ban vui cứu khổ cho phiền nạn
Khử ác trừ tà để nãi vui
Tuệ sáng từ bi soi vạn dặm
Đức lành hỷ xả hiển muôn lời*

*Câu nghĩa câu ân ghi khắc đá
Chữ hèn chữ nhục bỏ ra vôi
Tùy duyên vững chãi tâm như đất
Tự tại thông dong chí tợ trời*

*Nhiếp niệm hồi quang hòa pháp giới
Hành thiền tỏa đức chiếu trùng khơi
Nguyện ước một lòng xây đạo nghiệp
Từ tâm giúp đỡ cứu thương đời...!*

thơ **CHÚC HIỀN** cảm đề

Và, mùa Xuân đã về...

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

1. Khi nghe bé Hồng hồn nhiên hỏi:

"Tết năm nay chú Tánh có về ở với nhà mình không mẹ?"

Chị đau thắt từng đoạn ruột, chỉ lắc đầu trả lời. Nhưng bé Hồng không buông tha:

"Không hở mẹ?"

Chị gật đầu trong đau buồn khôn xiết.

"Sao không hở mẹ?"

Chị lặng im, cổ nuốt xuống để tiêu hóa cho nhanh một nỗi niềm đau thương đầy tủi thẹn và cô đơn. Thằng Bách thấy vậy liền gắt giọng trách em:

"Mẹ nói không là hiểu được rồi, hỏi hoài!"

Bé Hồng tròn xoe đôi mắt lên:

"Tại sao lại không chớ?"

Chị nhìn hai đứa con âu yếm, sợ hai đứa cãi nhau, nên vội lên tiếng:

"Tết năm nay, chú Tánh sẽ không về ở với mẹ con mình như ba cái Tết trước nữa, vì chắc chú đã đi xa thật xa, xa lắm lắm..."

Nói được những lời ấy rồi, hai hàng nước mắt chị tuôn rơi. Chị không thể nào giấu diếm mãi được. Bé Hồng ngạc nhiên:

"Ừa, sao mẹ khóc?"

Chị nuốt nghẹn. Thằng Bách buồn so, trả lời thay cho mẹ bằng giọng y như của người lớn:

"Mẹ buồn, mẹ khóc. Buồn vì mùa xuân sẽ không về với gia đình mình!"

Bé Hồng nhướn mắt lên nhìn anh với vẻ không tin, rồi chờ nghe mẹ xác nhận. Chị gượng gạo, hỏi con trai:



"Sao con lại nói mùa xuân sẽ không về với nhà mình?"

Thằng Bách lúng búng:

"Tại... con nghe có lần mẹ nói... mẹ nói rằng chú Tánh chính là một mùa xuân vui tươi đầm ấm. Nếu chú Tánh có về thì có mùa xuân. Phải vậy không mẹ?"

Chị phì cười, bụng mừng thầm vì sự lớn khôn lanh lợi của đứa con trai còn bé bỏng, nhưng chị muốn chấm dứt câu chuyện ngay lập tức để trốn chạy đau buồn. Chị đứng lên, nói:

"Đó là mẹ nó chơi cho vui thôi. Không có chú Tánh về đây ăn Tết thì mùa xuân cũng ào vào nhà mình đầy tràn!"

Chị biết mình vừa nói dối. Trái tim chị như vừa ai nắm bóp từng hồi đến đau buốt. Mắt chị mờ đi vì nước mắt, nhìn về khung trời xanh biếc xa xa cửa sổ, như đang cố

tìm cho được một hình bóng thân thương mà đối với chị là cả một mùa xuân rộn rã từng bừng hân hoan muôn sắc...

2. Chồng chị đã đi biên biệt, mãi mãi sẽ không trở về sau một chuyến ra khơi xa gặp cơn bão lớn dữ dội. Chị ôm hai đứa con thơ dại mà khóc đến ráo kiệt nguồn nước mắt suốt những đêm ngày vật vờ trước bàn thờ có tranh tượng đức "Quan Âm Nam Hải," vị bồ tát cứu nhân độ thế được dân vạn chài, ngư dân sung bái, thờ phụng từ bao đời. Khi ấy, thằng Bách mới hai tuổi, và bé Hồng còn đỏ hỏn đang bú mẹ. Không bà con thân thuộc, chị nương nhờ vào sự đùm bọc giúp đỡ của những người hàng xóm nhân hậu ở cái xóm Củ Lao. Chồng mất đi, chị cùng căn nhà nhỏ đơn sơ đều suy sụp một lần. Chờ vợ, huyệt hảng. Những lỗ hồng quá lớn bao quanh cuộc đời chị với sự lạnh lùng đến tàn nhẫn, khiến cho đôi lúc chị muốn nhắm mắt xuôi tay trốn chạy đời cay nghiệt...

Nhưng tình yêu thương của một người mẹ dành cho con cái, hợp cùng những sự giúp đỡ sẽ chia chân tình của lối xóm, và niềm tin vào Phật pháp đã giúp cho chị có được nghị lực để nuốt ngậm cay đắng mà đứng lên, sống dậy giữa bão tố phong ba. Chị đã từng bước vượt qua quãng đời đầy nước mắt. Từng ngày, từng ngày trôi qua, nỗi đau nguôi dần, nỗi hận đời cũng nguôi lạnh, chị đã tìm được nguồn vui sống từ những tiếng



cười hồn nhiên, những tiếng bập bẹ, những bước tập tễnh của hai đứa con mồ côi cha. Cho dù chị phải đánh đổi nguồn vui ấy bằng bao ngày đêm lam lũ tối mịt tắt mành với công việc ở bến cá tanh tạo, ở chợ chiều hồi hăm, chị vẫn chưa một lần than van kể lể hay biểu lộ sự mệt mỏi chán chường.

Không ai biết chị buồn đau đến mức nào. Không ai hiểu chị cô đơn đến mức nào. Không ai hay chị khóc lặng lẽ một mình đến ướt đầm cả ngực áo vào mỗi đêm ngồi bất động lắng nghe tiếng gió biển hú gào từng hồi thật ai oán thê lương, hoặc nhiều đêm ngồi im thin thít ngắm nhìn tranh tượng của bồ tát bằng đôi mắt van lơn khẩn nguyện đầy thiết tha chí thành... Chị đã thu bóng hình mà âm thầm chịu đựng sống như vậy trong suốt mười năm dài, đến cả chị cũng không ngờ rằng mình đã vượt qua được một chặng đường khủng khiếp đến như vậy. Nhìn lại, căn nhà nhỏ tồi tàn vẫn cứ tồi tàn, bên trong nhà trống không vẫn trống không, chị biết mình vẫn là người nghèo hèn nhất xóm Cù Lao, nhưng chị vẫn cứ tự hào cười tươi, vẫn cứ vững bước vì chị có được một gia tài vô giá gồm hai đứa con kháu khỉnh và thông minh. Gia tài của chị đó. Chị cứ tiếp tục đầu tư mồ hôi, nước mắt, và cả máu huyết vào cái gia tài vô giá ấy

cho đến khi sức cùng lực kiệt.

Thằng Bách đã tuổi mười hai, bé Hồng đã lên mười, hai đứa đều được đến trường học hành và đều ngoan giỏi đến lạ thường, cứ như Trời Phật linh thiêng có mắt đã bù đắp cho cuộc đời chịu bao thiệt thòi của chị vậy. Những năm tháng bình lặng trôi đi, mẹ con chị nào có đòi hỏi gì thêm, vậy mà duyên cao nợ rộng đã run rủi đẩy đưa cho một người đàn ông lạ bước vào nhà chị vào một ngày Tết đến vui tươi...

3- Anh tên Tánh. Một thợ chụp ảnh dạo. Cuộc đời của anh cũng ba nổi bảy chìm chín lao đao. Tuổi mới mười tám còn bông bột đã lấy vợ. Nhà nghèo, vợ được cô vợ còn non choẹt là con nhà giàu cũng có chút tiếng tăm trong giới ảnh hiệu. Vợ anh là con nuôi, ăn chơi sành điệu, thuộc loại "phá gia chi tử," nên lúc mới quen anh đã cuộm đi của nghĩa phụ một mớ máy ảnh và vàng vòng để cùng người yêu bay đi du hí. Hết tiền lại mò về, lại hốt một cú khác bay đi cùng mộng trung nhân. Nghĩa phụ chịu hết xiết, phải chấp nhận cho con gái nuôi lấy chồng với hi vọng tổ ấm gia đình sẽ xích đôi chân bay nhảy, và kèm đôi tay vung vít hoang phí của "phá gia chi tử."

Anh được làm rể, được

cha vợ chỉ dạy cho nghề chụp ảnh. Hai vợ chồng được cho cả một căn hộ riêng sau ngày thành hôn. Làm vợ làm chồng được hơn một năm, vợ anh sinh được đứa con gái, anh mừng như bắt được kho vàng. Vừa học vừa hành nghề chụp ảnh, anh lại phải vừa chăm nom đứa con cưng, vì vợ anh chẳng hề biết cưng thương con, thậm chí còn rùng mình xem con như của nợ đáng né tránh. Suốt ngày chưng diện se sua, vợ anh đã không tránh khỏi chuyện mè o mỡ lảng nhăng, nhập băng cặp bồ với những tay chơi đảng điểm. Và rồi, vợ anh lặng lẽ đem giấy tờ nhà thế chấp tại ngân hàng để vay một khoản tiền to dùng đủ xài thoải mái trong những ngày ngao du sơn thủy với người tình mới...

Nhà cửa bất ngờ bị tịch biên, anh ôm con mang về nhà cho mẹ mình cứu mạng, để hằng ngày đeo máy ảnh lang thang chụp dạo cho khách du lịch ở bãi biển, và các danh lam cổ tự... Người cha vợ có một ki-ốt ảnh ở khách sạn lớn ven bờ biển, đã thương cho hoàn cảnh chàng rể nên gọi anh đến trông coi, vừa bán phim vừa chụp ảnh cho khách. Công ăn việc làm tưởng như vậy là ổn, không ngờ anh lại gặp tai nạn nghề nghiệp khiến cho người cha vợ phải hất bay anh vắng ra khỏi chỗ làm ăn sinh kế. Chỉ vì non nớt suy nghĩ, anh đã gửi đến báo tình nhà một tấm ảnh có bình thơ phê phán cảnh cờ bạc đỏ đen của đám tài xế trong khuôn viên khách sạn. Tưởng làm vậy là giúp cho khách sạn đẹp hơn, sẽ được khen thưởng, ai dè bị phản tác dụng, Ban giám đốc khách sạn bị Sở Du Lịch khiển trách nặng nề, bèn giận cá chém thớt mắng rủa cha vợ của anh, đòi cắt hợp đồng với cái ki-ốt ảnh nằm trong sân khách sạn. Cha vợ anh giận run, trút hết tội lỗi qua cho chàng rể, và vậy là anh bị hất vắng ra khỏi đất khách sạn, bị đòi lại chiếc máy ảnh hành nghề, tay trắng chơ vợ trở về nhà ôm con nhỏ mà than thân trách phận.

Anh bắt đầu giải sầu rượu, say khướt mỗi đêm, lang thang suốt ngày như kẻ thất thần... Một hôm tình cờ gặp lại bạn cũ, anh như kẻ đang vẫy vùng giữa biển khơi lại vớ được chiếc phao cứu sinh thật đúng lúc. Bạn anh vốn là một nhà văn, chuyển sang viết báo, tên tuổi cũng đã vang dội cả nước, thấy bạn lâm cảnh thương tâm nên đã giúp cho anh vốn liếng: máy ảnh, xe đạp, áo quần, và còn hướng dẫn anh từng bước gia nhập làng báo, cộng tác với trên hai mươi tờ báo từ trung ương đến địa phương bằng những ảnh báo chí, cũng như ảnh nghệ thuật. Cuộc sống của anh ổn định từ đó, anh quên bẵng đi người vợ bạc tình đã bỏ xứ đi biệt không một tin tức từ bao năm qua... Cứ mỗi dịp Tết, anh xách máy về xóm Cù Lao để chụp ảnh, đó là đất làm ăn của riêng anh, không có cạnh tranh, anh lặng lẽ một mình một cõi hành nghề và thầm cảm ơn trời đã ban tặng đặc ân cho mình...

Anh trở thành người quen thân thiết của xóm Cù Lao. Cứ mỗi dịp Tết, anh về với xóm, được cả xóm niềm nở đón chào như đón một người hàng xóm vừa đi xa về. Xuân tàn Tết hết, anh lại mất tăm biệt dạng, để rồi lại trở về khi mai vàng rộ nở... Định mệnh đã khiến anh dừng chân nghỉ ngơi, dùng bữa cơm trưa thân mật với người góa phụ có hai con nhỏ. Anh gặp chị, như gặp bao khách hàng khác trong xóm Cù Lao, nhưng một sợi dây trói vô hình đã buộc hai cuộc đời của hai con người cô đơn lại với nhau sau những cuộc chuyện trò thăm hỏi, và sau những giờ phút lắng nghe nhau thổ lộ tâm sự thầm kín. Từ sự đồng cảm, anh và chị cùng trao cho nhau, tặng cho nhau chính thứ mà mình đang thiếu thốn. Anh đã ở lại với chị, vui cùng hai đứa con riêng của chị, chỉ trong ba ngày ba đêm mỗi dịp Tết hằng năm, rồi chị buông ra cho anh lặng lẽ rời khỏi cái tổ nhỏ nhôi nghèo hèn với một lời hẹn tái ngộ mong lung ...

Anh thua chị đến bốn tuổi. Chị thật già héo, xấu xí bên anh. Nhưng những chuyện ấy đã không còn nghĩa lý gì giữa cuộc đời có quá nhiều khổ đau. Chị cần cảm nhận được hạnh phúc, anh cũng cần cảm nhận được hạnh phúc, dù chỉ là khoảnh khắc ngắn ngủi, dù chỉ là phút giây chớp nhoáng như ánh chớp trên nền trời âm u đen đúa. Miến là cả hai đã trao cho nhau chân tình, không màu mè giả dối, không dãi bôi tuồng kịch, rồi có chia tay cũng để lại cho nhau một hình ảnh thơ mộng như thơ. Đã ba cái Tết anh đến với chị, với hai đứa con của chị như vậy, người trong xóm ai cũng biết chuyện, vậy mà không một ai hỏi han hay động chạm gì đến chuyện giữa chị và anh chàng nhiếp ảnh. Chị biết mọi người đều thông cảm cho hoàn cảnh mẹ góa con cô của chị, xem chuyện của chị và anh là một chuyện vô cùng nhạy cảm, động đến không khéo sẽ làm đổ vỡ, sờ sẫm đến sẽ làm tan biến như khói mây, nên tốt hơn hết là ai nấy cứ làm như người mù, câm, điếc, lờ đi như chưa từng có ai tên Tánh làm nghề chụp ảnh. Không ai nhắc hỏi đến anh, trừ hai đứa con thơ ngây bé bỏng của chị.

4- Chị không dám nói cho hai đứa con mình hay chuyện thật đau lòng đứt ruột mà chị biết một cách tình cờ trong đêm Giáng Sinh vừa qua. Đêm ấy, sang nhà hàng xóm xem truyền hình, mục "an toàn giao thông trong tình tuần qua" có đưa tin một tai nạn chết người ngay giữa trung tâm thành phố. Một chiếc xe chở gạch đã tông vào một chiếc xe máy, khiến cho một người thiệt mạng. Người xấu số là người chở, tên Lê Xương, và người ngồi sau tên Phạm A Tánh bị thương nặng, đã được chở đi cấp cứu. Chị choáng váng, thấy trời đất đảo lộn khi nghe đúng tên họ của anh. Loạng choạng về nhà, chị khóc một mình trước bàn thờ, cầu

mong là chuyện trùng tên, còn như đúng là anh thì mong anh được tai qua nạn khỏi. Chị không đủ can đảm đi tìm sự thật nơi bệnh viện. Nhà anh, chị cũng không biết ở nơi đâu, vì chị chẳng bao giờ hỏi anh địa chỉ, không ngờ chuyện không màng hỏi ấy đến khi gặp chuyện mới thấy tai hại. Chị theo dõi truyền hình ba đêm liền để nghe ngóng thêm có tin gì về tai nạn giao thông ấy, và đọc được tin ở mục quảng cáo: "Rơi giấy tờ. Trong vụ tai nạn giao thông đêm 24 tháng 12 tại đường Trần Quý Cáp, anh Phạm A Tánh là nạn nhân được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện có mang theo một túi xách bằng da si-mi-li, trong có đựng một máy ảnh hiệu Canon, và một số giấy tờ tùy thân, ai nhặt được xin mang lại đưa ông Phạm A Long, bảo vệ trường tiểu học Phước Thạnh, gia đình xin tri ân và hậu tạ." Chị ngộp thở, bước liêu xiêu về nhà với đầm đìa nước mắt khi đã biết chắc chắn chính là anh gặp tai nạn rồi. Chị chỉ còn biết khóc, ôm nỗi đau trần trọc bao đêm dài mà không hề nói cho ai hay, cũng không dám tìm đến gặp ông bảo vệ để xác minh sự việc. Chị biết, số phận đã an bài, không cho phép chị còn được hưởng những giờ phút ngắn ngủi bên người đàn ông thứ hai bước vào cuộc đời của mình với tình yêu chắp vá gán ghép, nhưng thật hạnh phúc nên thơ.

Tết này, chắc là anh sẽ không còn về với xóm Cù Lao, với căn nhà nhỏ tồi tàn của mẹ con chị. Các con chị đã nhắc hỏi đến anh ấy. Chúng đâu biết chị phải cho nước mắt chảy ngược vào tim, và mỗi khi chiều tà chị cứ ra đứng nơi cửa ngóng ra đầu hẻm để mong thấy lại được một hình bóng thân thương của người thợ chụp ảnh dạo.

Anh cũng là con nhà Phật, nhà cũng có thờ đức Quán Thế Âm, nhưng là "Bạch Y Quan Âm." Anh đã có nhiều thuận duyên đến chùa chiền vào những dịp lễ lớn, để hành nghề chụp ảnh, từ đó, anh



được nhiều tăng ni quen mặt, biết đến, và thường khuyên lơn chỉ giáo cho anh những lời vàng ý ngọc, những diệu nghĩa thâm ý của câu kinh câu chú bài kệ để áp dụng vào cuộc sống hằng ngày để giảm bớt lo lắng, phiền não.

Chị vẫn ngóng trông hình bóng của anh với tia hi vọng thoai thóp lập lờ như ánh sáng bé xiu chớm chớp của cơn đom đóm, cho dù chị rất hiểu biết về hai chữ "duyên nghiệp" mà anh Tánh thường hay kiến giải phân minh cho chị nghe:

"Hết duyên hết thì thôi, không còn gặp nhau lại nữa. Mà còn nặng nợ nặng duyên thì dù có bỏ trốn, chạy tránh đi cho xa, cũng phải gặp lại!"

Chắc có lẽ đúng như lời chị đã từng nói, và thằng Bách con chị đã nhắc lại "Mùa xuân sẽ không về với gia đình mình." Cho dù chị đã cố gắng hết sức tạo dựng dệt thêu lên một mùa xuân với đầy đủ mứt bánh, hoa quả, áo quần giầy nón, bánh tét, câu đối đỏ... làm cho bên trong căn nhà sáng sủa tươi vui lên trước

mắt hai đứa con, nhưng chị vẫn nhận biết tất cả chỉ là một bức tranh mùa xuân vô hồn vô cảm do một thợ vẽ vụng về sáng tạo trong lúc tâm thần bất ổn. Biết vậy, nhưng chị cũng phải làm người thợ vẽ vụng về ấy, vì thà rằng có chút xuân giả tạo, còn hơn không có gì...

Chiều ba mươi Tết. Chị cùng hai con đang ngồi quanh mâm cơm cúng tất niên. Mắt chị vừa được lau khô những giọt lệ sau khi chị thấp hương đứng trước bàn thờ Quan Âm Nam Hải, bên dưới có bày linh vị người chồng quá cố, và một bức ảnh chân dung khổ nhỏ của anh - người thợ chụp ảnh dạo - đã tặng chị hồi Tết năm ngoái. Hai đứa con chị đâu thấy bức ảnh "chú Tánh" thân thương của chúng. Và chị không muốn chỉ cho con mình thấy. Chị gấp miếng bánh chưng, ăn mà nghĩ nhớ đến anh, anh thích món này lắm, chị ghen ngào cổ nuốt...

Đúng lúc ấy, khách bước vào nhà. Chị nhướng mắt

nhìn lên. Khách đến hai người. Chị trở mắt lên, buông rơi hai chiếc đũa, nuốt nghẹn một cái ực, rồi vẫn ngồi trơ trơ ra đó. Thằng Bách và bé Hồng quay lại nhìn, thấy khách là một người đàn ông đi cùng một cô gái tuổi trắn tròn thật dễ thương. Không hẹn mà hai đứa cùng đứng chồm dậy reo lên:

"Chú Tánh... chú Tánh về... ề...ề..."

Hai đứa con chị bỏ chén đũa, chạy a lại ôm chầm lấy anh mà mừng vui khôn tả. Chị bần thần đứng dậy, người như bay bổng dạo mây trên trời, và thật tửu bước lại bên anh, nhìn anh đắm đuối, không nói nên lời. Anh cất tiếng chắc nịch:

"Anh dẫn bé Thảo về sống với mẹ con em đây. Chịu không?"

Chị trào nước mắt, gạt đầu. Thằng Bách hô lên:

"Mùa xuân lại về với nhà mình rồi, mẹ ơi..."

Chị ôm lấy anh, nức nở.

Và, mùa xuân đã về...

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: **Họa sĩ Tashi Norbu vẽ trực tiếp bức bích họa Phật giáo tại Bảo tàng Nghệ thuật Wyoming**

Buổi vẽ trực tiếp một bức bích họa Phật giáo của họa sĩ Tashi Norbu tại Bảo tàng Nghệ thuật Wyoming ở Laramie, Wyoming đã diễn ra vào ngày 6-11-2018.

Trong suốt một giờ vẽ trực tiếp, họa sĩ Norbu đã đọc những câu thần chú và thỉnh thoảng dừng lại để chơi một cái trống tay, và sáng tạo một bức bích họa lớn phản ánh sự rèn luyện vẽ tranh thangka Phật giáo và các kỹ thuật vẽ Tây phương của ông.

Sinh tại Bhutan, Norbu rời Tây Tạng và sống lưu vong tại Ấn Độ. Ông được đào tạo về vẽ tranh thangka tại văn phòng của Đức Đạt lai Lạt ma ở Dharamsala.

Hiện nay ông là công dân nước Bỉ và đang làm việc tại Hòa Lan.

Bức bích họa nói trên sẽ tiếp tục được trưng bày cho đến ngày 27-7-2019 và nhập vào bộ sưu tập của trường Đại học của Bảo tàng Nghệ thuật Wyoming.

(hyperallergic.com - November 9, 2018)



Bức bích họa Phật giáo được họa sĩ Tashi Norbu sáng tạo trực tiếp Photos: hyperallergic.com

HÀN QUỐC: **Phụ huynh cầu nguyện cho con tại các chùa trước kỳ thi tuyển sinh đại học**

Những ngày này, chùa chiền Phật giáo thật đông đúc, với những bà mẹ thành tâm cầu nguyện cho sự thành công của con cái trong kỳ thi tuyển sinh đại học hàng năm, vốn chỉ còn cách một tuần nữa.

Kỳ thi do nhà nước quản lý này vô cùng quan trọng đối với học sinh, vì trúng tuyển vào một trường đại học tốt có thể sẽ có được việc làm tốt sau khi tốt nghiệp trong xã hội Hàn Quốc theo định hướng nền tảng học thuật.

Vào khoảng thời gian này trong năm, nhiều phụ huynh đến viếng các địa điểm cầu nguyện trên toàn quốc, chủ yếu là đến các ngôi chùa Phật giáo, để cầu cho con cái đạt kết quả thi tốt.

(Yonhap - November 9, 2018)



Phụ huynh Hàn Quốc cầu nguyện tại các chùa trước kỳ thi tuyển sinh đại học Photos: Yonhap

HỒNG KÔNG: **Cộng đồng Phật giáo Tích Lan tổ chức lễ Kathina**

Cộng đồng Phật giáo Tích Lan của Hồng Kông đã tổ chức lễ hội Kathina (lễ Dâng Y cà sa) từ ngày 3 đến 4-11-

2018, phối hợp với Trung tâm Văn hóa Phật giáo Tích Lan của Hồng Kông (SLBCCCHK). Nó đánh dấu năm thứ hai liên tiếp lễ hội Kathina được cộng đồng này tổ chức, và là lần đầu tiên các y cà sa để dâng lên chư tăng đã được rước đi quanh Hồng Kông.

Các tình nguyện và các nhà tổ chức nói rằng lễ Kathina 2018 là sự kiện quan trọng nhất được cộng đồng Tích Lan tại Hồng Kông tổ chức cho đến nay.

Diễn ra hàng năm trong 4 tuần sau khi kết thúc khóa nhập thất mùa mưa (vassa), Kathina là một trong những lễ hội quan trọng nhất trong Phật giáo Nam Tông, trong đó người dân cúng dường y cà sa, thực phẩm và các vật dụng khác cho cộng đồng tu viện

(Buddhistdoor Global - November 13, 2018)



Phật tử chuẩn bị vải y (ảnh trên) và quang cảnh lễ Dâng y (Kathina)

Photos: Poorna Jayasinghe



**ANH QUỐC: Tiên cúng
dường trị giá 10,000 Bảng
Anh bị trộm từ trung tâm
cộng đồng Phật giáo**

Tại một trung tâm cộng đồng ở Hạt Hamshire, 10,000 Bảng tiền cúng dường đã bị mất cắp.

Cảnh sát Hamshire đã nhận cuộc điện thoại báo tin vào ngày 15-11, sau một vụ trộm đánh lạc hướng tại Trung tâm Cộng đồng Phật giáo ở High Street, thị trấn Aldershot.

Khoảng 5 giờ 15 chiều, một cặp nam nữ đi vào trung tâm cộng đồng này và xin được hướng dẫn tham quan tòa nhà.

Khi họ được dẫn đi một vòng quanh trung tâm, 5 người khác gồm một nam và 4 nữ bước vào và bắt đầu tìm kiếm trong các phòng khác nhau.

Khi cả bọn rời đi ngay trước 5 giờ 30, người ta phát hiện rằng số tiền nói trên và các hiện vật khác đã bị đánh cắp.

Trong số các hiện vật bị lấy đi có một chiếc va li đựng 10,000 Bảng tiền cúng dường, cùng với 1,000 đô la và các tài liệu cá nhân.

(TV REPORT - November 17, 2018)



*Trung tâm Cộng đồng Phật giáo ở Hạt Hamshire, nơi bị trộm 10,000 Bảng Anh
Photo: ITV Meridan*

**THÁI LAN: Đức Tăng thống
đề nghị các chùa làm việc
với dân địa phương và chính
quyền về việc sử dụng đất
nông nghiệp**

Đức Tăng thống Somdet Phra Ariyavongsagatanana đã đề nghị rằng các công viên hoặc đất rừng tu viện Phật giáo cần bỏ hàng rào và hoan nghênh việc quản lý chung thông qua việc tham gia cùng người dân địa phương và các cơ quan chính quyền.

Đề nghị này được đề ra cho các chùa và điện thờ Phật giáo vốn đang xin phép sử dụng các thửa đất thuộc thẩm quyền của Văn phòng Cải cách Đất Nông nghiệp (ALRO).

Hiện nay, hơn 100 ngôi chùa hoặc điện thờ Phật giáo mỗi nơi đang sử dụng hơn 15 rai (2.4 héc ta) đất của ALRO, với một số nơi sử dụng hơn 100 rai.

Một viên chức ALRO cho biết: Đối với các khu vực Phật giáo, Đức Tăng thống đề nghị không cần dựng hàng rào, và mỗi tu viện cũng không cần quá 1,000 rai cho những khu vực như vậy. Còn đối với các khu nhà ở của chư tăng thì có thể dựng hàng rào nhưng mỗi tu viện không cần quá 100 rai.

(The Nation - November 19, 2018)



Đức Tăng thống Somdet Phra Ariyavongsagatanana-Photo: Wikipedia

**ẤN ĐỘ: Hội nghị Phật giáo
Quốc tế về các Phật tích
tại bang Gujarat**

Vadodara, Gujarat - Một hội nghị Phật giáo Quốc tế sẽ được tổ chức tại thành phố Vadodara vào ngày 25-11-2018. Hội nghị sẽ diễn ra tại thánh phòng CC Mehta ở

trường Đại học MS, do Hội Sangha Kaya ở Gujarat và Quỹ Sankalp Bhoomi của thành phố Vadodara tổ chức.

Ông Bhante Prashil Ratna, người sáng lập Hội Sangha Kaya, cho biết hội nghị sẽ có những cuộc thảo luận liên quan đến các Phật tích tại Gujarat.

Ông nói thêm rằng hội nghị cũng sẽ đánh dấu kỷ niệm 55 năm khám phá xá lợi của Đức Phật từ làng Dev Ni Mori ở bắc Gujarat. Các xá lợi này hiện đang thuộc quyền sở hữu của Khoa Khảo cổ và Lịch sử Cổ đại thuộc Đại học MS.

Đại biểu từ Ấn Độ, Mã Lai, Tích Lan, Thái Lan, Úc Đại Lợi và Ý Đại Lợi sẽ tham gia hội nghị.

(The Times of India - November 19, 2018)

**HÀN QUỐC: Các tu sĩ Phật
giáo thực hiện nghi lễ tam-
bộ-nhất-bái trong cuộc biểu
tình tại Seoul**

Seoul, Hàn Quốc - Trong cuộc biểu tình của khoảng 30 người để yêu cầu chính phủ điều tra về cái chết cách đây 2 tháng của một công nhân nhập cư người Miến Điện, một số Hàn Quốc đã thực hiện nghi lễ tôn giáo tam-bộ-nhất-bái hiếm thấy.

Các tăng sĩ ủng hộ nhập cư này bắt đầu thực hành nghi lễ nói trên từ chùa Jogyesa - trụ sở của Phật phái Jogye của Hàn Quốc - đến dinh tổng thống cách đó khoảng 1.6 km.

Một tu sĩ cầm bức ảnh đen trắng của Than Zaw Htay, 25 tuổi, người đã rơi từ độ cao 8 mét khi cố thoát khỏi một cuộc bố ráp của văn phòng nhập cư Incheon nhằm vào những người nhập cư bất hợp pháp vào ngày 22-8-2018.

Than Zaw Htay được đưa đến bệnh viện nhưng đã chết 13 ngày sau đó. Ban đầu, cảnh sát nói rằng anh ta đã tự tử, sau đó lại thay đổi nguyên nhân là cái chết ngẫu nhiên.

Ủy ban xã hội và lao động của Tổng phái Jogye đã kêu gọi Bộ Tư pháp mở lại vụ án.

(AsiaNews.it - November 20, 2018)



*Các tu sĩ Phật giáo thực hiện nghi lễ tam-bộ-nhất-bái trong cuộc biểu tình tại Seoul
Photos:AsiaNews.it*

BHUTAN: Đài BBC vinh danh Tiến sĩ Tashi Zangmo của Ni Hội Bhutan trong số 100 Phụ nữ có ảnh hưởng nhất của năm 2018

Đài BBC (của Anh Quốc) đã vinh danh nhà hoạt động Phật giáo Bhutan Tiến sĩ Tashi Zangmo, giám đốc điều hành của Ni Hội Bhutan, trong số 100 phụ nữ có ảnh hưởng nhất của năm 2018, dựa vào những thành tựu và thành tích của phụ nữ từ hơn 60 quốc gia.

Sinh và lớn lên tại một trong những vùng xa và thôn dã nhất của Vương quốc Bhutan ở vùng Hi Mã Lạp Sơn, Tiến sĩ Zangmo theo học đại học tại Ấn Độ và Hoa Kỳ, cuối cùng tốt nghiệp với bằng Tiến sĩ từ trường Đại học Massachusetts-Amherst. Vào năm 2009, bà thành lập Ni hội Bhutan (BNF) và hiện đang điều hành hội, tìm cách giáo dục và trao quyền các nữ tu Phật giáo ở Bhutan. Hội này hoạt động cùng với khoảng 28 ni viện, giảng dạy và đào tạo các ni cô để họ trở thành những người lãnh đạo và giáo viên của cộng đồng.

(Buddhistdoor Global – November 20, 2018)



*Tiến sĩ Tashi Zangmo của Ni Hội Bhutan
Photo: facebook.com*



*Tiến sĩ Tashi Zangmo và các tiểu ni Bhutan
Photo: bhutannuns.org*

NHẬT BẢN: Đức Đạt Lai Lạt Ma cầu nguyện cho nạn nhân của các thảm họa

Ngày 22-11-2018, trong chuyến thăm nước Nhật, Đức Đạt lai Lạt ma thứ 14 đã tham dự lễ tưởng niệm các nạn nhân động đất và các thiên tai khác tại chùa Tochoji ở Hakata, Fukuoka.

Lễ tưởng niệm do Hiệp hội Phật tử Nhật Bản vì Tây Tạng và các đoàn thể khác tổ chức để vinh danh nạn nhân động đất và các thảm họa khác ở Kumamoto và Hokkaido, và nạn nhân của mưa lớn gây thiệt hại cho các vùng miền tây Nhật Bản và các vùng miền bắc Kyushu.

Sau khi tụng kinh tại buổi lễ, nhà lãnh đạo tinh thần Tây Tạng 83 tuổi đã phát biểu trước khoảng 1,800 nhà sư và công chúng.

"Nhân dân Nhật Bản đã trải qua đau khổ rất lớn, và bản thân tôi đã rất lo lắng về các bạn", ngài nói.

(Yomiuri Shimbun - November 22, 2018)



Đức Đạt Lai Lạt Ma phát biểu trong lễ cầu nguyện cho nạn nhân của các thảm họa ở Nhật Bản—Photo: Yomiuri Shimbun

INDONESIA: Hội Phật giáo KMJ cứu trợ nạn nhân động đất ở Lombok

Sau loạt trận động đất và dư chấn tàn phá hòn đảo Lombok vào cuối tháng 7 năm nay, tổ chức Phật giáo phi lợi nhuận Karuna Mitta Jaya (KMJ) đã làm việc không mệt mỏi trong nhiều tuần để ủy lạo và cứu trợ hàng ngàn người sống sót sau thảm họa.

KMJ đã cung cấp vật tư và tư vấn cứu trợ, giúp đỡ để thiết lập nhà ở tạm thời cho hàng ngàn nạn nhân - vốn phải di dời và mất nhà cửa - đang đấu tranh để phục hồi lại từ sự tàn phá giáng lên cộng đồng của họ.

Được thành lập vào năm 2012, KMJ là chi nhánh tổ chức xã hội của Hiệp hội Phật giáo Nam Tông Indonesia (KBTI) – bao gồm Tăng đoàn Nam Tông Indonesia, Hội đồng Tu sĩ Nam Tông Indonesia, Hội Phụ nữ Nam Tông Indonesia, Tổ chức Thanh niên Nam Tông Indonesia và Tổ chức Atthasilani Indonesia.

(Buddhistdoor Global – November 23, 2028)



Hội Phật giáo KMJ cứu trợ nạn nhân động đất ở Lombok, Indonesia—Photos: KMJ



ẤN ĐỘ: Hội Sanghakaya xin cấp đất để tôn trí một pho tượng Đức Phật cao 80 feet

Ngày 22-11-2018, Hội Sanghakaya, một tổ chức Phật giáo phi lợi nhuận, cho biết hội đã yêu cầu chính phủ cấp đất để tôn trí một pho tượng Đức Phật cao 80 feet tại Gandhinagar, bang Gujarat.

"Chúng tôi hy vọng sẽ sớm có được đất," chủ tịch của hội này là Bhante Prashil Ratna nói với các phóng viên tại Ahmedabad.

Ông Ratna cũng cho biết hội đang có kế hoạch thành lập một trường đại học Phật giáo ở Gujarat. "Trái với niềm tin rằng các di tích Phật giáo cổ đại chỉ tồn tại ở Bihar, Uttar Pradesh và xa hơn về phía bắc, Gujarat cũng được ban phước với những di tích như vậy".

"Giống như Nalanda và Takshashila, ghi chép của các nhà du hành Trung Hoa nói rằng từng có một trường đại học Phật giáo lớn gọi là Valabhi tại Bhavnagar ở Gujarat".

Hội Sanghakaya cũng có kế hoạch xây một tượng đài lớn tại Dev Ni Mori, một địa điểm khảo cổ Phật giáo ở huyện Sabarkanth, bắc Gujarat.

(NewsNow - November 23, 2018)

MÃ LAI: 400 tu sĩ tham dự Hội nghị Tổng hội Tăng đoàn Phật giáo Thế giới lần thứ 10 tại Penang

George Town, Penang - Chư tăng từ 27 quốc gia đã tham dự Hội nghị Hội đồng Tăng đoàn Phật giáo Thế giới lần thứ 10 với mục đích thúc đẩy sự hòa hợp trên toàn cầu. Trong số này có các đại biểu đến từ Hoa Kỳ, Úc Đại Lợi, Bangladesh, Gia Nã Đại, Đan Mạch, Anh, Pháp, Đức, Ấn Độ, Miến Điện và Tân Tây Lan.

Hội nghị lần thứ 10 do Hiệp hội Phật giáo Mã Lai (MBA) tổ chức, diễn ra tại Khách sạn Equatorial Penang từ ngày 12 đến 15-11-2018. Có khoảng 400 đại biểu tham gia, hội nghị này được xem là

lớn nhất từ trước đến nay và là một nền tảng để trao đổi ý kiến về việc thúc đẩy sự hòa hợp.

(tipitaka.net - November 26, 2018)



TÍCH LAN: Hội nghị Quốc tế lần thứ 5 của Hiệp hội Quốc tế các trường Đại học Phật giáo Nam Tông tại Colombo

Ngày 27-11-2018 tại Colombo, lễ khai mạc Hội nghị Quốc tế lần thứ 5 của Hiệp hội Quốc tế các trường Đại học Phật giáo Nam Tông (IATBU) đã diễn ra dưới sự bảo trợ của Tổng thống Tích Lan Maithripala Sirisena.

Hội nghị được tổ chức 2 năm một lần bởi IATBU, với mục đích tăng cường liên kết tôn giáo và văn hóa giữa các quốc gia tu tập Phật giáo Nam Tông.

IATBU có trách nhiệm về việc phát triển một mạng lưới toàn cầu vốn phối hợp các trường Đại học Phật giáo trên các quốc gia với Phật giáo Nam Tông, và về sự thách thức của việc xã hội hóa Đạo Pháp Nam Tông theo cách áp dụng cho thế giới hiện đại trong khi vẫn bảo tồn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

Chư tăng đại diện cho 10 quốc gia Phật giáo Nam Tông và các học giả đang tham dự Hội nghị do Tích Lan làm chủ nhà này.

(news.lk - November 28, 2018)

ẤN ĐỘ: Tôn trí tượng Phật Thích Ca bằng tre lớn nhất thế giới tại thị trấn Namsai

Itanagar, Arunachal Pradesh - Tượng Phật Thích Ca Mâu Ni làm bằng tre lớn nhất thế giới đã được cúng dường

tại Noi-Cheynam ở Tengapani (thuộc thị trấn Namsai) trong lễ hội 3 ngày - kết thúc vào ngày 16-11-2018. Người cúng dường tượng là ông Chow Te-wa Mein, thuộc Hiệp hội Ngôn ngữ Hiện đại ở Chongkham, và gia đình.

Tượng Phật Tre đã được tôn trí bên trong khuôn viên của Trung tâm Thiền Vipassana đối diện Chùa Vàng.

Tượng này được tạo tác trong quá trình 7 tháng 20 ngày bởi 9 thợ thủ công bậc thầy đến từ bang Shan của Miến Điện. Đây là tượng Phật Tre thứ 111 trên thế giới hiện nay, và cũng là tượng cao nhất và lớn nhất với chiều cao 42,7 feet.

(tipitaka.net - December 2, 2018)



*Tượng Phật Tre được tôn trí trong khuôn viên của Trung tâm Thiền Vipassana ở Namsai, AP (Ấn Độ)
Photo: The Sentinel*

HOA KỲ: Hội Phật giáo Từ Tế giúp nạn nhân cháy rừng tại California

Tổ chức nhân đạo Phật giáo Từ Tế tại Hoa Kỳ trong cuối tuần qua đã thông báo sẽ cấp phiếu nhận tiền mặt cho những người bị ảnh hưởng bởi vụ cháy Camp Fire tại Bắc California, bao gồm phần lớn thị trấn Paradise. Camp Fire là vụ cháy rừng gây tổn thất lớn tàn khốc nhất trong lịch sử tiểu bang California, với ít nhất 85 người chết và kinh phí phục hồi ước tính hàng tỉ đô la.

"Khi vụ cháy xảy ra, điều đầu tiên mà chúng tôi làm là đến những nơi trú ẩn để tìm nơi cư ngụ cho mọi người và cấp phát chăn mền," Minjhing Hsieh, giám đốc điều hành của Hội Từ Tế vùng tây bắc Hoa

Kỳ, nói. "Và bây giờ trong giai đoạn hai, chúng tôi đang cố gắng phân phối tiền mặt đến những người sống sót. Nhiều tình nguyện viên từ Bay Area đã đến trợ giúp trong thời gian rảnh của mình. Vào đầu năm nay, nhóm này cũng đã từng giúp mọi người trong suốt vụ cháy Carr Fire ở Redding, California.

(Buddhistdoor Global – December 1, 2018)



Camp Fire là vụ cháy rừng gây tổn thất lớn tàn khốc nhất trong lịch sử tiểu bang California—Photo: tuzchi.us

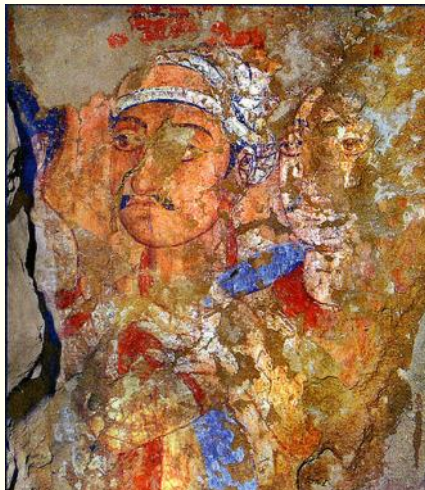
UZBEKISTAN: Bức bích họa Phật giáo cổ đại được phát hiện tại khu khảo cổ Kara Tepe

Một bức bích họa với màu sắc rực rỡ, có niên đại từ thế kỷ thứ 2 hoặc thứ 3, đã được tìm thấy tại miền nam nước Uzbekistan. Các chuyên gia nói rằng bích họa này cung cấp một cái nhìn thú vị về sự truyền bá và phát triển của Phật giáo thời kỳ đầu dọc theo Con đường Tơ lụa cổ xưa.

Bức bích họa nói trên có chiều rộng 1 m và chiều dài 1m, được phát hiện trong một căn phòng bằng đá tại khu khảo cổ Kara Tepe ở ngoại ô thành phố Termez vào năm 2016.

Gần đây, những hình ảnh của bức bích họa đã được công bố cho công chúng với sự đồng ý của Viện Hàn lâm Khoa học Mỹ thuật Uzbek. Một chuyên gia nhận định rằng bích họa này có thể là một phần của một tác phẩm lớn hơn từng mô tả cuộc đời của Đức Phật.

(Buddhistdoor Global – December 4, 2018)



Những hình ảnh của bức bích họa Phật giáo cổ đại tại Kara Tepe—Photos: asahi.com



*Khu khảo cổ Kara Tepe ở ngoại ô thành phố Termez (Uzbekistan)
Photo: pmadventure.com*

ĐÀI LOAN: Triển lãm Phật giáo Nam Tông tại Bảo tàng Yonghe

Để kỷ niệm 17 năm thành lập, Bảo tàng Tôn giáo Thế giới ở quận Yonghe của thành phố Đài Bắc đã tổ chức một cuộc triển lãm đặc biệt về Phật giáo Nam Tông.

Chung Wei-kai, người lập kế hoạch triển lãm, nói rằng triển lãm này nhấn mạnh lịch sử, văn hóa và thực hành tâm linh của Phật giáo nam Tông để bối cảnh hóa các hiện vật trưng bày, bao gồm các tượng Đức Phật và các vị thần, cũng như các bình lọ nghi lễ và kinh sách.

Ông Chung cho biết phim, bản đồ và các hình thức giải trí về những cảnh từ các lễ hội tôn giáo đã được chuẩn bị cho khách tham quan bảo tàng. Triển lãm sẽ kéo dài đến ngày 21-4-2019.

(Taipei Times – December 6, 2018)



Triển lãm Phật giáo Nam Tông tại Bảo tàng Yonghe, Đài Bắc (Đài Loan) Photo: Taipei Times

ĐI VỀ ĐÂU?

*Đời người ví thử hạt mưa ngẫu.
Xuống trước giọt rơi, giọt tiếp sau.
Sau trước, trước sau, chung điểm tới.
Không rời, tí tách, nói theo nhau.*

*Đi trước người đà, kẻ tiếp sau.
Băn khoăn thắc mắc, ngày cuối đâu?
Về đâu tự hỏi, về đâu ríu?
Thắc mắc mà chi, chỉ nhưc đầu!*

*Ta đến từ đâu, ta về đâu?
Đi, về cùng một nghĩa như nhau.
Từ đâu ta đến, ta về đây
Điểm bước ra đi, điểm khởi đầu!*



CÁT BỤI TÌNH SAY

*Trăm năm cát bụi, trả một ngày
Khoai củ trần ai, cuộc tình say.
Điểm hẹn cuối cùng, từ tới đích
Cớ chi ngày tới, phải loay hoay?*

*Quá thời tay động, với hàm nhai
Tháng rộng ngày dư, đủ đông dài.
Bè bạn rưng rưng, mừng hợp mặt
Lặng người - đếm thử - với... đốt tay!*

thơ

PHAN ANH

Góc phố xưa

TN DIỆU PHÚC

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Bọn trẻ chúng tôi có năm đứa nhưng không phải là ngũ quý đâu. Đó là sự kết hợp hài hòa đáng yêu của năm khuôn mặt “đặc biệt”: Người lớn nhất là anh Long, dân xứ dừa Bến Tre mà chúng tôi thường gọi là “anh Năm Ngọng.” Thứ hai là chị Liên, chị có khuôn mặt dễ thương với màu da đồng nung của người Khơme mặc dầu chị vốn là người dân Cần Thơ chính hiệu. Thứ ba là anh Dũng, sinh trưởng tại Sài Gòn cùng tuổi với chị Liên. Còn lại tôi và Lạc là hai chú tiểu nhỏ.

Ngoại trừ anh Dũng “thiếu gia” con của ông bà cúng đất chùa nhà ở bên cạnh, còn bốn chúng tôi đều sống chung dưới một ngôi chùa nhỏ gần ngoại thành. Chúng tôi cùng học chung một trường nhưng khác lớp. Anh Năm Ngọng và chị Liên dĩ nhiên là đại ca của chúng tôi. Dân miền quê lên phố mang theo hơi hướng của làng quê sông nước phù sa. Nhiều hôm đang tụng kinh, tôi chợt lắng nghe các bạn “nổi hứng” lên giọng thật to: “Án tô rô, tô rô, bát ga tô rô, bát ga tô rô...” (Án tô rô, tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô...). Thế là tán tâm, mọi người cùng cười. Người tụng vô tình cũng cất tiếng cười theo. Sư phụ phải tăng hắng, đại chúng mới tụng tiếp được. Hai anh chị luôn bày ra những trò chơi thật thú vị và hấp dẫn để thu hút ba chúng tôi vào cuộc, nếu có những sự cố xảy ra thì đại ca Năm Ngọng của chúng tôi sẽ là người hứng mũi

chịu sào. Vốn đã ngọng, mỗi khi gặp sư phụ giảng cho một roi vào đất thì anh Năm còn ngọng ngịu hơn.

Tôi vốn là đứa trẻ tương đối hiền lành và nhát đòn nhất bọn, nhưng tôi đâu nề đi riêng một mình. Chúng tôi luôn “sống chết có nhau và có họa cùng chia, có phúc cùng hưởng.” Vắng đòn được ít hôm, anh Năm và chị Liên lại bày ra trận đồ khác...

Sư phụ thường vắng chùa vào buổi sáng cũng là thời gian chúng tôi không đi học. Đó chính là lúc anh Năm bày ra những cuộc vui. Ông bà ta nói: “Đi đêm có ngày gặp ma.” Đây không phải gặp ma mà là... gặp Sư phụ! “Buổi mai hôm ấy là một buổi mai...” có rất nhiều chuồn chuồn bay là đà trong không gian yên lặng, chúng đáp xuống những lá sen tròn còn đọng vô số giọt sương màu bạc. Chị Liên lên tiếng: “Đứa nào để chuồn chuồn cắn rốn sẽ lợi giới”. Chúng tôi tin như vậy. Thế là cả bọn (trừ tôi) nhảy xuống ao lội, đập nước tung tóe. Bất phước sư phụ đột ngột về. Anh Năm Ngọng vượt mặt định thần lăm bắm: “Sao hôm nay sư phụ làm việc về sớm vậy ta?!” Lần này sư phụ không cho roi mà cho chúng tôi quỳ hương trước bàn tổ. Nhìn cây hương quá dài, tôi bỗng thấy cực nghen chặn ngang cổ, nước mắt chực tuôn trào. Đợi cây hương tàn có lẽ đời tụi con cũng tàn theo quá sư phụ ời! Quỳ được một lúc, anh Năm

sáng kiến: “Mấy em đừng sợ, anh Năm có cách”. Nhìn quanh không có ai, anh ấy đứng dậy bẻ bớt cây hương một khúc rồi thả lại và quỳ xuống. Lát sau sư phụ vào thấy đứa nào cũng quỳ ngay ngắn; và lại, cây hương cũng gần tàn nên cho phép chúng tôi đứng dậy. Sư phụ đâu ngờ bầy đệ tử của sư phụ như một bầy khi nhò ranh ma.

Thường thường mỗi ngày đi học, sư phụ đều cho chúng tôi tiền để đi xe ngựa nhưng chúng tôi ít khi nào leo lên xe, không phải vì tiết kiệm hay vì lòng từ thương con ngựa gầy chạy lộc cộc giữa trưa nắng gắt mà vì chúng tôi tuân theo mệnh lệnh của chị Liên:

“Đề dành tiền ăn kem, ăn chè”. Món chè đậu trắng nước dừa, mới chỉ nghe tiếng rao thôi cũng đủ làm cho người nghe cảm thấy được vị ngọt và béo của nó. Rồi chè bông cỏ có mùi dầu chuối thơm ngát mũi, tuyệt vời nhất là món sirô đá bào.

Thời gian hoạt động tích cực nhất của chúng tôi là mỗi buổi chiều đi học về; chúng tôi chẳng khác gì nhà vua “vi hành”. Do đó, chúng tôi chứng kiến biết bao cảnh đời trên con phố đông người, từ trường học ở bùng binh Cây Gõ về đến Phú Lâm. Vui nhất là đi học vào mùa mưa - Sài Gòn mưa cũng không giống ai: nước trút ào xuống rào rào một chút xíu rồi ráo hoảnh. Trời chợt nắng, chợt mưa giống như trẻ con chợt khóc, chợt cười.

Thời gian trôi qua...



Street life in Saigon.jpg (Wikipedia)

Thế là tôi và tiểu Lạc phải chia tay các anh chị để theo sự phụ về một thành phố khác. Có một ngày, tôi trở về thăm lại phố xưa. Thành phố bây giờ đổi thay nhiều quá. Tôi lơ ngơ tìm lại sạp báo ở góc đường tôi đã từng ghé đến mỗi cuối tuần. Tôi như thấy bóng dáng ông Tàu già bán bánh tiêu giò cháo quấy rào bước đầu đây. Trường cũ, chiếc xe thổ mộ cộc cạch như một điệu nhạc vui trên đường ngày nào, tìm đâu thấy?! Thay vào đó là những dãy lầu cao chói vót, xe cộ tấp nập rầm rào cùng dòng người hối hả qua lại trong làn khói xe đen ngịt.

Hỏi thăm, tôi được biết anh Năm Ngọng bây giờ làm chủ nhiệm một cơ sở sản xuất ở Bến Tre, chị Liên lấy chồng không biết ở đâu, anh Dũng đi nước ngoài với gia đình. Và

người bạn đồng hành của tôi là tiểu Lạc cũng rời xa thầy trò chúng tôi để bước xuống đời đi con đường khác. Cuộc đời có quá nhiều ngã rẽ, mong sao “trăm sông đổ về biển cả” để có một ngày nào đó chúng tôi có duyên gặp lại?

Chiều nay, một buổi chiều cuối xuân trời Sài Gòn hơi se gió, tôi thả bộ chậm chậm trên vỉa hè của khu phố ngày xưa dưới bóng những dãy cao ốc hiện đại. Bất chợt, tôi trông thấy giữa khoảng trời không hiện ra áng mây màu tím của hoàng hôn nơi góc phố. Không gian này làm tôi nhớ quá tiếng đàn bầu réo rắt của ông Tư Đờn vào những buổi trưa đứng nắng chúng tôi chân sáo đến trường.

Thay đổi không đồng

nghĩa với sự mất hẳn – tôi nghĩ như vậy. Có những thứ tuy vô hình nhưng vẫn còn đọng lại với thời gian; ví như tình yêu của tôi – cũng có thể là của nhiều người đối với Sài Gòn. Một Sài Gòn đất chật người đông mà vẫn luôn bao dung cởi mở, nó ngọt bùi bình dị như món khoai hấp lá dứa nước dừa. Sài Gòn, nơi đã dang tay đón chào chúng tôi một thời trẻ dại đủ lớn khôn trên mảnh đất tình người, để có ngày chúng tôi như đàn chim vỗ cánh bay xa.

Một đám trẻ con trong hẻm nhỏ vụt chạy tủa ra đường mang theo những tiếng cười giòn giã vô tư. Tôi như nghe lại tiếng cười hồn nhiên của tuổi thơ tôi cùng các anh chị thuở nào. Tiếng cười lan xa những dư âm vang vọng cả một đời người.

TÔI LÀ NGƯỜI BIẾT SỢ

Bạn ơi,
Đừng tưởng tôi là người gan dạ.
Không,
Tôi là người nhát sợ.
Thay vì vào các diễn đàn, Facebook, Twitter đọc tin nhảm rồi
tranh luận,
Tôi tụng kinh
Thay vì để đầu óc lang thang, có thể nổi điên hay trầm cảm,
Tôi niệm Phật.
Thay vì ngồi ăn nhậu, tán dóc với bạn bè, sinh ảo tưởng,
Tôi làm việc.
Thay vì tranh cãi những chuyện ruồi bu, gây thù oán,
Tôi đọc sách.
Để viết ra những gì lợi lạc cho đời.
Và trau dồi thêm kiến thức.
Thay vì hút xì-ke để tìm ảo giác,
Tôi vận động, sức khỏe giữ gìn.
Thay vì ném tiền qua cửa sổ,
Tôi tiết kiệm.
Để cho con cháu hay làm việc thiện sau này.
Thay vì để thời giờ vô bổ, tôi thăm hỏi gia đình, bè bạn.
Tôi giữ gìn Chánh Niệm từng giây từng phút.
Tôi kính trọng mọi người,
Kể cả các ông bà homeless (*)
Qua câu chào lễ phép.
Và rất sợ chạm tự ái người ta.
Vì thế luôn luôn nhường nhịn.
Chấp nhận phân thua.
Vì mong cầu cuộc sống an lành.
Tôi hiểu rằng cuộc đời này ở đâu cũng thế.
Phải đối phó với muôn vàn gian khổ.
Nam Hàn giàu mạnh như thế đó,
Sao quá nhiều người tự sát?
Đừng nhìn qua trời Đông, trời Tây rồi mơ ước.
Với Trí Tuệ và nghị lực vươn lên chúng ta sẽ có.
Sự nghiệp và hạnh phúc trong đời.
“Thất bại là mẹ thành công.”
Vấp vấp chó ngã lòng.
Khổ đau chó tự tử.
Bạn ơi,
Ngoài ra tôi còn là người rất sợ.
Sợ lời thô với cảnh sát,
Sợ luật pháp, sợ đôi co.





Sợ gây chiến, oán thù.
Sợ những hành vi tàn bạo.
Và những lời gian dối.
Ngoài ra lại còn sợ thói đòi kiêu căng phách lối.
Sợ chốn tụ họp đông người.
Sợ nói lời cay nghiệt.
Và nhất là tạo nghiệp.
Tạo nghiệp không chỉ gây tội cho mình,
Mà còn cho con cháu mai sau.
Không có gì tổn hại cho con cháu đời sau bằng tạo nghiệp!
Bởi vì chết đi, nghiệp vẫn còn.
Dù chỉ một lời nói.
Một lời nói có khi còn độc hơn gươm súng.
Vì Đức Phật muốn khai mở trí tuệ chúng sinh lớn như biển cả.
Cho nên tôi sợ những tư tưởng hẹp hòi.
Và cả những thái độ cực đoan, quá khích.
Tư tưởng hẹp hòi sẽ giết chết lòng Từ Bi và Trí Tuệ.
Và giết chết luôn cả lòng nhân ái của con người.
Vì sợ người đời mai mỉa.
Cho nên tôi không chạy chọt đút lót để vươn lên.
Không thủ đoạn mảnh mung, gian dối.
Mà bằng tài năng, đức độ.
Đó là sự nghiệp bền vững muôn đời.
Ngoài ra,
Tôi còn cố huân tập đức tính bao dung,
Thông cảm cho người.
Vì là người ai cũng có lần lầm lỗi.
Nhưng xin bạn nhớ cho.
Tôi không phải ông thần ông thánh.
Mà chỉ là một Phật tử tâm thường.
Một Phật tử luôn luôn biết sợ.
Vì chỉ mong cuộc sống yên bình.
Mà cuộc sống yên bình chính là Cực Lạc.
Cuối cùng,
Xin bạn nhớ cho,
Biết sợ là giữ gìn Chánh Niệm.
Là sống trong Tỉnh Thức, an lành.

thơ

ĐÀO VĂN BÌNH

(California ngày 8/12/2018)

(*) Người vô gia cư ở Mỹ.

CỔNG HIỂN LỚN LAO CỦA FRIEDRICH NIETZSCHE

Nguyễn Hoàng Quý

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Sinh ra trong một gia đình đạo dòng; cha ông nhiều đời là mục sư phải Lutheran ở nước Đức, nhưng khi trưởng thành thấy ra các giáo điều trong niềm tin Cơ đốc giáo là sai, ông là người đã thốt lên:

"Thượng đế đã chết"

ở nhiều chỗ trong các tác phẩm như *The Gay Science*, *Thus Spake Zarathustra*.

Vì Sự thật, vì những khám phá trong triết học, trong sự hiểu biết của mình— giữa lòng Âu châu Kitô giáo mười mấy thế kỷ—ông đã dám thốt lên lời như thế, và tuyên bố mình là kẻ Chống-Kitô (the Anti-Christ), can đảm nhận chịu búa rìu từ giảng đường đại học đến đời sống. Để triết đường sống của Nietzsche, người ta đã cấm ông giảng dạy tại tất cả các đại học (1), mặc dù ông là một giáo sư xuất sắc, ít ra là ở môn Philology (Cổ Ngữ học).

Có thể thấy qua những gì ông viết, ông như muốn bảo với các giáo sĩ, linh mục, mục sư, học giả, trí thức Kitô giáo rằng:

Thôi, đừng tự dối mình nữa, các ông ạ. Đừng bóp nghẹt ước mơ, giam cầm Ý chí tự do của người và của chính mình; chân đường, công hãm nó. Đừng giết chết tổ chất Dionysus trong con người nó, hãy để nó tự phát triển, đừng lấy Kinh Thánh của các ông đè nó xuống, đánh đập, cầm tù, thui chột ý chí nó.

Thượng đế đã chết,

Đừng chìm ước muốn, cao vọng, mộng ước của nó, hãy để nó leo núi trập trùng, và bay cùng gió, vùn vụt cùng mây đến những phương trời vô tận.

Và với tiến triển, biến chuyển của thời đại, chính niềm tin của các ông cũng đã nhợt nhạt, đổi thay.

Với sự có mặt của Khoa học, từ Copernicus, Galileo, qua Newton, Kepler, Leibniz, Faraday, rồi J. C. Maxwell, Boltzman v.v... (TN)

Đoạn văn chấn động mà đầy xúc cảm "dữ

dội," rung động dưới đây, đối với nhiều người, là một trong những đoạn văn tuyệt vời nhất từ thế kỷ 19 đến nay trong Triết học phương Tây.

"Where has God gone?" he cried. "I shall tell you. We have killed him - you and I. We are his murderers. But how have we done this? How were we able to drink up the sea? Who gave us the sponge to wipe away the entire horizon? What did we do when we unchained the earth from its sun? Whither is it moving now? Whither are we moving now? Away from all suns? Are we not perpetually falling? Backward, sideward, forward, in all directions? Is there any up or down left? Are we not straying as through an infinite nothing? Do we not feel the breath of empty space? Has it not become colder? Is it not more and more night coming on all the time? Must not lanterns be lit in the morning? Do we not hear anything yet of the noise of the gravediggers who are burying God? Do we not smell anything yet of God's decomposition? Gods too decompose. God is dead. God remains dead. And we have killed him. How shall we, murderers of all murderers, console ourselves? That which was the holiest and mightiest of all that the world has yet possessed has bled to death under our knives. Who will wipe this blood off us? With what water could we purify ourselves? What festivals of atonement, what sacred games shall we need to invent? Is not the greatness of this deed too great for us? Must we not ourselves become gods simply to be worthy of it? There has never been a greater deed; and whosoever shall be born after us - for the sake of this deed he shall be part of a higher history than all history hitherto."

Note:

1. In 1883 he tried and failed to obtain a lecturing post at the University of Leipzig. It

was made clear to him that, in view of his attitude towards Christianity and his concept of God, he had become effectively unemployable by any German university.

(Wikipedia)

REF

<http://www.philosophy-index.com/nietzsche/god-is-dead/>

<http://www.philosophy-index.com/nietzsche/thus-spake-zarathustra/prologue.php>

<http://bigthink.com/scotty-hendricks/what-nietzsche-really-meant-by-god-is-dead>

<http://www.openculture.com/2016/11/what-did-nietzsche-really-mean-when-he-wrote-god-is-dead.html>

<http://fringe.davesource.com/Fringe/Religion/Nietzsche-The-Anti-Christ/>

http://www.age-of-the-sage.org/philosophy/friedrich_nietzsche_quotes.html

<http://www.denisdutton.com/nietzsche.htm>

http://www.newworldencyclopedia.org/entry/Friedrich_Nietzsche

<https://en.wikipedia.org/wiki/Antichrist>

<http://infidels.org/infidels/>

Cf :

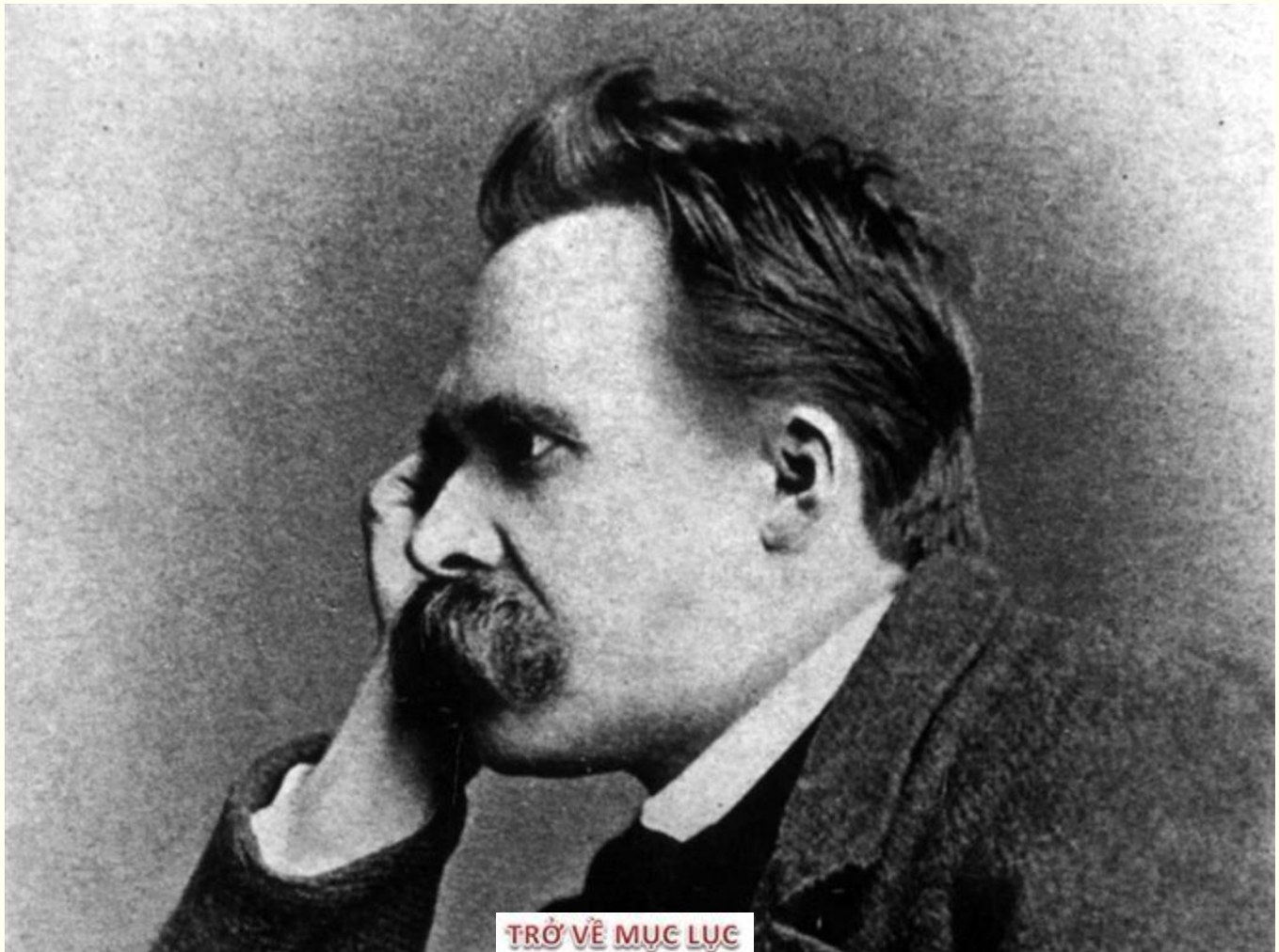
Many Protestant reformers, including Martin Luther, John Calvin, Thomas Cran-

mer, John Thomas, John Knox, and Cotton Mather, identified the Roman Papacy as the Antichrist.^[38] They held that the Antichrist power would be revealed so that everyone would comprehend and recognize that the Pope is the real, true Antichrist and not the vicar of Christ. The Centuriators of Magdeburg, a group of Lutheran scholars in Magdeburg headed by Matthias Flacius, wrote the 12-volume "Magdeburg Centuries" to discredit the papacy and identify the pope as the Antichrist. The fifth round of talks in the Lutheran-Roman Catholic dialogue notes,

In calling the pope the "antichrist," the early Lutherans stood in a tradition that reached back into the eleventh century. Not only dissidents and heretics but even saints had called the bishop of Rome the "antichrist" when they wished to castigate his abuse of power.^[39]

The Pope as the antichrist was so ingrained in the Reformation era, that Luther stated it repeatedly. For example:

"This teaching [of the supremacy of the pope] shows forcefully that the Pope is the very Antichrist, who has exalted himself above, and opposed himself against Christ, because he will not permit Christians to be saved without his power, which, nevertheless, is nothing, and is neither ordained nor commanded by God".^[40]





thơ LÝ THỪA NGHIỆP

MỘT CHÚT MÂY

*Một chút bùn một chút mây
Pha với gió sương thành quách cũ
Này chiến binh này men rượu
Cứ chiu cho say chén dã tràng.*

*Rũ bụi đường xa chiều gió lộng
Ven bờ ly khách nhớ gì đây
Cứ đợi trăng lên từ muôn dặm
Đất trời cũng đợi tiếng mưa bay.*

*Nhìn nhau lau sậy cùng ngơ ngác
Ngã tư chia đều những xác ve
Nhơn tình nhơn ngã như mây bạc
Kẻ vắng người đi chẳng nghĩ bàn.*

*Róc rách ngàn thu kinh hay kệ
Một bàn hương án một bát nhang
Mài mực vẽ ngang đường chân đế
Áo thụng trông nhau dấu bể bàng.*

NHAN SẮC NHỮNG MÙA TRĂNG

*Đầu mảy lông có hạt bụi hồng
Chứa đủ cả ba ngàn thế giới
Cứ qua sông, cứ chi nán đợi
Tiếng chèo khua động cả núi sông.*

*Trăng vẫn sáng ngàn năm da diết
Và lòng tôi vời vợi tận thiên hà
Xin chớ hỏi với tro tàn sinh diệt
Giữa nguồn cơn an lạc thiên na.*

*Từng đàn sáo bay ngang trời như huyền
Ta ngồi đây với chén rượu muôn đời
Hương tóc cũ, chiều nay thơm hương biển
Những chân trời đỏ máu những đường môi.*

*Ngồi xuống đây và chớ nói năng
Đêm sẽ tận và ngày lên hào sảng
Hoa sẽ nở giữa lòng người vô hạn
Mặt đất này, nhan sắc những mùa trăng.*

NIỆM PHẬT KÝ SỐ

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

*Niệm Phật vang khắp mười phương,
Nhờ đó, dứt khổ ba đường ác ngay
Niệm Phật ký số thật hay,
Cố gắng thực tập hằng ngày rồi xem.
Trước kia, niệm Phật ngày đêm,
Miệng niệm, tâm loạn chẳng đem lợi gì.
(Nay) Niệm Phật Ký Số hành trì,
Tai nghe, miệng niệm, tâm ghi rõ ràng.
Mười câu đúng cả hoàn toàn.
Phiền não, ái dục,... "đầu hàng", lánh xa.
Muốn được vậy, phải nhớ là:
Luôn giữ Tâm Tịnh là ta đạt rồi.
Lúc đầu Tâm rất "lôi thôi",
Ngao du đây đó, chẳng "ngồi" yên đâu
Cổ khi mất cả năm đầu,
Tâm luôn như vậy, đừng rầu làm chi.
Khi Tâm Tịnh, vui nào bì.
Chỉ câu niệm Phật khắc ghi trong lòng.
Lâm chung, niệm Phật cầu mong,
Phật rước về cõi non bằng Tây Phương.
Nếu được vậy, đời tỏa hương !
Tự lực, Tha lực con đường phải theo.*

Trên đây, chúng tôi chỉ ghi lại những ý chính của bài Niệm Phật Ký Số. Để quý vị biết rõ về sự quan trọng của việc Niệm Phật Ký Số, chúng tôi xin ghi thêm một số chi tiết nữa như sau:

(1): Tại sao nên chọn pháp môn Tịnh Độ:

Người ta thường nói niệm Phật là pháp môn dành cho ông già, bà cả, dành cho hạng ngu phu, ngu phụ nên khi chọn Pháp Môn Tịnh Độ để hành trì, chúng tôi rất ngại ngùng, không dám nói với ai. Nhưng sau khi tìm hiểu và thực hành, chúng tôi nhận thấy lời nhận xét trên không chính xác. Lý do là họ nghĩ, chỉ cần hằng ngày miệng cứ niệm danh hiệu "Nam Mô A Di Đà Phật" là xong. Thật sự đâu có phải dễ dàng như vậy. Trong bài giảng của Hòa Thượng Tuyên Hóa tựa đề: "Thường Xuyên Niệm Phật, Quốc Thái Dân An" có câu:

*Miệng niệm Di Đà, tâm tán loạn,
Cổ khô, tiếng khản, chỉ uống công.*

Từ hai câu thơ trên, ta thấy niệm Phật muốn có kết quả, phải giữ tâm không tán loạn, không để vọng niệm xen vào, có nghĩa tâm phải Tịnh lúc niệm Phật. Khi đạt được yêu cầu này, câu niệm Phật sẽ đem lại rất nhiều kết

quả thù thắng. Ở đây chỉ xin ghi lại một số điểm chính như:

- * Niệm Phật một câu, phước sinh vô lượng.
- * Lễ Phật một lạy, tội diệt hà sa.
- * Chỉ tâm niệm Phật một câu, tiêu trừ được trọng tội trong 80 ức kiếp sinh tử.
- * Niệm Phật sẽ trừ được phiền não, vọng tưởng,...
- * Niệm Phật: Tiếng vang xa khắp 10 phương. Ba đường ác được nhờ vào đó mà dứt khổ.
- * Niệm Phật khi lâm chung sẽ được sanh về Tịnh Độ.
- * Niệm Phật lâu ngày sẽ tự đạt được Nhất Tâm Bất Loạn.

Cầu mong những ai từ trước đến nay chưa chọn một pháp tu nào, có nghĩa là đi chùa nào dự khóa lễ cũng được, sau khi đọc phần trên đây, hãy chọn ngay pháp môn Tịnh Độ vì rất có lợi cho đời sống tâm linh.

Xin có bài thơ sau đây tặng quý vị:

Được thân người khó biết bao!

Tin tu Tịnh Độ sướng sao cuộc đời!

Chết, biết chỗ về là nơi:

Quê hương Cực Lạc tuyệt vời lắm thay!

Đọc kinh Di Đà thấy ngay,

Lời chân thật, Phật dạy bày trong kinh.

Biết rồi gắng tu nhiệt tình,

Chỉ thành niệm Phật, mới thật tin đúng đường.

(Chỉ thành, Chỉ tâm, Nhất tâm niệm Phật là câu niệm Phật không có vọng niệm xen vào)

(2): Muốn đạt được niệm Phật nhất tâm, phải ứng dụng pháp Niệm Phật Ký Số:

Xin được trích dẫn Pháp Thập Niệm Ký Số của Ấn Quang Đại Sư như sau:

Nếu vọng niệm vẫn còn nổi sóng thì dùng pháp thập niệm ký số (nhớ số bằng mười niệm): đó là trong lúc niệm Phật, từ một đến mười câu phải niệm cho phân minh, lại phải nhớ phân minh, đến mười câu là thôi. Lại phải niệm từ một câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi. Niệm đâu nhớ đấy, không được lần chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu nhớ thẳng vào mười câu thấy khó thì chia thành hai hơi, tức là từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười.

Nếu vẫn thấy mệt, nên niệm từ câu 1 đến câu 3, từ câu 4 đến câu 6, từ câu 7 đến câu 10, chia làm ba hơi để niệm. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, vọng niệm không chỗ chen chân, nhất tâm bất loạn, niệm lâu ngày sẽ tự đạt được.

Ấn Quang Đại Sư

(Văn Sao Tinh Hoa Lục)

Phần Thực Tập: Chúng tôi xin mạo muội chia sẻ cùng quý vị phần dưới đây mà chúng tôi đã hành trì được mấy năm và thấy có kết quả.

(2a): Để dễ nhận biết mình ký số đúng hay sai, ở đây, chúng tôi dùng nhạc niệm Phật 4 chữ (A Di Đà Phật), 5 câu để kiểm chứng. Cứ niệm 5 lần danh hiệu A Di Đà Phật, ký số từ 1 đến 5. Tiếp là ngừng để nghe 5 lần danh hiệu Phật theo sau, ký số từ 6 đến 10. Và cứ theo chu kỳ đó, niệm mãi mãi. Lúc niệm hay ngừng để nghe, chỉ có 5 lần danh hiệu Phật thôi. Ký số đủ 5 lần là đúng. Còn thiếu hoặc thừa là tâm ta bị loạn động rồi.

Lúc đầu mới tập tu Niệm Phật Ký Số, chúng ta nên dùng cách niệm Phật có nhạc này vì âm thanh nhẹ nhàng làm ta cảm thấy rất thú vị. Do đó ta có thể niệm Phật nhiều mà không nản.

(2b): Tiếp theo xin đề nghị dùng máy niệm Phật tiên tiến, với “thẻ nhớ” gồm nhiều bài Pháp rất hay. Trong “thẻ nhớ” này, mỗi máy có cách niệm Phật không giống nhau.

Nên chọn cách niệm Phật bốn chữ A Di Đà Phật, không có nhạc, tốc độ vừa, rất dễ niệm thầm 10 câu và lắng nghe 10 câu, ít thấy mệt. Sau này, khi đã thuần thục, ta có thể chọn cách niệm A Mi Đà Phật vì trong nhiều máy niệm Phật, cách này niệm khá nhanh. Hòa Thượng Thích Trí Tịnh nói niệm “A Mi Đà Phật” với tốc độ nhanh ta không cảm thấy mỏi miệng vì niệm MI thì không uốn lưỡi mà niệm DI thì phải uốn lưỡi.

Ấn Quang Đại Sư dạy không nên dùng chuỗi khi Niệm Phật Ký Số. Nhưng vì chúng ta còn đang trong thời kỳ thực tập, nếu không dùng chuỗi, thật khó kiểm chứng ta ký số đúng hay sai. Vậy nên, chúng tôi đã dùng chuỗi nhỏ 21 hạt để thực hành như sau:

* Nghe máy Niệm Phật và Niệm thầm (không nên niệm lớn tiếng vì rất mau mệt) 10 danh hiệu A Di Đà Phật vừa ký số từng danh hiệu trong trí vừa lần hạt. Đủ 10 là ngừng. Tiếp theo là lắng nghe 10 danh hiệu Phật, cũng vừa ký số từng danh hiệu trong trí và vừa lần hạt. Cuối cùng, thấy còn thừa 1 hạt (vì là chuỗi 21 hạt) là ta ký số đúng. Cứ vậy thực tập liên tục. Phải mất một thời gian dài, mới thực hành tốt theo cách này. Khi đã thuần thục rồi thì lúc nào cũng nên dùng trí để ký số, không nên dùng chuỗi hạt nhỏ nữa.

Muốn nghe một mình thì cầm dây nghe vào tai, phải vặn lớn volume mới nghe được. Nhớ để phần phát âm làm sao cho âm thanh hướng ra phía ngoài. Đừng chia thẳng nút nghe vào tai. Coi như ta nghe âm thanh từ ngoài đưa



vào sẽ không nhức tai.

(2c): Phải thực hành cách TU MÔT để có thể NHỚ PHẬT, NIỆM PHẬT:

Dưới đây là lời của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh nói về “Tu Môt” trích từ: “Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh Dạy Về Nhất Tâm, Tinh Tấn Và Chuyển Hóa Vọng Niệm” (Nguồn: Đường Về Cõi Tịnh.):

Nếu huynh đệ thực hành một thời gian rồi nghiệm lại sẽ thấy “tu mô-t” lại nhiều hơn thời khóa tu hành chính. Vì thế nếu bỏ qua tu mô-t thì bỏ phí rất nhiều thời gian.

Hai cách niệm Phật ghi trên dùng tu một mình ngoài thời khóa rất tốt. Cứ rảnh là mở máy niệm Phật nghe và thực hành. Đó là Tu Môt, chắc chắn sẽ đem lại kết quả rất nhiều vì “năng nhất, chặt bị”.

(2d): Để đạt hiệu quả cao, chúng tôi đề nghị:

(2d.1): Nên có máy niệm Phật luôn mở nghe giữ bên mình cho những người già, người thường làm việc bằng chân tay và người có nhiều thời giờ rảnh rỗi. Điều này rất có lợi vì hằng ngày có khi ta phải nói chuyện với một ai đó. Nếu không có máy niệm Phật bên mình, khi dứt chuyện, tâm ta sẽ rong chơi đây đó liên. Còn có máy niệm Phật, câu niệm Phật vang lên bên tai, sẽ nhắc ta nhớ niệm lại ngay. Ngoài ra, lúc đầu mới tập tu Niệm Phật Ký Số, có khi dây nghe vẫn gắn vào tai, tâm ta vẫn rong ruổi khắp nơi. Nhưng rồi do có máy niệm Phật ở bên, câu niệm Phật sẽ trở lại với ta ngay.

(2d.2): Nhờ có máy niệm Phật, ta áp dụng cách niệm thầm 10 câu và ngừng để nghe 10 câu, ta vẫn không thấy mệt nên có thể niệm lâu được. Mở lớn để nghe khi không sợ làm phiền người xung quanh. Nếu không mở lớn được thì cầm dây nghe vào tai,

(2d.3): Lúc đi xe luôn có CD hoặc máy niệm Phật. Lên xe là mở máy nghe ngay. Áp

dụng một trong 2 cách (2a), (2b) ở trên. Lúc nào cũng nhớ ký số từ 1 đến 10.

Người quyết tâm tu trì, chờ để thời gian trôi qua lãng phí. Hãy nghe, niệm thầm và ký số đúng bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu. Chẳng hạn nên niệm thầm lúc nấu cơm, rửa chén, quét nhà, quét sân, thậm chí ngay cả khi ăn cơm cũng vẫn niệm Phật được,... Lúc ấy, tai nghe, miệng niệm thầm và ký số đúng nửa thì có phiền não nào cũng tiêu tan. Làm được vậy, phước báo nhiều vô cùng. Thêm vào, lúc đi xe, mở máy niệm Phật nghe, đường xa sẽ thấy gần. Xin thêm, nếu không sợ người thân phiền hà, nên mua một máy CD hay máy niệm Phật để trên bàn thờ trong nhà, mở nghe suốt ngày đêm. Đây là cách tốt nhất để cho người thân gieo duyên với pháp môn Niệm Phật.

Xin được nhắc lại, lúc đầu mới tập ký số, rất khó ký số đúng. Sở dĩ tâm không thể huyền nhất vì nghiệp chướng còn sâu nặng. Phải tốn một thời gian dài, có khi cả năm, hoặc nhiều hơn, mới ký số đúng được. Khi ấy càng niệm Phật ký số đúng, vọng niệm càng ít dần. Vì "Chí tâm niệm Phật một câu, tiêu trừ được trọng tội trong 80 ức kiếp sinh tử."

Áp dụng được cách trên, hy vọng lâu ngày, lúc nào tâm ta cũng Nhớ Phật và Niệm Phật. Nhờ cách này, đến một lúc nào đó, không cần máy niệm Phật mà tâm ta vẫn nhớ câu niệm Phật.

Câu nguyên lúc lâm chung, thân không tật bệnh, tâm luôn tinh tảo, chắc sẽ Nhớ Phật và Niệm Phật. Chỉ cần niệm được 10 danh hiệu Phật vào lúc này thì coi như vĩnh viễn thoát khỏi vòng sinh tử, luân hồi. Đức Phật A Di Đà và Thánh Chúng sẽ đến đón ta về cõi Tây Phương Cực Lạc.

(2e): **Đề nghị cách tu cho những người không ở gần chùa Tịnh Độ:**

Chúng tôi đã đi chùa, học hỏi được cách tu Vừa Lạy Phật và Vừa Niệm Phật Ký Số, rồi cố gắng thường xuyên dự khóa lễ, hành trì trong mấy năm và thấy có kết quả. Nay xin mạo muội chia sẻ cùng bạn đạo, nhất là quý vị ở xa chùa Tịnh Độ,

(2e.1): **Chúng tôi mong quý vị cố gắng tổ chức từng nhóm tu ở nhà.**

Cách tu này cần số người tham dự ít nhất khoảng 6 người. Vì ít người quá dễ sinh chán nản. Còn đông người hơn thì lực tu tập rất mạnh, tâm chúng ta thấy rất hăng hái, phấn khởi.

Ngoài những người có tín tâm tham dự nhóm, nên kêu gọi những người tật bệnh và người già cả,... đến tham gia. Chỉ cần họ tới ngồi nghe hoặc niệm thầm được thì tốt hơn. Điều này vừa lợi cho mình là có đông người, "nhóm tu tập" tự nhiên thấy có sinh khí. Còn ai kêu gọi người đến tham dự, được phước rất nhiều. Và họ đến là giúp họ tội diệt phước sinh. Xin đọc:

* Chí tâm niệm Phật một câu, tiêu trừ được trọng tội trong 80 ức kiếp sinh tử.



* Niệm Phật một câu, phước sinh vô lượng.

* Lễ Phật một lạy, tội diệt hà sa.

Để phần thực tập thêm hăng hái, phấn khởi, xin đề nghị "nhóm tu tập" nên thỉnh và đọc quyển Kinh A Di Đà bằng tiếng Việt rất dễ hiểu, chứ không phải âm Hán. Đọc âm Hán, sẽ không hiểu gì cả. Rồi về chuyển tay nhau đọc để thấy cảnh thù thắng ở Tây Phương Cực Lạc và những điều lợi ích của câu niệm Phật để sinh tâm tha thiết với việc hành trì.

(2e.1a): Thời gian đầu mới tổ chức nhóm **Chỉ Niệm Phật Ký Số, thời gian tùy ý**: Chia làm 2 nhóm. Nhóm 1 vừa niệm 10 câu A DI Đà Phật vừa ký số, rồi ngưng. Trong lúc đó nhóm 2 lắng tai nghe và ký số. Tiếp, lặp lại động tác trên: nhóm 2 niệm, còn nhóm 1 lắng tai nghe. Cứ vậy, thực tập mãi mãi.

Thực tập tốt cách tu vừa trình bày, hy vọng quý vị sẽ có một số tư lương đáng kể để làm hành trang lúc lâm chung. Xin ghi nhớ mấy câu thơ sau để tạo niềm tin sâu thiết vào pháp môn niệm Phật và cùng chúng tôi gắng sức tu tập hằng ngày:

Phật dạy rất nhiều pháp tu,

Chỉ có Tịnh Độ là thù thắng thôi.

Chí tâm niệm Phật không ngại,

Như buồm xuôi gió, một đời vắng sanh.

(2e.1b): **Vừa Niệm Phật và Lạy Phật, thời gian, tối thiểu 45 phút:**

Sức khỏe sẽ giúp ta không chán nản mỗi khi tu tập. Muốn được vậy, hãy thực tập lạy Phật hằng ngày. Để không chán nản, hãy cùng tập thể lạy Phật và niệm Phật. Vì thực hành cùng tập thể nên lực rất mạnh, thường giúp ta cố gắng hành trì, thể nên rất dễ nhiếp tâm khi niệm Phật. Do đó, **những ai quyết tâm tu để loại bỏ vọng niệm thì cách này sẽ giúp mau chóng đạt được ước nguyện.** Mong quý vị rón sức thực hành theo cách sau rồi sẽ thấy kết quả.

+Nếu có thể được, xin thu bằng một CD niệm Phật, cách làm như sau:

"Người niệm Phật để thu bằng" vừa đọc

“Nam Mô A Di Đà Phật”, (6 chữ danh hiệu Phật, chữ không phải 4 chữ) vừa gõ mõ với tốc độ không chậm và cũng không nhanh, tới 10 lần danh hiệu Phật rồi ngưng. Chậm quá và nhanh quá dễ làm cho người hành trì rất mau mệt. Nên nhớ đọc mỗi câu, mỗi chữ danh hiệu Phật phải phân minh rành rẽ. không nên đọc kéo dài, chữ nọ dính vào chữ kia, rất tổn khí nên mau mệt. Vậy người hành trì cũng phải niệm giống như trong băng, tiếng nào ra tiếng đó.

Sau khi đọc xong 10 danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật theo nhịp mõ, “người niệm Phật để thu băng” chỉ gõ mõ, cũng 10 lần và cùng tốc độ như trước.

Vậy, một vòng gồm 10 lần niệm danh hiệu Phật theo nhịp mõ và 10 lần chỉ gõ mõ. Cứ như vậy thu vào CD. Thời gian 45 phút có thể lay khoảng từ 25 tới 26 lay. Sau một thời gian thực hành 45 phút, nên cố gắng tăng giờ lên 60 phút, có thể lay được khoảng 34 tới 35 lay. Đó là tốc độ niệm vừa phải.

Phần thực tập cách 1:

Cho nhóm có CD thu niệm Phật như trên:

***(a):** Khi nghe bắt đầu tiếng niệm Phật từ máy, **cả tập cùng lay xuống** vừa nghe và thầm ký số từng câu.

Đến từ “Nam” đầu danh hiệu Phật thứ 4, tất cả cùng **ngừng đầu lên** và quì gối, tâm vẫn ký số từng câu.

Đến từ “Nam” đầu danh hiệu Phật thứ 9, tất cả cùng **đứng dậy** và chú ý lắng nghe đến cuối danh hiệu thứ 10. Vậy là đã xong phần có tiếng niệm Phật.

***(b):** Khi nghe **tiếng nhịp mõ đầu tiên từ máy**, tất cả bắt đầu niệm Phật thành tiếng theo nhịp của mõ và vừa ký số. Đừng cố gắng niệm quá lớn, rất mau mệt. Niệm ra tiếng tới danh hiệu Phật thứ 10, **cả tập cùng lay xuống**. Đó là xong 1 vòng.

Rồi trở lại bắt đầu làm từ phần (a) tới phần (b) như ở trên. Cứ tiếp tục như thế khoảng 45 phút. Sau vài tháng, tu tốt rồi, có thể tăng thêm thành 1 giờ.

Lúc đầu chưa quen, việc ký số đúng để **ngừng đầu lên**, rồi **đứng lên** hoặc **lay xuống** ở phần “đợt 1” rất là khó. Mong quý vị đừng nản lòng. Xin nhớ câu sau đây để tự nhắc nhở mình:

“Tu tập có khó khăn, Thành tựu mới đáng quý.”

Phần thực tập cách 2:

Cho nhóm không có CD niệm Phật như trên: Hãy chia làm 2 nhóm:

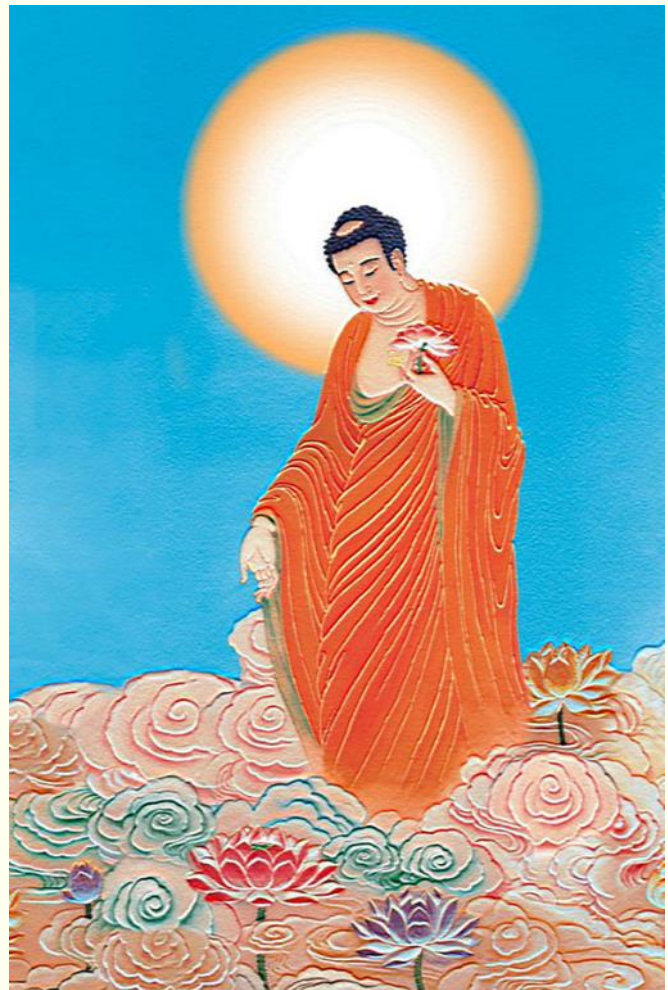
* cứ nhóm (1) đứng niệm, nhóm (2) lay,

* rồi thay: nhóm (2) đứng niệm, nhóm (1) lay

cứ thế làm mãi chứ không cần thu băng.

Điểm lợi cho nhóm có CD niệm Phật:

* Không có băng CD để nghe và niệm



theo thì có người đọc nhanh, kẻ đọc chậm làm mất trang nghiêm cho buổi tu tập, lại gây cho bạn đạo phiền não, nổi sân.

* Thứ hai có người thích kéo dài câu niệm Phật, thường đọc lớn tiếng, buộc tập thể phải đọc theo. Như vậy tập thể rất mau mệt nên sinh chán nản.

* Vì không có băng CD để đọc theo, nên có khi mới đọc tới danh hiệu thứ 9 đã lay xuống, v.v...

Vậy chỉ còn cách muốn một buổi niệm Phật, lay Phật có kết quả tốt, nhóm ấy phải có một CD niệm Phật đọc tốc độ hợp với tập thể. Được vậy khi xong giờ tu, ai cũng vui vẻ, hoan hỉ.

(2f): Làm sao giữ vọng niệm không quấy rầy tâm ta:

Muốn vọng niệm khỏi quấy rầy, khi niệm Phật ta cố gắng:

(2f.1): **giữ mắt nhìn sụp xuống**, đừng để mắt thấy mọi thứ xung quanh. Đôi mắt rất lợi hại, hễ có thấy, thường là có vọng tưởng hiện ra. Phần lớn vọng tưởng đều tạo tội. Chẳng hạn, lúc mình **thực tập lay xuống**, tới đầu câu 9 phải đứng lên, có người bên cạnh tới câu 10 mới đứng. Thế là mình sinh tâm coi thường. Vậy là đã mắc tội ngã mạn rồi.

Xin luôn nhớ giữ mắt nhìn sụp xuống

(không nhắm kín vì rất dễ buồn ngủ)) coi như ta đã đóng mắt một cửa ngõ do mắt đem vọng tưởng vào. Vậy ai muốn buổi tu của mình khỏi tổn phước, xin làm đúng điều "giữ mắt nhìn sup xuống" một cách nghiêm túc. Bây giờ chỉ còn một thứ vọng niệm, không mời mà tới. Vậy khi nó tới ta nhận biết và xua đuổi nó đi.

(2f.2): cố gắng **niếp tâm** khi niệm từng câu Phật hiệu. Ấn Quang Đại Sư khai thị: **"Nếu niệm Phật mà tâm khó quy nhất thì nên nhiếp tâm niệm khẩn thiết sẽ tự có thể quy nhất.** Cách để nhiếp tâm không có gì hơn được **chỉ thành, khẩn thiết;** tâm chẳng chỉ thành thì không cách chỉ nhiếp nổi!"

(2f.3): **nhận rõ** từng câu, từng tiếng của câu Phật hiệu.

(2f.4): niệm Phật **ký số cho đúng**, bất cứ lúc nào và ở đâu.

(3): Ba món Tư Lương Tín, Hạnh, Nguyên:

Chúng tôi vừa trình bày phần thực tập "Hạnh" trong 3 món tư lương Tín, Hạnh, Nguyên, Hạnh. Hai phần còn lại là Tín và Nguyên cũng rất quan trọng. Ở đây chúng tôi xin trích dẫn một đoạn ngắn để quý vị nắm được phần chủ yếu của Tín và Nguyên do Ấn Quang Đại Sư khai thị:

"Hữu tình phàm phu nghe nói pháp môn Tịnh Độ này thì hãy nên **tin** Sa Bà rất khổ, Tây Phương cực vui, phải **tin** rằng từ nhiều kiếp đến nay, ta nghiệp chướng sâu nặng, nếu chẳng nhờ vào Phật lực khó lòng xuất ly; phải **tin** hễ cầu vãng sanh thì đời này sẽ quyết định được vãng sanh, phải **tin** niệm Phật quyết định là được Phật tử bi nhiếp thọ. Do **tin** như vậy, kiên định nhất tâm nguyện lìa Sa Bà như tù nhân muốn thoát khỏi lao ngục, không hề có tâm luyến tiếc.

Nguyên sanh Tây Phương như lữ khách mong trở về cố hương, há có ý niệm chần chừ."

(4): Thành Tư Đem Đến Từ Câu Niệm Phật Thật Vi Diệu Khó Lường.

Xin kính mời quý vị đọc những phần dưới đây để có niềm tin kiên cố vào Pháp Môn Niệm Phật, trích từ "daophatngaynay.com" như sau:

Quảng Ngãi: Hải cốt của Hòa Thượng Minh Đức trải qua 26 năm vẫn còn nguyên vẹn. 21/01/2011 05:51:00 (Thích Nguyên Như)

Vào lúc 8 giờ tối ngày 11-01-2011, tại chùa Long Bửu – thôn Xuân Vinh – huyện Nghĩa Hành – tỉnh Quảng Ngãi, Môn đồ pháp quyền cùng Phật tử địa phương đã trang nghiêm tổ chức buổi lễ khai quật và di dời hải cốt của cố Đại lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Đức qua tháp mới.

Nhưng khi được đào phần đất lên thì có một điều quá ngạc nhiên là: **di hải của ngài vẫn còn nguyên vẹn sau 26 năm chôn cất.**

Đây như là một tấm gương sáng ngời về sự tu tập của ngài, có giá trị về thân giáo. Một minh chứng có thật về sự nghiêm trì giới luật, **niệm Phật vãng sinh**, giáo hóa chúng sinh, là bậc mô phạm đạo hạnh trong tông lâm...

Trước khi Hòa thượng về chốn an dưỡng cõi tịnh độ an vui. Ngài để lại di chúc cho hàng Tăng chúng và tín đồ Phật tử Đà Lạt - Lâm Đồng. Ngài dường như biết trước được ngày giờ ra đi, giữ bỏ cõi ta bà phiền não ô trược. **Trước lúc lâm chung ngài cùng với đại chúng niệm Phật, hướng về dung tướng Đức Phật A Di Đà mà niệm Phật và Ngài đã ra đi trong tiếng niệm Phật của đại chúng.** Nhe nhàng xả bỏ huyễn thân, thảo thần viên tịch vào lúc 3 giờ ngày 19/01/Ất Sửu, tức ngày 8/02/1985. Nhục thân ngài được tôn trí trong bảo tháp phụng lập tại khuôn viên già lam tổ đình Long Bửu – tỉnh Quảng Ngãi.

Xin kính mời quý vị vào đọc đầy đủ bài trên qua đường dẫn:

<http://www.daophatngaynay.com/vn/photgiao-vn/con-nguoi-vn/6479-Quang-Ngai-Hai-cot-cua-Hoa-Thuong->

(5): Chứng Cứ Vãng Sanh:

Cố gắng niệm Phật thật tinh tấn, thật chí thành trong nhiều năm tháng để làm sao mỗi câu danh hiệu Phật ta trì niệm, không có vọng niệm xen vào. Lúc ấy mới được tính là câu niệm Phật. Những ai làm được như vậy, hy vọng vào ngày lâm chung sẽ có được một hoặc nhiều hơn trong 5 thọa tướng dưới đây lộ bày. Đó là dấu hiệu chứng tỏ được vãng sanh:

a): Biết trước ngày giờ lâm chung.

b): Có mùi hương lạ

c): Tay chân mềm mại, sắc mặt tươi đẹp hơn bình thường.

d): Khoảnh khắc trước lúc lâm chung thấy Đức Phật A Di Đà và Thánh Chúng đến tiếp dẫn.

e): Tỉnh táo không bị mê man.

Bài con viết rất là dài, chắc chắn không làm sao tránh khỏi những lỗi lầm. Con kính mong quý chư Tăng Ni và quý thiện tri thức chỉ dạy cho con những chỗ còn thiếu sót để con sửa chữa và theo đó con có bài học đầy đủ về đề tài vừa trình bày để cố gắng tu tập. Con xin kính cầu tri ân.

Cuối cùng, nếu bài viết này có đem lại chút lợi lạc nào cho những bạn đạo hữu duyên, chúng tôi xin đem công đức này hồi hướng về cho cha mẹ nhiều đời, oan gia nhiều kiếp và tất cả pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Thành kính.



NHƯ NGÀY THẮNG QUA

(Kính tặng bác Đào Văn Bình)

*Tôi mơ cõi nước Ta Bà
Miễn sao cuộc sống chan hoà tình thương
Lòng không sầu muộn vẩn vương
Vui niềm xả bỏ đoạn trường bủa vây.*

*Tôi không mơ ước về (phương) Tây
Khai thông Tuệ Trí ở ngay chỗ này
Dù cho thù hận giầy đây
Tâm không oán ghét chốn này vẫn hay.*

*Mơ trong vòng xoáy nghiệp quay
Cũng là huyền mộng như ngày tháng qua
Còn mơ còn tưởng còn xa
Không mơ không tưởng đời ta nhẹ nhàng.*

thơ

TÁNH THIÊN

Dallas Texas, 12-11-2018



Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Mười

Dần dần, thầy Trường Hùng đã thay đổi thái độ với tôi. Tôi không còn là một chú sa-di hư hỏng trong mắt thầy nữa. Trước khi rời khỏi viện Hải Đức qua chùa Linh Phong, tôi đã chuẩn bị tư tưởng "làm lại cuộc đời" nên cái gì thầy ấy muốn sửa, muốn uốn nắn, tôi đều chiều theo, vì thực ra, sự uốn nắn của thầy tuy rằng cổ hủ, nhưng nó cũng có cái lý của nó, hướng chi, thầy ấy có đi sai giới luật đâu. Những sách triết học, văn chương, tiểu thuyết tôi mang từ viện Hải Đức qua đọc, thầy xé đốt cả, tôi giận lắm, nhưng rồi tôi cũng mỉm cười.

Tôi biết thầy ấy đốt hoặc tịch thu của tôi là để bắt tôi quay trở về chuyên tâm trong việc tu học Phật Pháp; như vậy là thầy ấy có thiện ý chứ không phải như sự đốt sách trước đây của các cán bộ văn hóa cộng sản.

Trên bề mặt, việc đốt xé sách vở của cộng sản và của thầy Trường Hùng đều cùng là một hành động – hành động khiến tôi rất bất bình, nếu không nói là thấy rất căm phẫn trong lòng. Thế nhưng, lúc này, tôi đã biết im lặng chịu đựng tất cả để chiều theo

ý thầy, theo hướng giáo dục của thầy. Sách vở của tôi trên bàn học chỉ còn có cuốn sưu tập do chính tay tôi chép những đoạn kinh hay, những câu thiền kệ và một cuốn *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật* bằng Hán văn. Khi chung quanh tôi, những vật sở hữu biến dần, biến dần, để lại một cái bàn trống và cuốn kinh Kim Cang, tự dưng tôi thấy trong lòng thư thả hơn, ít vướng bận hơn. (Thời gian đó tôi có cái tật là thích cho đồ. Thứ gì của tôi mà có người nói thích là tôi cho người ấy món đó. Nói vậy để thanh minh cho thầy Trường Hùng: không phải cái bàn của tôi trống trơn là do thầy ấy đốt xé, tịch thu cả). Và tôi nhanh chóng quay trở lại với chính tôi của những năm trước 1975. Ngoan ngoãn. Dễ sai bảo. Nghiêm trang. Tinh tấn. Thầy Trường Hùng khó tìm ra một lỗi nào để la trách hay bắt bẻ tôi nữa. Thỉnh thoảng có một đoạn kinh luật gì có vẻ khúc mắc, thầy lại gọi tôi hỏi ý kiến. Điều này chứng tỏ thầy không còn tị hiềm với chuyện học của tôi như hồi xưa nữa. nếp sống của chùa Linh Phong bình lặng, buồn tẻ, bây giờ tôi lại thấy hòa hợp với mình một cách dễ dàng.

Trong tôi không còn nảy sinh bất mãn, bức dọc hay ý niệm chống kháng lộ liễu nào. Bao ý tưởng bung xung, xao động vì hoàn cảnh đau thương của đất nước, vì những áp chế bất công của chính quyền mới đối với nhân dân và xã hội, bao nhiệt huyết cuộn cuộn trào dâng từ hình ảnh các thiền sư đời xưa tuốt gươm xông trận chống xâm lăng, và từ tấm gương gần nhất là thầy Tuệ Sỹ dẫn thân hoạt động chính trị chống lại chính quyền để phải sa vòng tù tội... đều lắng dịu cả. Tôi bây giờ thực sự là một sơn tăng, chỉ có mặt nơi phổ thị là để tụng niệm, còn thì suốt ngày đêm quán quanh trên ngọn núi bất bưng cây cỏ cùng với một vị thầy và hai chú sa-di vốn không thiếu nét khắc khổ, đầy dẫy trên những khuôn mặt trẻ tuổi.

Nhưng cuộc đời tu hành đâu có để cho những ông thầy tu cứ ngồi ù lì thụ động một chỗ rồi cuối cùng thành Phật. Dường như phải có những chông gai, khổ nhọc nào đó trên bước đường tu tập thì mới trui luyện và làm tăng trưởng tâm bồ-đề. Không có thành quả nào vẻ vang mà lại chẳng trải qua những thử thách cam go. Chuyện tôi có đạt được

thành quả nào trên lộ trình hướng đến giải thoát hay không thì chưa biết, nhưng cam go thử thách thì chắc chắn là phải gặp. Nhiều người đi trước đã dạy tôi như thế. Nhưng có thể nói là tôi chưa trải qua thử thách nào đáng kể từ khi xuất gia đến giờ. Nếu hai năm trước nhà nước bắt tôi cầm súng đi Kampuchea làm "nghĩa vụ quốc tế" hay ra biên giới phía Bắc đánh với quân "Trung quốc anh em," thì có lẽ thử thách lớn đã đến với tôi rồi. Mà chuyện đó có xảy ra thì tôi vẫn còn hy vọng có ngày quay về chùa, vì đã được thầy tôi hứa chấp nhận cho thí phát làm tăng trở lại. Nhưng nó đã không xảy ra. Có lẽ con ma nghịch cảnh biết rằng nó sẽ không thẳng được tôi bằng cách đó nên muốn tấn công tôi ở mặt khác.

Chú Đức có quen một gia đình Phật tử người Huế, lập nghiệp tại Nha Trang. Gia đình này có mở một tiệm giải khát. Bà chủ tiệm cũng là Phật-tử thuần thành nhưng quá bận rộn công việc nhà và việc buôn bán nên ít khi đi chùa. Chỉ có người em gái của bà, tuổi trạc ba mươi ngoài, là thường lên viện Hải Đức, thỉnh thoảng có lên chùa Linh Phong. Cô này có cái tên rất thực thà và rất thích hợp với phái nữ: Nữ. Tôi và Đức quen gọi cô Nữ bằng chị. Có lần gặp tôi, chị Nữ nói:

"Hôm nào chú Khang theo chú Đức xuống nhà tôi chơi. Chú thiệt khó ghê, chẳng chịu đi đâu. Bà chị tôi muốn gặp chú mãi mà không được. Mỗi lần chú Đức đến nhà chơi, bà chị cứ hỏi sao không rủ chú Khang cùng đi cho tôi biết mặt với."

Tôi thắc mắc:

"Sao bà chị của chị lại muốn gặp tôi?"

"Là vì chị ấy nghe nói chú là con của bác Đền. Chú không biết liên hệ giữa gia đình tôi với gia đình chú sao?"

"Liên hệ thế nào? Tôi có nghe gia đình nói gì đâu."

"Hồi hai chị em tôi còn nhỏ xíu, lúc đó chú chưa ra đời đâu, mẹ tôi là vú nuôi của hai chị lớn của chú. Hai chị em tôi

theo mẹ đến ở luôn tại nhà ba mẹ chú. Lúc đó nhà chú còn ở Huế. Ở Vỹ Dạ, gần ngã ba Đập Đá chứ đâu."

"Vậy à? Tôi đâu có biết."

"Cho nên bà chị tôi cứ bảo tôi mời chú xuống nhà chơi. Nghe ba mẹ chú lại có người con đi tu, bà ngạc nhiên lắm, muốn biết chú đó mà."

Một hôm xuống phố mua sách, trên đường về chùa, chú Đức bất thần kéo tôi ghé vào một căn nhà. Tôi đứng lại, cần nhân:

"Đi đâu vậy?"

"Vô đây một chút đi. Nhà quen mà, vô thăm người quen, uống miếng nước rồi về," Đức cười nói.

Tôi theo Đức vào. Đây là căn nhà đức ba gian, có lầu. Ba cánh cửa sắt đóng im ỉm. Đức bấm chuông, một chập thì có một người đàn bà trạc ngoài bốn mươi ra mở cửa.

"A, mời vào trong," người đàn bà nói.

"Chào chị, khỏe không?" chú Đức tự nhiên chào.

"Chào chú... A, đây là..." người đàn bà hỏi.

"Chú Khang mà chị muốn gặp đó," Đức nói.

"A, chú Khang, chao ôi, lâu quá, nghe nói về chú nhiều lắm mà hôm nay mới được gặp."

Đức đùa:

"Nghe nói xấu nhiều lắm bây giờ mới biết đó hả?"

"Đâu có, chú nói giỡn! Mời vào ngõ này, chú Đức mời chú Khang lên nhà khách rồi tôi lên sau nghe. Nữ nó đi lên viện Hải Đức rồi, chắc chiều mới về."

Té ra người đàn bà ấy là chị ruột của chị Nữ, tên Cẩm. Chúng tôi bước vào gian nhà phía phải, ngang qua một phòng đầy bàn ghế xếp chồng lên nhau, chị Cẩm giải thích là bàn ghế đó sẽ bày ra đây sân vào buổi tối cho khách đến ăn chè, giải khát. Rồi chúng tôi đi ngang qua một nhà bếp bày biện ngay dưới đất vì cần rất nhiều lò. Ở vách trái của gian bếp này có một cánh cửa thông vào nhà khách của gian giữa. Chúng



tôi vừa vào đến gần cánh cửa đó thì bắt gặp một thiếu nữ đang đứng quạt lò than. Chị Cẩm nói:

"Chào mấy chú đi con."

Tôi nghe tiếng thiếu nữ chào chú Đức:

"Chào chú."

Khi thân hình đồ sộ của chú Đức bước sang một bên, không còn che tôi nữa, tôi và thiếu nữ ấy mới bắt gặp nhau. Nàng ngó sững, quên cả chào hỏi tôi, tay ngưng làm việc, cứ đứng đó nhìn. Tôi cũng không rõ sao lúc đó tôi cũng đứng ngây người ra đó, nhìn nàng, kinh ngạc, không biết làm gì. Trong khi chú Đức bước vào nhà khách rồi, tôi vẫn còn đứng lại nơi cửa bếp. Có lẽ cái phút giây đó, cái khoảng thời gian thực tế mà tôi dừng lại đó, chỉ là một khoảnh khắc thôi, nhưng tôi tưởng chừng đó là một giấc mộng dài, trong đó, cả vũ trụ như ngừng thở, các hành tinh như ngừng xoay, và thời gian cũng đứng dừng lại để chúng tôi nhìn thấy nhau với bốn con mắt kinh ngạc. Chúng tôi có quen biết gì nhau đâu. Tôi chỉ mới gặp nàng lần đầu thôi. Nhưng quả thật từ ngày xuất gia đến giờ, đây là lần đầu tiên tôi thấy lòng mình chao động mạnh trước một thiếu nữ. Phải, chao động. Không phải rung động. Rung động thì có thể lướt qua được,

có thể lãng quên được. Còn chao động thì không. Khi người ta cảm thấy trời đất chao đảo, ngửa nghiêng, trên đầu và dưới chân, người ta sẽ không thể nào quên được ấn tượng mạnh mẽ ấy.

Không rõ chị Cầm có thấy biết gì về hiện tượng trời rung đất chuyển không, chỉ thấy chị lên tiếng:

“Như, chào chú Khang đi con,” rồi quay sang tôi, cười nói, “con gái út của tôi đó chú. Nó tên Như Như.”

Bấy giờ, Như Như mới chào tôi, không phải lễ chào lễ phép của kẻ dưới đối với người trên bằng cách cúi đầu, hay của phật-tử đối với tăng sĩ bằng cách chắp tay, mà bằng một nụ cười. Hai má nàng ửng hồng lên bên lò than nóng. Tôi có thể nhìn thấy mồ hôi rịn nơi má nàng làm ướt mấy sợi tóc mai. Đôi môi hồng vừa mỉm một nụ cười tươi như hoa đã vội khép lại thành trái tim nhỏ xíu, xinh xắn nép dưới bờ mũi cao và đầy đặn. Đôi mắt lớn và sáng long lanh của nàng lúc ấy mới chịu cúi xuống, nhìn bằng quơ dưới đất chứ không ngược nhìn tôi nữa. Tôi có cảm giác là dường như cho đến giây phút ấy nàng mới biết e thẹn là đã cùng tôi trao đổi một tia nhìn xô lệch vũ trụ. Và khi nàng cúi xuống, tôi thấy hàng mi của nàng cong lên với một đường nét điểm tuyệt. Nét cong ấy trong cái nhìn của tôi, là sự sung mãn, căng đầy của sức sống như đường cong hùng tráng của một bãi biển đầy sóng; hay như sự mềm dẻo, uyển chuyển, nhu thuận của lá cỏ, của tơ trời, của dáng mây bồng bềnh trên cao xanh; hay như nét mơ màng yếu điệu của vành trăng lưỡi liềm trong trời đêm thượng tuần.

Tôi bước vào phòng khách. Chị Cầm ngồi tiếp chuyện chúng tôi. Một lúc thì Như Như mang khay trà ra. Nàng rót trà từ một bình khác rồi đem từng tách đến cho từng khách. Đem trà cho chú Đức, nàng nói:

“Mời chú dùng trà.”

Đem trà cho tôi, nàng chẳng nói chẳng rằng, chỉ nhoen miệng cười với tôi. Khi nàng quay lưng, tôi thấy mái tóc thề của nàng buông dài tới ngang lưng, óng ả, bồng bềnh, thơ mộng, như một con thác đổ xuống ghềnh đá cao, như một rừng mây nhẹ tênh ở lưng trời. Khi nãy gặp nàng dưới bếp, tôi đã không nhìn thấy mái tóc ấy, có lẽ vì nàng vẫn cao lên để lo việc bếp núc. Tôi đang bằng khuông dõi mắt nhìn theo dáng nàng bỗng nghe chị Cầm lên tiếng:

“Nó tên là Như Như, con gái út của tôi đó chú Khang à.”

Câu này khi nãy chị ấy đã nói rồi, chẳng hiểu sao bây giờ lại nói nữa. Chắc vì thấy tôi ngó theo con gái của chị. Tôi giật mình, lúng túng nói:

“Thấy giống đứa em gái của tôi.”

Chú Đức cũng lanh miệng nói vớt cho tôi:

“Ừ giống đó chứ. Giống Uyên, phải không?”

Tôi liền gật đầu dù rằng tôi biết rất rõ em gái tôi và Như Như chẳng có gì giống nhau như chú Đức nói—có chăng chỉ là giống ở mái tóc và nước da thật trắng.

Chị Cầm mời chúng tôi ở lại dùng cơm trưa:

“Ở lại dùng cơm cho vui, để Như Như nỏ nấu mời mấy chú. Nó giỏi lắm, nấu chay nấu mặn gì cũng biết.”

Nhưng tôi nhất quyết từ chối. Chúng tôi từ giả, chị Cầm đưa chúng tôi ra cửa. Như Như cúi đầu chào chú Đức, và lại chào gởi theo tôi bằng một nụ cười khó hiểu.

Về đến chùa Linh Phong, tôi lấy giấy bút ra viết ngay mấy dòng thơ ghi lại niềm rung động lãng mạn đầu tiên trong đời xuất gia của mình:

*“Mắt biếc **như** sao rung trời tạnh*

*Tóc huyền **như** suối động sông êm*

Chuyển choáng ta về cô phong đảnh

Bụi đường lãng đăng cuốn theo tim.”

Khi ghi đến hai chữ “như” ở hai câu đầu, tôi nghe lòng bâng khuâng nhẹ nhẹ. Và tôi mỉm cười một mình. Tôi giấu tên nàng trong bài thơ ngắn ấy, không biết sau này ai đọc được có biết chăng?

Đầu chừng nửa tháng sau lúc đến nhà chị Cầm, khi niềm rung động (không cần thiết chút nào cho người tu) đã lắng dịu trong tôi, chị Nữ lên chùa Linh Phong tìm gặp thầy Trùng Hùng. Lúc đó tôi đang trì tụng kinh Kim Cang nên không biết chị ấy đến chùa có việc gì (khóa tụng kinh Kim Cang là do tôi phát nguyện tụng vào lúc hai giờ mỗi ngày, mục đích là để đào sâu thêm nghĩa lý của Bát Nhã mà cũng là cách để phá trừ những mê chấp vọng tưởng của mình từ khi gặp Như Như; khóa lễ này không nằm trong thời khóa thường ngày của sinh hoạt chùa). Khi tôi tụng kinh ra, thầy Trùng Hùng gọi tôi bảo:

“Mi biết nhà chị Nữ không, biết chứ hả? Khi nãy chị Nữ lên mời chùa mình xuống tụng kinh cầu an cho một ông cụ nào đó kể bên nhà. Chú mi thay mặt chùa xuống đó tụng kinh Thủy Sám. Tụng và cầu nguyện cho đến khi nào ông cụ đó khỏe được mới thôi.”

Tôi nghe vậy thì giật mình, run lên, mà đồng thời cũng thấy nao nức kỳ lạ trong lòng—nao nức không chút từ bi, không kể gì đến cơn bệnh của một ông cụ nào đó, vì nó có vẻ như muốn lấy việc xuống núi này như là cơ hội để được gặp lại một thiếu nữ kiều diễm. Từ nửa tháng nay, sau khi gặp Như Như, tâm hồn tôi dậy lên những xao động nhẹ nhẹ. Tôi biết điều này có nghĩa là gì. Tôi đã tìm cách trấn áp nó bằng cách tọa thiền, tụng kinh, niệm Phật, trì chú nhiều hơn, và nhất quyết không chịu đi cùng chú Đức khi chú ấy rủ tôi đến nhà chị Nữ; nên bây giờ, nghe thầy Trùng Hùng giao phó công việc, tôi lại thấy do dự, khó

xử. Nội tâm tôi mâu thuẫn: nửa muốn từ chối, nửa muốn đi. Không muốn đi, vì đi thì sẽ đối diện Như Như, làm sống lại niềm rung động dạt dào mà tôi đã phần đầu dùng nhiều công phu để dẹp bỏ. Còn muốn đi là vì tôi chưa hề từ chối chuyện xuống phố tụng kinh khi được giao phó hay được mời, và cũng vì ở tận đáy sâu của lòng mình, tôi biết tôi cũng muốn có cơ hội nhìn lại Như Như, với đôi mắt mơ mộng, nụ cười hồn nhiên, và với mái tóc thề quăn rũ ấy. Tôi chẳng biết có nên quyết định đồng ý ngay công tác của thầy Trùng Hùng giao phó hay không. Ngập ngừng một lúc, tôi đành tự nhủ: “Thôi thì cứ xuôi theo hoàn cảnh nếu thực sự là không có nguyên do hợp lý nào để từ chối.” Rồi tôi nói với thầy Trùng Hùng:

“Sao chỉ một mình con đi thôi?”

“Vì tao với thằng Đức còn thay nhau đi nhiều đám tang khác trong suốt tuần tới. Thằng Thế thì phải ở lại chùa. Mình đâu có đủ người mà kéo nhau dồn vào một chỗ. Hơn nữa, trường hợp tụng kinh cầu an dài lâu như chỗ này đâu cần phải đi đông người, mình mi đủ rồi.”

Tôi cố gắng tránh né thêm:

“Hay thầy để chú Đức xuống đó tụng kinh cầu an còn con theo thầy đi mấy đám tang kia?”

Thầy Trùng Hùng ngập ngừng một lúc rồi nói:

“Không được.”

“Sao vậy?” tôi hỏi lại.

“Đã nói không được. Tao quen đi đám tang với thằng Đức rồi. Hơn nữa... nghe chị Nữ nói là gia đình họ muốn mời chú mi, xuống mấy người cũng được nhưng phải có chú mi. Ai mà biết ý họ muốn gì. Họ thích ai thì mời người đó thôi.”

“Mình đâu nhất thiết phải chiều theo ý họ trong chuyện đưa người xuống làm lễ,” tôi nói cho có.

“Dĩ nhiên là vậy, nhưng... mi cứ đi đi. Tại sao phải từ chối chứ? Đạo này mi cũng

đâu còn làm ở hăng vị trai nữa.”

Tôi không biết nói gì. Im lặng chấp nhận. Còn chuyện tôi không còn đi làm ở hăng vị trai nữa là do từ hơn hai tháng nay, sau khi Giáo hội tỉnh hợp, đã quyết định giao cho chùa Linh Phong và chùa Phước Điền công tác “ứng phó đạo tràng” thay cho các chùa của thành phố Nha Trang, đặc biệt là viện Hải Đức. Điều này có nghĩa là chùa Linh Phong và chùa Phước Điền không được từ chối bất cứ khóa lễ tụng niệm nào tại tư gia do gia đình Phật-tử thỉnh cầu nếu không có lý do thật chính đáng. Phật-tử Nha Trang khi cần tổ chức khóa lễ nào tại nhà mình, có thể đến bất cứ chùa nào trong thành phố để mời chư tăng, nhưng nếu chư tăng tại chùa đó không rảnh, có quyền giới thiệu họ đến chùa Phước Điền hoặc chùa Linh Phong; và trong trường hợp này, tăng chúng của một trong hai chùa ấy phải chia nhau đảm nhận, không lý do gì để từ chối nữa. Công tác “ứng phó đạo tràng ấy” coi như là công tác của hăng vị trai giao phó. Như vậy, giống như quý thầy ở chùa Phước Điền, cả thầy Trùng Hùng lẫn chú Đức và tôi đều được coi như là công nhân có lãnh lương của hăng vị trai dù chẳng có ngày nào trong tuần chúng tôi có mặt tại hăng. Công tác này khá nặng nề cho tăng chúng ở chùa Linh Phong, chiếm khá nhiều thời giờ của chúng tôi lẫn chú Thế—vì trong khi thầy Trùng Hùng, chú Đức và tôi xuống núi đi tụng niệm, một mình chú Thế phải đảm trách tất cả những công tác và khóa lễ tại chùa—nhưng thầy Trùng Hùng thì có vẻ thích nhận công tác ấy, vì nếu không thích, thầy đã từ chối ngay trong buổi họp của Giáo hội tỉnh chứ không ai có quyền ép buộc được thầy phải nhận. Với công tác ứng phó đạo tràng vừa nói, đôi khi tôi có cảm tưởng mình cùng tăng chúng của chùa Linh Phong đang đóng vai trò của những

ông thầy cúng, thầy đám. Dẫu sao, tôi cũng tự an ủi rằng nếu chúng tôi không đảm nhận, cũng sẽ có một chùa khác đảm nhận, và họ cũng sẽ chịu phần thiệt thòi y hệt. Tinh thần “chịu thay” không cho phép người tăng sĩ từ chối những khổ nhọc để trút gánh nặng qua cho kẻ khác.

Thấy tôi im lặng, biết là tôi đã chấp nhận, thầy Trùng Hùng dặn dò thêm:

“Tụng mỗi ngày trọn bộ Thủy Sám, chia làm ba khóa, mỗi khóa một quyển. Ngoài ba khóa tụng Thủy Sám đó, thấy rảnh lúc nào có thể tụng thêm kinh Phổ Môn lúc nấy, chứ ở không dưới đó làm gì.”

“Vậy có nghĩa là...”

“Là ở lại đêm dưới đó, tụng kinh suốt ngày đêm, cho tới khi nào ông cụ khỏe mới được về.”

“Chao ôi!” tôi sửng sốt tưởng chừng thầy Trùng Hùng nói đùa.

“Chao ôi gì mà chao ôi! Bộ làm vậy không được sao? Bộ mi không muốn cứu độ ông cụ bệnh hoạn ấy sao?”

“Muốn chứ, nhưng đâu có nghĩ là phải ở lại đêm dưới đó. Với lại tụng kinh gì mà suốt ngày đêm, sợ tụng một mình không đủ hơi đó chứ.”

“Tụng nhỏ nhỏ thôi, ai biểu mi tụng lớn làm gì. Chủ yếu là thành tâm cầu nguyện cho người ta chứ ông ấy bệnh tám năm nay rồi có nghe được gì đâu.”

“Nhưng... còn chuyện ở lại đêm thì sao? Công an địa phương đó có cho phép không?”

“Đã lo liệu hết rồi. Người ta nói được là được, mi cứ đi, lo thành tâm cầu nguyện. Đó với đây có xa xôi gì, lỡ công an có xét hỏi thì nói ở chùa này xuống tụng kinh giúp cho người ta chứ sao đâu.”

Vậy là xong. Tôi phải đi. Không có lý do nào để từ chối. Không cần phải do dự, ray rứt, ăn năn, tự trách gì hết. Đó là chùa sai tôi đi, đâu phải tôi tự đâm đầu xuống. Vậy là năm giờ chiều, tôi xếp tâm y (ca-sa), quần áo để thay, cho vào dầy, và một cuốn kinh Thủy

Sám cầm tay, xuống núi.

Trong khi lần bước xuống trăm bậc của chùa Linh Phong, tôi tự nghĩ: nếu ái dục là một trong những chướng ngại to lớn của người xuất gia thì rõ ràng trong *Luận Bảo Vương Tam Muội* có nói rằng, người học đạo phải tự dẫn mình vào chính những chướng ngại đó để tìm thấy con đường giải thoát, để khai mở trí tuệ giác ngộ... Chính sự chống đối và phá hoại sẽ là điều trợ duyên và tác thành cho sự nghiệp cao cả.

Có thể tôi đã không hiểu đúng tinh thần của *Luận Bảo Vương Tam Muội*. Cũng có thể tôi chỉ tự dối mình, tự biện minh cho sự hăm hở xuống núi này của mình bằng cách viện dẫn kinh điển. Dầu sao, cái hiểu ấy cũng trấn an tôi được phần nào. Ít nhất tôi cũng tự biết được là tôi đang dẫn mình vào một chướng ngại.

Lần trước đến nhà chị Cầm, tôi đã vào gian nhà phía phải rồi được mời vào phòng khách ở gian giữa. Nay tôi được biết thêm là gian trái của căn nhà lâu ba gian của chị Cầm là do chồng chị nhường cho gia đình người anh ruột. Và ông cụ bị bệnh tám năm cần được tụng kinh cầu nguyện ấy chính là anh chồng của chị Cầm. Như vậy, Như Như gọi ông ấy bằng bác ruột.

Tôi ngồi ở phòng khách, nghe chị Như Như cùng gia đình bệnh nhân trình bày về tình trạng của ông cụ. Như Như đem nước mới tôi. Áo thun màu cam nhạt bó sát người, bỏ trong quần cao bồi màu xanh nhạt. Dáng linh hoạt, vui vẻ. Lại cười nhẹ. Lại băng khuâng. Lại chớp mắt và cổ găng định tâm.

"Thôi, để tôi qua thăm ông ấy rồi tụng kinh cầu nguyện ngay bên đó," tôi đứng dậy nói, muốn mau chóng bước ra khỏi gian nhà có hình bóng Như Như để tâm tư được định tĩnh mà cầu nguyện.

Người bệnh tên là Điềm.



© Lumiere:Noire Photography

Ông nằm liệt giường gần tám năm. Gia đình phải khổ nhọc chăm sóc mọi thứ. Một tuần nay, ông bỗng mê man, không ăn nổi, chỉ uống được nước. Xót thương ông, tôi cầu nguyện và tụng một thời kinh rất chí thành, hoàn toàn không bị xao lãng.

Nhưng khi trở về lại bên nhà chị Cầm, đón nhận ly nước đá chanh từ Như Như, tâm tôi lại xao động, lằng xằng, ngây ngất nhìn theo dáng nàng uyển chuyển bước qua bước lại. Tôi không ngờ lòng mình yếu đến thế. Tôi tự hỏi, phải chăng vì định lực của tôi chưa đủ để giữ tâm thanh tịnh trước nữ sắc, hay chỉ vì sắc dục là một mảnh lực kinh khiếp có thể đánh vỡ tan tành công phu của một người vốn có trái tim mẫn cảm và nhẹ dạ như tôi?

Nghỉ ngơi ăn cơm tối xong, tôi qua lại nhà ông Điềm tụng thêm một thời kinh.

Xong thời kinh dài gần hai giờ đồng hồ này thì đã quá mười giờ đêm. Chị Cầm gọi Như Như, nói:

"Con lên lầu lo chỗ cho chú Khang nghỉ ở cái giường sau bàn Phật nha."

Như Như mau mắn làm

công việc ấy rồi trở xuống, thưa:

"Xong rồi mẹ."

Chị Cầm nói:

"Vây con đưa chú đi nghỉ, khuya rồi, bảo mấy đứa ở trên đó đừng ồn ào, có chú Khang ở lại đó."

Như Như cười với tôi, nói:

"Đi, chú..."

Tôi bước theo Như Như lên lầu. Nàng đi trước, cứ một khúc ngoặt trên đường đi là dừng, quay lại, chờ tôi, cười, bước tiếp. Một người đưa đường nhân nại, dễ thương. Lạy Phật, sao lại đặt con vào hoàn cảnh này! Sao lại có một chúng sanh vừa đoan trang lại vừa nhí nhảnh như vậy!

Ở gian giữa, phòng phía trước nhìn xuống đường, được dành riêng làm nơi thờ Phật và tổ tiên. Đằng sau bàn thờ Phật có một cái giường sắt nhỏ lồi nệm – hình như là loại giường sắt thường thấy ở các bệnh viện lớn của thành phố – đã được Như Như trải ra (drap) trắng, trên đó có một cái gối lớn, áo gối cũng màu trắng nhưng có thêu một nhánh hoa hồng với ba cái hoa. Như Như nói, giọng tự nhiên:

"Nghỉ ở đây. Còn phòng tắm thì nằm ở phía này," nàng hướng dẫn tôi bước đến một

căn phòng đang bật đèn sáng, “có khăn tắm sẵn ở đây,” tro vào hai cái khăn một lớn một nhỏ treo ở sau cánh cửa, “đồ thay ra bỏ vô cái thau đó để sáng mai Như Như giặt,” ngừng một lúc, nàng nói tiếp, “cần cái gì cứ hỏi Như Như nha.”

“Cám ơn Như Như,” tôi nói.

Thay vì nói “không có chi,” nàng ngược nhìn tôi, cười, rồi vui vẻ chúc:

“Ngủ ngon nha.”

Như Như đi vào căn phòng ngủ rộng sát bên hông gian thờ Phật. Trước khi khép nhẹ cánh cửa, nàng lại ló đầu ra, nhìn xem tôi còn đó không; thấy tôi, nàng lại nhoẻn miệng cười lần nữa rồi rút vào sau cánh cửa. Tôi quay trở về chỗ nằm, lấy bộ đồ sạch trong dãy ra để đi tắm. Đang trên đường từ hành lang hướng về phòng tắm, bỗng thấy Như Như mặc cái váy ngủ từ phòng nàng bước ra. Cái váy ngủ bằng lụa mềm với những cánh bông nhỏ xíu đủ màu, dài phủ tới chân. Tóc Như Như xõa dài, có vẻ cùng vật áo mỏng tung bay theo dáng bước yêu kiều của nàng. Trông nàng lúc ấy như một tiên nữ giáng trần hay như nàng Bạch Tuyết trong truyện cổ tích thần thoại. Tôi chẳng hiểu nàng bước theo tôi làm gì, nên đứng lại chờ đợi. Bước đến gần tôi, Như Như vừa vén tóc mai, vừa nói, hơi nhón về phía tôi để khỏi phải nói lớn tiếng:

“Nước trong cái xô màu đỏ là nước nóng Như Như mới nấu khi nãy. Còn cái xô không màu xanh là để pha nước lạnh từ trong vòi. Muốn Như Như pha không? Tại Như Như không biết chú Khang thích nước ấm cỡ nào.”

“Thôi được rồi, để pha. Không phiền Như Như đâu. Như Như đi ngủ đi.”

Tắm xong, tôi đứng trong phòng tắm giặt luôn bộ đồ vừa mới thay ra của mình vì rất ngại để Như Như giặt giùm. Từ ngày xuất gia đến giờ, chưa có bàn tay người nữ nào đụng vào quần áo của tôi. Chuyện Như Như lo nước tắm, dọn

giường ngủ của tôi, đã là chuyện tuy rằng khiến tôi thấy ấm áp thể nào đó trong lòng, nhưng phần khác lại làm tôi thấy xấu hổ, khó chịu, như có cái gì chướng chướng. Giặt xong tôi chẳng biết phơi ở đâu, đành móc nguyên bộ đồ vật hờ vào cái móc áo, máng luôn trên sợi dây kẽm giăng ngang ở góc phòng tắm.

Chiếc nệm của giường tôi nằm là loại thật mềm, nằm xuống là cả người bị lún sâu, đồng thời nệm lại lấp ngàng trên mặt, trên người mình như đất phả trên huyết mộ. Với loại nệm này thì chẳng làm sao có thể ngồi ngay lưng mà thiền tọa hay niệm Phật trước khi ngủ. Thôi thì nằm thiền cũng được. Từ một con mắt còn ló khỏi vùng nệm chăn trắng, tôi thấy cái trần nhà cũng trắng lên như vậy. Chung quanh tôi là một vùng trắng sáng nhờ nhờ như hình ảnh quá khứ nào đó của một căn phòng trong bệnh viện. Nằm một lúc, tôi có cảm giác như chính mình bị lún, bị chìm xuống một thế giới thấp nhất, trong đó chỉ là những hình ảnh, những cảm xúc mơ hồ, lộn xộn, cái này chồng lên cái kia, nhào lộn lên nhau, đẩy xô nhau, khiến cả thân và tâm tôi lúc thì chết cứng, lúc thì quay cuồng trong một trạng thái hỗn mang quái dị...

...Cái gối này, sao mà phảng phất hương thơm gì lạ quá! Chắc là hương tóc của Như Như. Ô, nhà người tán tâm thất niệm rồi! Tập trung tư tưởng lại coi nào. Nam mô Phật. Nam mô Phật. Áo gối có thêu ba cái hoa hồng. Lại thất niệm nữa rồi. Thất niệm một chút cũng được đâu có sao! Ôi nàng tiên dịu dàng với mái tóc đen nhánh tung bay nhịp nhàng theo áo lụa mỏng. An ma ni bát di hồng. Lúc này chính nàng đã trải chăn và đặt cái gối của nàng ở đây. Lơ xơ dưới cái giường sắt này kêu quá. Như Như bao nhiêu tuổi rồi nhỉ? Chắc là mười sáu. Cao lắm là mười bảy. Nàng có nước da thật trắng. Đôi mắt nàng có vẻ buồn.

Hình như không phải buồn, mà là mộng mơ. Phải rồi, người ta nói tuổi đó nhiều mộng mơ lắm mà. Nam mô Phật. Xe cô trên đường đã hết. Có tiếng nói chuyện thì thăm của ai ở phòng ngủ bên kia, cách đây một cái vách. Bên kia vách là phòng ngủ của Như Như. Có lẽ nàng cũng đang nằm thao thức như mình. Này, những ý niệm lăng xăng này giờ đều là vọng tưởng hết, người không biết sao? Ngay cả câu niệm Phật cũng là vọng tưởng. Nam mô Phật. Nam mô Như Như tiên nữ giáng trần với nụ cười dễ thương và đôi mắt sâu mộng. Đẹp hết, đẹp hết, đừng nghĩ bậy nữa. Niệm Phật đi, rồi ngủ! Ô, nếu phải đẹp hết vọng niệm, vọng tưởng, thì đẹp luôn cả câu niệm Phật chứ. Dấy lên bất cứ ý niệm nào cũng đều là vọng niệm cả mà. Thôi đừng bày đặt lý luận. Niệm Phật đi. Nam mô Phật. Không cần phải đẹp câu niệm Phật thì cũng không cần phải đẹp những hình ảnh, những ý niệm về một tiên nữ, về một cô gái tên Như Như. Ô Như Như xinh đẹp... xin nàng hãy đến bên tôi, hãy nói tôi nghe nàng thích những gì... Ô không, xin nàng hãy dang ra xa, để tôi tĩnh tâm niệm Phật. Nam mô Phật. Nam mô Phật. Nam mô Phật...

(mời xem tiếp chương 10)

Vĩnh Hào

